

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỨA TÂN HƯNG

QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỨA TÂN HÙNG

QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 931 01 02



Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS HOÀNG VĂN HOAN
2. TS. HOÀNG NGỌC HẢI



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả



Hứa Tân Hưng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG	7
1.1. Các công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến đề tài	7
1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu	16
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG.....	23
2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng	23
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng.....	36
2.3. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về đảm bảo quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng và bài học cho tỉnh Lào Cai.....	53
Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI.....	64
3.1. Tình hình phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	64
3.2. Phân tích thực trạng các cặp quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	72
3.3. Đánh giá chung về thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	108
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035	117
4.1. Bối cảnh và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	117
4.2. Quan điểm bảo đảm hài hoà quan hệ lợi ích phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	124
4.3. Giải pháp bảo đảm hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai	127
4.4. Kiến nghị	157
KẾT LUẬN.....	163
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN	165
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	166
PHỤ LỤC.....	176

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
APEC	: Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
BVHTTDL	: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
CBT	: Du lịch cộng đồng
DLCD	: Du lịch cộng đồng
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
QHLI	: Quan hệ lợi ích
SDG	: Mục tiêu phát triển bền vững
SPSS	: Phần mềm phân tích thống kê xã hội
UNESCO	: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng	45
Bảng 3.1: Một số chỉ tiêu về du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024	68
Bảng 3.2: Các chỉ tiêu khảo sát định lượng về xung đột lợi ích giữa chính quyền và cộng đồng	78
Bảng 3.3: Kết quả khảo sát định lượng về các xung đột lợi ích giữa chính quyền và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng (n = 320).....	85
Bảng 3.4: Các xung đột lợi ích giữa chính quyền và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai	92
Bảng 3.5: Tổng hợp so sánh kỳ vọng lợi ích của cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai	97
Bảng 3.6: Xung đột lợi ích phát sinh giữa cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai	99
Bảng 3.7: Xung đột lợi ích phát sinh giữa cộng đồng địa phương và khách du lịch	104
Bảng 3.8: Xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp và khách du lịch (n = 320).....	107
Bảng 3.9: Chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai, giai đoạn 2019-2024.....	109
Bảng 4.1: Ma trận SWOT phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai	121
Bảng 4.2: Tổng hợp mục tiêu phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai đến năm 2030	123

DANH MỤC SƠ ĐỒ, ĐỒ THỊ

Sơ đồ 2.1. Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng	37
Đồ thị 3.1. Lượt khách du lịch cộng đồng tại Lào Cai (2019-2024).....	69
Đồ thị 3.2. Tổng doanh thu từ du lịch cộng đồng tại Lào Cai (2019-2024)	70

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, phát triển du lịch cộng đồng đã trở thành một xu hướng được nhiều quốc gia trên thế giới lựa chọn nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Không chỉ đóng vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại các địa phương, du lịch cộng đồng còn góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái. Trong du lịch cộng đồng, cộng đồng địa phương giữ vai trò quan trọng, chủ động tham gia tổ chức, quản lý và khai thác các hoạt động du lịch, đồng thời trực tiếp nhận được những lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội từ quá trình này. Với nhiều cách làm sáng tạo, hình thức du lịch này đã tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn, góp phần thu hút sự quan tâm của du khách, quảng bá rộng rãi hình ảnh địa phương.

Tại Việt Nam, du lịch cộng đồng ngày càng được quan tâm, đặc biệt ở các tỉnh miền núi phía Bắc, nơi sở hữu tài nguyên thiên nhiên phong phú cùng các nền văn hóa truyền thống độc đáo, đa dạng. Lào Cai, với lợi thế về cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, bản sắc dân tộc độc đáo đang trở thành một trong những địa phương đi đầu trong phát triển du lịch cộng đồng.

Du lịch cộng đồng tại Lào Cai đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận; các mô hình tại Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên mang lại lợi ích kinh tế, cải thiện sinh kế, góp phần bảo tồn văn hóa và tài nguyên thiên nhiên; tuy nhiên, sự phát triển này chưa bền vững do các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích giữa các chủ thể: chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp du lịch, khách du lịch; các cặp quan hệ lợi ích giữa các chủ thể này bộc lộ nhiều bất cập, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của DLCĐ.

Quan hệ lợi ích giữa chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư gặp nhiều hạn chế; chính quyền đóng vai trò quan trọng trong hoạch định chính sách, quản lý du lịch, nhưng cộng đồng thiếu nhận thức đầy đủ về lợi ích từ du lịch, dẫn đến tham gia thụ động trong xây dựng, triển khai dự án; sự thiếu đồng thuận gây khó khăn trong đảm bảo phân phối lợi ích công bằng, làm giảm hiệu quả các mô hình DLCĐ.

Quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp du lịch cũng tồn tại vấn đề; chính quyền chưa điều phối hiệu quả để bảo vệ lợi ích cộng đồng khi hợp tác với doanh nghiệp lớn; một số doanh nghiệp tập trung vào lợi nhuận ngắn hạn, xem nhẹ bảo tồn văn hóa, môi trường, gây bất bình đẳng trong phân chia lợi ích, làm suy yếu lòng tin của cộng đồng.

Quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch cần cải thiện; công tác quản lý của chính quyền còn khó khăn trong kiểm soát tình trạng quá tải du khách, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến trải nghiệm du lịch, làm giảm sức hấp dẫn của điểm đến. Quan hệ giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương chưa đạt sự hài hòa; cộng đồng thiếu kỹ năng đàm phán, nhận thức đầy đủ, không bảo đảm quyền lợi trong thỏa thuận với doanh nghiệp; một số doanh nghiệp ưu tiên lợi ích kinh tế, bỏ qua trách nhiệm bảo vệ bản sắc văn hóa, môi trường, gia tăng nguy cơ thương mại hóa quá mức, ảnh hưởng giá trị cốt lõi của DLCĐ.

Quan hệ giữa doanh nghiệp và khách du lịch cũng bộc lộ bất cập; một số doanh nghiệp tập trung tối đa hóa lợi nhuận, không chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, dẫn đến trải nghiệm tiêu cực cho du khách; sự thiếu chuyên nghiệp làm giảm uy tín điểm đến, cản trở phát triển bền vững của DLCĐ. Quan hệ giữa cộng đồng và khách du lịch đối mặt với thách thức; cộng đồng nhận lợi ích kinh tế từ du lịch, nhưng thiếu kỹ năng, năng lực cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp khiến trải nghiệm du khách chưa đáp ứng kỳ vọng, làm giảm sự hài lòng, ảnh hưởng khả năng quay lại và sức hấp dẫn của điểm đến.

Các mâu thuẫn lợi ích trên không chỉ làm giảm hiệu quả hoạt động du lịch mà còn đe dọa tính bền vững của DLCĐ tại Lào Cai; việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Vì vậy, Nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài luận án: “Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai” làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn 2035

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa và luận giải cơ sở lý luận về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, làm rõ bản chất, đặc điểm, các chủ thể tham gia;
- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về đảm bảo quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, rút bài học cho Lào Cai;
- Khảo sát, phân tích thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024; chỉ ra các kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân trong quan hệ lợi ích.
- Đề xuất hệ thống giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và khách du lịch, qua đó thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng bền vững trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Trong tiến trình phát triển du lịch cộng đồng, nhiều chủ thể có thể tham gia và tác động đến cấu trúc lợi ích, bao gồm chính quyền các cấp, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, khách du lịch, các chuyên gia, tổ chức xã hội, cơ quan truyền thông - báo chí, tổ chức tài trợ quốc tế, v.v... Tuy nhiên, từ góc tiếp cận của kinh tế chính trị, luận án xác định rằng sự vận động và phân phối các lợi ích kinh tế - xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng chủ yếu diễn ra giữa bốn chủ thể giữ vai trò trung tâm và trực tiếp, đó là: (i) chính quyền, (ii) cộng đồng, (iii) doanh nghiệp và (iv) khách du lịch. Đây là những chủ thể không chỉ tham gia vào quá trình tạo lập chuỗi giá trị du lịch mà còn vừa tác động, vừa chịu tác động trong phân phối lợi ích và cấu trúc quyền lực tại điểm đến. Để đảm bảo tính tập trung và chiều sâu phân tích, phạm vi nghiên cứu của luận án sẽ giới hạn trong sáu cặp quan hệ lợi ích trực tiếp hình thành giữa bốn chủ thể nói trên, bao gồm: (1) chính quyền - cộng đồng; (2) chính quyền - doanh nghiệp; (3) chính quyền - khách du lịch; (4) doanh

ng nghiệp - cộng đồng; (5) doanh nghiệp - khách du lịch; và (6) cộng đồng - khách du lịch. Sáu cặp quan hệ này phản ánh các tương tác chủ yếu về lợi ích, quyền lực, trách nhiệm và sự phân phối tài nguyên giữa các tác nhân trong không gian du lịch cộng đồng. Các chủ thể khác như tổ chức truyền thông, chuyên gia, tổ chức xã hội dân sự hay các định chế tài chính sẽ không được nghiên cứu như các thực thể quan hệ chính, mà sẽ được đề cập gián tiếp khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc và vận hành của sáu cặp quan hệ lợi ích nêu trên.

- Về không gian: Trên địa bàn tỉnh lịch Lào Cai.

- Về thời gian: Nghiên cứu các số liệu từ năm 2019 đến năm 2024; đề xuất giải pháp đến năm 2030 và tầm nhìn 2035

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp chủ yếu của kinh tế chính trị, kết hợp các phương pháp khoa học khác để phân tích, đánh giá, so sánh, luận giải quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai.

Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng để hệ thống hóa lý luận, xác định bản chất, đặc điểm, sáu cặp quan hệ lợi ích giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp, khách du lịch;

Phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp được áp dụng để nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương trong nước, đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích tại Lào Cai giai đoạn 2019-2024;

Phương pháp phỏng vấn sâu thu thập ý kiến từ chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp để làm rõ mâu thuẫn lợi ích, bao gồm yếu tố an ninh quốc phòng ở vùng biên giới;

Phương pháp so sánh đối chiếu kinh nghiệm địa phương và thực trạng Lào Cai để rút bài học;

Phương pháp điều tra xã hội học khảo sát ý kiến du khách, cộng đồng về chất lượng dịch vụ, sự hài lòng. Cuộc điều tra xã hội học được triển khai từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2024 tại bốn huyện tiêu biểu về phát triển DLCĐ: Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên. Tổng cộng 320 phiếu khảo sát được phát ra, phân bổ đồng đều tại mỗi huyện (80 phiếu), hướng đến bốn nhóm chủ thể chính: (i) cán bộ quản lý nhà

nước các cấp; (ii) doanh nghiệp du lịch hoạt động tại địa phương; (iii) cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch; và (iv) khách du lịch đã và đang trải nghiệm dịch vụ DLCĐ tại Lào Cai.

Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp hệ thống có điểm khởi đầu ngẫu nhiên, bảo đảm tính đại diện và đa dạng về vùng miền, loại hình du lịch, dân tộc và mô hình tổ chức. Các tiêu chí lựa chọn đối tượng phỏng vấn sâu bao gồm kinh nghiệm thực tiễn, mức độ tham gia vào chuỗi giá trị, và khả năng cung cấp thông tin chuyên sâu. Nội dung phỏng vấn được thiết kế linh hoạt theo dạng bán cấu trúc, tập trung làm rõ các biểu hiện của xung đột lợi ích, động cơ hành vi và quan điểm về cơ chế phân phối lợi ích giữa các bên.

Sau khi hoàn tất quá trình thu thập dữ liệu, 320 phiếu khảo sát được kiểm tra, mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS với các công cụ thống kê mô tả và phân tích mối tương quan giữa các biến. Dữ liệu từ phỏng vấn sâu được phân tích theo phương pháp phân tích nội dung (content analysis), kết hợp so sánh chéo giữa các nhóm chủ thể nhằm làm nổi bật sự tương đồng và khác biệt trong nhận thức, lợi ích và kỳ vọng giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và khách du lịch. Đây là cơ sở thực chứng quan trọng để luận án đưa ra những giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích một cách thuyết phục và sát thực tiễn.

5. Đóng góp mới của luận án

- Về lý luận, luận án đã hệ thống hóa và làm rõ bản chất của quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên nền tảng kinh tế chính trị học. Bằng việc xác định các chủ thể chính và xây dựng khung lý thuyết phân tích quan hệ lợi ích, luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận về phân phối lợi ích trong mô hình phát triển đa tác nhân. Những đóng góp này làm sáng tỏ cấu trúc, động lực vận hành và nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển DLCĐ, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Về thực tiễn, luận án đã đi sâu khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích giữa các bên liên quan tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024. Trên cơ sở đó, luận án không chỉ chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập và nguyên nhân cốt lõi mà còn đề xuất hệ thống giải pháp nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích, nâng cao vai trò điều phối của

Nhà nước, phát huy quyền chủ thể của cộng đồng và thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Kết quả nghiên cứu có thể là cơ sở tham khảo quan trọng cho công tác hoạch định chính sách ở cấp địa phương và trung ương.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Chương 3: Thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Chương 4: Quan điểm và giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn 2035

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Các nghiên cứu liên quan đến lợi ích và quan hệ lợi ích

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu liên quan đến lợi ích. Từ nửa sau thế kỷ XX, khái niệm “lợi ích” được tiếp cận đa chiều trong kinh tế học, xã hội học và quản trị học. Các lý thuyết tiêu biểu như thuyết giá trị - kỳ vọng của Atkinson và Eccles [76], thuyết công bằng của Adams [71], thuyết tự quyết của Deci và Ryan [86], thuyết triển vọng của Kahneman và Tversky [94] đều cho thấy động lực lợi ích bắt nguồn từ mối quan hệ giữa kỳ vọng, cảm nhận công bằng và cơ chế phân phối giá trị.

Kinh tế học hành vi và xã hội học kinh tế hiện đại cũng nhấn mạnh vai trò của thể chế và bối cảnh xã hội đối với việc hình thành động cơ lợi ích [77]. Trường phái lựa chọn công cộng do Buchanan và Tullock [80] khởi xướng cũng góp phần lý giải hành vi lợi ích trong chính sách công và thiết chế dân chủ. Từ góc nhìn kinh tế chính trị, lợi ích gắn liền với cấu trúc quyền lực và quan hệ sở hữu - một tiếp cận phù hợp với tư duy Mác-xít.

Tại Việt Nam, nhiều công trình đã nội sinh hóa lý thuyết lợi ích vào thực tiễn phát triển. Tác phẩm của Đào Duy Tùng [59] nhấn mạnh vai trò động lực của lợi ích trong công cuộc đổi mới. Nghiên cứu của Nguyễn Linh Khiếu [26] được xem là nền tảng lý luận về lợi ích và mối quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đặng Quang Định [9] phân tích ba giai tầng lợi ích trong xã hội Việt Nam hiện đại (nông dân, công nhân, trí thức) và chỉ ra tính mâu thuẫn lồng ghép giữa các tầng lợi ích. Lâm Thị Phụng [42] có nhiều nghiên cứu nhấn mạnh đến lợi ích nông dân, quyền năng cộng đồng và kiến tạo thể chế sinh thái. Trong lĩnh vực y tế, Nguyễn Đức Hưng [21] phân tích sâu ba tuyến lợi ích trong quản trị bệnh viện công.

Ở nước ngoài, các nghiên cứu gần đây tập trung vào xung đột lợi ích và cơ chế chia sẻ trong phát triển bền vững. Cáceres et al. [82] tại Peru cho rằng sự thiếu

minh bạch trong phân phối lợi ích là nguyên nhân gây xung đột giữa nhà đầu tư và cộng đồng. Oliveira et al. [101] tại Brazil nhấn mạnh vai trò của cơ chế lợi ích đồng thuận trong bảo tồn tài nguyên. Müller và Schwarz [45] tại Đức chỉ ra rằng sự bất công trong phân phối giá trị gia tăng là nguyên nhân gây bất ổn chuỗi cung ứng.

Black et al. [79] tại châu Phi cảnh báo rằng thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và tham gia thực chất của cộng đồng là nguyên nhân làm bùng phát xung đột trong du lịch sinh thái. Trong khi đó, các mô hình cộng đồng dẫn dắt tại Canada lại thành công nhờ kết hợp cơ chế tham vấn, công khai tài chính và phân phối đồng đều.

Trong du lịch cộng đồng, mô hình Penta Helix tại Malaysia [75] tích hợp năm chủ thể để phối hợp lợi ích. Tại Thái Lan, nghiên cứu chỉ ra rằng mức độ tham gia của cộng đồng tỷ lệ thuận với sự ổn định của hệ thống lợi ích [84].

Tại Việt Nam, các nghiên cứu gần đây sử dụng mô hình fuzzy AHP để đo lường xung đột lợi ích trong du lịch cộng đồng [57]. Kết quả cho thấy tỷ lệ bất mãn trong cộng đồng tăng cao nếu thiếu tham vấn và cơ chế giám sát. Các tác giả đề xuất thiết lập thể chế thương lượng và giám sát xã hội làm nền tảng cho phân phối công bằng.

Tổng thể, các công trình này cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng. Việc kết hợp lý thuyết lợi ích, tiếp cận thể chế và công cụ định lượng đã mở hướng nghiên cứu gắn với thực tiễn Việt Nam, phục vụ đề xuất chính sách hài hòa lợi ích đa chủ thể tại điểm đến.

Thứ hai, nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ lợi ích (QHLI). Quan hệ lợi ích (QHLI) là một vấn đề có ý nghĩa sâu sắc trong cả lý luận và thực tiễn. Các nghiên cứu quốc tế gần đây đặc biệt tập trung vào phân tích mối tương tác giữa các chủ thể có vị thế và lợi ích khác biệt trong cùng một hệ thống phát triển, đồng thời đề xuất các cơ chế hợp tác nhằm điều hòa xung đột và thúc đẩy công bằng.

Tại Peru, Cáceres và cộng sự [82] đã phân tích mâu thuẫn lợi ích giữa doanh nghiệp khai thác, cộng đồng địa phương và chính quyền trong khai thác tài nguyên, từ đó đề xuất mô hình đàm phán ba bên nhằm đảm bảo công bằng và bền vững

trong phân phối lợi ích. Trong khi đó, tại Brazil, Oliveira et al. [101] trong nghiên cứu về du lịch sinh thái đã nhấn mạnh rằng sự tham gia thực chất của người dân bản địa trong hoạch định chính sách và phân phối lợi ích là điều kiện tiên quyết để tăng cường đồng thuận xã hội và bảo tồn tài nguyên.

Müller và Schwarz [45] nghiên cứu xung đột lợi ích trong chuỗi cung ứng nông nghiệp hữu cơ tại Đức, từ đó đề xuất cơ chế chia sẻ rủi ro giữa các bên nhằm phát triển hệ sinh thái kinh doanh bền vững. Tại châu Phi, các nghiên cứu tại Kenya và Nam Phi [99] chỉ ra những tác động tiêu cực khi quá trình phát triển cộng đồng không lồng ghép đầy đủ nguyện vọng cư dân, đồng thời nhấn mạnh vai trò cải thiện thể chế và tăng quyền chủ thể.

Trong lĩnh vực năng lượng, Black et al. [79] tại Úc đề xuất mô hình thỏa thuận chia sẻ lợi ích linh hoạt và mang tính tham vấn giữa doanh nghiệp năng lượng mặt trời và cộng đồng bản địa nhằm nâng cao sự chấp nhận xã hội. Tại Canada, các nghiên cứu năm 2021 [83] trong hệ thống y tế tư nhân cho thấy rằng minh bạch hóa chi phí và thiết lập cơ chế giám sát độc lập là điều kiện cần thiết để điều phối lợi ích giữa bệnh viện, nhà đầu tư và người bệnh.

Tại Việt Nam, từ năm 2011, các công trình khoa học đã tiếp cận QHLI trong nhiều lĩnh vực. Ngô Tuấn Nghĩa [39] đưa ra khái niệm QHLI trong sở hữu trí tuệ, tập trung vào mối quan hệ giữa người sáng tạo, chủ sở hữu và người sử dụng, qua đó đề xuất vai trò điều tiết của Nhà nước. Đặng Quang Định [9] nhấn mạnh xung đột lợi ích giữa công nhân, nông dân và trí thức, đồng thời đề xuất cải cách chính sách phân phối và cơ chế điều tiết chung.

Trương Văn Thủy [65] năm 2021 nghiên cứu QHLI trong chuỗi giá trị cà phê tại Đắk Lắk, xác định các tiêu chí đánh giá sự hài hòa lợi ích giữa nông dân, doanh nghiệp và thị trường. Cùng năm, Bùi Thị Tiến [68] nghiên cứu nông nghiệp hữu cơ tại Hà Nội, chỉ ra sự khác biệt về vị thế - năng lực dẫn đến khoảng cách lợi ích, từ đó đề xuất cơ chế phân bổ công bằng dựa trên đóng góp và quyền tham gia.

Nguyễn Đức Hưng [21] năm 2022 phân tích QHLI trong mô hình tự chủ tài chính tại Bệnh viện Quân Y 103, đề xuất cơ chế điều phối lợi ích giữa Nhà nước - bệnh viện - thầy thuốc - bệnh nhân nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi vật chất và tinh

thần. Cũng trong năm này, Hoàng Thị Thịnh [63] phát triển khung lý thuyết QHLI trong năng lượng tái tạo, đề xuất mô hình điều tiết lợi ích giữa các bên liên quan đến năm 2030 dựa trên kinh nghiệm quốc tế.

Năm 2023, Đỗ Thị Nga [38] phân tích QHLI trong thương mại điện tử tại Việt Nam theo mô hình lợi ích tam giác giữa doanh nghiệp - người tiêu dùng - Nhà nước; từ đó đề xuất các giải pháp điều tiết mang tính trách nhiệm xã hội để xây dựng mối quan hệ lành mạnh và bền vững giữa các bên.

Tổng thể, các nghiên cứu quốc tế đã cung cấp cơ sở lý luận vững chắc về cơ chế chia sẻ và điều phối lợi ích trong nhiều ngành khác nhau. Các công trình trong nước không chỉ kế thừa mà còn vận dụng sáng tạo vào các lĩnh vực then chốt của Việt Nam, góp phần định hình những mô hình phối hợp lợi ích phù hợp với bối cảnh thể chế xã hội chủ nghĩa. Việc nhận diện rõ các mối quan hệ chủ đạo, các xung đột tiềm ẩn và thiết lập cơ chế điều phối - phân phối hợp lý là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy phát triển bền vững và công bằng xã hội.

1.1.2. Các nghiên cứu liên quan đến du lịch cộng đồng và phát triển du lịch cộng đồng

Ý tưởng về du lịch cộng đồng bắt đầu hình thành từ thập niên 1980 trong bối cảnh toàn cầu gia tăng mối quan tâm đến phát triển bền vững, bảo tồn văn hóa bản địa và trao quyền cho cộng đồng. Mô hình vòng đời điểm đến (TALC) của Butler [81] đã phác thảo sáu giai đoạn phát triển điểm đến và cảnh báo về nguy cơ cộng đồng mất quyền kiểm soát do doanh nghiệp chi phối. Đây là nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu sau này về vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch.

Murphy [98] là người đầu tiên đề xuất tiếp cận CBT như một hình thức “du lịch vì cộng đồng và do cộng đồng”, nhấn mạnh quyền tham gia của cư dân bản địa trong quy hoạch và vận hành du lịch. Cách tiếp cận này được triển khai thực tiễn tại Nam Phi trong nghiên cứu của Hall [91], với việc xây dựng mạng lưới CBT ở cả vùng đô thị như Soweto lẫn nông thôn như Inanda.

Từ đầu những năm 2000, các nghiên cứu chuyển trọng tâm sang đo lường sự tham gia và đánh giá hiệu quả phát triển bền vững. Mitchell và Reid [110] lập luận rằng hiệu quả sinh kế chỉ được bảo đảm khi cộng đồng thực sự kiểm soát hoạt động

du lịch. Ndlovu và Rogerson [99] cảnh báo về hiện tượng “chiếm dụng CBT” nếu cộng đồng không giữ vai trò quyết định trong chuỗi giá trị. Goodwin và Santilli [90] tổng hợp lý luận và thực tiễn CBT, nhấn mạnh ba yếu tố: quyền sở hữu, điều hành và phân phối lợi ích cho người dân.

Từ năm 2010, các nghiên cứu mở rộng hướng tiếp cận theo mô hình tích hợp. Aang và cộng sự [70] nghiên cứu tại Batu (Indonesia) chỉ ra hiệu quả của CBT trong tạo sinh kế ổn định, nhưng cũng nhấn mạnh hạn chế về năng lực và cơ sở hạ tầng. Giampiccoli và Kalis [88] cho rằng yếu tố văn hóa cần được thể chế hóa thành cơ chế phối hợp cụ thể giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng để bảo đảm tính bền vững.

ASEAN [74] năm 2016 công bố Bộ tiêu chí đánh giá du lịch cộng đồng gồm 10 nguyên tắc, được nhiều quốc gia như Thái Lan, Lào và Campuchia áp dụng. Từ năm 2019, nhiều nghiên cứu bắt đầu gắn CBT với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Pachamama Foundation [102] và WTTC [114] nhấn mạnh vai trò của CBT trong xóa đói, tạo việc làm bền vững và nâng cao phúc lợi cho cộng đồng thông qua các sáng kiến thể chế hóa (CBTIs).

Mới đây, hướng tiếp cận đa tác nhân (multi-stakeholder) nổi bật với mô hình Penta Helix tại Malaysia [75], tích hợp cộng đồng - doanh nghiệp - nhà nước - học thuật - truyền thông trong chuỗi giá trị du lịch. Nghiên cứu tại Chiang Mai (Thái Lan) [93] áp dụng khung stakeholder để phân tích xung đột lợi ích và năng lực quản trị điểm đến.

Tại Việt Nam, nghiên cứu của Võ Quế [45] từ 2006 là công trình nền tảng về CBT, hệ thống hóa khái niệm, tiêu chí và mô hình du lịch cộng đồng trong điều kiện văn hóa bản địa. Chư Thánh Văn và cộng sự [68] đề xuất mô hình thể chế phối hợp ba bên - chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng - trong bảo tồn di sản kết hợp phát triển du lịch tại Tràng An, Huế và Hội An. Thái Thảo Ngọc [41] xác định ba lợi ích cốt lõi của CBT: thu nhập, văn hóa và môi trường. Lương Ngọc Bích [3] bổ sung cách khai thác giá trị văn hóa dân tộc (Khmer) trong phát triển sản phẩm du lịch đặc thù.

Giai đoạn 2019-2022, Nguyễn Thanh Tùng và Trương Trí Thông [60] nghiên

cứu mô hình homestay tại Kiên Giang, gắn với chương trình nông thôn mới. Vũ Nam [36] phát triển bộ tiêu chí về môi trường văn hóa du lịch cộng đồng, đồng thời đề xuất cơ chế nâng cao vai trò giám sát của người dân. Tạ Thị Đoàn [10] với chuyên khảo tại Tây Bắc đã làm rõ vai trò của CBT trong bảo tồn văn hóa dân tộc, đồng thời kiến nghị mô hình thể chế hóa phù hợp cho miền núi.

Tuyết Hoa Niê Kdăm [15] nghiên cứu tại Đắk Nông xây dựng chuỗi giá trị du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo, qua đó đề xuất hai mô hình liên kết: hợp tác xã và doanh nghiệp xã hội nhằm tăng cường vai trò nhóm yếu thế. Nguyễn Hồng Hà và Hà Minh Thảo [12] tại Nam Du cho thấy thiếu cơ chế chia sẻ lợi ích là rào cản chính trong phát triển bền vững.

Cuối cùng, đề tài của Hứa Tân Hưng [18] tại Sa Pa là một điển hình nghiên cứu ứng dụng, xây dựng mô hình CBT thí điểm và đề xuất khung thể chế bản địa hóa nhằm đảm bảo quyền tự quyết và phân phối lợi ích công bằng cho cộng đồng dân tộc thiểu số vùng cao.

Tóm lại, các công trình quốc tế đã cung cấp khung lý luận vững chắc về CBT, đồng thời mở rộng hướng tiếp cận thể chế hóa, stakeholder và SDGs. Các nghiên cứu tại Việt Nam đã tiếp thu, ứng dụng linh hoạt vào điều kiện văn hóa, xã hội, sinh thái từng vùng. Tuy nhiên, phần lớn công trình vẫn mang tính mô tả, chưa phân tích sâu xung đột lợi ích giữa các chủ thể hay đề xuất rõ cơ chế phân phối giá trị trong chuỗi du lịch cộng đồng.

1.1.3. Nhóm các nghiên cứu liên quan đến quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Thứ nhất, các nghiên cứu về chủ thể và cấu trúc lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng. Một hướng nghiên cứu phổ biến hiện nay tập trung vào phân tích cấu trúc lợi ích và các chủ thể tham gia trong mô hình du lịch cộng đồng (CBT). Phần lớn các công trình đều xác định bốn nhóm tác nhân chính trong chuỗi giá trị CBT: cộng đồng địa phương, khách du lịch, doanh nghiệp du lịch và chính quyền địa phương. Đây là các chủ thể vừa tương tác lẫn nhau, vừa chịu tác động từ cơ chế phân phối lợi ích của mô hình.

Trong đó, cộng đồng địa phương được xác định là chủ thể trung tâm. Họ sở

hữu hoặc gắn bó với tài nguyên văn hóa, cảnh quan và tri thức bản địa, đồng thời đóng vai trò sáng tạo và cung ứng các dịch vụ du lịch. Murphy [98] khẳng định cộng đồng không chỉ là người thụ hưởng mà còn tham gia tích cực vào toàn bộ tiến trình hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nhiều công trình cảnh báo rằng cộng đồng dễ bị tổn thương nếu thiếu cơ chế bảo vệ lợi ích và năng lực thể chế. Giampiccoli và Nauruight [89] nhấn mạnh vai trò sở hữu và kiểm soát của cộng đồng đối với hoạt động CBT, đồng thời đề xuất công nhận các tổ chức phi chính thức trong cộng đồng như tổ hợp tác, nhóm sản xuất để đảm bảo công bằng lợi ích. Điều này được củng cố bởi các phân tích của Jamal, T. B., Getz, D. [92], Alexander [72] và Muhanna [97], đều chỉ ra rủi ro bị chiếm dụng nếu cộng đồng không đủ năng lực đàm phán.

Khách du lịch là nhóm chủ thể quyết định tính thành công của mô hình CBT, thông qua hành vi tiêu dùng, mức chi tiêu và sự hài lòng. Theo Luật Du lịch Việt Nam [44], khách du lịch là người thực hiện chuyến đi không nhằm mục đích tạo thu nhập tại điểm đến, song chính họ lại gián tiếp định hình chuỗi giá trị thông qua phản hồi và lựa chọn tiêu dùng. Goodwin và Santilli [90] cho rằng trải nghiệm tích cực của du khách có thể nâng cao uy tín điểm đến, trong khi các ấn tượng tiêu cực sẽ gây tổn thất cho sinh kế cộng đồng. Nghiên cứu của Aang et al. [70] và Rastegar [95] cũng làm rõ vai trò của du khách trong việc quảng bá CBT thông qua mạng xã hội và nền tảng đánh giá trực tuyến.

Doanh nghiệp du lịch là tác nhân trung gian giữa cộng đồng và khách du lịch, thường đóng vai trò tổ chức tour, hỗ trợ marketing và vận hành logistics. Trong điều kiện cộng đồng còn yếu về quản trị, doanh nghiệp có thể góp phần tích cực thông qua chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nhân lực và phân phối lợi nhuận. Tuy nhiên, không ít nghiên cứu đã cảnh báo về khả năng chiếm đoạt lợi ích nếu doanh nghiệp kiểm soát các hợp đồng, định giá và kênh truyền thông. Mitchell và Ashley [75] đề xuất các cơ chế chia sẻ lợi ích như hợp đồng minh bạch, quỹ tái đầu tư cho cộng đồng, và đại diện cộng đồng trong hội đồng liên kết. Một số nghiên cứu tại Việt Nam phản ánh tình trạng doanh nghiệp “mượn danh” CBT nhưng loại bỏ vai trò cộng đồng - như ở Mai Châu, Sa Pa hay Nam Du [12], [40] - nguyên nhân chủ yếu do thiếu khung pháp lý điều chỉnh quan hệ doanh nghiệp - cộng đồng.

Chính quyền địa phương là chủ thể kiến tạo thể chế, giữ vai trò hoạch định chính sách, quy hoạch và điều phối lợi ích. Hall và Jenkins [91] mô tả chính quyền như “cầu nối” giữa thị trường và mục tiêu công bằng xã hội. Tại Thái Lan, mô hình “tri-partite governance” cho thấy hiệu quả của cơ chế ba bên - chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng - với sự tham vấn định kỳ, phân bổ ngân sách minh bạch và cơ chế chia sẻ rủi ro. Tại Việt Nam, các công trình thực chứng ở Hội An, Cà Mau và Đồng Tháp đều ghi nhận vai trò quyết định của chính quyền không chỉ ở cấp chính sách mà cả trong tổ chức thực thi và mức độ liên chính của bộ máy [55], [67].

Tổng kết các công trình hiện có cho thấy sự thống nhất về cấu trúc bốn chủ thể chính trong CBT. Mỗi chủ thể có lợi ích và quyền lực khác nhau, đặt ra yêu cầu cấp thiết về một thiết chế phối hợp minh bạch, hiệu quả. Việc thiếu cơ chế điều phối sẽ dẫn đến xung đột, tranh chấp và phá vỡ mô hình phát triển bền vững. Các nghiên cứu gần đây đã chuyển hướng từ mô hình “một chủ thể dẫn dắt” sang “đồng kiến tạo” (co-creation) - tức là không có bên nào áp đặt hoàn toàn mà cần cùng tham gia, cùng chia sẻ và cùng chịu trách nhiệm trong tiến trình phát triển du lịch cộng đồng.

Thứ hai, nhóm các nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng. Một trong những hướng tiếp cận nổi bật trong nghiên cứu về du lịch cộng đồng là phân tích quan hệ lợi ích (QHLI) giữa các chủ thể tham gia - bao gồm cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, du khách và chính quyền - với mục tiêu xây dựng mô hình hợp tác hiệu quả, công bằng và bền vững. Trong mô hình du lịch cộng đồng (CBT), lợi ích không chỉ được hiểu theo nghĩa kinh tế, mà còn bao gồm lợi ích xã hội, văn hóa, chính trị và môi trường, với mối liên kết đan xen giữa các chủ thể.

Từ những nghiên cứu đầu tiên trong thập niên 1990, các nhà khoa học đã xác định QHLI là yếu tố cốt lõi quyết định tính bền vững của mô hình CBT. Nghiên cứu của Ashley và Garland [75] phân loại ba mô hình quan hệ giữa cộng đồng và các tác nhân bên ngoài: (i) doanh nghiệp vận hành, cộng đồng chỉ được chia sẻ doanh thu; (ii) mô hình đồng quản lý giữa doanh nghiệp và cộng đồng; và (iii) mô hình cộng đồng làm chủ hoàn toàn. Theo các tác giả, mô hình thứ hai và thứ ba có hiệu quả phân phối lợi ích tốt hơn, đồng thời tăng cường quyền kiểm soát của cộng đồng.

Jamal và Getz [92] nhấn mạnh rằng CBT không chỉ là công cụ tạo sinh kế mà còn là phương thức nâng cao quyền tự chủ của cộng đồng trong quản lý tài nguyên, thúc đẩy phát triển năng lực xã hội và bền vững. APEC [73] mở rộng khái niệm lợi ích từ CBT sang cả lĩnh vực giáo dục, y tế và bảo tồn môi trường, làm rõ vai trò lan tỏa của du lịch đến các mặt đời sống cộng đồng.

Từ đầu những năm 2000, khái niệm “chia sẻ lợi ích mở rộng” được đề xuất. Singh [108] và Ndlovu & Rogerson [99] lập luận rằng lợi ích từ du lịch cần lan tỏa đến cả các nhóm không trực tiếp tham gia nhằm tăng sự đồng thuận và giảm xung đột xã hội. Trường hợp điển hình tại Nicaragua do Pérez và cộng sự [103] ghi nhận cho thấy, việc tái đầu tư doanh thu từ du lịch vào y tế, giáo dục và văn hóa giúp tăng tính chính đáng và nhận được sự ủng hộ xã hội.

Trong thập niên 2010, các nghiên cứu tiếp tục mở rộng phân tích theo từng chủ thể. Wearing và McDonald [111] tập trung vào du khách - được xem là “đồng tác nhân” trong chuỗi giá trị, khi họ không chỉ tiêu dùng mà còn có thể đóng góp ngược lại thông qua hành vi du lịch có trách nhiệm. Spenceley [110] và Goodwin & Santilli [90] nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng hình ảnh bền vững, đồng thời cảnh báo nguy cơ chiếm đoạt lợi ích nếu thiếu cơ chế điều tiết minh bạch.

Vai trò của chính quyền địa phương cũng được đặc biệt nhấn mạnh. Binns & Nel [78] ghi nhận CBT góp phần tạo ra nguồn tăng trưởng tại chỗ, giúp thực hiện mục tiêu phát triển công bằng và bảo tồn tài nguyên. Okazaki [100] và Spenceley & Meyer [110] khuyến nghị cần thiết kế cơ chế phối hợp và ra quyết định có sự tham gia thực chất của cộng đồng, đặc biệt ở những điểm du lịch có xung đột đất đai và văn hóa.

Từ năm 2015 trở lại đây, nhiều nghiên cứu đi sâu vào xung đột lợi ích. Shen et al. [107] và Tsaur et al. [114] chỉ ra rằng việc mất kiểm soát không gian sống, thay đổi lối sống và mâu thuẫn giá trị làm gia tăng sự bất mãn của cộng đồng. Kim & Kang [105] và Xue & Kerstetter [118] nhấn mạnh sự thiếu minh bạch trong ra quyết định và liên minh ngầm giữa doanh nghiệp với chính quyền khiến cộng đồng bị gạt ra ngoài quá trình phân phối lợi ích.

Tại Việt Nam, hướng nghiên cứu QHLI trong CBT cũng có nhiều đóng góp. Phạm Hồng Long và Nguyễn Thị Thanh Kiều [29] tổng kết kinh nghiệm các mô hình CBT ở miền Bắc, khẳng định ngoài lợi ích kinh tế, CBT còn củng cố năm nhóm nguồn lực: tự nhiên, con người, xã hội, vật chất và tài chính. Tuy nhiên, cơ chế phân phối lợi ích giữa các bên vẫn thiếu rõ ràng, nhất là trong các mô hình có doanh nghiệp quy mô lớn.

Dương Thị Hiền [14] nghiên cứu tại Thanh Hóa đã hệ thống ba dạng xung đột phổ biến: (i) giữa cộng đồng và du khách - do hành vi vi phạm phong tục; (ii) giữa cộng đồng và doanh nghiệp - về tỷ lệ lợi nhuận và sử dụng tài nguyên; (iii) giữa cộng đồng và chính quyền - về việc ban hành chính sách thiếu tham vấn. Các xung đột này, nếu không được điều tiết hợp lý, có thể dẫn đến khủng hoảng lòng tin và sự rút lui của cộng đồng khỏi hoạt động du lịch.

Một số mô hình thực nghiệm tại Việt Nam cho thấy kết quả tích cực nếu QHLI được thiết kế công bằng, minh bạch. Tại Đăk Nông, mô hình CBT gắn với giảm nghèo theo chuỗi giá trị được chính quyền tỉnh điều phối, doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo cộng đồng, chia sẻ lợi nhuận theo tỷ lệ công khai [66]. Tại Sa Pa, mô hình cộng đồng làm chủ với sự hỗ trợ kỹ thuật ban đầu từ tổ chức phát triển đã giúp tăng mức độ tham gia của người dân, giảm phụ thuộc vào doanh nghiệp [18].

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy, quan hệ lợi ích trong CBT là một hệ thống động, đa chiều và chịu tác động bởi thể chế, văn hóa, xã hội và thị trường. Để bảo đảm tính bền vững, mô hình CBT cần vận hành theo nguyên tắc “hợp tác - chia sẻ - điều phối”. Cơ chế hợp tác cần xác lập vai trò trung tâm của cộng đồng; cơ chế chia sẻ phải dựa trên đàm phán minh bạch và phân phối công bằng; cơ chế điều phối phải đặt dưới sự giám sát đồng thời của cộng đồng, chính quyền và xã hội dân sự. Chỉ khi đó, CBT mới thực sự trở thành mô hình phát triển sinh kế, củng cố năng lực cộng đồng và gìn giữ bản sắc văn hóa trong bối cảnh phát triển du lịch toàn diện.

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu đã mở rộng tiếp cận lý thuyết và thực tiễn về QHLI theo mô hình đa tác nhân. Bên cạnh việc phân tích quan hệ lợi ích dựa trên các chủ thể truyền thống (cộng đồng, doanh nghiệp, du khách, chính quyền), nhiều công trình gần đây đã mở rộng hướng nghiên cứu theo tiếp cận mô

hình đa tác nhân (multi-stakeholder), với mục tiêu đánh giá đầy đủ hơn sự tương tác phức hợp và mức độ đồng thuận giữa các bên trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng (CBT).

Trong giai đoạn đầu, các mô hình này chủ yếu hình thành từ các nền tảng lý thuyết về quản trị hợp tác và hệ sinh thái đổi mới. Từ năm 2015 trở lại đây, mô hình “Triple Helix” (Etzkowitz & Leydesdorff) - kết hợp ba chủ thể: nhà nước, doanh nghiệp và đại học - đã được nhiều học giả Đông Nam Á kế thừa và phát triển để phù hợp với bối cảnh du lịch cộng đồng tại các quốc gia đang phát triển. Năm 2023, nhóm tác giả Ibrahim et al. tại Malaysia đã công bố mô hình “Penta Helix” được thiết kế chuyên biệt cho phát triển du lịch cộng đồng. Mô hình này tích hợp năm chủ thể: (1) học thuật - nơi cung cấp tri thức và tư vấn chính sách; (2) doanh nghiệp - người vận hành chuỗi giá trị; (3) chính quyền - cơ quan hoạch định và hỗ trợ thể chế; (4) cộng đồng địa phương - người sở hữu và trực tiếp thực hiện; và (5) truyền thông - lực lượng tạo ảnh hưởng xã hội và quảng bá hình ảnh [75]. Điểm nổi bật của mô hình là đề cao vai trò trí tuệ bản địa và sự phối hợp linh hoạt giữa các nhóm tác nhân, đồng thời khuyến nghị thiết lập các nền tảng đối thoại định kỳ giữa họ nhằm chia sẻ thông tin, đàm phán lợi ích và phân bổ trách nhiệm.

Tiếp theo, nghiên cứu của Wongsuwan và cộng sự tại Thái Lan (2024) đã ứng dụng khung lý thuyết đa tác nhân để phân tích mức độ tham gia không đồng đều giữa các stakeholder trong hoạt động du lịch cộng đồng tại tỉnh Chiang Mai. Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể trong quyền tiếp cận thông tin, khả năng ra quyết định và hưởng lợi giữa nhóm doanh nghiệp, chính quyền và cộng đồng, từ đó phản ánh sự mất cân bằng về quyền lực trong quá trình phân phối lợi ích [93]. Công trình này đặt ra yêu cầu xây dựng các chỉ số đo lường “mức độ tham gia thực chất” nhằm nâng cao năng lực quản trị điểm đến.

Tại Việt Nam, từ năm 2023 đến nay, hướng tiếp cận đa tác nhân trong nghiên cứu về quan hệ lợi ích trong du lịch cộng đồng ngày càng được quan tâm, đặc biệt tại các tỉnh như Cà Mau, Bình Định và vùng Đồng bằng sông Cửu Long - nơi có sự đa dạng về sinh thái, văn hóa và mô hình tổ chức CBT. Các nghiên cứu do nhóm tác giả Nguyễn Văn Bảy, Phạm Hồng Long, Nguyễn Thị Thanh Kiều và Trần Thị Xuân

Mai thực hiện (2023-2024) đã nhấn mạnh các yếu tố ảnh hưởng đến phân phối lợi ích gồm: mức độ tham gia cộng đồng, lợi ích kinh tế ngắn hạn - dài hạn, năng lực nội sinh, vốn xã hội và chính sách hỗ trợ địa phương [29], [46].

Đáng chú ý, một số nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng và phân tích ra quyết định đa tiêu chí, đặc biệt là fuzzy AHP, để đánh giá mức độ bền vững và tính công bằng trong mô hình CBT. Ví dụ, công trình của Lê Văn Tài và cộng sự (2024) tại Hội An đã sử dụng fuzzy AHP để xếp hạng các yếu tố tạo nên mô hình CBT bền vững, cho thấy rằng mức độ tham gia của cộng đồng, công bằng lợi ích và minh bạch thông tin là ba yếu tố có trọng số cao nhất [57].

Một nghiên cứu khác tại Nhơn Lý (Bình Định) do Trần Thị Minh Ngọc (2024) thực hiện, tập trung phân tích xung đột lợi ích trong bối cảnh cộng đồng bị loại trừ khỏi các quyết định quy hoạch du lịch. Qua khảo sát sâu và phỏng vấn nhóm trọng điểm, tác giả chỉ ra rằng mặc dù cộng đồng là người sở hữu tài nguyên du lịch, nhưng lại không được tham vấn đầy đủ, dẫn đến mâu thuẫn về quyền sử dụng đất, quyền tiếp cận cơ hội kinh tế và niềm tin bị suy giảm [57].

Từ năm 2023 đến đầu 2024, nhiều công trình tiếp cận QHLI trong du lịch cộng đồng theo hướng liên kết với các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là SDG 1 (xóa đói giảm nghèo) và SDG 8 (việc làm và tăng trưởng kinh tế). Nghiên cứu của UNDP Việt Nam phối hợp với nhóm giảng viên Đại học Văn hóa (2023) đã chứng minh rằng mô hình CBT nếu có cơ chế phân phối lợi ích hợp lý và được chính quyền hỗ trợ khởi nghiệp xã hội sẽ góp phần đáng kể vào nâng cao thu nhập, việc làm cho phụ nữ và người dân tộc thiểu số [66].

Ngoài ra, du lịch cộng đồng ngày càng được kết nối chặt chẽ với các chương trình bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Một số dự án thí điểm tại Sa Pa, Lào Cai và Bến Tre đã đưa ra mô hình chia sẻ lợi ích ba chiều - trong đó một phần doanh thu từ khách du lịch được tái đầu tư vào bảo tồn di sản phi vật thể (lễ hội, làn điệu, nghề thủ công) và phục hồi cảnh quan sinh thái (trồng rừng, làm sạch nguồn nước) [56].

Tổng kết các công trình trên cho thấy: tiếp cận đa tác nhân trong phân tích QHLI không chỉ mở rộng góc nhìn về chuỗi giá trị du lịch, mà còn đặt ra yêu cầu

xây dựng thể chế điều phối linh hoạt, đồng thời thiết lập cơ chế đánh giá công bằng và minh bạch giữa các chủ thể. Điều này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh du lịch đang gắn với các mục tiêu phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và chuyển đổi số. Việc tích hợp các công cụ định lượng (fuzzy AHP, stakeholder mapping) với khảo sát định tính (phỏng vấn, quan sát tham gia) là xu hướng nổi bật, góp phần hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và chỉ báo đánh giá QHLI có thể ứng dụng thực tiễn trong hoạch định chính sách phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Từ quá trình tổng quan tài liệu về lợi ích và quan hệ lợi ích, về du lịch cộng đồng và phát triển du lịch cộng đồng; về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng như đã đề cập ở phần trên cho thấy:

Một là, về lợi ích và quan hệ lợi ích, các nghiên cứu đã làm rõ được khái niệm, bản chất, nội dung, vai trò động lực của lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế trong các mối quan hệ xã hội, định hướng hành vi của chủ thể tham gia. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào trình bày đầy đủ cơ sở lý luận dưới góc nhìn kinh tế chính trị về quan hệ lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng.

Hai là, về du lịch cộng đồng và phát triển du lịch cộng đồng, đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề này ở cấp độ quốc gia, địa phương hay doanh nghiệp. Về cơ bản, các nghiên cứu đã làm rõ được các nội hàm, đặc điểm, sự cần thiết, vai trò của phát triển du lịch cộng đồng đối với sự phát triển bền vững. Nhiều nghiên cứu đã phân tích các mô hình du lịch cộng đồng tại một số khu vực, đánh giá thực trạng và đề xuất chiến lược phát triển. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu cơ bản dừng lại ở việc phân tích, đánh giá dựa trên các khía cạnh của phát triển bền vững (kinh tế - xã hội - môi trường). Vai trò của các chủ thể tham gia và sự kết nối với nhau trong hoạt động du lịch cộng đồng nhằm hướng phát triển bền vững du lịch tại điểm đến chưa được làm rõ một cách toàn diện. Đặc biệt, chưa có nghiên cứu nào về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng ở một địa phương.

Ba là, đã có một số nghiên cứu tập trung vào vai trò của một số bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng, thừa nhận vai trò của các bên liên quan quan trọng như chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng và khách du lịch... trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững, trong đó khẳng định vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương. Một số nghiên cứu đã chỉ ra những lợi ích cơ bản của một vài chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, đặc biệt là việc phân bổ, điều phối và xung đột lợi ích vẫn chưa được nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống và có chiều sâu. Cụ thể, chưa có nghiên cứu nào làm rõ quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng dưới góc nhìn kinh tế chính trị, dựa trên khung lý luận về quan hệ lợi ích để đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể cơ bản, đặc biệt chỉ ra các xung đột về lợi ích giữa các chủ thể để tìm ra giải pháp bảo đảm hài hòa các quan hệ này nhằm phát triển du lịch cộng đồng một cách bền vững.

Từ các lập luận trên cho thấy, nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, từ đó đề xuất giải pháp bảo đảm hài hòa lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là vấn đề mới, có ý nghĩa quan trọng, thiết thực đặc biệt với du lịch cộng đồng tại Lào Cai thời gian tới.

1.2.2. Khoảng trống trong nghiên cứu trước đó và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Từ kết quả tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng đã có nhiều nghiên cứu tiếp cận vấn đề lợi ích và quan hệ lợi ích từ các góc độ kinh tế học, xã hội học, quản trị học, cũng như từ tiếp cận kinh tế chính trị. Đồng thời, các nghiên cứu về du lịch cộng đồng cũng đã được triển khai ở nhiều khía cạnh như: vai trò của cộng đồng địa phương, phát triển sinh kế bền vững, mô hình quản lý du lịch, chia sẻ giá trị giữa các bên liên quan, hay xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù. Một số luận án trong nước cũng đã đề cập đến quan hệ lợi ích trong chuỗi giá trị các ngành như cà phê, nông nghiệp hữu cơ, năng lượng tái tạo, và cả trong du lịch nói chung. Tuy nhiên, những khoảng trống trong nghiên cứu hiện nay có thể khái quát như sau:

- Thiếu công trình chuyên sâu phân tích một cách hệ thống quan hệ lợi ích

kinh tế trong phát triển du lịch cộng đồng dưới góc tiếp cận kinh tế chính trị học, đặc biệt là từ nền tảng lý luận Mác - Lênin về sở hữu, sản xuất và phân phối.

- Chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu trực tiếp về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai - một địa phương có vai trò điển hình trong phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực Tây Bắc, với đặc điểm đa dân tộc, nguồn tài nguyên văn hóa - tự nhiên phong phú, nhưng cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn lợi ích tiềm ẩn.

- Các tiêu chí đánh giá sự hài hòa lợi ích trong du lịch cộng đồng hiện nay vẫn còn phân tán, thiếu hệ thống. Hầu hết các nghiên cứu chỉ dừng lại ở mô tả vai trò hoặc đề xuất mô hình hợp tác chung giữa các bên, mà chưa đi sâu vào xây dựng khung lý thuyết về cấu trúc quan hệ lợi ích, các yếu tố ảnh hưởng và cơ chế điều tiết lợi ích giữa các chủ thể.

- Thiếu các nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học kết hợp với phân tích định tính - định lượng để làm rõ thực trạng quan hệ lợi ích giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và khách du lịch trong một không gian du lịch cụ thể, có tính đại diện cho các mô hình DLCĐ ở miền núi Việt Nam.

Chính vì vậy, luận án lựa chọn đề tài “Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai” nhằm bổ sung vào những khoảng trống nêu trên, vừa góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận, vừa cung cấp cơ sở thực tiễn và giải pháp ứng dụng phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch cộng đồng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu đã có và xác định khoảng trống học thuật trong nghiên cứu về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng ở Việt Nam nói chung và tại tỉnh Lào Cai nói riêng, luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau:

(1) Về lý luận: Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là gì? Đặc điểm, nội dung và tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng được xác định ra sao dưới góc độ kinh tế chính trị? Những yếu tố nào ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào phát triển du lịch cộng đồng ?

(2) Về thực tiễn: Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể chính (chính quyền địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, khách du lịch) trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai từ năm 2019 đến 2024 diễn ra như thế nào? Những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng này là gì?

(3) Về định hướng và giải pháp: Để phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại Lào Cai đến năm 2030, cần xác lập những quan điểm nào về hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan? Những giải pháp nào cần được triển khai nhằm đảm bảo sự phân phối lợi ích công bằng, hạn chế xung đột và nâng cao hiệu quả phát triển du lịch cộng đồng?

Việc giải quyết các câu hỏi nghiên cứu trên là cơ sở để luận án xây dựng khung lý thuyết, triển khai điều tra thực tiễn, phân tích các quan hệ lợi ích, và đề xuất hệ giải pháp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tóm tắt chương 1

Chương 1 trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến quan hệ lợi ích và du lịch cộng đồng ở trong và ngoài nước. Luận án phân tích ba nhóm công trình: nghiên cứu về lợi ích và quan hệ lợi ích; nghiên cứu về DLCĐ; và các nghiên cứu tích hợp hai lĩnh vực trên. Trên cơ sở đó, tác giả xác định khoảng trống nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển DLCĐ cấp tỉnh, đặc biệt tại vùng miền núi như Lào Cai. Từ việc khái quát lý do chọn đề tài, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, chương này làm rõ đóng góp của luận án và phương pháp tiếp cận, đồng thời xác lập cấu trúc nội dung toàn bộ công trình.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. *Khái niệm quan hệ lợi ích*

Khái niệm lợi ích: Lợi ích là một phạm trù trung tâm của khoa học kinh tế chính trị, phản ánh trực tiếp động lực kinh tế và định hướng hành vi của các chủ thể trong đời sống xã hội. Không đơn thuần là hiện tượng tâm lý hay cá nhân, lợi ích mang bản chất xã hội - kinh tế khách quan, gắn với điều kiện lịch sử cụ thể của quá trình sản xuất và tái sản xuất đời sống con người. Luận điểm này được các nhà kinh điển Mác-xít như C. Mác và Ph. Ăngghen phân tích sâu sắc [30], [31], [32].

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các luận điểm lý luận, luận án cho rằng: Lợi ích là hiện tượng xã hội - kinh tế khách quan, được hình thành từ nhu cầu của các chủ thể trong điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể, thể hiện thành động lực hành động nhằm thực hiện, bảo vệ hoặc phân phối những giá trị kinh tế - xã hội, đặt trong quan hệ giữa con người với con người trong khuôn khổ các thiết chế sở hữu, sản xuất và phân phối.

Với cách hiểu này, lợi ích không chỉ là mục tiêu cá nhân, mà còn là cấu trúc điều tiết hành vi xã hội; là trọng tâm hình thành hợp tác hoặc xung đột; là thước đo phân bổ nguồn lực và chỉ báo mức độ công bằng, hiệu quả, bền vững trong từng mô hình phát triển kinh tế - xã hội.

Khái niệm quan hệ lợi ích: Quan hệ lợi ích là một phạm trù cơ bản trong khoa học kinh tế chính trị, phản ánh mối liên hệ giữa các chủ thể trong xã hội nhằm xác lập, thực hiện hoặc phân phối các lợi ích vật chất và tinh thần trong một bối cảnh lịch sử - xã hội cụ thể. Nếu “lợi ích” là động lực hành động được hình thành từ nhu cầu và điều kiện hiện thực để thỏa mãn nhu cầu đó, thì “quan hệ lợi ích” thể

hiện sự tương tác giữa các chủ thể cùng hướng đến các đối tượng lợi ích hữu hạn, từ đó nảy sinh các quan hệ hợp tác, cạnh tranh, thương lượng hay xung đột.

Trên nền tảng lý luận của kinh tế chính trị Mác-xít, quan hệ lợi ích là hình thức biểu hiện sống động của quan hệ sản xuất, nơi diễn ra quá trình phân phối tư liệu sản xuất, sản phẩm và giá trị thặng dư giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích sâu sắc mối liên hệ giữa quan hệ lợi ích và quan hệ sản xuất, coi đây là yếu tố cốt lõi trong sự vận động của xã hội [31], [32], [33].

Từ tiếp cận hệ thống, các học giả trong nước như Hoàng Văn Khải [24] và Trương Văn Thủy [65] đều nhấn mạnh tính khách quan và tính lịch sử của quan hệ lợi ích, xem đây là tổng thể các mối liên hệ giữa các chủ thể có cùng nhu cầu và cùng hướng đến các nguồn lực hữu hạn trong điều kiện kinh tế - xã hội nhất định. Quan hệ lợi ích không phát sinh ngẫu nhiên, mà chỉ hình thành khi tồn tại sự giao thoa lợi ích giữa các chủ thể có năng lực hành động, cùng hướng đến đối tượng lợi ích có tính khan hiếm, và bị chi phối bởi cơ chế phân phối và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Từ các quan điểm nêu trên, có thể khái quát rằng: cấu trúc cơ bản của một quan hệ lợi ích bao gồm (i) các chủ thể lợi ích - là cá nhân, nhóm hay tổ chức có năng lực thực hiện hành vi nhằm đạt được lợi ích; và (ii) các đối tượng lợi ích - là nguồn lực, điều kiện hay giá trị có khả năng đáp ứng nhu cầu của chủ thể. Quan hệ lợi ích có thể diễn ra giữa chủ thể với đối tượng (quan hệ khai thác, chiếm hữu, kiểm soát) hoặc giữa các chủ thể cùng hướng tới một đối tượng (quan hệ hợp tác, thương lượng, cạnh tranh hoặc xung đột).

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ lợi ích không chỉ bị chi phối bởi quy luật giá trị, cung - cầu và cạnh tranh, mà còn chịu sự điều tiết của Nhà nước, cơ chế sở hữu đa dạng và hệ thống thể chế. Do vậy, việc thiết lập quan hệ lợi ích công bằng, hài hòa cần đến vai trò dẫn dắt của chính sách, nhằm khơi dậy động lực phát triển và hạn chế mâu thuẫn xã hội.

Trên cơ sở đó, luận án xác định: Quan hệ lợi ích là tổng hòa các mối liên hệ hữu cơ và có tính lịch sử giữa các chủ thể kinh tế - xã hội, nhằm xác lập, thực hiện

và điều tiết các lợi ích thông qua tương tác hợp tác, cạnh tranh hoặc phân phối, dưới sự chi phối của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, hình thức sở hữu và thể chế điều tiết xã hội trong một giai đoạn phát triển nhất định.

2.1.1.2. Khái niệm du lịch cộng đồng, phát triển du lịch cộng đồng và các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng

Khái niệm du lịch cộng đồng: Cộng đồng là khái niệm dùng để chỉ một tập hợp các cá nhân cùng sinh sống trong một không gian xã hội nhất định, được liên kết với nhau bởi các đặc điểm chung về văn hóa, lợi ích, lối sống, hoặc mối quan tâm tương đồng. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, “cộng đồng” được hiểu theo nghĩa hẹp, chủ yếu đề cập đến nhóm cư dân sinh sống trong một đơn vị hành chính nhất định - như thôn, bản, xã - có sự tương đồng về văn hóa, phong tục và cùng tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội, đặc biệt là hoạt động du lịch tại địa phương. Đây là nhóm chủ thể có vai trò trung tâm trong việc bảo tồn, khai thác và chuyển hóa giá trị bản địa thành sản phẩm du lịch.

Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch ra đời từ nhu cầu phát triển bền vững, lấy cộng đồng địa phương làm trung tâm của quá trình thiết kế, tổ chức và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Khái niệm này hình thành trong bối cảnh phản ứng trước các tác động tiêu cực của du lịch đại trà đối với môi trường và văn hóa bản địa, đồng thời gắn với các sáng kiến phát triển cộng đồng quy mô nhỏ ở nhiều quốc gia đang phát triển. Từ cuối thế kỷ XX, du lịch cộng đồng đã được thừa nhận như một hướng tiếp cận có tính nhân văn và bền vững, đặt trọng tâm vào trao quyền cho người dân và bảo đảm phân phối lợi ích công bằng [90], [98].

Trong phạm vi luận án này, khái niệm du lịch cộng đồng được vận dụng nhất quán theo Luật Du lịch 2017 [44], nhằm đảm bảo tính pháp lý, sự thống nhất trong phân tích lý luận và tính khả thi trong đánh giá thực tiễn tại Việt Nam. Đây là cách tiếp cận phù hợp với bối cảnh phát triển của nhiều địa phương, nơi cộng đồng đóng vai trò then chốt trong việc vừa bảo tồn các giá trị truyền thống, vừa trực tiếp tổ chức và thụ hưởng kết quả của hoạt động du lịch.

Như vậy, hiểu một cách khái quát, du lịch cộng đồng là loại hình du lịch bền vững, trong đó cộng đồng địa phương vừa là chủ thể tham gia tổ chức và quản lý

hoạt động du lịch, vừa là đối tượng trực tiếp hưởng lợi, thông qua việc khai thác các giá trị văn hóa - sinh thái bản địa nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Mô hình này không chỉ tạo sinh kế tại chỗ, mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình phát triển địa phương. Tính tương tác giữa du khách và cư dân, trải nghiệm gắn với không gian sinh hoạt, sản xuất và nghi lễ văn hóa là những đặc điểm đặc trưng tạo nên chiều sâu nhân văn và giá trị bền vững cho du lịch cộng đồng.

Khái niệm phát triển du lịch cộng đồng: “Phát triển” là một khái niệm mang tính bao quát, thể hiện quá trình vận động tiến lên về mọi mặt của đời sống xã hội. Về tổng thể, phát triển có thể được hiểu là sự tăng trưởng và cải thiện có chủ đích về kinh tế, xã hội và môi trường, là sự chuyển biến từ trạng thái đơn giản đến phức tạp, từ kém hiệu quả đến hiệu quả hơn, từ thuần túy kinh tế sang sự hài hòa giữa các mục tiêu kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và sinh thái. Trong bối cảnh phát triển du lịch, khái niệm này được cụ thể hóa dưới dạng những chiến lược, chính sách và hành động có tính hệ thống, nhằm không chỉ khai thác tài nguyên để phục vụ nhu cầu du khách mà còn tạo động lực phát triển bền vững cho cộng đồng cư dân sở tại.

Phát triển du lịch cộng đồng, do đó, là một lĩnh vực mang tính liên ngành, chịu tác động của nhiều yếu tố và góc tiếp cận khác nhau. Trong quá trình nghiên cứu và thực tiễn triển khai, đã hình thành ba nhóm quan điểm tiếp cận chủ yếu về phát triển du lịch cộng đồng. (i) quan điểm phát triển theo hướng cầu - cung, trong đó nhấn mạnh việc mở rộng và phát triển thị trường khách du lịch làm tiền đề để thúc đẩy các hoạt động cung ứng dịch vụ và sản phẩm từ phía cộng đồng địa phương; 2i) quan điểm phát triển theo hướng chiến lược, tập trung vào việc xác lập các mục tiêu dài hạn, xây dựng quy hoạch tổng thể và đề xuất các giải pháp toàn diện cho sự phát triển du lịch cộng đồng gắn với điều kiện thực tiễn từng địa phương; 3i) quan điểm phát triển dựa trên mạng lưới, được lý giải thông qua “lý thuyết trò chơi”, với năm yếu tố cơ bản gồm: người chơi (players), giá trị gia tăng (value added), quy tắc (rules), chiến thuật (tactics) và phạm vi (scope). Trong đó, yếu tố “người chơi” - tức các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị du lịch - giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc vận hành và phân phối lợi ích của mô hình du lịch cộng đồng.

Trên cơ sở kế thừa, tổng hợp các quan điểm tiếp cận nêu trên và kết quả nghiên cứu từ các công trình trước đây, trong khuôn khổ nghiên cứu của luận án này, tác giả thống nhất sử dụng khái niệm: Phát triển du lịch cộng đồng là tổng hợp các quá trình, các hoạt động trong đó chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch cùng phối hợp nhằm xây dựng, tổ chức và quản lý các sản phẩm du lịch gắn với bản sắc văn hóa và nguồn tài nguyên bản địa nhằm sáng tạo, bảo tồn và chia sẻ giá trị.

Theo định nghĩa này, phát triển du lịch cộng đồng không đơn thuần là sự gia tăng về số lượng khách du lịch hay doanh thu, mà là một tiến trình liên tục và đa chiều, trong đó các bên liên quan cần phối hợp chặt chẽ, hài hòa nhằm tạo ra các giá trị bền vững cho cả du khách và cộng đồng sở tại. Hoạt động phát triển du lịch cộng đồng bao gồm ba nhóm chức năng cốt lõi: sáng tạo giá trị, chia sẻ giá trị, và bảo tồn nguồn gốc giá trị. Ba nhóm hoạt động này tạo thành một chuỗi liên kết khép kín, vừa hỗ trợ, vừa kiểm soát lẫn nhau, góp phần cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế và trách nhiệm gìn giữ di sản văn hóa - sinh thái.

Cụ thể, nhóm hoạt động sáng tạo giá trị tập trung vào đổi mới, thiết kế và cung cấp các sản phẩm - dịch vụ du lịch mang tính trải nghiệm và phản ánh bản sắc địa phương. Nhóm hoạt động chia sẻ giá trị đảm bảo việc phân phối lợi ích từ du lịch một cách công bằng, minh bạch, qua đó tạo dựng sự đồng thuận và nâng cao tính chủ động tham gia của người dân địa phương. Trong khi đó, nhóm bảo tồn nguồn gốc giá trị giữ vai trò then chốt trong việc duy trì nền tảng văn hóa, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên - xã hội, giúp đảm bảo tính ổn định và bền vững dài hạn cho quá trình phát triển du lịch cộng đồng.

Sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba nhóm hoạt động trên không chỉ giúp gắn kết các chủ thể trong chuỗi giá trị du lịch, mà còn tạo nên hệ sinh thái du lịch cộng đồng đa chiều, trong đó phát triển kinh tế không tách rời với bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa. Khi các sản phẩm du lịch được sáng tạo một cách hấp dẫn, phù hợp với thị hiếu thị trường, đi kèm với cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý và chiến lược bảo tồn hiệu quả, sẽ góp phần xây dựng niềm tin, nâng cao năng lực nội sinh và gia tăng vị thế của cộng đồng trong mối quan hệ với các tác nhân khác.

Phát triển du lịch cộng đồng, nếu được thực hiện hiệu quả, sẽ mang lại những tác động tích cực đa phương diện đối với địa phương. Trước hết là tác động kinh tế thông qua việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đa dạng hóa sinh kế và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm địa phương. Tiếp đến là tác động xã hội - văn hóa, thể hiện qua việc nâng cao nhận thức cộng đồng, giữ gìn bản sắc dân tộc, tăng cường gắn kết nội bộ và khơi dậy niềm tự hào văn hóa. Bên cạnh đó là tác động môi trường, thông qua việc khuyến khích sử dụng tài nguyên hợp lý, bảo vệ cảnh quan sinh thái và nâng cao trách nhiệm bảo tồn trong cộng đồng.

Tuy nhiên, sự phát triển du lịch cộng đồng cũng tiềm ẩn những hệ lụy tiêu cực nếu không có cơ chế quản lý và giám sát phù hợp. Những thách thức có thể bao gồm: suy thoái môi trường, ô nhiễm cảnh quan, biến đổi văn hóa, gia tăng tệ nạn xã hội hoặc bất bình đẳng trong phân phối lợi ích. Do vậy, để phát huy được vai trò tích cực và hạn chế tối đa những mặt trái của phát triển du lịch cộng đồng, cần thiết phải thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các bên liên quan, đặc biệt là vai trò định hướng, hỗ trợ và giám sát từ phía chính quyền địa phương, đồng thời nâng cao năng lực tự tổ chức và quản trị của cộng đồng cư dân bản địa.

Các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng: Trong phát triển du lịch cộng đồng, sự vận hành và phân phối lợi ích không chỉ bị chi phối bởi quy luật cung - cầu thị trường, mà còn là kết quả của các mối quan hệ xã hội - kinh tế - chính trị giữa nhiều chủ thể khác nhau. Dưới góc tiếp cận Kinh tế chính trị, các chủ thể này không đơn thuần là người cung cấp hay tiêu dùng dịch vụ, mà là những lực lượng mang theo quyền lực, lợi ích và vị thế sở hữu khác nhau, từ đó tác động đến quá trình hình thành, phân phối và kiểm soát các giá trị tạo ra từ hoạt động du lịch.

Dựa trên nghiên cứu tổng quan tài liệu có liên quan đến đề tài, luận án xác định: Các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng là những chủ thể có quyền và nghĩa vụ trong việc tạo ra, sử dụng, điều tiết hoặc phân phối các nguồn lực và giá trị gắn với hoạt động du lịch cộng đồng tại một không gian lãnh thổ cụ thể, có quan hệ tương hỗ về lợi ích và khả năng tác động qua lại lẫn nhau trong chuỗi giá trị du lịch.

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu vào bốn chủ thể chính - chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du

lich và khách du lịch, bởi đây là các tác nhân trực tiếp chi phối quá trình sản xuất, phân phối và tái phân phối giá trị trong chuỗi du lịch cộng đồng. Các mối quan hệ giữa các bên liên quan trên phản ánh đầy đủ bản chất của quan hệ sở hữu, quyền lực và lợi ích - những phạm trù trung tâm của kinh tế chính trị. Việc không mở rộng sang các bên liên quan như tổ chức xã hội hay tổ chức phi chính phủ nhằm đảm bảo tính trọng tâm, đi sâu vào cấu trúc kinh tế - xã hội cốt lõi trong phát triển du lịch cộng đồng.

(1) Chính quyền địa phương giữ vai trò kép: vừa đại diện Nhà nước quản lý tài nguyên công như đất đai, văn hóa phi vật thể, vừa là thiết chế tạo lập môi trường thể chế, đầu tư và phối hợp phát triển. Dưới góc nhìn Kinh tế chính trị, chính quyền không chỉ thực hiện chức năng hành chính mà còn định hình quan hệ lợi ích thông qua chính sách, pháp luật và công cụ phân bổ tài nguyên [27], [32]. Tuy nhiên, ở cấp cơ sở, chính quyền thường thiếu công cụ pháp lý và tài chính để điều tiết hiệu quả mối quan hệ giữa doanh nghiệp và cộng đồng, dẫn đến tình trạng “bị động hóa” trong giám sát và giải quyết xung đột.

(2) Cộng đồng địa phương - đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số - là chủ thể sở hữu tài nguyên bản địa, đồng thời là lực lượng lao động trực tiếp trong du lịch cộng đồng. Họ cung ứng các dịch vụ như homestay, ẩm thực, thủ công mỹ nghệ và biểu diễn văn hóa. Tuy nhiên, cộng đồng thường ở vị thế yếu trong quan hệ lợi ích do hạn chế năng lực tổ chức, đàm phán và thông tin [89], [97]. Dưới tiếp cận Kinh tế chính trị, cộng đồng là “lực lượng sở hữu yếu thế”, dễ bị thương mại hóa văn hóa, mất kiểm soát không gian sống và bị loại khỏi quá trình ra quyết định. Việc nâng cao vai trò cộng đồng không chỉ là trao quyền kinh tế, mà còn là tái cấu trúc quan hệ sở hữu và quyền lực trong chuỗi giá trị du lịch cộng đồng.

(3) Doanh nghiệp du lịch là lực lượng tổ chức sản phẩm, vận hành chuỗi dịch vụ và kết nối thị trường. Với ưu thế về vốn, công nghệ và thông tin, doanh nghiệp có thể chi phối cấu trúc chuỗi giá trị, đồng thời quyết định phần lớn trải nghiệm khách hàng [75]. Nếu không bị ràng buộc thể chế hoặc trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp dễ rơi vào xu hướng tối đa hóa lợi nhuận, thu hẹp vai trò cộng đồng và thương mại hóa bản sắc. Ngược lại, nếu có cơ chế hợp tác minh bạch, doanh nghiệp

có thể đóng vai trò lan tỏa tích cực thông qua đầu tư hạ tầng, đào tạo, bảo tồn văn hóa và xây dựng chuỗi giá trị công bằng.

(4) Khách du lịch là người tiêu dùng cuối cùng, có ảnh hưởng lớn đến định hướng dịch vụ và cấu trúc lợi ích thông qua hành vi tiêu dùng và phản hồi. Họ không trực tiếp tham gia vận hành du lịch nhưng lại là lực lượng “bỏ phiếu bằng ví tiền”, từ đó có khả năng tái cấu trúc mối quan hệ cung - cầu và gián tiếp tác động đến chính sách [95]. Dưới góc độ Kinh tế chính trị, du khách là “nhà đầu tư nhỏ lẻ” và “người giám sát phi chính thức”, có thể tạo ra áp lực cải thiện chất lượng hoặc vô tình duy trì mô hình phát triển thiếu bền vững nếu tiêu dùng phi trách nhiệm. Do đó, khách du lịch cần được định vị lại như một bên liên quan đạo đức, với quyền và trách nhiệm trong môi trường du lịch cộng đồng đa chủ thể.

Tóm lại, trong phát triển du lịch cộng đồng, bốn chủ thể chính vừa hợp tác vừa mặc cả lợi ích trong một không gian phát triển đan xen giữa yếu tố kinh tế - xã hội - văn hóa. Việc nhận diện và phân tích sâu cấu trúc lợi ích giữa họ là cơ sở khoa học để thiết kế thể chế điều phối hợp lý, bảo đảm phát triển công bằng, minh bạch và bền vững.

2.1.1.3. Khái niệm quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc phân tích và giải quyết các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể kinh tế - xã hội trở thành một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Đặc biệt, trong lĩnh vực phát triển du lịch cộng đồng - một loại hình du lịch đặt trọng tâm vào vai trò của người dân bản địa - thì quan hệ lợi ích giữa các chủ thể tham gia là yếu tố cốt lõi quyết định tính hiệu quả, công bằng và bền vững của mô hình phát triển.

Trên cơ sở kế thừa các tiếp cận liên ngành luận án xác định: *Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là sự thiết lập và duy trì những tương tác về lợi ích giữa các chủ thể trong toàn bộ quá trình tổ chức, triển khai và vận hành các hoạt động du lịch cộng đồng, nhằm tối ưu hóa lợi ích tổng thể, bảo đảm sự hài hòa giữa các bên tham gia, và thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững.* Khái niệm này nhấn mạnh ba phương diện cơ bản.

Thứ nhất, quan hệ lợi ích trong du lịch cộng đồng là quá trình vận động liên tục, được điều chỉnh qua tương tác thực tế giữa các chủ thể. Lợi ích kinh tế là động lực trung tâm nhưng luôn gắn với lợi ích văn hóa, xã hội và môi trường. Các chủ thể không tồn tại biệt lập mà liên kết trong các chuỗi lợi ích đa chiều. Lợi ích của bên này thường phụ thuộc hoặc phát sinh từ hành vi của bên khác, dẫn đến những quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh - phản ánh quy luật vận hành của quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, quan hệ lợi ích chịu sự chi phối bởi vai trò, động cơ và nguồn lực của từng chủ thể. Trong mô hình du lịch cộng đồng, bốn chủ thể chính là chính quyền địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp và khách du lịch; ngoài ra còn có các tác nhân hỗ trợ như chuyên gia, tổ chức xã hội, báo chí. Mỗi chủ thể giữ vị trí và quyền lực khác nhau, từ đó tạo nên các mối quan hệ lợi ích cơ bản và phụ trợ. Việc xác định đúng các nhóm quan hệ này là tiền đề để nhận diện xung đột, thiết lập cơ chế phân phối hợp lý và đưa ra chính sách công hiệu quả.

Thứ ba, bảo đảm hài hòa lợi ích là điều kiện sống còn cho sự ổn định và bền vững của du lịch cộng đồng. Sự đồng thuận về lợi ích cần được xây dựng trên nền khung pháp lý minh bạch, quy hoạch rõ ràng và sự tham gia thực chất của cộng đồng. Vai trò của chính quyền là kiến tạo thể chế; doanh nghiệp tìm kiếm lợi nhuận dài hạn trên cơ sở hợp tác với cộng đồng; cộng đồng cần được trao quyền và chia sẻ lợi ích tương xứng; khách du lịch cần có ý thức trách nhiệm với điểm đến. Hài hòa lợi ích vì thế không chỉ là giá trị đạo đức, mà còn là yếu tố chiến lược trong quản lý phát triển du lịch cộng đồng.

2.1.2. Đặc điểm quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Trong phát triển du lịch cộng đồng, quan hệ lợi ích giữa các chủ thể không chỉ là sự phân phối giá trị kinh tế, mà còn phản ánh tương tác phức hợp giữa yếu tố văn hóa, xã hội, môi trường và thể chế trong một không gian phát triển cụ thể. Dưới góc độ kinh tế chính trị, những quan hệ này mang tính chất lịch sử - xã hội, có sự phân tầng và phụ thuộc vào quyền lực, khả năng thương lượng và cơ chế sở hữu tài nguyên.

2.1.2.1. Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng mang tính đa chiều - vừa vật chất, vừa phi vật chất

Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng không chỉ đơn thuần là quá trình phân chia thu nhập hay lợi ích kinh tế giữa các bên tham gia, mà còn bao hàm những giá trị phi vật chất có vai trò thiết yếu đối với phát triển bền vững. Đó là việc bảo tồn bản sắc văn hóa, giữ gìn cảnh quan môi trường, nâng cao đời sống tinh thần, củng cố năng lực cộng đồng và duy trì sự gắn kết xã hội. Từ góc nhìn kinh tế chính trị, các lợi ích này vừa là sản phẩm của quá trình sản xuất - tái sản xuất mở rộng trong không gian du lịch cộng đồng, vừa là nguồn lực định hình nên các cấu trúc quyền lực và phương thức phân phối giá trị tại địa phương.

Đáng lưu ý, các lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tồn tại trong mối quan hệ tương tác phức tạp giữa các giá trị ngắn hạn và dài hạn, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa yếu tố vật chất và yếu tố phi vật chất. Việc gia tăng thu nhập trong ngắn hạn có thể dẫn đến tổn thất không thể đảo ngược về văn hóa, môi trường hoặc vốn xã hội nếu thiếu cơ chế điều tiết hợp lý. Ngược lại, những lợi ích dài hạn như nâng cao năng lực nội sinh, lan tỏa tri thức và phát triển cộng đồng sẽ không thể đạt được nếu quan hệ lợi ích bị chi phối bởi tư duy vụ lợi ngắn hạn hoặc bởi các nhóm có vị thế áp đảo.

Do vậy, cách tiếp cận kinh tế chính trị đặt ra yêu cầu nhận thức đầy đủ tính đa chiều của quan hệ lợi ích, không thu hẹp chúng trong phạm vi kinh tế mà cần được đặt trong tổng thể các yếu tố xã hội - văn hóa - môi trường. Điều này cũng có ý nghĩa quan trọng trong thiết kế thể chế: để đảm bảo phân phối hài hòa các giá trị, cần tôn trọng nguyên tắc công bằng xã hội, bản sắc địa phương và phát triển vì con người - thay vì chỉ tối ưu hóa lợi ích kinh tế cho một vài tác nhân trong chuỗi giá trị.

2.1.2.2. Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng mang tính đa chủ thể - phụ thuộc vào vị thế và năng lực của từng bên

Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là một cấu trúc đa tác nhân, hình thành từ sự tương tác giữa bốn nhóm chủ thể chính: chính quyền, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và khách du lịch. Mỗi chủ thể mang động cơ lợi ích và sở hữu nguồn lực khác nhau, tạo nên sự phân tầng về quyền lực và ảnh hưởng đến cơ chế phân phối giá trị trong chuỗi du lịch.

Dưới góc nhìn kinh tế chính trị, đây không đơn thuần là quá trình phối hợp, mà là sự mặc cả và giành quyền giữa các nhóm lợi ích. Cộng đồng - dù nắm giữ tài nguyên và lao động - thường yếu thế do hạn chế về vốn, kỹ năng và thiết chế bảo vệ. Trong khi đó, doanh nghiệp có lợi thế về tài chính, công nghệ và thị trường nên dễ chiếm lĩnh chuỗi giá trị nếu thiếu sự điều tiết thể chế.

Chính quyền giữ vai trò trung gian, hoạch định chính sách và điều phối quan hệ, nhưng cũng dễ bị giằng co giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Khách du lịch - tuy không tham gia sản xuất - lại định hình giá trị chuỗi thông qua hành vi tiêu dùng và lựa chọn điểm đến.

Vì vậy, việc phân tích quan hệ lợi ích cần gắn với đánh giá quyền lực thể chế, vị thế tài nguyên và năng lực đàm phán của từng chủ thể. Đây là tiền đề để xây dựng chính sách phân phối hài hòa, đảm bảo sự tham gia công bằng trong phát triển du lịch cộng đồng.

2.1.2.3. Quan hệ lợi ích chứa đựng sự giằng co giữa hợp tác và xung đột, đồng thuận và tranh chấp

Trong không gian phát triển du lịch cộng đồng, quan hệ lợi ích không phải là một trật tự cố định mà là quá trình vận động giữa hợp tác và xung đột, đồng thuận và tranh chấp. Dưới góc nhìn kinh tế chính trị, đây là biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn lợi ích trong phân phối giá trị giữa các nhóm xã hội.

Tính cộng đồng của điểm đến tạo nền tảng cho sự phối hợp - các chủ thể có thể chia sẻ tài nguyên, hình thành quy ước, cùng phát triển. Tuy nhiên, nếu phân phối lợi ích thiếu công bằng hoặc bị chi phối bởi nhóm có ưu thế về quyền lực, sự đồng thuận sẽ dễ đổ vỡ, dẫn đến mâu thuẫn nội bộ hoặc xung đột với chính quyền, doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, khi cộng đồng không được tham vấn hay chia sẻ lợi ích công bằng, quan hệ hợp tác dễ chuyển thành đối đầu. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định xã hội và chất lượng điểm đến.

Nhận diện rõ hai chiều cạnh - hợp tác và xung đột - là cơ sở để thiết kế thiết chế quản trị linh hoạt, thúc đẩy đối thoại và nâng cao vai trò của các chủ thể yếu thế trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng.

2.1.2.4. Quan hệ lợi ích có tính động và dễ tổn thương, chịu tác động từ cả yếu tố nội tại lẫn ngoại sinh

Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng luôn vận động theo thời gian và không gian, chịu ảnh hưởng của cả yếu tố nội tại và ngoại sinh. Dưới góc nhìn kinh tế chính trị, đây là hệ quả của sự thay đổi trong điều kiện tái sản xuất, cấu trúc quyền lực và phân phối giá trị.

Yếu tố nội tại như biến động dân cư, trình độ dân trí hay mức độ tổ chức cộng đồng ảnh hưởng trực tiếp đến cơ chế phân phối lợi ích. Cộng đồng có tính tự chủ cao sẽ kiểm soát tài nguyên và giữ được vị thế; ngược lại, khi yếu thế, cộng đồng dễ bị chi phối bởi doanh nghiệp hoặc chính quyền.

Yếu tố ngoại sinh như biến động thị trường, dịch bệnh, thiên tai hay trào lưu toàn cầu có thể làm gián đoạn chuỗi giá trị và tái định hình cấu trúc lợi ích. Đại dịch COVID-19 là ví dụ rõ nét khi làm bộc lộ bất bình đẳng mới trong tiếp cận hỗ trợ, gia tăng xung đột giữa các chủ thể.

Khi thiếu cơ chế điều chỉnh linh hoạt, quan hệ lợi ích trở nên dễ tổn thương, dẫn đến đứt gãy và mất lòng tin. Vì vậy, nhận diện rõ tính động và khả năng tổn thương là nền tảng để thiết kế chính sách phân phối công bằng, thích ứng và bền vững cho du lịch cộng đồng trong bối cảnh đầy biến động hiện nay.

2.1.3. Vai trò của quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Từ góc độ kinh tế chính trị, quan hệ lợi ích là trục quan hệ nền tảng chi phối quá trình vận hành của mọi mô hình phát triển. Trong phát triển du lịch cộng đồng, quan hệ lợi ích không chỉ giới hạn trong việc chia sẻ thu nhập giữa các bên tham gia, mà còn bao hàm sự phân bổ giá trị vật chất - phi vật chất, cấu trúc quyền lực, cơ chế hợp tác và mức độ kiểm soát chuỗi giá trị. Trên cơ sở thống nhất khái niệm về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng đã đề cập ở trên, có thể khẳng định vai trò trung tâm của quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, quan hệ lợi ích là động lực nội sinh thúc đẩy sự tham gia chủ động và bền vững của cộng đồng địa phương. Khi người dân được xác lập rõ ràng vai trò và lợi ích của mình trong chuỗi giá trị du lịch, họ sẽ có động lực bảo tồn tài

nguyên văn hóa - sinh thái, nâng cao chất lượng dịch vụ và đồng hành cùng chính quyền, doanh nghiệp trong phát triển sản phẩm đặc thù. Mỗi liên kết hài hòa giữa quyền - lợi - nghĩa vụ giúp cộng đồng không còn là đối tượng bị động mà trở thành chủ thể kiến tạo giá trị, nâng cao năng lực nội sinh cho phát triển lâu dài.

Thứ hai, quan hệ lợi ích có vai trò điều tiết rủi ro và phân bổ giá trị trong toàn bộ chuỗi du lịch. Trong du lịch cộng đồng, mỗi chủ thể có mức độ đóng góp và mức độ rủi ro khác nhau. Thiết lập cơ chế lợi ích hợp lý giúp giảm thiểu sự chiếm đoạt giá trị bởi một nhóm nhất định, ngăn ngừa các xung đột âm ỉ trong cộng đồng hoặc giữa cộng đồng với doanh nghiệp, chính quyền. Khi lợi ích tương xứng với trách nhiệm, các chủ thể sẽ phát huy vai trò riêng: doanh nghiệp tối ưu hóa vốn - công nghệ; cộng đồng khai thác hiệu quả tài nguyên bản địa; chính quyền định hướng và kiểm soát phát triển; du khách trở thành mắt xích thúc đẩy tiêu dùng có trách nhiệm.

Thứ ba, quan hệ lợi ích đóng vai trò nền tảng trong thiết lập quan hệ hợp tác và đối tác xã hội. Trong bối cảnh du lịch cộng đồng mang tính cộng sinh cao, không bên nào có thể phát triển độc lập. Việc công khai cơ chế chia sẻ lợi ích, thiết lập các chuẩn mực “cùng đóng góp - cùng hưởng lợi” giúp nâng cao niềm tin, giảm cạnh tranh tiêu cực, tăng cường liên kết cộng đồng và phối hợp xã hội. Mô hình hợp tác bình đẳng giữa cộng đồng - doanh nghiệp - chính quyền - khách du lịch là yếu tố quyết định sự bền vững và khả năng mở rộng mô hình du lịch cộng đồng trên quy mô vùng hoặc quốc gia.

Thứ tư, quan hệ lợi ích là công cụ để bảo vệ, tái tạo và nâng cao giá trị của các nguồn lực phát triển bền vững. Trong du lịch cộng đồng, giá trị bản địa như cảnh quan, truyền thống, tập quán và tinh thần cộng đồng là tài sản nền tảng. Khi lợi ích kinh tế được gắn với trách nhiệm xã hội và bảo tồn môi trường, các chủ thể sẽ có động lực chung để duy trì và phát triển bền vững các nguồn lực này. Điều này phù hợp với nguyên lý phát triển bền vững và các xu hướng du lịch hiện đại như du lịch xanh, du lịch trách nhiệm và du lịch văn hóa.

Thứ năm, từ góc độ kinh tế chính trị, quan hệ lợi ích góp phần tái cấu trúc quan hệ sản xuất tại điểm đến du lịch cộng đồng. Khi cộng đồng không chỉ tham gia

sản xuất mà còn tham gia quyết định, quản lý và phân phối giá trị, thì du lịch cộng đồng trở thành một không gian phát triển có tính dân chủ hóa và bình đẳng hóa cao. Quan hệ sản xuất mới - với sự phân quyền lợi ích và trách nhiệm - là minh chứng cho quá trình thể chế hóa mô hình phát triển lấy con người và cộng đồng làm trung tâm, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Tóm lại, quan hệ lợi ích là nhân tố xuyên suốt, quyết định hiệu quả, tính chính danh và tính bền vững của phát triển du lịch cộng đồng. Việc thiết lập một cơ chế lợi ích công bằng, minh bạch, phù hợp với năng lực và vai trò của từng chủ thể không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh tế, mà còn củng cố cấu trúc xã hội, bảo vệ tài nguyên, và hiện thực hóa các nguyên lý của kinh tế chính trị Mác-xít vào thực tiễn phát triển địa phương. Đây chính là nền tảng để du lịch cộng đồng trở thành một phương thức phát triển đa chiều, tích hợp cả lợi ích kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường trong một hệ sinh thái du lịch hài hòa.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

2.2.1. Nội dung quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Như đã phân tích ở trên, quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là quá trình thiết lập và duy trì các tương tác lợi ích giữa các chủ thể liên quan trong toàn bộ tiến trình phát triển du lịch cộng đồng. Trong đó, bốn chủ thể trung tâm giữ vai trò trực tiếp và quyết định trong cấu trúc cũng như vận hành quan hệ lợi ích bao gồm: chính quyền, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và khách du lịch.

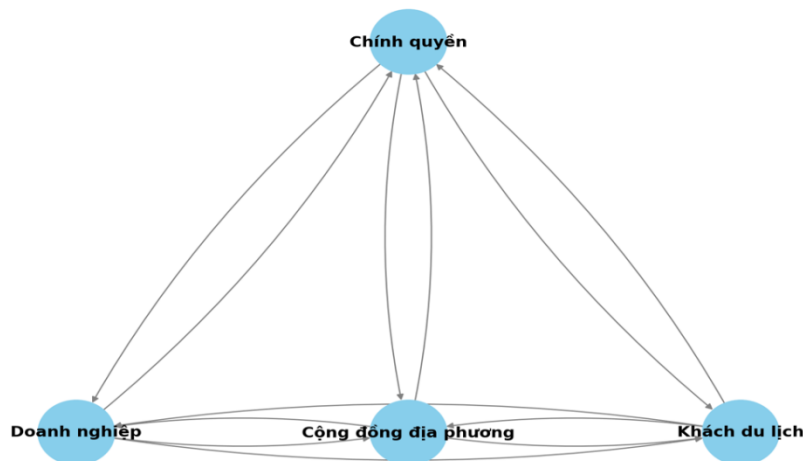
Dưới góc tiếp cận của kinh tế chính trị Mác-xít, mọi mối quan hệ xã hội đều vận hành trên nền tảng của các quan hệ sở hữu, lợi ích và quyền lực. Các luận điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ điều này trong phân tích về phương thức sản xuất và hình thái xã hội [30], [31], [32]. Đối với mỗi điểm đến du lịch cộng đồng - nơi hội tụ đồng thời các yếu tố tài nguyên, thị trường và văn hóa - các chủ thể với vị thế và năng lực khác nhau sẽ hình thành những quan hệ lợi ích phụ thuộc vào khả năng kiểm soát các nguồn lực. Thay vì đi theo hướng liệt kê các loại lợi ích (như lợi ích kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường) hay phân loại theo các giai đoạn phát triển (quy hoạch, khai thác, giám sát), luận án chọn cách tiếp cận cấu trúc - tác nhân, với

trọng tâm là phân tích các cặp quan hệ lợi ích trực tiếp hình thành giữa các chủ thể cụ thể, bao gồm: (1) chính quyền - cộng đồng; (2) chính quyền - doanh nghiệp; (3) chính quyền - khách du lịch; (4) doanh nghiệp - cộng đồng; (5) doanh nghiệp - khách du lịch; và (6) cộng đồng - khách du lịch.

Các cặp quan hệ này phản ánh cấu trúc cơ bản của các dòng chảy lợi ích, quyền lực, trách nhiệm và sự kiểm soát tài nguyên giữa các tác nhân tại điểm đến du lịch cộng đồng. Mỗi quan hệ không chỉ là kết quả của sự phối hợp chức năng mà còn mang bản chất thương lượng, cạnh tranh và tái cấu trúc trong điều kiện bất cân xứng về nguồn lực và thể chế giữa các bên tham gia.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu nội dung quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng sẽ đi sâu phân tích từng cặp quan hệ theo bốn phương diện chính: (i) bản chất và cơ sở hình thành của mỗi quan hệ; (ii) các loại lợi ích mà mỗi bên kỳ vọng theo đuổi trong quá trình tương tác; (iii) các xung đột tiềm ẩn hoặc đã phát sinh trong thực tiễn triển khai; và (iv) mức độ kiểm soát quyền lực thể chế, cơ chế phân phối giá trị cùng trách nhiệm mà mỗi bên đang nắm giữ. Đây là nền tảng quan trọng để đánh giá mức độ hài hòa hay bất cân xứng giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng, đồng thời làm rõ vai trò điều tiết của Nhà nước - qua đó kiến tạo các chính sách phân phối công bằng, hợp lý và bền vững hơn trong tương lai.

Sơ đồ quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng



Sơ đồ 2.1: Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Ghi chú: Các mũi tên thể hiện **quan hệ hai chiều** giữa các chủ thể, thể hiện tính chất **tương tác - điều phối - chia sẻ trách nhiệm và lợi ích**.

(1). Quan hệ lợi ích giữa chính quyền và cộng đồng địa phương: Trong cấu trúc quan hệ tại điểm đến du lịch cộng đồng, chính quyền và cộng đồng địa phương là hai chủ thể trung tâm, phản ánh tương quan giữa quyền lực công và quyền sở hữu tài nguyên bản địa. Dưới góc độ kinh tế chính trị Mác-xít, đây là quan hệ giữa quyền lực chính trị - thể chế với lực lượng sản xuất xã hội - văn hóa, có vai trò quyết định trong việc thiết lập cơ chế phân phối giá trị công bằng hay bất bình đẳng.

Quan hệ này hình thành từ sự phụ thuộc chức năng: chính quyền kiến tạo chính sách, đầu tư hạ tầng, định hướng quy hoạch, trong khi cộng đồng cung cấp tài nguyên du lịch (không gian, văn hóa, dịch vụ). Sự gắn bó này là nền tảng để cùng khai thác hiệu quả tài nguyên tại chỗ, phát triển sinh kế và duy trì bản sắc địa phương.

Lợi ích kỳ vọng của chính quyền gồm tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, ổn định xã hội và bảo tồn di sản. Cộng đồng địa phương mong muốn cải thiện thu nhập, bảo vệ không gian sống, nâng cao vai trò trong quản lý và phát triển chất lượng sống. Khi cộng đồng được tham gia thực chất vào quy hoạch và thực thi chính sách, hiệu quả lan tỏa lợi ích sẽ tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, mối quan hệ này thường nảy sinh xung đột do bất cân xứng thông tin và quyền lực. Trong nhiều trường hợp, chính quyền can thiệp hành chính đơn phương (quy hoạch, trưng dụng tài nguyên văn hóa) mà thiếu sự tham vấn, dẫn đến mâu thuẫn, giảm lòng tin và hạn chế động lực tham gia của cộng đồng. Việc cộng đồng bị đẩy ra ngoài quá trình ra quyết định và chỉ đóng vai trò "hậu cần" làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng trong phân phối giá trị.

Để khắc phục, cần điều chỉnh quyền lực thể chế theo hướng dân chủ hóa: phân quyền, trao quyền và xây dựng cơ chế giám sát hai chiều. Khi cộng đồng được nhìn nhận như chủ thể “đồng kiến tạo giá trị”, cơ chế phân phối lợi ích sẽ chuyển từ hỗ trợ - thụ hưởng sang đồng sáng tạo - đồng chia sẻ, tạo nền tảng cho phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

(2) Quan hệ lợi ích giữa chính quyền và doanh nghiệp du lịch: Quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp du lịch trong phát triển điểm đến cộng đồng thể hiện

sự tương tác giữa khu vực công quyền và khu vực tư nhân thị trường. Đây là mối quan hệ phối hợp - điều tiết nhằm thực hiện mục tiêu kép: khai thác tiềm năng du lịch và bảo đảm lợi ích cộng đồng. Dưới góc nhìn kinh tế chính trị, quan hệ này phản ánh cơ chế phân bổ và kiểm soát tài nguyên công - tư trong bối cảnh thể chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về cơ sở hình thành, hai bên bổ sung chức năng cho nhau: chính quyền hoạch định quy hoạch, đầu tư hạ tầng và giám sát hoạt động; doanh nghiệp tổ chức khai thác sản phẩm, đầu tư dịch vụ và kết nối thị trường. Chính quyền kỳ vọng từ doanh nghiệp khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu ngân sách; trong khi doanh nghiệp mong muốn tối đa hóa lợi nhuận, tiếp cận tài nguyên công với chi phí thấp và mở rộng thị phần.

Tuy nhiên, lợi ích kỳ vọng không đồng đều dẫn đến bất cân xứng trong khả năng thương lượng và chia sẻ giá trị. Doanh nghiệp thường chiếm ưu thế nhờ năng lực tài chính và vận hành, trong khi chính quyền địa phương có thể yếu về công cụ quản lý và giám sát. Tại nhiều điểm đến, doanh nghiệp khai thác quá mức tài nguyên, làm biến dạng văn hóa bản địa hoặc gạt cộng đồng ra khỏi chuỗi giá trị. Nếu chính quyền lệ thuộc vào doanh nghiệp mà thiếu minh bạch và cơ chế phản biện, dễ phát sinh quan hệ thân hữu hoặc lợi ích nhóm.

Xét về quyền lực thể chế, chính quyền nắm quyền quy hoạch, cấp phép và ban hành pháp luật, nhưng năng lực thực thi lại phụ thuộc vào trình độ hành chính, công cụ giám sát và vai trò của xã hội dân sự. Trong khi đó, doanh nghiệp có thể tác động ngược lên chính sách thông qua quan hệ kinh tế - chính trị, làm lệch cán cân lợi ích.

Vì vậy, cần thiết lập cơ chế đối thoại - phản biện và kiểm soát dân chủ để đảm bảo chính quyền đủ năng lực điều tiết, còn doanh nghiệp phải có trách nhiệm xã hội, qua đó hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế và công bằng xã hội tại điểm đến du lịch cộng đồng.

(3) Quan hệ lợi ích giữa chính quyền và khách du lịch: Quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch tại điểm đến du lịch cộng đồng là sự tương tác giữa một bên

đại diện quyền lực công, đảm bảo lợi ích công và trật tự xã hội, với một bên là người tiêu dùng dịch vụ mang tính cá nhân nhưng có ảnh hưởng cộng đồng. Bản chất của mối quan hệ này là cam kết hai chiều: cung cấp dịch vụ công và môi trường trải nghiệm an toàn, đối ứng với hành vi du lịch có trách nhiệm từ phía du khách. Từ góc độ kinh tế chính trị, đây là mối quan hệ giữa chủ thể hoạch định thể chế và người thụ hưởng sản phẩm công cộng - nơi quyền tiêu dùng du lịch cần được điều tiết để hạn chế các tác động ngoại lai tiêu cực.

Mối quan hệ này hình thành từ nhu cầu phát triển du lịch như ngành kinh tế mũi nhọn, với khách du lịch là nguồn thu nhập chính thông qua chi tiêu, thuê và quảng bá. Chính quyền cung cấp hạ tầng, dịch vụ công, đảm bảo an ninh, và quản lý trật tự du lịch thông qua pháp luật, quy chế và các công cụ truyền thông. Du khách, trong khi đó, ngày càng đòi hỏi trải nghiệm chân thực, dịch vụ minh bạch, môi trường trong lành và sự thuận tiện trong tiếp cận.

Chính quyền kỳ vọng thu hút lượng khách lớn, đặc biệt là nhóm tiêu dùng cao và có hành vi thân thiện. Điều này mang lại tăng trưởng kinh tế, việc làm và củng cố hình ảnh địa phương. Khách du lịch lại kỳ vọng sự hài lòng với chi phí bỏ ra, trải nghiệm phong phú, không bị rào cản hành chính hay bất tiện hạ tầng.

Tuy nhiên, mâu thuẫn phát sinh khi hạ tầng quá tải, quản lý yếu kém, môi trường ô nhiễm hoặc văn hóa bản địa bị thương mại hóa quá mức. Mặt khác, nếu chính quyền áp đặt chính sách khắt khe mà thiếu phản hồi từ du khách, dễ tạo cảm giác bị cưỡng ép hoặc phân biệt đối xử.

Về quyền lực thể chế, chính quyền kiểm soát khung pháp lý và điều tiết hành vi trong không gian công. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số, khách du lịch có quyền lực mềm lớn thông qua đánh giá, chia sẻ hoặc tẩy chay điểm đến trên mạng xã hội. Do vậy, chính quyền cần thiết lập cơ chế phản hồi, khảo sát hài lòng và truyền thông về du lịch có trách nhiệm nhằm bảo đảm sự hài hòa và phát triển bền vững mối quan hệ này.

(4) Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương: Quan hệ giữa doanh nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương tại điểm đến du lịch công

đồng là mối quan hệ phức tạp, phản ánh sự tương tác giữa chủ thể đầu tư - kinh doanh và chủ thể sở hữu tài nguyên văn hóa - không gian sống. Dưới góc nhìn kinh tế chính trị Mác-xít, đây là quan hệ giữa tư bản (doanh nghiệp) với chủ sở hữu bản địa (cộng đồng), với sự khác biệt về động cơ lợi nhuận và quyền kiểm soát tài nguyên - văn hóa.

Mối quan hệ này hình thành từ nhu cầu phối hợp khai thác giá trị văn hóa - sinh thái bản địa. Cộng đồng cung cấp các yếu tố đầu vào như không gian sống, tập quán, tri thức và lao động; trong khi doanh nghiệp kết nối thị trường, chuẩn hóa dịch vụ và đầu tư hạ tầng. Sự hợp tác này có thể tạo ra giá trị bền vững nếu dựa trên nền tảng bình đẳng và chia sẻ lợi ích.

Về kỳ vọng lợi ích, doanh nghiệp hướng tới lợi nhuận và thương hiệu thông qua khai thác tài nguyên bản địa, tổ chức các sản phẩm du lịch trải nghiệm và dịch vụ lưu trú - ẩm thực. Cộng đồng, ngược lại, kỳ vọng được hưởng lợi trực tiếp từ việc làm, thu nhập, phát triển hạ tầng, và quan trọng hơn là duy trì quyền kiểm soát văn hóa - lối sống. Sự khác biệt trong mục tiêu có thể tạo ra cả động lực hợp tác lẫn xung đột.

Về quyền lực và trách nhiệm, doanh nghiệp chiếm ưu thế về tài chính, công nghệ, marketing; còn cộng đồng nắm quyền kiểm soát không gian sống và quyết định tính bền vững của điểm đến. Tuy nhiên, trong thực tế, nếu thiếu các thể chế trung gian như hợp tác xã, quy chế chia sẻ lợi ích hay hội đồng cộng đồng, quyền lực thường nghiêng về phía doanh nghiệp, đẩy cộng đồng vào thế bị động.

Vì vậy, để thiết lập quan hệ công bằng, cần có hệ thống thể chế - chính sách hỗ trợ: từ quy định trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), cơ chế tham vấn cộng đồng, đến giám sát việc phân phối lợi ích. Đây là nền tảng để tránh tình trạng chiếm dụng văn hóa, đồng thời bảo đảm rằng du lịch cộng đồng trở thành công cụ phát triển sinh kế và trao quyền cho người dân sở tại.

(5) Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp và khách du lịch: Trong cấu trúc quan hệ lợi ích tại điểm đến du lịch cộng đồng, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và khách du lịch phản ánh sự trao đổi giữa chủ thể cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng - nơi giá trị không chỉ mang tính vật chất mà còn tích hợp yếu tố bản sắc, trải nghiệm và

trách nhiệm xã hội. Từ góc nhìn kinh tế chính trị, đây là mối quan hệ giữa tư bản dịch vụ (doanh nghiệp) và nhu cầu cá nhân - tập thể (khách du lịch), diễn ra trong bối cảnh thông tin bất đối xứng, quyền lực thị trường không cân bằng và tác động ngày càng lớn của truyền thông số.

Cơ sở hình thành mối quan hệ này là sự gặp gỡ giữa nhu cầu khám phá, nghỉ dưỡng, trải nghiệm văn hóa của du khách với năng lực tổ chức và tiếp thị sản phẩm của doanh nghiệp. Trong du lịch cộng đồng, sản phẩm dịch vụ không thể tách rời yếu tố bản địa, đòi hỏi doanh nghiệp phải cá nhân hóa trải nghiệm và tôn trọng giá trị cộng đồng.

Về lợi ích kỳ vọng, doanh nghiệp tìm kiếm lợi nhuận, mở rộng thị phần và duy trì uy tín thương hiệu. Khách du lịch kỳ vọng trải nghiệm chân thực, an toàn, xứng đáng với chi phí và mang lại giá trị tinh thần - xã hội. Tuy nhiên, xung đột có thể nảy sinh nếu chất lượng dịch vụ không như quảng bá, giá cả thiếu minh bạch, hoặc doanh nghiệp thương mại hóa quá mức yếu tố bản sắc. Đồng thời, hành vi tiêu dùng thiếu trách nhiệm của du khách cũng có thể gây áp lực ngược lên cộng đồng và doanh nghiệp.

Xét về quyền lực, doanh nghiệp kiểm soát dịch vụ, truyền thông và chuỗi cung ứng, còn khách du lịch có quyền phản hồi, đánh giá và lựa chọn, tạo nên “quyền lực tiêu dùng” ngày càng lớn. Để hài hòa lợi ích, cần có thể chế dịch vụ minh bạch, tôn trọng phản hồi và cùng đồng sáng tạo trải nghiệm. Doanh nghiệp và khách du lịch, nếu đồng hành đúng hướng, có thể tạo ra chuỗi giá trị công bằng, bền vững và mang tính lan tỏa tích cực cho du lịch cộng đồng.

(6) Quan hệ lợi ích giữa cộng đồng địa phương và khách du lịch: Quan hệ giữa cộng đồng địa phương và khách du lịch trong du lịch cộng đồng là mối tương tác giữa “người chủ” và “người khách” trong không gian sống - không gian văn hóa. Dưới góc nhìn kinh tế chính trị Mác-xít, đây là mối quan hệ giữa người sở hữu tài nguyên văn hóa và người tiêu dùng dịch vụ, diễn ra trên nền tảng bất đối xứng về quyền lực, tri thức và vị thế kinh tế - xã hội.

Về bản chất, cộng đồng cung cấp không gian sống, tập quán, tri thức bản địa

và sản phẩm văn hóa - tinh thần; khách du lịch tìm kiếm trải nghiệm độc đáo, chân thực và có giá trị nhân văn. Mối quan hệ này hình thành trong quá trình hàng hóa hóa các giá trị bản địa, nơi cộng đồng trở thành nhà cung cấp dịch vụ kiêm chủ thể thể hiện bản sắc, còn du khách là người tiêu dùng đồng thời giữ vai trò đánh giá, phản hồi và lan tỏa hình ảnh điểm đến.

Lợi ích kỳ vọng của cộng đồng bao gồm thu nhập, cơ hội việc làm, nâng cấp hạ tầng và gìn giữ bản sắc. Du khách kỳ vọng nhận được trải nghiệm chân thực, an toàn, tiện nghi và giàu giá trị giáo dục - cảm xúc. Tuy nhiên, xung đột dễ phát sinh khi cộng đồng phải “diễn hóa” bản sắc để chiêu theo thị hiếu du khách, hoặc khi du khách xâm phạm không gian riêng tư, gây ô nhiễm, phiền hà cho người dân địa phương.

Về quyền lực và trách nhiệm, khách du lịch có quyền lựa chọn và khả năng gây ảnh hưởng truyền thông, trong khi cộng đồng tuy nắm giữ tài nguyên cốt lõi nhưng thường bị động nếu thiếu thể chế tự quản. Sự bất cân đối này khiến mối quan hệ dễ rơi vào trạng thái tiêu dùng lệch chuẩn, mất cân bằng giá trị.

Để hài hòa lợi ích giữa hai bên, cần thiết lập thể chế đồng sáng tạo - nơi cộng đồng được tham gia thực chất vào xây dựng sản phẩm du lịch, còn du khách được khuyến khích thực hành du lịch có trách nhiệm. Chính sự cân bằng giữa quyền lực - lợi ích - nghĩa vụ sẽ là điều kiện then chốt để bảo đảm tính bền vững và nhân văn của điểm đến du lịch cộng đồng.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Trên cơ sở tổng hợp lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, phản ánh các chiều cạnh cấu trúc và vận hành của mối quan hệ này.

(1) Tính công bằng trong phân phối lợi ích. Tiêu chí này phản ánh mức độ chia sẻ hợp lý giá trị kinh tế - xã hội giữa các chủ thể, đặc biệt là giữa doanh nghiệp với cộng đồng, và giữa các hộ trong nội bộ cộng đồng. Tính công bằng không chỉ nằm ở kết quả (thu nhập, lợi ích nhận được), mà còn ở quy trình phân phối (tham vấn, thỏa thuận, đồng thuận xã hội). Một quan hệ lợi ích công bằng khi các bên

được hưởng lợi tương xứng với đóng góp; cộng đồng có cơ hội tiếp cận sinh kế như homestay, hướng dẫn viên; không có hiện tượng lợi ích tập trung vào nhóm nhỏ; và có cơ chế hỗ trợ nhóm yếu thế.

(2) Mức độ hài hòa lợi ích giữa các chủ thể. Hài hòa là trạng thái mà lợi ích các bên không đối kháng trực tiếp, giảm thiểu xung đột. Hệ thống du lịch cộng đồng bền vững đòi hỏi sự cân bằng lợi ích giữa cộng đồng - doanh nghiệp - chính quyền. Mức độ hài hòa thể hiện qua tỷ lệ phân chia được thỏa thuận rõ ràng, giảm khiếu kiện, các bên đồng thuận tổ chức hoạt động du lịch, và có cơ chế điều phối mâu thuẫn hiệu quả.

(3) Mức độ tham gia và vai trò quyết định của cộng đồng. Tiêu chí này phản ánh vai trò thực chất của cộng đồng trong quan hệ lợi ích. Quan hệ bền vững đòi hỏi cộng đồng không chỉ là người lao động mà là chủ thể thiết kế, tổ chức, giám sát hoạt động du lịch. Mức độ này thể hiện qua sự tồn tại của tổ chức đại diện hoạt động hiệu quả; có tiếng nói trong lựa chọn đối tác, ký kết hợp đồng; tự tổ chức được sản phẩm hoặc hợp tác bình đẳng với doanh nghiệp; và được tham vấn trong các chính sách du lịch.

(4) Tính minh bạch và trách nhiệm trong thực thi phân phối. Minh bạch là điều kiện hạn chế xung đột, bảo đảm lòng tin giữa các bên. Điều này thể hiện qua hợp đồng rõ ràng, các khoản thu - chi được công bố định kỳ; cộng đồng có cơ chế giám sát nội bộ và độc lập; và doanh nghiệp - chính quyền có trách nhiệm giải trình khi cộng đồng yêu cầu.

(5) Tính bền vững và khả năng tái đầu tư vào cộng đồng. Tiêu chí này đánh giá hiệu quả dài hạn, khi lợi ích không chỉ dừng lại ở lợi nhuận tức thời mà được tái đầu tư vào cộng đồng. Bao gồm: trích lợi nhuận cho quỹ cộng đồng, đào tạo định kỳ, bảo vệ tài nguyên - văn hóa, và giữ vững quyền sở hữu tài sản bản địa như đất đai và tri thức truyền thống.

Để các tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng thực sự có thể áp dụng trong nghiên cứu thực tiễn, chúng cần được lượng hóa bằng hệ thống chỉ tiêu đo lường cụ thể.

Bảng 2.1: Bảng chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đo lường	Cấp quan hệ lợi ích được đo lường	Nguồn tham khảo
1. Tính công bằng trong phân phối lợi ích	Tỷ lệ hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch (%)	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Freeman (1984); Byrd (2007)
	Tỷ lệ hộ tiếp cận hỗ trợ từ chính quyền hoặc chương trình	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Chương trình NTM & OCOP
	Tỷ lệ khách hài lòng với giá trị trải nghiệm so với chi phí	Doanh nghiệp ↔ Khách du lịch	UNWTO (2022); Khảo sát du khách
2. Mức độ hài hòa lợi ích giữa các chủ thể	Số lượng tranh chấp/xung đột lợi ích phát sinh mỗi năm	Cộng đồng ↔ Doanh nghiệp	Jamal & Getz (1995); Phỏng vấn sâu
	Tỷ lệ người được tham vấn về cơ chế phân phối lợi ích	Chính quyền ↔ Cộng đồng	UNDP (2020); Bộ VH-TT-DL
	Tỷ lệ khách du lịch phản ánh được tiếp nhận và phản hồi	Chính quyền ↔ Khách du lịch	Bộ VH-TT-DL (2021); UNDP
3. Mức độ tham gia và vai trò quyết định của cộng đồng	Tỷ lệ quyết định quan trọng có sự tham gia cộng đồng	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Bộ VH-TT-DL; UNDP (2021)
	Số sản phẩm du lịch do cộng đồng tổ chức	Cộng đồng ↔ Khách du lịch	Khảo sát thực địa
	Mức độ hài lòng của cộng đồng về quyền tham gia (Likert 1-5)	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Khảo sát cộng đồng (Likert)
	Số hoạt động giao lưu do cộng đồng và khách cùng tổ chức	Cộng đồng ↔ Khách du lịch	Tài liệu UNESCO (2019); Thực địa tại Sa Pa
4. Tính minh bạch và trách nhiệm trong thực thi phân phối lợi ích	Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin về giá, hỗ trợ	Chính quyền ↔ Cộng đồng	WB (2017); Điều tra xã hội học
	Tỷ lệ xử lý công khai các vụ khiếu nại, vi phạm lợi ích	Chính quyền ↔ Doanh nghiệp	Sở Du lịch; Thanh tra tỉnh
5. Tính bền vững và khả năng tái đầu tư vào cộng đồng	Số lớp đào tạo cộng đồng tổ chức mỗi năm	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Báo cáo các lớp tập huấn địa phương
	Tỷ lệ tài nguyên văn hóa - môi trường được gìn giữ, phục hồi	Chính quyền ↔ Cộng đồng	Bộ Tài nguyên & Môi trường; UNESCO
	Tỷ lệ khách du lịch quay lại hoặc giới thiệu điểm đến	Cộng đồng ↔ Khách du lịch	Khảo sát định lượng tại Lào Cai (2024)

Nguồn: NCS tổng hợp

Hệ thống chỉ tiêu được xây dựng dựa trên ba nhóm chính:

(1) Nhóm chỉ tiêu định lượng (được tính theo tỷ lệ phần trăm): Dữ liệu phục vụ cho việc tính toán các chỉ tiêu này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy như: điều tra xã hội học, thống kê quản lý nhà nước, khảo sát thực địa, báo cáo của các cơ quan chức năng địa phương (Sở Du lịch, UBND cấp huyện/xã), cũng như phản hồi từ các doanh nghiệp và du khách. Một số công thức tính điển hình bao gồm: Tỷ lệ hộ dân tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng (%) = $(\text{Số hộ có thành viên tham gia hoạt động du lịch} / \text{Tổng số hộ tại địa phương}) \times 100\%$; Tỷ lệ khách du lịch hài lòng (%) = $(\text{Số khách đánh giá mức hài lòng ở mức 4 hoặc 5 trên thang điểm 5} / \text{Tổng số khách được khảo sát}) \times 100\%$.

(2) Nhóm chỉ tiêu thống kê số lượng sự kiện, sản phẩm hoặc hiện tượng: Nhóm này phản ánh số lượng các hoạt động văn hóa - du lịch cụ thể do các chủ thể trong cộng đồng thực hiện, bao gồm: số lớp tập huấn du lịch cộng đồng, số sản phẩm du lịch địa phương được thiết kế và đưa vào phục vụ, số sự kiện giao lưu văn hóa - du lịch được tổ chức, hay thậm chí là số vụ xung đột lợi ích đã được ghi nhận. Dữ liệu cho nhóm chỉ tiêu này chủ yếu lấy từ các báo cáo hoạt động của chính quyền địa phương và tổ chức đoàn thể tại địa phương.

(3) Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường qua thang điểm Likert (1-5): Nhóm này nhằm phản ánh cảm nhận chủ quan và mức độ đồng thuận, hài lòng của các chủ thể tham gia du lịch cộng đồng đối với các khía cạnh của quan hệ lợi ích. Kết quả được tính toán bằng cách lấy trung bình cộng điểm đánh giá theo thang đo Likert (1 = rất không hài lòng; 5 = rất hài lòng). Ví dụ: mức độ hài lòng của người dân địa phương đối với quyền tham gia vào hoạt động du lịch, khả năng được chia sẻ lợi ích hoặc tiếp cận thông tin minh bạch về kế hoạch phát triển du lịch.

Việc thiết kế và áp dụng hệ thống chỉ tiêu nói trên không chỉ đóng vai trò là công cụ phân tích định lượng và định tính phục vụ cho nghiên cứu khoa học, mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng giúp chính quyền địa phương và các bên liên quan xác định chính xác các điểm nghẽn, tiềm năng và xung đột trong quan hệ lợi ích, từ đó đề xuất giải pháp quản lý và điều tiết phù hợp, hướng tới phát triển du lịch cộng

đồng một cách hài hòa, công bằng và bền vững.

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

Theo cách tiếp cận hệ thống và kế thừa phương pháp luận biện chứng duy vật của kinh tế chính trị Mác-xít, các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích có thể được phân chia thành hai nhóm lớn: (1) nhóm yếu tố khách quan - phản ánh điều kiện tồn tại độc lập với ý chí các chủ thể; và (2) nhóm yếu tố chủ quan - phản ánh ý thức, năng lực và hành vi của các chủ thể trong quá trình tham gia và điều phối quan hệ lợi ích.

2.2.3.1. Nhóm yếu tố khách quan

(1) Trình độ phát triển lực lượng sản xuất và cấu trúc sở hữu xã hội. Trong kinh tế chính trị Mác-xít, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt cấu thành phương thức sản xuất, trong đó lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định cuối cùng. C. Mác khẳng định rằng: “Quan hệ sản xuất chỉ phù hợp khi tương ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” [30]. Khi lực lượng sản xuất chưa phát triển, các quan hệ lợi ích cũng mang tính chất lệch pha, dẫn đến bất bình đẳng trong phân phối và mâu thuẫn về quyền kiểm soát giá trị.

Lực lượng sản xuất trong du lịch cộng đồng bao gồm tổng hòa các yếu tố vật chất và tinh thần tạo nên năng lực sản xuất và tái sản xuất giá trị: tài nguyên, lao động, kỹ thuật, tri thức bản địa và phương thức tổ chức. Khi các yếu tố này phát triển ở mức cao, cộng đồng địa phương có khả năng tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị, từ đó nâng cao vai trò chủ thể trong xác lập và điều phối quan hệ lợi ích. Ngược lại, trình độ lực lượng sản xuất thấp sẽ làm hạn chế vị thế tham gia và quyền thương lượng, dẫn đến phân tầng lợi ích theo quyền lực sở hữu và quản trị.

Bên cạnh đó, cấu trúc sở hữu - nhân tố cốt lõi trong tư duy Mác-xít - quy định quyền tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực tạo ra giá trị. Quan hệ lợi ích chỉ mang tính công bằng và bền vững khi hình thức sở hữu bảo đảm tính xã hội hóa, cho phép cộng đồng tham gia thực chất vào quá trình sản xuất và phân phối. Việc thiết lập cơ chế sở hữu đa dạng, dân chủ hóa quyền lực kinh tế là điều kiện tiên quyết để điều hòa lợi ích giữa các chủ thể trong mô hình phát triển cộng đồng.

(2) Môi trường pháp lý và thể chế chính sách: Trong Lý luận kinh tế chính trị Mác-xít, Nhà nước không chỉ là thiết chế siêu cấu trúc mà còn giữ vai trò điều tiết các mối quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội, bảo vệ lợi ích chung và hạn chế sự tha hóa của các quan hệ sản xuất mang tính chiếm dụng. Luận điểm này được V.I. Lênin tổng kết và phát triển sâu sắc trong các tác phẩm của mình về vai trò của Nhà nước trong việc giải quyết mâu thuẫn giai cấp và điều tiết lợi ích [27]. Khi các nhóm lợi ích khác biệt về quyền lực, tài sản và vị thế thị trường, vai trò của thể chế chính sách trở nên đặc biệt quan trọng trong việc phân bổ lại giá trị và tái cấu trúc quan hệ lợi ích một cách hài hòa.

Môi trường pháp lý được xem như là biểu hiện cụ thể của ý chí giai cấp cầm quyền, nhưng trong điều kiện phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa, nó cần đảm bảo tính công bằng xã hội và sự tham gia dân chủ vào quá trình thiết lập và thực thi các quy tắc lợi ích. Hệ thống chính sách không chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của các bên mà còn thiết lập hành lang pháp lý cho việc thương lượng, chia sẻ và giám sát phân phối lợi ích giữa các chủ thể - đặc biệt là giữa cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền.

Từ góc nhìn Mác-xít, nếu thể chế thiên lệch - ví dụ ưu tiên tích lũy tư bản hoặc bảo vệ độc quyền sở hữu - thì quan hệ lợi ích sẽ phản ánh sự bất bình đẳng về quyền lực, dẫn đến xung đột và sự tha hóa trong quan hệ sản xuất. Ngược lại, một thể chế tiên bộ là thể chế bảo đảm quyền tham gia thực chất, minh bạch hóa lợi ích, và có cơ chế phản hồi xã hội hiệu quả. Do đó, môi trường pháp lý và chính sách là điều kiện thiết yếu để thiết lập quan hệ lợi ích hài hòa, công bằng và bền vững trong phát triển du lịch cộng đồng.

(3) Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - văn hóa của điểm đến: Trong lý luận kinh tế chính trị Mác-xít, không gian phát triển không trung tính mà luôn gắn với cấu trúc quyền lực và sở hữu. Các tác phẩm của C. Mác đã phân tích sâu sắc về mối quan hệ giữa không gian, quyền lực và hình thái sở hữu trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội [30]. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - văn hóa không chỉ là tư liệu sản xuất đặc thù trong ngành du lịch, mà còn là nền tảng định hình quan hệ lợi ích giữa các chủ thể thông qua khả năng kiểm soát và khai thác không gian đó.

Những điểm đến có vị trí thuận lợi - gần đô thị, giao thông kết nối, thuộc hành lang phát triển - thường thu hút đầu tư sớm, hình thành chuỗi giá trị du lịch hoàn chỉnh. Trong điều kiện như vậy, các chủ thể có quyền sở hữu hoặc kiểm soát không gian - như chính quyền, doanh nghiệp, hoặc cộng đồng có tổ chức - sẽ nắm vai trò chi phối trong quan hệ lợi ích. Ngược lại, tại các vùng sâu, vùng xa - nơi hạ tầng yếu và cộng đồng thiếu năng lực tổ chức - doanh nghiệp bên ngoài thường chiếm vị thế áp đảo trong chuỗi giá trị, dẫn đến hiện tượng "ngoại hóa lợi ích": cộng đồng bị đẩy vào vị trí phụ thuộc, chỉ hưởng phần giá trị nhỏ trong khi bị khai thác không gian và văn hóa bản địa.

Bên cạnh đó, điều kiện văn hóa - như ngôn ngữ, lễ hội, tri thức dân gian - vốn là nguồn tạo giá trị cốt lõi trong du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, khi thiếu cơ chế pháp lý bảo vệ, tri thức văn hóa bản địa dễ bị thương mại hóa, cộng đồng không có quyền định giá hoặc kiểm soát việc sử dụng, dẫn đến bất bình đẳng trong phân phối lợi ích. Do đó, địa lý và văn hóa không chỉ là nguồn lực phát triển, mà còn là không gian tái cấu trúc các quan hệ lợi ích theo mô hình quan hệ sản xuất mới trong du lịch cộng đồng.

(4) Mức độ ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: Trong bối cảnh phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, công nghệ thông tin và chuyển đổi số đang trở thành nhân tố quyết định trong cấu trúc lại quan hệ sản xuất. Từ góc nhìn kinh tế chính trị Mác-xít, chủ thể nào nắm giữ và làm chủ phương tiện sản xuất hiện đại - trong đó có hạ tầng số, dữ liệu, nền tảng kết nối - thì chủ thể đó có ưu thế trong phân phối giá trị thặng dư. Luận điểm này phù hợp với phân tích của C. Mác và Ph. Ăngghen về vai trò của tư liệu sản xuất trong việc xác lập quan hệ sản xuất và phân phối giá trị [31], [32]. Trong du lịch cộng đồng, công nghệ số đã làm thay đổi toàn diện cách tổ chức dịch vụ, tiếp cận thị trường và quản lý dòng lợi ích giữa các bên.

Nếu cộng đồng địa phương không được tiếp cận công nghệ, thiếu năng lực số hoặc không có quyền kiểm soát nền tảng dữ liệu - như hệ thống đặt phòng, đánh giá khách hàng, quảng bá hình ảnh - thì họ bị đẩy ra khỏi chuỗi giá trị số. Khi đó, doanh nghiệp công nghệ hoặc các nền tảng trung gian nắm quyền chi phối toàn bộ chuỗi cung ứng dịch vụ, kiểm soát thông tin và định đoạt phân phối giá trị, còn cộng

đồng chỉ đóng vai trò thực thi hoặc minh họa văn hóa. Ngược lại, khi có thể ứng dụng công nghệ phù hợp - như quản lý homestay qua phần mềm, quảng bá sản phẩm văn hóa trên mạng xã hội, hay thanh toán điện tử minh bạch - cộng đồng có thể tăng quyền chủ động, mở rộng khả năng thương lượng và tham gia hiệu quả hơn vào phân phối lợi ích. Công nghệ cũng cho phép giám sát minh bạch, giảm thiểu bất bình đẳng và tạo cơ chế phản hồi hai chiều trong quan hệ lợi ích.

Như vậy, công nghệ số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là phương tiện quyền lực mới, tái định hình quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng.

(5) Tác động của hội nhập và cạnh tranh thị trường. Theo quan điểm Kinh tế chính trị Mác-xít, toàn cầu hóa và hội nhập không chỉ là quá trình mở rộng không gian kinh tế, mà còn là sự tái cấu trúc quan hệ sản xuất theo hướng phụ thuộc ngày càng sâu vào thị trường và các thiết chế tư nhân ngoài cộng đồng. Các tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích sâu sắc về quy luật này trong bối cảnh phát triển của chủ nghĩa tư bản [34], [35]. Trong lĩnh vực du lịch cộng đồng, sự tham gia vào chuỗi cung ứng du lịch toàn cầu và khu vực đã đặt các chủ thể bản địa vào một môi trường cạnh tranh không cân xứng.

Trong thị trường mở, các doanh nghiệp có lợi thế về vốn, công nghệ, thương hiệu và khả năng tiếp cận khách hàng nắm quyền định đoạt thị hiếu, giá cả và dòng lợi ích. Ngược lại, cộng đồng - đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa - thiếu năng lực định vị thị trường, thường bị giới hạn trong các khâu có giá trị gia tăng thấp, như cung cấp dịch vụ phụ trợ hoặc thực hiện các hoạt động “minh họa văn hóa” không có quyền kiểm soát. Quan hệ lợi ích theo đó bị phân hóa theo hướng bất lợi cho cộng đồng bản địa. Ngoài ra, quá trình hội nhập còn dẫn tới xu hướng “thị trường hóa bản sắc”, khi văn hóa địa phương bị thương mại hóa để phục vụ tiêu dùng du lịch, trong khi cộng đồng không có quyền sở hữu hay cơ chế thương lượng tương xứng. Điều này làm suy giảm vai trò chủ thể của cộng đồng, dẫn tới tình trạng bị bóc tách khỏi chuỗi giá trị mà chính họ góp phần tạo nên.

Như vậy, hội nhập và cạnh tranh thị trường, nếu không có thiết chế bảo vệ lợi ích yếu thế, sẽ dẫn đến sự tái cấu trúc bất bình đẳng trong quan hệ lợi ích tại

điểm đến du lịch cộng đồng.

(6) Yếu tố an ninh quốc phòng ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng. An ninh quốc phòng là yếu tố khách quan, bởi nó bắt nguồn từ các điều kiện địa chính trị, chính sách nhà nước, và nhu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các chủ thể trong du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, cách chính quyền áp dụng chính sách an ninh (như mức độ kiểm soát, phạm vi hạn chế) mang yếu tố chủ quan, vì phụ thuộc vào quyết định của nhà quản lý, có thể làm gia tăng hoặc giảm mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích. Do đó, luận án xem an ninh quốc phòng là yếu tố khách quan với tác động chủ quan thông qua chính sách, đòi hỏi cơ chế điều phối linh hoạt để hài hòa lợi ích giữa các chủ thể.

An ninh quốc phòng là yếu tố quan trọng định hình quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, đặc biệt tại các khu vực biên giới hoặc địa chính trị nhạy cảm; yếu tố này ảnh hưởng đến cách các chủ thể (cư dân địa phương, khách du lịch, doanh nghiệp du lịch, chính quyền địa phương) tương tác trong sáu cặp quan hệ lợi ích (chính quyền - cộng đồng, chính quyền - doanh nghiệp, chính quyền - khách du lịch, doanh nghiệp - cộng đồng, doanh nghiệp - khách du lịch, cộng đồng - khách du lịch), thông qua vai trò quyền lực nhà nước trong đảm bảo an ninh và định hướng phân phối lợi ích. An ninh quốc phòng, với các khía cạnh như kiểm soát biên giới, quản lý du khách, và bảo vệ tài nguyên chiến lược, tạo ra cả cơ hội (tăng cường ổn định, thu hút du lịch an toàn) và thách thức (hạn chế khai thác kinh tế, mâu thuẫn lợi ích) cho du lịch cộng đồng.

2.2.3.2. Nhóm yếu tố chủ quan

(1) Nhận thức và năng lực của cộng đồng địa phương: Mức độ hiểu biết của người dân về vai trò, quyền lợi, nghĩa vụ và khả năng tham gia vào phát triển du lịch là yếu tố quyết định họ có thể bảo vệ và gia tăng lợi ích hay không. Nếu cộng đồng còn tư duy bị động, trông chờ hoặc thiếu kỹ năng quản lý - kinh doanh, họ dễ bị lấn át trong quá trình phân chia lợi ích. Từ góc độ lý luận, C. Mác từng nhấn mạnh: “Lao động chỉ thực sự tự do khi người lao động ý thức được quyền kiểm soát tư liệu sản xuất và kết quả lao động của mình” [31]. Trong du lịch cộng đồng, điều này có nghĩa là cộng đồng chỉ thực sự làm chủ nếu họ hiểu mình là ai trong chuỗi

giá trị, có khả năng tham gia ở mức độ cao và được trao quyền thương lượng thực chất. Việc nâng cao nhận thức và năng lực cho cộng đồng, do đó, không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật mà còn là điều kiện mang tính phương pháp luận để thiết lập quan hệ lợi ích hài hòa, công bằng và phát triển bền vững.

(2) Năng lực điều hành và đạo đức công vụ của chính quyền địa phương: Chính quyền là người thiết kế và thực thi chính sách phân phối lợi ích. Trình độ quản trị, mức độ minh bạch, năng lực lãnh đạo và thái độ phục vụ cộng đồng của chính quyền địa phương có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hài hòa lợi ích giữa các bên. Nếu cán bộ có tư duy công vụ, gần dân, thì chính quyền sẽ đóng vai trò trung gian tích cực; ngược lại, có thể trở thành tác nhân tạo bất bình đẳng.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo toàn diện hệ thống chính trị, vai trò của cấp ủy Đảng, nhất là ở cấp xã trong công tác định hướng chính sách, điều tiết lợi ích và kiểm soát các biểu hiện thiên lệch có ý nghĩa quan trọng. Một cấp ủy mạnh, có tư duy phát triển và đặt lợi ích cộng đồng lên hàng đầu sẽ đảm bảo quá trình phân phối diễn ra công bằng hơn.

(6) Năng lực liên kết và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể. Trong lý luận Kinh tế chính trị Mác-xít, quan hệ sản xuất không chỉ hình thành thông qua thị trường mà còn phụ thuộc vào cấu trúc quyền lực, thiết chế đại diện và năng lực tổ chức của các chủ thể. Mác và Ăngghen đã phân tích rõ điều này trong nhiều tác phẩm của mình [32], [33]. Trong mô hình du lịch cộng đồng, năng lực liên kết - tức khả năng cộng đồng, doanh nghiệp và chính quyền hợp tác trên nền tảng thể chế - đóng vai trò quyết định trong việc định hình và điều tiết quan hệ lợi ích.

Khi cộng đồng được tổ chức dưới các hình thức tập thể như hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc ban điều phối du lịch cộng đồng, họ có thể nâng cao vị thế thương lượng, kiểm soát giá cả, phân phối dịch vụ và chia sẻ lợi nhuận một cách minh bạch. Mặt khác, nếu thiếu liên kết nội khối và không có kênh phối hợp chính thức với chính quyền và doanh nghiệp, cộng đồng dễ rơi vào thế yếu, bị chia rẽ và lệ thuộc vào các tác nhân kinh tế mạnh hơn. Từ góc nhìn Kinh tế chính trị, thiết chế liên kết không đơn thuần là công cụ hành chính, mà là phương thức tổ chức quan hệ sản xuất mới - nơi cộng đồng chuyển từ vai trò “bị quản lý” sang vai trò chủ thể hợp

tác, giám sát và phân phối lợi ích. Khi vắng bóng cơ chế đối thoại, đồng quyết định và phản hồi hai chiều, các mâu thuẫn lợi ích trở nên khó kiểm soát và tích tụ dần thành xung đột.

Do đó, thể chế hóa mô hình phối hợp ba bên (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng) là điều kiện cần để đảm bảo sự công bằng trong chuỗi giá trị du lịch cộng đồng, đồng thời là bước tiên trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa.

(5) Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Doanh nghiệp có thể đóng vai trò tích cực trong phân bổ lợi ích nếu cam kết dài hạn, đầu tư lại cho cộng đồng, tôn trọng văn hóa bản địa và cùng xây dựng sản phẩm. Tuy nhiên, nếu chỉ chạy theo lợi nhuận, tận dụng tài nguyên mà không chia sẻ, doanh nghiệp sẽ trở thành tác nhân gây bất bình đẳng, như Mác từng cảnh báo: “Lợi nhuận quá mức làm cho tư bản mất đi giới hạn đạo đức và xã hội của nó” [35].

Như vậy, có thể khẳng định quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là sản phẩm của sự tương tác giữa các yếu tố khách quan (thể chế, công nghệ, vị trí, thị trường...) và các yếu tố chủ quan (năng lực cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp). Nhận diện đúng các yếu tố ảnh hưởng là cơ sở quan trọng để đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích, xác định những điểm nghẽn trong quá trình phân phối và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm hướng đến sự phát triển hài hòa, công bằng và bền vững.

2.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG NƯỚC VỀ ĐẢM BẢO QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ BÀI HỌC CHO TỈNH LÀO CAI

2.3.1. Kinh nghiệm của một số địa phương trong nước về đảm bảo quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng

2.3.1.1. Tỉnh Hà Giang

Hà Giang - vùng đất cực Bắc của Tổ quốc - không chỉ nổi bật với cảnh quan hùng vĩ của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, mà còn là địa phương tiên phong trong xây dựng mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa bản địa và tạo sinh kế cho người dân. Với hệ thống 40 làng văn hóa du lịch,

trong đó có 16 làng đạt chuẩn, Hà Giang đã bước đầu thiết lập nền tảng hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, biến tiềm năng di sản thành động lực phát triển kinh tế tại chỗ.

(1) Vai trò của chính quyền trong định hình cơ chế phân phối lợi ích: Chính quyền tỉnh Hà Giang giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo khung thể chế và chính sách phát triển du lịch cộng đồng. Một trong những dấu mốc quan trọng là việc ban hành Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 về phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hà Giang đến năm 2030 [48], trong đó xác định du lịch cộng đồng là một hướng đi chiến lược trong cơ cấu kinh tế - xã hội của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quyết định này đã tạo nền tảng pháp lý để triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng, cải tạo nhà dân làm homestay và kết nối với chương trình OCOP. Tỉnh đã bố trí khoảng 16,285 tỷ đồng để hỗ trợ hơn 270 hộ dân phát triển dịch vụ lưu trú du lịch, giúp họ có thêm nguồn thu nhập ổn định.

Bên cạnh đó, Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch (2018) của tỉnh Hà Giang [48] đã quy định cụ thể vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, trong đó yêu cầu các doanh nghiệp lữ hành phải ưu tiên sử dụng tối thiểu 60% lao động là người địa phương và tiêu thụ ít nhất 40% nông sản tại chỗ. Chính quyền các cấp đóng vai trò điều tiết, giám sát, đồng thời tạo điều kiện về đào tạo nghề, xây dựng thương hiệu bản làng, nâng cao năng lực cho cán bộ bản, hợp tác xã và các tổ chức cộng đồng. Vai trò "Nhà nước kiến tạo phát triển" được thể hiện rõ trong việc thiết lập mặt bằng thể chế ban đầu cho việc vận hành quan hệ lợi ích theo hướng hài hòa giữa các chủ thể.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, vẫn còn tồn tại một số bất cập. Việc thực hiện quy hoạch chưa đồng đều giữa các huyện, nhiều điểm du lịch còn thiếu cơ sở hạ tầng đồng bộ, thiếu hướng dẫn kỹ thuật để vận hành mô hình HTX hoặc tổ hợp tác du lịch. Một số chính sách vẫn mang tính chất hỗ trợ từ trên xuống, chưa dựa trên nhu cầu thực tế và khả năng tham gia của người dân, dẫn tới tình trạng "trợ cấp hóa" hoạt động du lịch cộng đồng.

(2) Văn hóa bản địa là nền tảng xác lập quyền lợi của cộng đồng: Tỉnh Hà Giang đã khai thác hiệu quả các yếu tố văn hóa truyền thống như lễ hội Gầu Tào

của người Mông, nghề dệt lanh, múa cồng chiêng của người Lô Lô, nghệ thuật kiến trúc nhà trình tường... để tạo nên các sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với trải nghiệm văn hóa. Các hoạt động này không chỉ giúp tăng thu nhập cho cộng đồng mà còn khẳng định vị thế chủ thể của người dân địa phương đối với tài nguyên du lịch.

Diễn hình là mô hình tại làng Lô Lô Chải (Đồng Văn), nơi cộng đồng vẫn gìn giữ được cấu trúc làng cổ, kiến trúc nhà truyền thống và thực hiện các hoạt động biểu diễn định kỳ phục vụ du khách. Nhờ vào sự kết hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân, mỗi hộ dân tại đây có thể thu về khoảng 100 triệu đồng/năm từ vé tham quan, dịch vụ lưu trú và bán hàng lưu niệm. Mô hình này góp phần làm rõ vai trò của di sản văn hóa trong việc hình thành tài sản sở hữu cộng đồng, từ đó tạo cơ sở phân phối lợi ích theo chiều sâu và dài hạn.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng nhiều hoạt động văn hóa vẫn còn mang tính trình diễn, thiếu chiều sâu trải nghiệm; một số địa phương có dấu hiệu "thương mại hóa cực đoan" di sản, dẫn đến nguy cơ mất bản sắc. Việc thiếu các thiết chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cộng đồng, cũng như thiếu công cụ chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng văn hóa truyền thống cho mục đích kinh doanh, khiến cộng đồng ở một số điểm du lịch vẫn ở thế yếu trong đàm phán và bảo vệ quyền lợi.

(3) Mô hình hợp tác xã - hạt nhân điều tiết quan hệ lợi ích nội sinh: Tại Thôn Tha (xã Phương Độ, TP Hà Giang), mô hình HTX du lịch cộng đồng được xem là một bước tiến trong tổ chức lại quan hệ sản xuất ở khu vực nông thôn miền núi. Mỗi hộ tham gia HTX góp vốn 10 triệu đồng, được phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ: 70% từ dịch vụ lưu trú, 30% từ sản phẩm thủ công. Các thành viên được phân công chuyên môn hóa theo tổ chức: tổ ẩm thực, tổ hướng dẫn viên, tổ vệ sinh môi trường..., nhờ đó hiệu quả dịch vụ tăng 25% so với trước.

HTX còn đóng vai trò thương thảo với các công ty lữ hành (5 đơn vị hợp đồng thường xuyên), bảo đảm 80% công suất phòng quanh năm. Điều này cho thấy mô hình HTX có thể giúp cộng đồng nâng cao năng lực tổ chức, củng cố tiếng nói thương lượng và điều tiết phân phối lợi ích một cách dân chủ hơn. Đây là minh chứng cho hình thức sở hữu tập thể kiểu mới phù hợp với định hướng kinh tế thị

trường xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy không phải HTX nào cũng vận hành hiệu quả. Một số nơi thiếu người có năng lực quản trị, thiếu vốn hoạt động, dẫn tới HTX chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Ngoài ra, chưa có cơ chế pháp lý cụ thể bảo vệ quyền lợi các thành viên trong trường hợp mâu thuẫn lợi ích hoặc rút khỏi HTX, điều này hạn chế niềm tin và tính bền vững của mô hình.

(4) Gắn kết lợi ích kinh tế với bảo vệ môi trường - hướng đến du lịch xanh: Tỉnh Hà Giang đã triển khai chiến dịch “Hà Giang nói không với rác thải”, khuyến khích các cơ sở du lịch thay thế túi nilon bằng lá dong, ống hút tre, đồng thời xây dựng 20 điểm thu gom rác tái chế dọc Quốc lộ 4C. Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi thuế 10% cho các cơ sở homestay đạt chuẩn “du lịch xanh” ASEAN đã khuyến khích hơn 30 hộ cải tạo nhà ở, đầu tư hệ thống xử lý nước thải, tiết kiệm năng lượng và nâng cao tiêu chuẩn phục vụ.

Việc lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường vào hệ thống chính sách du lịch không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ, mà còn góp phần tái cơ cấu phân phối lợi ích theo hướng lâu dài, bền vững, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong giữ gìn tài nguyên - nguồn lực quan trọng nhất cho phát triển du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, tại một số điểm, nhận thức của người dân về môi trường còn thấp, ý thức thực hiện cam kết “xanh” chưa ổn định, chủ yếu vẫn dựa vào vận động hành chính chứ chưa thành tự giác.

Tóm lại, thành công của Hà Giang là đã bước đầu thể chế hóa được quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, thông qua các quyết định hành chính cụ thể, mô hình HTX dân chủ và việc tái lập vai trò chủ thể của cộng đồng thông qua di sản văn hóa và sinh thái. Quan hệ lợi ích được tái cấu trúc theo hướng hài hòa hơn giữa chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất là sự thiếu ổn định trong vận hành các mô hình phân phối lợi ích, sự phụ thuộc quá lớn vào hỗ trợ của chính quyền, thiếu chiến lược dài hạn để nâng cao năng lực nội sinh của cộng đồng. Việc giám sát minh bạch, bảo vệ quyền lợi văn hóa - tài nguyên của người dân vẫn còn bị xem nhẹ. Vì vậy, đảm bảo quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng, Hà Giang cần tiếp tục thể chế hóa mô hình HTX hoặc tổ hợp tác có

tư cách pháp lý rõ ràng; xây dựng hệ thống kiểm soát, minh bạch hóa phân phối lợi ích; đầu tư vào nâng cao năng lực cộng đồng để họ thực sự là chủ thể - không chỉ về mặt biểu tượng mà cả về sở hữu, quyết định và hưởng lợi trong phát triển du lịch cộng đồng.

2.3.1.2. Tỉnh Hòa Bình

Hòa Bình - cửa ngõ vùng Tây Bắc - không chỉ sở hữu tiềm năng tự nhiên và bản sắc văn hóa phong phú của dân tộc Mường, mà còn là một trong những địa phương sớm thiết lập mô hình du lịch cộng đồng có định hướng chiến lược rõ ràng. Từ góc nhìn kinh tế chính trị, có thể nhận diện một số điểm nổi bật trong cách tỉnh Hòa Bình tổ chức quan hệ lợi ích giữa các tác nhân tham gia vào chuỗi giá trị du lịch cộng đồng, bao gồm cộng đồng địa phương, doanh nghiệp, chính quyền và các tổ chức trung gian.

(1) Chính quyền chủ động kiến tạo thể chế định hướng lợi ích nhưng thiếu cơ chế thực thi. Chính quyền Hòa Bình đã thể hiện vai trò tích cực trong định hướng phân phối lợi ích bằng việc ban hành Đề án phát triển Du lịch Cộng đồng giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030 [49]. Trong đó, chính sách công được sử dụng như công cụ can thiệp thị trường nhằm bảo vệ lợi ích nhóm yếu thế (người dân bản địa), đồng thời thiết lập nguyên tắc phân phối lợi ích gắn với xây dựng nông thôn mới và sản phẩm OCOP. Nhà nước cung cấp các yếu tố đầu vào cho cộng đồng (hạ tầng, vốn vay, đào tạo), thể hiện cơ chế “hỗ trợ thay vì quản lý trực tiếp”.

Tuy nhiên, điểm yếu của hệ thống thể chế tại đây là thiếu vắng thiết chế phối hợp và giám sát quá trình thực thi lợi ích giữa các chủ thể. Chính sách chưa cụ thể hóa tỷ lệ phân chia giá trị gia tăng trong chuỗi dịch vụ, dẫn đến tình trạng một số hộ có lợi thế vị trí, vốn hoặc quan hệ độc quyền tiếp cận khách du lịch thu được phần lớn lợi ích, trong khi các hộ yếu thế bị gạt ra ngoài lề chuỗi giá trị. Đây là điển hình của sự tái sản xuất bất bình đẳng trong phân phối nguồn lực phát triển.

(2) Văn hóa Mường như một “tài sản sản xuất”, nhưng quyền sở hữu vẫn chưa được xác lập rõ ràng. Hòa Bình đã thành công trong việc “kinh tế hóa” các yếu tố văn hóa dân tộc Mường (nhà sàn, lễ hội, rượu cần, dệt thổ cẩm...), tạo ra giá trị gia tăng đáng kể từ biểu tượng cộng đồng. Tuy nhiên, trong mô hình kinh tế chính

trị, nếu các yếu tố này không được xác lập là “tài sản cộng đồng” có pháp lý, thì chủ thể cung cấp văn hóa - chính là cộng đồng - sẽ không có quyền thương lượng công bằng về phân lợi ích tương ứng.

Thực tế cho thấy, việc sử dụng văn hóa để phục vụ du lịch diễn ra phổ biến nhưng chưa có quy chế chia sẻ lợi nhuận cụ thể giữa các hộ dân, hay giữa cộng đồng và doanh nghiệp. Khi giá trị văn hóa bị “hàng hóa hóa” mà không đi kèm với bảo hộ quyền sở hữu, thì người nắm quyền phân phối sản phẩm cuối cùng - thường là doanh nghiệp - sẽ chiếm phần lớn giá trị thặng dư văn hóa, còn cộng đồng chỉ nhận được thu nhập giản đơn từ dịch vụ đầu cuối.

(3) Mô hình nhóm hộ - biểu hiện ban đầu của quyền lực cộng đồng tự tổ chức quan hệ lợi ích. Một điểm sáng trong kinh nghiệm của Hòa Bình là sự hình thành các tổ chức cộng đồng tự nguyện dưới dạng nhóm hộ hoặc tổ du lịch. Đây là hình thức quản trị lợi ích ở cấp vi mô, giúp giảm cạnh tranh không lành mạnh và duy trì sự đồng thuận trong cộng đồng. Những quy ước nội bộ như phân chia khách, góp quỹ sửa hạ tầng, niêm yết giá... chính là công cụ “phi chính thức” để điều tiết lợi ích và tạo ra tính công bằng tương đối.

Tuy nhiên, thiếu khung pháp lý khiến các nhóm hộ này không đủ năng lực đối thoại với doanh nghiệp hoặc chính quyền khi có xung đột lợi ích xảy ra. Họ cũng khó mở rộng quy mô liên kết hoặc tiếp cận các nguồn lực bên ngoài. Việc không thể chế hóa được các tổ chức này là một hạn chế lớn, dẫn đến nguy cơ tái xuất hiện mô hình “trung gian chi phối” từ các hộ mạnh hơn hoặc bên ngoài, làm xói mòn tính tự chủ cộng đồng trong quá trình phát triển.

(4) Mối quan hệ bất đối xứng giữa doanh nghiệp và cộng đồng - thiếu cơ chế phân chia minh bạch. Một vấn đề nổi cộm trong DLCĐ tại Hòa Bình là mối quan hệ lợi ích không cân xứng giữa cộng đồng và các công ty du lịch. Các doanh nghiệp nắm giữ quyền phân phối khách, định giá tour và điều phối lịch trình, trong khi cộng đồng chủ yếu tham gia vào các khâu cung ứng dịch vụ đầu cuối với giá trị gia tăng thấp. Việc thiếu hợp đồng rõ ràng, không có quy định về tỷ lệ ăn chia hoặc các cơ chế bảo vệ như khiếu nại, đàm phán tập thể, khiến cộng đồng trở thành bên yếu thế trong thương lượng lợi ích.

Tình trạng doanh nghiệp tổ chức tour mà không thông báo hoặc chia sẻ lợi ích với người dân địa phương là biểu hiện rõ nét của “chiếm dụng giá trị văn hóa - xã hội” trong mô hình lợi ích bất đối xứng. Đây là hệ quả tất yếu khi thể chế giám sát và đại diện lợi ích cộng đồng còn thiếu vắng.

(5) Yếu tố năng lực cộng đồng - nền tảng của quan hệ lợi ích bền vững. Kinh nghiệm tại các điểm DLCĐ như bản Lác cho thấy sự tồn tại của đội ngũ lãnh đạo cộng đồng có uy tín (trưởng bản, nhóm trưởng du lịch) là yếu tố then chốt để duy trì trật tự phân phối giá trị. Những nơi có khả năng tổ chức cộng đồng tốt, thường có cơ chế luân phiên đón khách, thống nhất giá cả và giải quyết tranh chấp nội bộ hiệu quả. Ngược lại, sự vắng mặt của năng lực lãnh đạo cộng đồng dẫn đến mâu thuẫn nội bộ, độc quyền dịch vụ và bất công trong hưởng lợi.

Từ góc nhìn kinh tế chính trị, “năng lực cộng đồng” chính là biến số then chốt ảnh hưởng đến khả năng tái phân phối công bằng giá trị thặng dư trong quá trình phát triển. Nó đóng vai trò như một thiết chế tự quản, thay thế phần nào cho các thể chế chính thức còn thiếu vắng tại cấp cơ sở.

2.3.1.3. Tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh miền núi lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, nơi sinh sống của 12 dân tộc thiểu số với hơn 53% dân số là người Thái. Với hệ sinh thái đa dạng và kho tàng văn hóa bản địa phong phú, Sơn La không chỉ có lợi thế phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ) mà còn có điều kiện để thiết lập các cơ chế phân phối giá trị công bằng, góp phần bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể. Những năm gần đây, tỉnh đã tích cực triển khai nhiều sáng kiến đảm bảo quan hệ lợi ích trong DLCĐ, tập trung vào quyền lợi của cộng đồng - chủ thể trung tâm của các điểm đến.

(1) Gắn phát triển DLCĐ với chương trình tái định cư - cơ chế phân phối lại lợi ích xã hội. Một trong những thực tiễn đáng chú ý nhất ở Sơn La là việc lồng ghép chính sách phát triển DLCĐ với chương trình tái định cư thủy điện Sơn La. Sau khi hàng nghìn hộ dân được di dời về khu vực ven lòng hồ, chính quyền tỉnh đã chủ động xây dựng Đề án phát triển du lịch khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La (2017-2025) [54], coi đây là công cụ tái cấu trúc sinh kế và phân phối lại lợi ích xã

hội thông qua chuỗi giá trị DLCĐ. Việc đầu tư hạ tầng, hỗ trợ đào tạo nghề du lịch, định hướng phát triển sản phẩm gắn với trải nghiệm bản địa (ẩm thực, chài lưới, lưu trú homestay) đã giúp nhiều hộ dân có cơ hội tham gia vào thị trường du lịch mới hình thành.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy nếu không có cơ chế giám sát việc thực hiện chính sách sau tái định cư, nguy cơ mất cân đối lợi ích giữa các nhóm dân cư là rất lớn. Một số hộ thiếu kỹ năng và kết nối thị trường đã không thể tham gia chuỗi giá trị du lịch, dẫn đến phân hóa lợi ích ngay trong nội bộ cộng đồng. Điều này đặt ra bài học quan trọng về việc thiết kế đồng bộ chính sách hỗ trợ - từ phân bổ tài nguyên đến xây dựng năng lực - để lợi ích DLCĐ không chỉ là hỗ trợ hành chính ngắn hạn, mà là cơ hội phát triển bền vững.

(2) Khai thác di sản văn hóa Thái - Mông: Tái định vị quyền sở hữu và phân phối lợi ích. Sơn La đã thành công trong việc chuyển hóa các giá trị văn hóa của dân tộc Thái và Mông thành sản phẩm du lịch đặc trưng. Các điểm đến như Hua Tật, bản Áng hay bản Chiềng Yên đã tạo điều kiện để cộng đồng địa phương trực tiếp cung ứng dịch vụ - từ biểu diễn văn nghệ, nấu ăn, hướng dẫn du lịch đến lưu trú - với tư cách là chủ sở hữu tài nguyên và người thụ hưởng chính sách.

Tuy nhiên, việc thiếu khung pháp lý bảo vệ sở hữu văn hóa cộng đồng đã dẫn đến tình trạng một số đơn vị khai thác giá trị di sản mà không hoàn trả lợi ích tương xứng cho cộng đồng. Kinh nghiệm của Sơn La cho thấy, để quan hệ lợi ích trong khai thác văn hóa được công bằng, cần định danh rõ quyền sở hữu tài nguyên văn hóa và quy định tỷ lệ phân phối lợi nhuận hợp lý cho cộng đồng. Đây là yếu tố then chốt trong cân bằng giữa bảo tồn và khai thác.

(3) Nhóm liên kết hộ - mô hình “tập thể hóa mềm” giúp dân chủ hóa lợi ích. Thay vì mô hình hợp tác xã chính thức, Sơn La đã hình thành các nhóm liên kết hộ dân - một kiểu tổ chức tự nguyện, linh hoạt, tự quản, phù hợp với đặc thù địa hình miền núi và văn hóa cộng đồng. Việc thống nhất giá dịch vụ, chia sẻ khách, luân phiên tổ chức và trích quỹ bảo trì cơ sở hạ tầng chung đã tạo nên một cơ chế phân phối lợi ích dựa trên đồng thuận, giảm thiểu xung đột, tăng cường tính liên kết xã hội và thúc đẩy phát triển công bằng.

Tuy nhiên, việc thiếu tư cách pháp nhân khiến các nhóm hộ khó khăn khi đối thoại với doanh nghiệp, tiếp cận vốn hoặc ký kết hợp đồng. Kinh nghiệm từ Sơn La khẳng định tầm quan trọng của việc thể chế hóa mô hình liên kết hộ, tạo hành lang pháp lý để bảo vệ lợi ích cộng đồng khi xảy ra tranh chấp hoặc tham gia vào các quan hệ đối tác phức tạp hơn trong du lịch.

(4) Liên kết vùng - mở rộng không gian lợi ích nhưng cần cơ chế chia sẻ giá trị. Sơn La đã tích cực tham gia các chuỗi du lịch liên tỉnh như tuyến du lịch đường thủy sông Đà, chương trình Ngày hội văn hóa - du lịch Tây Bắc. Việc tham gia vào mạng lưới liên kết vùng giúp cộng đồng mở rộng thị trường, tiếp cận khách ngoài tỉnh và quốc tế. Đây là cơ hội để gia tăng giá trị cho sản phẩm bản địa.

Tuy nhiên, trong mô hình chuỗi giá trị mở rộng, nếu không có cơ chế giám sát và chia sẻ lợi ích rõ ràng, cộng đồng dễ bị doanh nghiệp lừa hành chiếm lợi nhuận lớn. Họ bị phụ thuộc vào luồng khách từ các công ty trung gian mà không có khả năng kiểm soát giá trị tạo ra. Tỉnh Sơn La cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý ràng buộc về hợp đồng, đại diện lợi ích cộng đồng và tiêu chí phân chia doanh thu giữa các tác nhân trong chuỗi liên kết du lịch.

(5) Nâng cao nhận thức và năng lực cộng đồng - nền tảng bảo vệ lợi ích tự thân. Cộng đồng Sơn La có tinh thần đoàn kết, tự xây dựng quy ước chia khách, bảo vệ cảnh quan và tài nguyên. Tuy nhiên, phần lớn hộ dân vẫn thiếu kiến thức về quản trị dịch vụ, kế toán, marketing và thương lượng. Khi năng lực quản lý thấp, cộng đồng khó giám sát đối tác và khó bảo vệ lợi ích của mình trong các quan hệ đối tác không cân xứng.

Kinh nghiệm từ Sơn La nhấn mạnh rằng, để quan hệ lợi ích trong DLCĐ được bảo vệ lâu dài, cộng đồng cần được đào tạo toàn diện về kỹ năng vận hành, giám sát, phân tích chi phí - lợi ích và tham gia vào xây dựng cơ chế chính sách. Chính quyền địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế các chương trình nâng cao năng lực gắn với quy hoạch lợi ích dài hạn.

2.3.2. Một số bài học cho tỉnh Lào Cai

Qua phân tích thực tiễn tổ chức và vận hành mô hình du lịch cộng đồng tại các tỉnh Hà Giang, Hòa Bình và Sơn La - những địa phương có điều kiện tự nhiên,

xã hội và văn hóa tương đồng với Lào Cai - có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo trong thiết lập và duy trì quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai như sau:

Thứ nhất, cần xác lập vai trò kiến tạo, điều tiết và giám sát của chính quyền địa phương trong thiết lập khung thể chế phân phối lợi ích. Như ở Hà Giang, việc ban hành Quyết định 1646/QĐ-UBND và Bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để định hướng trách nhiệm giữa chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng. Lào Cai cần đẩy mạnh thể chế hóa bằng các văn bản cụ thể về phát triển du lịch cộng đồng, trong đó làm rõ quyền - nghĩa vụ - lợi ích của từng chủ thể, nhất là cơ chế giám sát minh bạch các hợp đồng kinh tế và hoạt động phân phối lợi nhuận.

Thứ hai, bài học từ Hòa Bình và Sơn La cho thấy: bảo tồn văn hóa bản địa không chỉ là mục tiêu phụ trợ, mà phải trở thành nền tảng phân phối lợi ích. Khi cộng đồng làm chủ giá trị văn hóa (lễ hội, nhà cổ, nghề truyền thống, tri thức dân gian), họ có vị thế đàm phán tốt hơn và thu được phần lợi ích xứng đáng trong chuỗi giá trị du lịch. Lào Cai có lợi thế về di sản văn hóa dân tộc thiểu số (Mông, Dao, Giáy, Hà Nhì...), do đó cần thúc đẩy quá trình “du lịch hóa có kiểm soát” di sản, đồng thời xây dựng cơ chế pháp lý bảo vệ sở hữu cộng đồng đối với tài nguyên văn hóa - tránh thương mại hóa cực đoan hoặc bị chiếm dụng bởi các tổ chức trung gian.

Thứ ba, mô hình tổ chức cộng đồng đóng vai trò trung tâm trong việc điều tiết quan hệ lợi ích nội sinh. Trong khi Hà Giang phát triển HTX chính thức, Sơn La lại tổ chức các nhóm liên kết hộ phù hợp với điều kiện miền núi phân tán. Với đặc điểm đa dân tộc, địa hình chia cắt, Lào Cai có thể lựa chọn mô hình hỗn hợp: khuyến khích HTX ở những vùng có năng lực tổ chức, đồng thời công nhận và hỗ trợ pháp lý cho các nhóm hộ tự quản. Quan trọng hơn, các tổ chức này phải có cơ chế chia sẻ lợi ích công khai, được giám sát bởi cộng đồng và chính quyền cấp xã.

Thứ tư, cần xây dựng cơ chế liên kết bền vững giữa cộng đồng và doanh nghiệp. Bài học từ cả ba tỉnh cho thấy, nếu không có hợp đồng ràng buộc rõ ràng, doanh nghiệp dễ chiếm ưu thế trong phân phối lợi nhuận. Lào Cai cần xây dựng mẫu hợp đồng khung, tổ chức đối thoại định kỳ giữa các bên và thiết lập cơ chế hòa

giải khi có xung đột lợi ích.

Thứ năm, năng lực cộng đồng là yếu tố quyết định mức độ công bằng trong quan hệ lợi ích. Lào Cai cần đầu tư dài hạn cho đào tạo, truyền thông, nâng cao năng lực quản trị, tài chính, kỹ thuật và pháp lý cho người dân. Khi cộng đồng đủ năng lực làm chủ và giám sát chuỗi du lịch, quan hệ lợi ích mới thực sự hài hòa, bền vững và công bằng.

Tóm tắt chương 2

Chương 2 trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn về quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng. Luận án làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò của quan hệ lợi ích và xác định sáu cặp quan hệ giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và khách du lịch. Tác giả đề xuất năm nhóm tiêu chí đánh giá gồm: công bằng, hài hòa, tham gia, minh bạch và bền vững. Trên cơ sở khảo cứu thực tiễn tại Hà Giang, Hòa Bình và Sơn La, chương 2 rút ra các bài học như: cần thể chế hóa mô hình tổ chức cộng đồng linh hoạt, xây dựng hợp đồng hợp tác rõ ràng với doanh nghiệp, và phát huy vai trò điều tiết - giám sát của chính quyền trong phân phối lợi ích du lịch cộng đồng.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

3.1. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và tài nguyên phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai

Tỉnh Lào Cai, nằm ở vùng biên giới phía Bắc Việt Nam, là điểm hội tụ giữa Đông Bắc và Tây Bắc, cách Thủ đô Hà Nội 265 km theo đường bộ. Với diện tích 6.364,03 km², Lào Cai sở hữu vị trí địa lý chiến lược, tiếp giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) qua 203 km đường biên, đồng thời là cửa ngõ giao thương quan trọng trên hành lang kinh tế Côn Minh - Hải Phòng. Địa hình tỉnh phân tầng phức tạp, được chia thành ba khu vực dựa trên điều kiện phát triển: vùng thuận lợi (khu vực I), vùng khó khăn (khu vực II), và vùng đặc biệt khó khăn (khu vực III). Đỉnh Fansipan (3.143 m) thuộc dãy Hoàng Liên Sơn không chỉ là "nóc nhà Đông Dương" mà còn tạo nên hệ sinh thái đa dạng với 7 kiểu khí hậu, từ nhiệt đới đến ôn đới, thuận lợi cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái [4].

Về tài nguyên thiên nhiên, Lào Cai được thiên nhiên ưu đãi với hệ thống sông Hồng, sông Chảy cùng mạng lưới suối, thác hùng vĩ như Thác Bạc, Thác Tình Yêu. Vườn quốc gia Hoàng Liên, diện tích 29.845 ha, là "kho báu" đa dạng sinh học với 2.847 loài thực vật và 555 loài động vật, trong đó 66 loài có tên trong Sách đỏ Việt Nam. Tài nguyên rừng chiếm 60% diện tích toàn tỉnh, đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn hệ sinh thái và phát triển du lịch bền vững. Đặc biệt, nguồn khoáng sản phong phú (đồng, sắt, apatit) và các mạch nước khoáng chưa được khai thác toàn diện hứa hẹn tiềm năng cho ngành công nghiệp và du lịch chữa bệnh.

Trên phương diện kinh tế - xã hội, Lào Cai là nơi sinh sống của 25 dân tộc, trong đó người H'Mông, Tày, Dao, Thái chiếm tỷ lệ đáng kể, tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc. Dân số năm 2020 đạt 746.355 người, mật độ 106 người/km², tập trung chủ yếu tại thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa. Sau 35 năm tái lập tỉnh (1991-2024),

Lào Cai đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế ấn tượng, GRDP năm 2020 gấp 27 lần so với năm 1991 [4]. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp luyện kim - hóa chất, và du lịch trở thành ba trụ cột chính. Đến năm 2020, 54 xã đạt chuẩn nông thôn mới, hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế được cải thiện đáng kể, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55% [4].

Về tiềm năng du lịch cộng đồng, Lào Cai sở hữu nhiều lợi thế nổi bật với khoảng 40 làng văn hóa du lịch cộng đồng, trong đó có 16 làng đã đạt chuẩn [4]. Các sản phẩm du lịch gắn liền với bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số như lễ hội Gầu Tào của người H'Mông, Tết Nhảy của người Dao Đỏ, chợ phiên Bắc Hà - nơi giao thoa văn hóa vùng cao, cùng các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, đan lát... đã tạo nên những trải nghiệm độc đáo, hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước. Mô hình homestay phát triển mạnh, với 431 cơ sở chủ yếu tập trung tại các địa phương như Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà, mang lại thu nhập ổn định cho người dân, dao động từ 70 đến 200 triệu đồng/hộ/năm [4]. Du lịch cộng đồng tại Lào Cai không chỉ góp phần xóa đói giảm nghèo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hóa, như bãi đá cổ Sa Pa - một di tích khảo cổ độc đáo đang được đề nghị UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư đồng bộ: hệ thống đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai kết nối liên vùng; cảng hàng không Sa Pa dự kiến vận hành trước 2025; đường sắt Hà Nội - Lào Cai liên thông với Vân Nam. Thành phố Lào Cai và Sa Pa tập trung 57% cơ sở lưu trú toàn tỉnh, bao gồm 3 khách sạn 5 sao và hàng trăm homestay đạt chuẩn [4]. Tuy nhiên, thách thức lớn nằm ở việc phân bố không đều hạ tầng giữa các vùng, đặc biệt tại khu vực III (vùng sâu, biên giới), nơi giao thông chia cắt và dịch vụ xã hội còn hạn chế.

Nguồn nhân lực du lịch tuy tăng trưởng nhanh (42,2%/năm giai đoạn 2016-2019) nhưng chưa đáp ứng nhu cầu. Năm 2022, toàn tỉnh có 13.000 lao động trong ngành, trong đó chỉ 8.500 lao động trực tiếp, với 45% qua đào tạo [4]. Điều này đòi hỏi tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, và quản lý dịch vụ để nâng cao chất lượng trải nghiệm du khách.

Tóm lại, Lào Cai hội tụ đầy đủ yếu tố để phát triển du lịch cộng đồng bền

vững: đa dạng sinh thái, di sản văn hóa đặc sắc, và vị thế địa chính trị quan trọng. Việc kết hợp giữa bảo tồn bản sắc dân tộc, khai thác tài nguyên thiên nhiên thông minh, và phát triển hạ tầng đồng bộ sẽ biến Lào Cai thành điểm đến hàng đầu của du lịch vùng cao, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương theo hướng bao trùm và bền vững.

3.1.2. Tình hình phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Tỉnh Lào Cai là một trong những địa phương tiên phong trong phát triển du lịch cộng đồng tại Việt Nam, với quá trình hình thành sớm, mang tính chất định hướng và huy động cao. Ngay từ những năm cuối thế kỷ XX, Lào Cai đã tiếp nhận và triển khai thí điểm các mô hình DLCĐ gắn với xóa đói, giảm nghèo cho đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiêu biểu là dự án hợp tác với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới (WWF) và Tổ chức Bánh mì thế giới (Bread for the World) tại huyện Sa Pa, với hai mô hình ban đầu được thí điểm tại các xã Bản Hồ và San Sả Hồ.

Giai đoạn trước năm 2015, hoạt động DLCĐ phát triển tự phát, phần lớn tập trung tại Sa Pa, thiếu quy hoạch và công tác quản lý nhà nước chính thức. Tuy nhiên, bản chất ngắn hạn này lại là bệ phóng để Lào Cai có được những trải nghiệm ban đầu về phương thức tổ chức, huy động cộng đồng và cách thức khai thác tài nguyên bản địa phục vụ du lịch.

Từ sau năm 2015, du lịch cộng đồng đã được đưa vào quy hoạch và trở thành một trong những định hướng chiến lược trong phát triển du lịch tỉnh. Theo Quyết định số 4876/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 [51] và Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 [52], DLCĐ được xác định là một trong sáu dòng sản phẩm du lịch chủ đạo, đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao trải nghiệm, gia tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của du khách.

UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành nhiều văn bản điều phối các chương trình phát triển DLCĐ: Kế hoạch số 163/KH-UBND (09/5/2018) về phát triển DLCĐ gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 [53]; Kế hoạch số 101/KH-UBND (27/3/2018) về DLCĐ gắn với bảo tồn văn hóa dân tộc và khai thác tài nguyên Sa Pa [54]; và Kế hoạch số 351/KH-UBND (25/10/2021) về phát triển DLCĐ theo chuẩn ASEAN gắn với bản sắc 5 dân tộc thiểu số Sa Pa [55].

Mặc dù chưa có hướng dẫn chính thức từ trung ương về mô hình quản lý DLCĐ, nhưng UBND thị xã Sa Pa đã chủ động ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND (16/01/2016) về quy chế quản lý hoạt động DLCĐ [56], đồng thời thành lập Ban Quản lý tại các xã như Tả Van, Bản Hồ, Tả Phìn, Hầu Thào và Lao Chải. Mỗi ban gồm 7 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch UBND xã.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 13 điểm DLCĐ được công nhận, chiếm khoảng 35% tổng số điểm du lịch. Ngoài các khu vực truyền thống như Sa Pa và Bắc Hà, mô hình DLCĐ đang dần lan tỏa tới các địa bàn khác như Bát Xát, Bảo Yên, góp phần hình thành không gian du lịch rộng khắp tỉnh.

Hoạt động liên kết phát triển du lịch giữa các địa phương đã từng bước được thiết lập, hình thành các tuyến du lịch liên kết như: Sa Pa - Bắc Hà - Bảo Yên - Y Tý. Việc kết nối không gian du lịch giữa các huyện đã giúp kéo dài thời gian lưu trú, phân bổ dòng khách đồng đều hơn, đồng thời giảm tải cho các điểm du lịch quá nổi tiếng như thị xã Sa Pa.

Các loại hình sản phẩm du lịch cộng đồng tại Lào Cai được thiết kế khá phong phú và gắn với lợi thế bản địa. Nhóm sản phẩm lưu trú chủ yếu là các homestay do người dân tự quản lý, được xây dựng trên nền tảng kiến trúc nhà truyền thống của các dân tộc như Mông, Dao, Hà Nhì. Về ẩm thực, các món đặc sản như gạo Sóng Cù, lợn đen cắp nách, tương ớt Mường Khương, rượu ngô Bắc Hà là những trải nghiệm ẩm thực hấp dẫn du khách. Hoạt động trải nghiệm cũng được tổ chức đa dạng, bao gồm dệt thổ cẩm, nhuộm vải chàm, tắm thuốc lá người Dao đỏ, hoặc cùng người dân tham gia vào các công việc đồng áng. Đặc biệt, những sự kiện thể thao - văn hóa như đua ngựa truyền thống Bắc Hà, lễ hội Gầu Tào, marathon vượt núi hay lễ hội mùa lúa chín đã góp phần quảng bá hình ảnh DLCĐ một cách hiệu quả. Đây chính là những yếu tố quan trọng để DLCĐ Lào Cai trở thành một trụ cột trong chiến lược du lịch bền vững của tỉnh trong những năm tới.

Trên cơ sở thực hiện các chủ trương, chính sách, chương trình nhằm phát triển DLCĐ, DLCĐ trên địa bàn tỉnh Lào Cai từng bước được phục hồi sau tác động của đại dịch Covid-19.

**Bảng 3.1: Một số chỉ tiêu về du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai
giai đoạn 2019-2024**

Năm	Lượt khách du lịch (triệu)	Khách quốc tế (triệu)	Tổng thu từ du lịch (tỷ đồng)	Lao động du lịch (người)	Lao động du lịch cộng đồng (người)	Lượt khách du lịch cộng đồng (nghìn)	Tổng thu từ DLCĐ (tỷ đồng)
2019	5.106	0.806	19203	32000	1700	511	960
2020	4.952	0.739	7184	22000	1700	495	359
2021	4.797	0.673	4440	12000	1700	480	222
2022	4.643	0.606	16380	20300	1700	464	819
2023	7.261	0.539	22244	28600	2000	700	1112
2024	8.484	0.539	27033	33001	2100	765	1223

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Sở Du Lịch Lào Cai

Bảng số liệu cho thấy, giai đoạn 2019-2024 đánh dấu nhiều biến động lớn trong phát triển du lịch tỉnh Lào Cai, phản ánh rõ nét sự tác động của đại dịch COVID-19 cũng như nỗ lực phục hồi và phát triển bền vững thông qua các mô hình du lịch đặc thù như du lịch cộng đồng.

Về lượng khách du lịch, số liệu cho thấy sau khi đạt mức 5,106 triệu lượt khách năm 2019, lượng khách đến Lào Cai đã suy giảm trong giai đoạn 2020-2021 do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh, trước khi phục hồi mạnh mẽ lên 7,261 triệu lượt năm 2023 và tiếp tục tăng lên 8,484 triệu lượt năm 2024. Điều này phản ánh sự thành công của tỉnh trong việc kiểm soát dịch bệnh, mở cửa du lịch trở lại và phát huy tiềm năng du lịch nội địa. Tuy nhiên, lượng khách quốc tế không có sự phục hồi tương xứng, giảm từ 806 nghìn lượt năm 2019 xuống ổn định ở mức 539 nghìn lượt từ năm 2023 đến 2024 [4], cho thấy thị trường quốc tế phục hồi chậm và tiếp tục đối mặt với các rào cản trong giai đoạn hậu đại dịch.

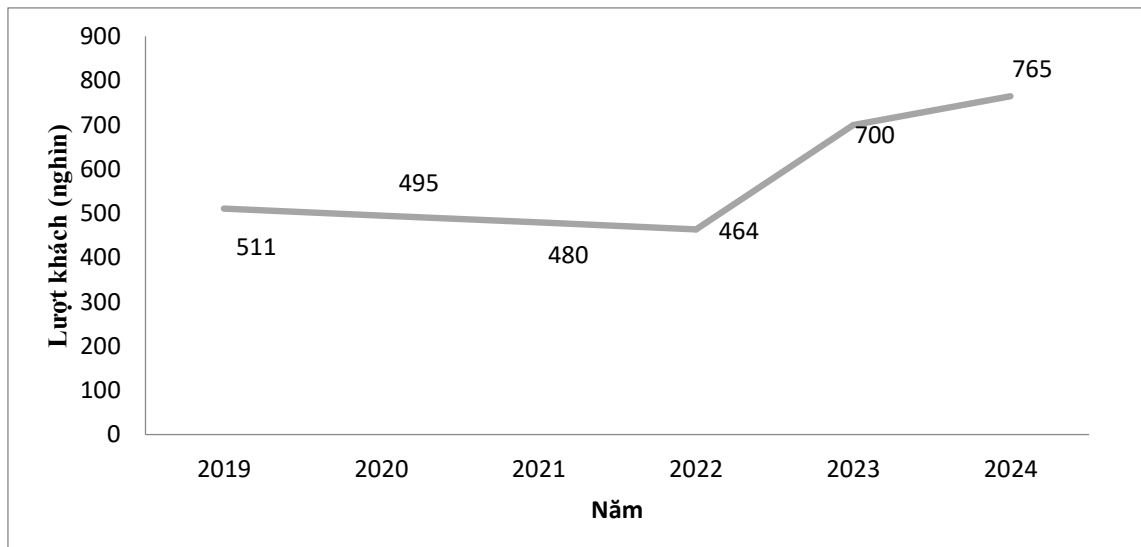
Về tổng thu từ du lịch, năm 2019, tổng thu đạt 19.203 tỷ đồng, nhưng giảm sâu xuống 4.440 tỷ đồng năm 2021, tương đương mức sụt giảm gần 77%. Tuy nhiên, nhờ các chính sách phục hồi hiệu quả và sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu sản phẩm, tổng thu đã nhanh chóng phục hồi, đạt 22.244 tỷ đồng năm 2023 và dự kiến 27.033 tỷ đồng năm 2024 - vượt mức tiền đại dịch [4]. Tốc độ tăng trưởng

trung bình trong giai đoạn 2021-2024 đạt khoảng 70%/năm, phản ánh năng lực điều hành, đầu tư và thích ứng chính sách kịp thời của địa phương.

Về lao động, ngành du lịch Lào Cai có sự biến động đáng kể. Năm 2019, tổng số lao động trong ngành đạt 32.000 người, giảm còn 12.000 người năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch, khiến nhiều cơ sở du lịch phải đóng cửa hoặc cắt giảm nhân sự. Tuy nhiên, từ năm 2022 trở đi, lực lượng lao động đã dần hồi phục, đạt 33.001 người năm 2024, vượt cả mức trước dịch, chứng tỏ xu hướng mở rộng ngành và nhu cầu thị trường tăng trở lại [4].

Đối với du lịch cộng đồng, đây là phân khúc được đánh giá có tiềm năng phát triển bền vững, gắn kết với văn hóa bản địa và xây dựng nông thôn mới. Lao động trong du lịch cộng đồng được duy trì ổn định ở mức 1.700 người từ năm 2019 đến 2022, và tăng lên 2.000 người vào năm 2023, tiếp tục đạt 2.100 người năm 2024 [4]. Mức tăng tuy chưa cao nhưng phản ánh rõ nỗ lực phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng ở các địa phương như Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên.

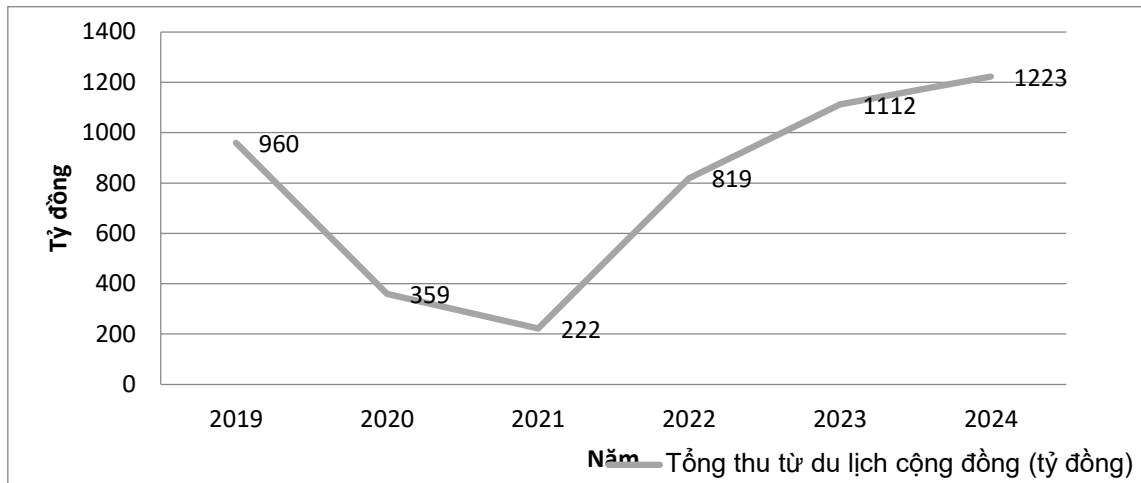
Lượt khách du lịch cộng đồng có xu hướng tăng trưởng tích cực, từ 511 nghìn lượt năm 2019, duy trì ổn định qua các năm dịch bệnh, và tăng lên 700 nghìn lượt năm 2023, tiếp tục đạt 765 nghìn lượt năm 2024.



Đồ thị 3.1: Lượt khách du lịch cộng đồng tại Lào Cai (2019-2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Sở Du Lịch Lào Cai

Tương ứng, tổng thu từ du lịch cộng đồng tăng trưởng từ 222 tỷ đồng năm 2021 lên 1.112 tỷ đồng năm 2023, và đạt 1.223 tỷ đồng năm 2024, chiếm khoảng 4,5-5% tổng thu từ toàn ngành du lịch.



Đồ thị 3.2: Tổng doanh thu từ du lịch cộng đồng tại Lào Cai (2019-2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Sở Du Lịch Lào Cai

Về mục đích chuyến đi, khách du lịch đến các điểm du lịch cộng đồng chủ yếu để trải nghiệm văn hóa bản địa, tham gia các hoạt động gắn với đời sống thường nhật của đồng bào dân tộc như dệt thổ cẩm, nấu ăn truyền thống, lễ hội dân gian, và khám phá cảnh quan thiên nhiên. Cơ cấu khách chủ yếu là khách nội địa, đặc biệt là nhóm khách gia đình, khách trẻ yêu thích du lịch trải nghiệm. Khách quốc tế, mặc dù chiếm tỷ lệ không cao, nhưng có mức chi tiêu cao hơn và thường đến từ các nước châu Âu hoặc Đông Á. Các doanh nghiệp như Vietravel, Saigontourist đóng vai trò đáng kể trong việc đưa khách quốc tế đến các điểm du lịch cộng đồng thông qua chương trình du lịch sinh thái - văn hóa.

Về đặc điểm tiêu dùng, phần lớn du khách thể hiện xu hướng ưu tiên các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường và mang bản sắc văn hóa rõ nét. Khảo sát cho thấy có tới 72,5% du khách sẵn sàng chi trả cao hơn cho các sản phẩm thân thiện với môi trường [4]. Những sản phẩm phổ biến nhất bao gồm: dịch vụ lưu trú homestay mang phong cách bản địa, ẩm thực truyền thống (các món ăn đặc trưng của người Mông, Dao, Tày), và các hoạt động trải nghiệm như làm nông nghiệp, học thêu thổ cẩm, hoặc tham gia lễ hội địa phương. Tuy nhiên, mức độ hài lòng

chung của khách du lịch chỉ ở mức trung bình khá (3,99/5) [4], phản ánh vẫn còn nhiều hạn chế về điều kiện vệ sinh, cơ sở hạ tầng, khả năng giao tiếp ngoại ngữ và kỹ năng phục vụ của cộng đồng địa phương.

Nhìn chung, các số liệu cho thấy du lịch cộng đồng đã từng bước khẳng định được vai trò là một thành tố quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững của tỉnh Lào Cai. Mô hình này không chỉ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch mà còn tạo sinh kế, việc làm cho người dân nông thôn, góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống và giảm áp lực cho các trung tâm du lịch quá tải như thị xã Sa Pa. Trong bối cảnh cạnh tranh điểm đến ngày càng cao và nhu cầu du khách hướng đến những trải nghiệm bản sắc, du lịch cộng đồng tại Lào Cai cần tiếp tục được đầu tư bài bản, gắn với các tiêu chuẩn chất lượng cao, chuyển đổi số và bảo tồn không gian văn hóa bản địa.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai vẫn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế cần được nhìn nhận và khắc phục. Trên thực tế, phần lớn các điểm DLCĐ hiện nay mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp các dịch vụ cơ bản như ăn uống, nghỉ dưỡng và biểu diễn văn nghệ dân gian. Các loại hình trải nghiệm chuyên sâu nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách chưa được đầu tư tương xứng. Những hoạt động như trải nghiệm nghề truyền thống, tham gia sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt cùng người dân vẫn còn mang tính mô hình thí điểm, chưa tạo thành sản phẩm du lịch phổ biến và có sức lan tỏa trên diện rộng.

Bên cạnh đó, vấn đề vệ sinh môi trường tại các điểm DLCĐ vẫn là một thách thức lớn. Hệ thống xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt chưa được đầu tư đồng bộ, gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến và trải nghiệm của du khách. Các cơ sở homestay dù phát triển nhanh về số lượng nhưng đa phần chưa đạt tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự và vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhiều hộ chưa có biên bản nghiệm thu công trình, chưa được cấp tài khoản khai báo lưu trú trực tuyến đối với cả khách nội địa và quốc tế, tiềm ẩn nguy cơ mất kiểm soát trong công tác quản lý nhà nước.

Về phía quản lý nhà nước, tỉnh Lào Cai đã có nhiều nỗ lực trong việc xây

dựng khung pháp lý và ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng. Việc thành lập riêng Sở Du lịch tỉnh Lào Cai đã thể hiện quyết tâm cao trong định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nhiều văn bản quy hoạch, chiến lược như Kế hoạch 254/KH-UBND (năm 2020) hay Quyết định 2626/QĐ-UBND (năm 2022) đã tích hợp nội dung phát triển du lịch cộng đồng gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, hệ thống thể chế vẫn chưa hoàn thiện, thiếu các hướng dẫn cụ thể về mô hình quản trị cộng đồng, phân phối lợi ích theo chuỗi giá trị du lịch, và chưa xây dựng được cơ chế chia sẻ rủi ro giữa các chủ thể. Do đó, việc quản lý và điều phối phát triển du lịch cộng đồng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Những bất cập nêu trên cho thấy, mặc dù DLCĐ tại Lào Cai đã có nền tảng phát triển vững chắc và tiềm năng lớn, nhưng để trở thành một loại hình du lịch chuyên nghiệp và bền vững, cần có sự điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường đầu tư hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, và quan trọng hơn là hoàn thiện thể chế quản lý phù hợp với đặc thù địa phương.

3.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG CÁC CẶP QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả và tính bền vững của phát triển du lịch cộng đồng. Trên địa bàn tỉnh Lào Cai - nơi du lịch cộng đồng đang dần trở thành động lực tăng trưởng quan trọng, các mối quan hệ lợi ích không chỉ đan xen về lợi ích kinh tế mà còn gắn với các giá trị văn hóa, môi trường và xã hội. Việc đánh giá thực trạng các cặp quan hệ lợi ích là cơ sở để nhận diện xung đột tiềm ẩn, cơ chế phân phối chưa hợp lý, cũng như các mô hình hợp tác hiệu quả có thể nhân rộng.

Nội dung mục này sẽ đi sâu phân tích thực trạng sáu cặp quan hệ lợi ích tiêu biểu, bao gồm: (1) chính quyền - cộng đồng; (2) chính quyền - doanh nghiệp; (3) chính quyền - khách du lịch; (4) doanh nghiệp - cộng đồng; (5) doanh nghiệp - khách du lịch; và (6) cộng đồng - khách du lịch. Mỗi cặp quan hệ được xem xét trên bốn phương diện: (i) bản chất và cơ sở hình thành; (ii) lợi ích kỳ vọng; (iii) xung

đột tiềm ẩn hoặc đã phát sinh; (iv) quyền lực thể chế và cơ chế phân phối giá trị giữa các bên. Thông qua đó, luận án làm rõ tính chất, vai trò và mức độ điều tiết lợi ích của từng chủ thể trong hệ sinh thái du lịch cộng đồng tại Lào Cai hiện nay.

3.2.1. Thực trạng quan hệ chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.1.1. Bối cảnh hình thành quan hệ lợi ích chính quyền - cộng đồng trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Trong mô hình du lịch cộng đồng, quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng địa phương đóng vai trò then chốt trong việc kiến tạo thể chế và đảm bảo sự tham gia thực chất của người dân. Đặc biệt tại các tỉnh miền núi như Lào Cai - nơi dân cư chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí còn hạn chế - thì vai trò “đồng kiến tạo” giữa hai chủ thể này càng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển bền vững.

Từ đầu những năm 2000, DLCĐ tại Lào Cai hình thành từ các mô hình nhỏ, tiêu biểu là homestay ở bản Cát Cát (Sa Pa), dưới sự hỗ trợ của tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, phải đến sau năm 2011, khi du lịch được xác định là ngành mũi nhọn theo Nghị quyết 11-NQ/TU, thì chính quyền mới chủ động thể chế hóa mối quan hệ này thông qua các chính sách như Đề án phát triển DLCĐ (2015-2020, định hướng đến 2030), lồng ghép với chương trình nông thôn mới, OCOP và giảm nghèo.

Chính quyền các cấp vừa đóng vai trò hoạch định, tài trợ ngân sách công, tuyên truyền - đào tạo, vừa làm nhiệm vụ giám sát và điều tiết hoạt động du lịch. Tuy vậy, mức độ tham gia thực chất của cộng đồng trong hoạch định chính sách, lựa chọn mô hình phát triển, hay chia sẻ lợi ích vẫn chịu ảnh hưởng bởi năng lực cán bộ cơ sở, trình độ dân trí và mức độ thể chế hóa quyền cộng đồng.

Hiện nay, quan hệ này đang có xu hướng chuyển từ “quản lý - phục tùng” sang “đồng quản trị - đồng kiến tạo”. Một số địa bàn như Tả Van, Tả Phìn, Na Hối đã cho thấy cộng đồng được trao quyền tham gia xây dựng quy chế, định giá dịch vụ, phân phối lợi nhuận. Ngược lại, tại các địa phương như Y Tý, Nậm Đét, quan hệ vẫn mang tính chỉ đạo hành chính, cộng đồng chủ yếu thực hiện chứ chưa thực sự là chủ thể hưởng lợi.

Tóm lại, mối quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng trong DLCĐ tại Lào Cai phản ánh quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý truyền thống sang mô hình đồng kiến tạo còn dang dở. Đây là nền tảng để tiếp tục phân tích các chiều cạnh sâu hơn về kỳ vọng lợi ích, mâu thuẫn, phân phối giá trị và quyền lực giữa hai chủ thể trung tâm.

3.2.1.2. Kỳ vọng lợi ích của chính quyền và cộng đồng địa phương

Trong tiến trình phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai, chính quyền và cộng đồng địa phương có vai trò thể chế khác nhau, dẫn đến các kỳ vọng lợi ích khác biệt - từ mục tiêu chính sách vĩ mô đến nhu cầu sinh kế vi mô. Sự khác biệt này không chỉ phản ánh chức năng riêng, mà còn là căn nguyên của nhiều mâu thuẫn và xung đột lợi ích.

(1) Chính quyền kỳ vọng DLCĐ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và cải thiện hiệu quả quản trị. Theo khảo sát năm 2024, 81,2% cán bộ quản lý coi DLCĐ là công cụ giảm nghèo; 74,6% nhấn mạnh vai trò bảo tồn văn hóa. DLCĐ được xem là phương tiện thúc đẩy chuyển dịch lao động và kích hoạt tiềm năng vùng khó khăn như Lào Cai. Ngoài ra, 68,4% cán bộ đánh giá DLCĐ giúp “đổi mới phương thức quản lý”, thúc đẩy xã hội hóa và tăng niềm tin vào chính quyền. Khoảng 55,8% kỳ vọng DLCĐ tạo thêm nguồn thu ngân sách từ dịch vụ du lịch. Tuy vậy, nhiều cán bộ cũng bày tỏ lo ngại về áp lực quản lý trật tự xã hội và môi trường - thể hiện thể “lưỡng nan quản trị” đặc trưng của mô hình nhà nước trong kinh tế thị trường định hướng XHCN.

(2) Cộng đồng địa phương chủ yếu kỳ vọng vào thu nhập và quyền tham gia thực chất. Trong 80 phiếu khảo sát, 88,3% người dân mong tăng thu nhập từ dịch vụ du lịch; 63,5% muốn có việc làm tại chỗ; 59,7% đề nghị được tập huấn kỹ năng kinh doanh. Ngoài lợi ích vật chất, các giá trị phi vật chất cũng được quan tâm: 43,8% muốn bản sắc văn hóa được tôn trọng, 39,2% đòi hỏi quyền tham gia quyết định, 36,5% yêu cầu minh bạch tài chính. Tuy nhiên, 41,9% không rõ mình được hưởng bao nhiêu lợi ích, gần 1/3 cho rằng họ không được tham vấn. Tình trạng này phản ánh sự bất bình đẳng thông tin và cơ chế phân phối thiếu công bằng trong chuỗi giá trị DLCĐ [4].

(3) Đối chiếu kỳ vọng cho thấy bất cân xứng giữa lý thuyết và thực tiễn. Chính quyền ưu tiên lợi ích dài hạn và quản lý vĩ mô, trong khi cộng đồng tập trung vào lợi ích ngắn hạn và nhu cầu thiết thân. Chính quyền quyết định định hướng phát triển, còn cộng đồng chỉ tham gia ở mức bị điều tiết, thiếu tiếng nói thực chất. Quan hệ lợi ích mang tính thứ bậc này là điểm nghẽn cần điều chỉnh thông qua thiết chế đồng quản trị và cơ chế chia sẻ minh bạch. Chỉ khi hai hệ kỳ vọng được điều phối hợp lý, năng lực nội sinh của điểm đến mới được phát huy bền vững.

3.2.1.3. Các xung đột lợi ích phát sinh giữa chính quyền và cộng đồng

Trong mô hình phát triển du lịch cộng đồng, mối quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng địa phương đóng vai trò then chốt, quyết định đến tính bền vững, công bằng và hiệu quả của chuỗi giá trị du lịch. Tuy nhiên, do sự khác biệt về vị thế thể chế, năng lực tham gia, quyền tiếp cận thông tin và mục tiêu phát triển, quan hệ lợi ích giữa hai chủ thể này tiềm ẩn nhiều xung đột phức tạp. Thực tiễn tại các điểm DLCĐ ở tỉnh Lào Cai như Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà và Bảo Yên đã cho thấy rõ những biểu hiện của mâu thuẫn lợi ích trong quá trình tổ chức, điều hành và hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

(1) Xung đột do bất đối xứng thông tin và thiếu cơ chế tham vấn cộng đồng. Một trong những biểu hiện phổ biến của xung đột lợi ích là tình trạng thông tin không đối xứng - khi chính quyền sở hữu và kiểm soát thông tin về quy hoạch, dự án, chính sách phát triển du lịch, trong khi cộng đồng địa phương thiếu cơ hội tiếp cận, tham gia và phản hồi. Kết quả điều tra xã hội học năm 2024 tại 4 huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên cho thấy, chỉ 26,9% số người dân được khảo sát xác nhận “được thông báo trước khi triển khai các hoạt động du lịch hoặc quy hoạch liên quan”, trong khi tỷ lệ được “tham gia góp ý hoặc biểu quyết về dự án” chỉ đạt 13,4% [4].

Tình trạng này không chỉ vi phạm nguyên tắc đồng thuận - một trong những trụ cột của phát triển du lịch cộng đồng - mà còn tạo nên sự mất niềm tin giữa chính quyền và cộng đồng. Nhiều người dân cho rằng họ chỉ được “triệu tập” sau khi quyết định đã được đưa ra, khiến các buổi họp trở thành hình thức hơn là tham vấn thực chất. Điều này dẫn đến phản ứng tiêu cực như chống đối ngầm, không hợp tác hoặc hợp tác đối phó.

(2) Xung đột về phân bổ nguồn lực và cơ hội tiếp cận lợi ích. Một điểm mấu chốt trong quan hệ lợi ích là khả năng tiếp cận và phân bổ nguồn lực phát triển, đặc biệt là vốn đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và cơ hội kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, tại nhiều điểm đến du lịch cộng đồng ở Lào Cai, các hộ dân phản ánh tình trạng “lợi ích tập trung vào nhóm nhỏ” - thường là những hộ có quan hệ mật thiết với cán bộ thôn xã hoặc các doanh nghiệp lữ hành. Trong số 80 phiếu khảo sát tại Sa Pa, có đến 59 người (73,8%) cho rằng “có sự thiên vị trong lựa chọn hộ tham gia mô hình du lịch”; con số này ở Bắc Hà là 62,5%, Bảo Yên 66,3% và Bát Xát là 69% [4].

Một ví dụ điển hình là mô hình homestay kiểu mẫu do xã đầu tư tại Tả Van: chỉ có 6 hộ được chọn tham gia, đều là hộ khá giả và có nhà gần trung tâm. Các hộ còn lại không được tiếp cận nguồn hỗ trợ vốn, trong khi vẫn phải tuân thủ các quy định chung về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự... Điều này dẫn đến sự bất mãn, làm gia tăng khoảng cách giàu - nghèo ngay trong nội bộ cộng đồng.

(3) Xung đột do khác biệt về mục tiêu phát triển và tiêu chuẩn giá trị. Chính quyền địa phương thường đặt ưu tiên vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách và nâng cao vị thế điểm đến, trong khi cộng đồng lại quan tâm đến sinh kế, văn hóa và gìn giữ bản sắc. Chính sự khác biệt trong hệ tiêu chuẩn này đã dẫn đến nhiều xung đột về định hướng phát triển điểm đến.

Khảo sát tại 4 huyện cho thấy, khi được hỏi về “ưu tiên quan trọng nhất trong phát triển DLCD”, 67,3% cán bộ chính quyền lựa chọn “thu hút đầu tư và mở rộng quy mô”, trong khi 72,1% người dân lựa chọn “giữ gìn bản sắc văn hóa và môi trường sống truyền thống”. Trường hợp điển hình là dự án quy hoạch chợ văn hóa Sa Pa thành trung tâm du lịch cao cấp, đã vấp phải phản ứng dữ dội từ cộng đồng dân tộc Dao và H’mông, vì họ lo ngại rằng nét sinh hoạt truyền thống sẽ bị thương mại hóa quá mức, dẫn đến mất dần bản sắc.

(4) Xung đột về quyền sở hữu, tiếp cận và kiểm soát tài nguyên. Một trong những vấn đề nhạy cảm nhất là quyền sở hữu và kiểm soát các tài nguyên phục vụ du lịch - từ đất đai, nhà cổ, rừng tre, ruộng bậc thang đến lễ hội dân tộc. Trong nhiều trường hợp, việc khai thác các tài nguyên này không đi kèm cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch, khiến cộng đồng cảm thấy bị tước đoạt quyền sở hữu tinh thần.

Tại Tả Phìn, việc xây dựng các tuyến du lịch trekking qua rừng do doanh nghiệp thiết kế, thu phí qua các đại lý, nhưng người dân địa phương chỉ được hưởng một phần nhỏ (thường là tiền công hướng dẫn hoặc bung bê đồ ăn). Tại Tả Van, mô hình “thu phí vào bản” do xã quản lý bị phản đối mạnh khi người dân không được công khai khoản thu - chi, khiến nhiều hộ từ chối tham gia hoặc tự tổ chức tour lẻ bất chấp quy định.

(5) Xung đột do sự chồng lấn vai trò và lợi ích thể chế. Thực trạng phổ biến tại nhiều điểm DLCĐ ở Lào Cai là chính quyền địa phương đồng thời đóng vai trò quản lý Nhà nước, đơn vị xúc tiến du lịch và thậm chí là “nhà đầu tư”, dẫn đến hiện tượng chồng lấn chức năng - dễ gây nghi kỵ và xung đột lợi ích. Theo khảo sát, 43,1% người dân nhận định “cán bộ xã có tham gia kinh doanh du lịch hoặc giới thiệu tour cho công ty bên ngoài”. Một số HTX du lịch do xã thành lập nhưng lại cạnh tranh trực tiếp với hộ dân về nguồn khách và dịch vụ lưu trú.

Ở Bát Xát, việc cán bộ thôn kiêm luôn điều hành tổ hợp tác du lịch khiến nhiều hộ e ngại khi góp ý, dẫn đến sự bất bình âm ỉ, suy giảm niềm tin vào công bằng thể chế.

(6) Xung đột do thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro. Khi ngành du lịch gặp khủng hoảng - như trong giai đoạn COVID-19 hoặc thiên tai, dịch bệnh - chính cộng đồng là nhóm chịu tổn thất nhiều nhất, trong khi thiếu vắng các cơ chế hỗ trợ kịp thời. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ 6,8% người dân cho rằng “được chính quyền hỗ trợ khi hoạt động du lịch bị đình trệ”; 78,5% số hộ cho biết họ phải tự xoay xở, thậm chí vay nóng để duy trì sinh kế.

Tình trạng này làm nảy sinh tâm lý e ngại, dẫn đến việc một bộ phận người dân rút lui khỏi hoạt động du lịch hoặc bán cơ sở lưu trú cho người ngoài vùng. Hệ quả là làm mất kiểm soát quyền sở hữu bản địa và làm méo mó mô hình DLCĐ.

Tổng thể, các xung đột lợi ích giữa chính quyền và cộng đồng trong phát triển DLCĐ tại Lào Cai phản ánh bản chất “giằng co lợi ích” trong lý luận kinh tế chính trị - giữa logic quyền lực - quản trị của Nhà nước và logic sinh kế - bản sắc của cộng đồng. Nếu không có các thiết chế đảm bảo sự tham gia thực chất, cơ chế thương lượng hiệu quả và công cụ giám sát độc lập, các mâu thuẫn này không chỉ

cản trở phát triển mà còn đe dọa đến cấu trúc xã hội và văn hóa bản địa - vốn là nền tảng của du lịch cộng đồng.

Bảng 3.2: Các chỉ tiêu khảo sát định lượng về xung đột lợi ích giữa chính quyền và cộng đồng

TT	Chỉ tiêu khảo sát	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tỷ lệ người dân được thông báo trước khi triển khai các dự án liên quan đến du lịch	27,4%	Thiếu minh bạch thông tin
2	Tỷ lệ người dân được mời tham gia họp lấy ý kiến về quy hoạch DLCĐ	13,8%	Thiếu cơ chế tham vấn
3	Tỷ lệ người dân cảm thấy không rõ ràng hoặc bất công trong phân bổ nguồn lực DLCĐ	63,0%	Bất bình đẳng trong hưởng lợi
4	Tỷ lệ người dân không được hưởng trực tiếp nguồn thu từ phí vào bản	68,1%	Xung đột về quyền lợi từ tài nguyên cộng đồng
5	Tỷ lệ người dân cho rằng chính quyền và cán bộ xã tham gia trực tiếp kinh doanh du lịch	36,5%	Chồng lấn vai trò quản trị
6	Tỷ lệ người dân phản ánh thiếu cơ chế hỗ trợ rủi ro khi DLCĐ gặp khó khăn (dịch bệnh, thiên tai...)	54,7%	Thiếu chính sách giảm thiểu rủi ro

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.1.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị

Trong mô hình phát triển du lịch cộng đồng, quan hệ giữa chính quyền và cộng đồng không chỉ đơn thuần là mối quan hệ hành chính - xã hội mà còn là tương tác quyền lực trong việc xác định ai kiểm soát nguồn lực, ra quyết định và phân phối giá trị tạo ra từ chuỗi hoạt động du lịch. Tại tỉnh Lào Cai, phân tích cấu trúc quyền lực thể chế và cơ chế phối hợp giữa chính quyền - cộng đồng cho thấy bức tranh đa tầng, trong đó quyền kiểm soát vẫn thiên lệch về phía chính quyền, còn cộng đồng ở vị thế phụ thuộc, khó chủ động định đoạt lợi ích của mình.

(1) Thể chế: chính quyền nắm quyền quyết định chiến lược, cộng đồng bị lệ

thuộc thể chế. Dữ liệu khảo sát cho thấy có đến 86,1% cán bộ chính quyền cấp xã và huyện tự đánh giá rằng “chính quyền địa phương giữ vai trò chính trong định hướng phát triển DLCĐ”. Điều này phản ánh cấu trúc quyền lực tập trung theo chiều dọc (top-down), trong đó các chính sách, quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch hầu hết được hình thành từ chính quyền, sau đó truyền đạt xuống cộng đồng dưới dạng “triển khai” thay vì “thương lượng”.

Trong khi đó, chỉ 28,4% người dân trong cộng đồng được khảo sát tại các điểm DLCĐ như Tả Van, Tả Phìn, Nậm Đét... cho rằng mình “có tiếng nói thực chất” trong các quyết định liên quan đến du lịch tại địa phương. Cộng đồng thường bị giới hạn ở vai trò thực thi, phục tùng quy hoạch và tham gia các mô hình đã được định hình sẵn. Điều này tạo nên sự bất cân xứng thể chế giữa quyền ra quyết định và quyền được thụ hưởng.

Tại Sa Pa, việc lập chốt kiểm soát thu phí vào bản được chính quyền xã triển khai từ năm 2018 nhằm tạo nguồn thu phục vụ phát triển du lịch. Tuy nhiên, nhiều hộ dân phản ánh rằng họ không được hỏi ý kiến trước, cũng không nắm được phần trăm ngân sách thu chi ra sao, khiến sự tín nhiệm giữa cộng đồng và chính quyền bị xói mòn.

(2) Cơ chế phối hợp: hình thức, thiếu ràng buộc lợi ích và trách nhiệm hai chiều. Dù đã có nhiều mô hình “phối hợp công - tư - cộng đồng” được thử nghiệm tại Bắc Hà, Sa Pa và Bảo Yên, nhưng cơ chế phối hợp giữa chính quyền và cộng đồng vẫn còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và thiếu thể chế ràng buộc trách nhiệm hai chiều.

Khảo sát 320 phiếu tại 4 huyện cho thấy chỉ 17,6% số người dân cho rằng các cuộc họp phối hợp do chính quyền tổ chức “giúp họ hiểu rõ và tham gia vào kế hoạch phát triển du lịch”. Nhiều cuộc họp chỉ mang tính thông báo, còn quyết định thực chất đã được xác lập từ trước. Một số địa phương như Bắc Hà còn giao toàn quyền điều hành các hợp tác xã du lịch cho cán bộ xã hoặc người “thân chính quyền”, khiến người dân trở thành “cổ đông không quyền biểu quyết” trong chính mô hình hợp tác mang tên cộng đồng.

Mô hình du lịch cộng đồng tại xã Nậm Đét (Bắc Hà) là một ví dụ điển hình.

Dù về lý thuyết là mô hình hợp tác công - tư - cộng đồng, nhưng trên thực tế, các quyết định lớn về phân bổ ngân sách, định giá dịch vụ hay tổ chức tour vẫn do cán bộ xã hoặc doanh nghiệp đứng đầu. Người dân chỉ được mời tham gia theo kiểu “cho có”, không có quyền phản biện hay phủ quyết các quyết sách.

(3) Cơ chế phân phối giá trị: thiên lệch, thiếu minh bạch và thiếu cơ chế giám sát. Trong chuỗi giá trị DLCĐ, các giá trị kinh tế tạo ra từ hoạt động du lịch (doanh thu từ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn viên, bán hàng lưu niệm...) hiện nay phân bổ không đồng đều giữa chính quyền - cộng đồng - doanh nghiệp. Tỷ lệ người dân được hưởng lợi trực tiếp còn thấp, trong khi phần lớn giá trị bị rò rỉ qua các kênh trung gian hoặc phân bổ thiếu minh bạch.

Kết quả khảo sát 80 thành viên cộng đồng dân cư tại 4 điểm du lịch cộng đồng tiêu biểu của tỉnh Lào Cai (Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên) cho thấy: 41,9% người được hỏi không rõ mình được hưởng bao nhiêu lợi ích từ hoạt động du lịch; 58,2% cho rằng việc phân chia nguồn lực còn thiếu công bằng; 24,7% cảm thấy bị loại khỏi các chương trình quảng bá và tiếp cận khách du lịch.

Chính quyền giữ vai trò thiết kế và điều tiết chính sách, nhưng lại thiếu cơ chế giám sát độc lập để đảm bảo cộng đồng thực sự nhận được phần giá trị tương xứng với đóng góp. Hệ quả là tình trạng “du lịch vì cộng đồng nhưng không vì người dân bản địa” vẫn tiếp diễn. Thậm chí, có hộ dân phản ánh: “Khách về bản nhưng người hưởng lợi nhiều lại là công ty du lịch trên thị xã hoặc người ngoài thuê đất làm dịch vụ.”

(4) Đề xuất điều chỉnh: đồng kiến tạo thể chế, phân quyền thực chất, kiểm soát dòng giá trị. Phân tích cho thấy, để tái cấu trúc quan hệ chính quyền - cộng đồng một cách công bằng và hiệu quả hơn, cần thực hiện các cải cách thể chế theo hướng: Thể chế hóa quyền tham gia: Ban hành quy định bắt buộc tổ chức tham vấn cộng đồng trước mọi dự án du lịch có tác động đến sinh kế và không gian văn hóa bản địa; Phân quyền thực chất: Giao quyền cho cộng đồng quyết định một số nội dung cốt lõi như định giá dịch vụ, lựa chọn mô hình tổ chức tour, giữ quyền phủ quyết đối với các hoạt động ảnh hưởng nghiêm trọng đến bản sắc; Kiểm soát phân phối giá trị: Thiết lập cơ chế công khai hóa dòng tiền, có hội đồng cộng đồng giám

sát và quyết toán tài chính của các mô hình du lịch cộng đồng; Thúc đẩy mô hình đồng kiến tạo: Chính quyền chỉ nên giữ vai trò điều phối, trong khi cộng đồng và doanh nghiệp cùng nhau xây dựng và chia sẻ lợi ích, thay vì tiếp tục mô hình quyền lực lệch tâm như hiện nay.

3.2.2. Thực trạng quan hệ lợi ích giữa chính quyền địa phương và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.2.1. Bối cảnh hình thành quan hệ lợi ích chính quyền - doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai

Trong mô hình DLCĐ, chính quyền và doanh nghiệp là hai chủ thể trung tâm định hình cơ chế phân phối giá trị tại điểm đến. Chính quyền giữ vai trò hoạch định và điều tiết thể chế, còn doanh nghiệp là lực lượng triển khai kinh doanh, kết nối thị trường và tạo ra sản phẩm du lịch. Mỗi quan hệ này không chỉ tác động đến hiệu quả phát triển mà còn quyết định mức độ hài hòa và bền vững trong quan hệ lợi ích.

Tại Lào Cai, từ sau năm 2016, quan hệ giữa hai chủ thể này trở nên rõ nét khi tỉnh đẩy mạnh thu hút đầu tư vào DLCĐ. Trong giai đoạn 2018-2023, hàng loạt doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đã tham gia vào các mô hình homestay, trekking, du lịch trải nghiệm. Chính quyền địa phương hỗ trợ về mặt bằng, hạ tầng, quảng bá, đồng thời quản lý cấp phép và giám sát hoạt động.

Theo khảo sát năm 2024, 76,3% doanh nghiệp cho biết họ làm việc trực tiếp với chính quyền cấp xã/huyện để triển khai hoạt động, nhưng 54,8% nhận định “sự hỗ trợ còn thiếu minh bạch và ổn định lâu dài”. Ngược lại, 68,2% cán bộ chính quyền đánh giá cao vai trò của doanh nghiệp trong chuyên nghiệp hóa dịch vụ, song thừa nhận khó kiểm soát chất lượng và cam kết cộng đồng của doanh nghiệp.

Về bản chất, hai chủ thể này theo đuổi mục tiêu khác nhau: doanh nghiệp ưu tiên lợi nhuận và tính linh hoạt; chính quyền chú trọng phát triển tổng thể và quản lý ổn định. Khi thiếu cơ chế điều phối và chia sẻ giá trị rõ ràng, sự lệch pha này dễ dẫn đến mâu thuẫn, nhất là trong các vấn đề liên quan đến bảo tồn tài nguyên, định giá dịch vụ và phân phối lợi nhuận.

Thực tế tại một số mô hình hợp tác ban đầu hiệu quả như Cát Cát, Tả Van, Na Hối cho thấy, nếu không có thiết chế phối hợp và ràng buộc cam kết xã hội từ

doanh nghiệp, thì quan hệ lợi ích dễ bị méo mó, cộng đồng khó đảm bảo vai trò và phần lợi ích tương xứng. Do đó, cần nhìn nhận sâu hơn về cấu trúc quan hệ lợi ích giữa chính quyền - doanh nghiệp để đề xuất các cơ chế quản lý phù hợp, cân bằng giữa tăng trưởng, công bằng và bền vững.

3.2.2.2. Kỳ vọng lợi ích của chính quyền và doanh nghiệp

Trong phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ), chính quyền và doanh nghiệp đều tham gia với vai trò riêng biệt, nhưng khác biệt về mục tiêu, thời gian kỳ vọng và mức độ can thiệp vào chuỗi giá trị. Chính quyền định hướng quy hoạch, xây dựng thể chế và giám sát chính sách, còn doanh nghiệp triển khai sản phẩm, dịch vụ và kết nối thị trường. Làm rõ các kỳ vọng của hai bên là cơ sở để lý giải xung đột và đề xuất cơ chế phối hợp.

Thứ nhất, chính quyền kỳ vọng DLCĐ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Khảo sát năm 2024 cho thấy: 92,5% cán bộ coi DLCĐ là “động lực kinh tế mới”, 86,3% nhấn mạnh vai trò trong “xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn văn hóa”, và 74,1% kỳ vọng giảm di dân, tạo việc làm tại chỗ. Ngoài ra, DLCĐ còn được xem là công cụ quản lý địa bàn, kiểm soát đất đai và tổ chức cộng đồng. Chính quyền mong muốn doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, bảo tồn bản sắc và đầu tư hạ tầng, nhưng 59,8% cán bộ cho rằng doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ cam kết, và 66,2% thừa nhận thiếu cơ chế ràng buộc pháp lý trong chia sẻ lợi ích.

Thứ hai, doanh nghiệp mong muốn môi trường đầu tư ổn định và thủ tục thuận lợi. Trong 80 phiếu khảo sát, 81,3% kỳ vọng chính quyền hỗ trợ thủ tục đất đai và phê duyệt dự án; 73,8% mong được hưởng ưu đãi đầu tư; 64,5% đề xuất hợp tác công - tư nhưng yêu cầu đảm bảo quyền chủ động kinh doanh. Tuy nhiên, 58,2% phản ánh chi phí tăng do phải “thỏa thuận ngoài cơ chế chính thức”, và 49,6% cho rằng chính quyền xã hợp tác chưa hiệu quả.

Thứ ba, chênh lệch kỳ vọng giữa hai bên đặt ra yêu cầu cấp thiết về thể chế điều phối. Chính quyền muốn doanh nghiệp đầu tư dài hạn và tuân thủ quy hoạch, trong khi doanh nghiệp lại cần chính sách linh hoạt và lợi nhuận nhanh. Chính sự lệch pha này khiến một số doanh nghiệp chỉ hoạt động ngắn hạn, còn chính quyền ban hành quy định cứng nhắc, cản trở vận hành linh hoạt.

Tóm lại, thiếu một thiết chế điều phối chính thức đã khiến quan hệ lợi ích giữa chính quyền và doanh nghiệp thiếu kết nối, tiềm ẩn xung đột. Việc thiết lập cơ chế đối thoại, khung pháp lý ràng buộc và cơ chế phân phối giá trị minh bạch là cần thiết để hướng tới DLCĐ bền vững.

3.2.2.3. Các xung đột lợi ích phát sinh giữa chính quyền và doanh nghiệp

Trong phát triển du lịch cộng đồng, mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và doanh nghiệp được xác lập trên cơ sở hợp tác công - tư, nhằm khai thác hiệu quả tài nguyên bản địa, nâng cao chất lượng điểm đến và gia tăng giá trị kinh tế. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên cho thấy, bên cạnh sự đồng thuận, vẫn tồn tại nhiều xung đột lợi ích mang tính cấu trúc, ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị và tính bền vững của mô hình DLCĐ. Những xung đột này có thể được phân tích dưới các dạng chủ yếu sau:

(1) Xung đột về quyền kiểm soát và định hướng phát triển. Chính quyền địa phương thường nắm vai trò trung tâm trong việc phê duyệt quy hoạch, cấp phép đầu tư, kiểm soát hoạt động xây dựng và tổ chức các sự kiện tại điểm đến DLCĐ. Trong khi đó, doanh nghiệp lại mong muốn có không gian linh hoạt để thử nghiệm sản phẩm, sáng tạo mô hình du lịch mới phù hợp với thị trường. Kết quả khảo sát năm 2024 với 80 doanh nghiệp du lịch tại 4 huyện cho thấy: 58,7% cho rằng “quy trình phê duyệt dự án còn phức tạp và thiếu minh bạch”; 51,3% phản ánh “phải xin nhiều cấp, nhiều ban ngành cho một hoạt động tổ chức tour hoặc dịch vụ”; 36,2% doanh nghiệp cho rằng “quy hoạch DLCĐ thay đổi đột ngột khiến hoạt động kinh doanh bị gián đoạn”.

Điều này phản ánh một dạng xung đột quyền lực thể chế - khi quyền kiểm soát bị dồn về phía chính quyền, trong khi doanh nghiệp lại thiếu tiếng nói trong quá trình xây dựng và điều chỉnh quy hoạch. Sự lệch pha này dễ dẫn đến tâm lý bị động, ngại đầu tư dài hạn hoặc lách luật để hoạt động.

(2) Xung đột về phân bổ lợi ích và cơ chế chia sẻ giá trị. Du lịch cộng đồng có đặc thù là lợi ích được tạo ra từ sự kết hợp của nhiều bên: tài nguyên bản địa thuộc cộng đồng, hạ tầng do Nhà nước đầu tư, còn doanh nghiệp đóng vai trò tạo sản phẩm - thị trường. Tuy nhiên, chính quyền thường không thiết lập rõ ràng cơ

chế phân bổ lợi ích giữa các bên. Kết quả khảo sát với cán bộ quản lý nhà nước: 63,8% thừa nhận “chưa có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ lợi ích được chia giữa doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền”; 41,2% cho rằng “chưa có chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lợi nhuận đầu tư lại cho cộng đồng”.

Từ phía doanh nghiệp, có tới 44,9% cho rằng “bị yêu cầu đóng góp tài chính hoặc tài trợ cho các hoạt động địa phương mà không có cơ chế hoàn lại hoặc khấu trừ hợp lý”, làm gia tăng chi phí ngoài hợp đồng và tạo cảm giác không công bằng trong quan hệ với chính quyền.

(3) Xung đột về trách nhiệm xã hội và mức độ tham gia cộng đồng. Chính quyền thường yêu cầu doanh nghiệp cam kết “hỗ trợ cộng đồng”, “bảo tồn bản sắc”, “đào tạo lao động địa phương”... nhưng thiếu công cụ giám sát và khuyến khích cụ thể. Trong khi đó, doanh nghiệp lại cho rằng trách nhiệm xã hội không thể áp đặt một chiều nếu thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và lợi ích tương xứng. Theo khảo sát: 53,7% doanh nghiệp cho rằng “việc phải hỗ trợ cộng đồng làm tăng chi phí mà không rõ hiệu quả”; 39,1% bày tỏ mong muốn có “các chương trình đồng hành dài hạn với chính quyền, thay vì chỉ vận động tự nguyện một lần”.

Sự bất cập trong phối hợp trách nhiệm dẫn đến các tranh cãi về mức độ tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động cộng đồng, khiến chính quyền khó huy động nguồn lực xã hội hóa bền vững.

(4) Xung đột trong tiếp cận thông tin, dữ liệu và xúc tiến du lịch. Nhiều doanh nghiệp phản ánh việc thiếu được cung cấp thông tin về quy hoạch, biến động thị trường, hoặc bị chậm trễ trong tiếp nhận chính sách hỗ trợ mới. Đồng thời, chính quyền thường tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch mà không có sự tham gia thực chất của doanh nghiệp. Khảo sát cho thấy: 42,5% doanh nghiệp phản ánh “không được mời tham dự các hội thảo, sự kiện xúc tiến lớn của tỉnh”; 28,3% cho rằng “chính quyền sử dụng dữ liệu cũ, không sát thực tế, gây khó khăn khi định hướng sản phẩm”.

Sự thiếu đồng bộ trong chia sẻ thông tin đã làm giảm hiệu quả hợp tác công - tư và gia tăng nghi ngờ giữa các bên.

(5) Xung đột ngầm do cơ chế xin - cho và lợi ích nhóm. Ở một số địa

phương, việc phê duyệt các dự án DLCĐ hoặc cấp phép hoạt động tour được phản ánh là có dấu hiệu thiên vị, tạo thuận lợi cho một số doanh nghiệp “sân sau”, trong khi gây khó khăn cho các doanh nghiệp khác. Có 23,7% doanh nghiệp được khảo sát đánh giá “từng bị gây khó dễ trong thủ tục do không có mối quan hệ với chính quyền địa phương”, và 17,5% phản ánh “phải chi thêm chi phí không chính thức để được hỗ trợ truyền thông hoặc ưu tiên mặt bằng kinh doanh”.

Tình trạng này không chỉ làm méo mó môi trường đầu tư mà còn gia tăng tâm lý nghi kỵ, khiến doanh nghiệp e ngại hợp tác minh bạch và đầu tư lâu dài.

Xung đột lợi ích giữa chính quyền và doanh nghiệp trong phát triển DLCĐ tại Lào Cai phản ánh sự thiếu đồng thuận về mục tiêu, cơ chế và phương thức phối hợp. Nếu không có thiết chế điều phối trung lập và khung pháp lý rõ ràng, những xung đột này sẽ không chỉ cản trở sự phát triển bền vững của DLCĐ mà còn làm suy yếu lòng tin giữa các chủ thể. Luận án cho rằng cần thiết lập một cơ chế phối hợp ba bên (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng) có tính ràng buộc pháp lý, với trọng tâm là công khai thông tin, đối thoại định kỳ và cơ chế phân bổ giá trị minh bạch.

Bảng 3.3: Kết quả khảo sát định lượng về các xung đột lợi ích giữa chính quyền và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng (n = 320)

TT	Nội dung khảo sát	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp phản ánh thủ tục hành chính phức tạp, gây chậm trễ triển khai dự án DLCĐ	61,3
2	Chính quyền cho rằng doanh nghiệp không tuân thủ đầy đủ quy định bảo vệ môi trường và văn hóa	54,2
3	Doanh nghiệp cho rằng cơ chế cấp phép và hỗ trợ đầu tư thiếu minh bạch	47,8
4	Chính quyền phản ánh doanh nghiệp thu phí dịch vụ vượt khung giá quy định	38,7
5	Doanh nghiệp không được tham vấn khi xây dựng quy hoạch DLCĐ địa phương	43,5
6	Thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn dịch bệnh hoặc thiên tai	49,0

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.2.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị

Quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi quyền lực thể chế - từ quy hoạch, cấp phép, đến điều phối hoạt động. Cấu trúc thể chế này quyết định mức độ chủ động của doanh nghiệp, hiệu quả hợp tác công - tư và cơ chế phân phối lợi ích trong chuỗi giá trị du lịch.

Thứ nhất, về thể chế - ai kiểm soát luật chơi tại điểm đến. Chính quyền địa phương đóng vai trò chủ đạo trong việc xác lập các quy định, phân khu chức năng, quản lý đất đai và tài nguyên công. Khảo sát cho thấy 72,5% cán bộ nhận định “quy định hiện hành đủ để kiểm soát doanh nghiệp”, trong khi 49,3% doanh nghiệp cho rằng “quy trình thể chế mang tính áp đặt”, gây cảm giác bị động. Quyền lực thể chế thiên về điều phối dọc, thiếu đối trọng ngang từ doanh nghiệp và cộng đồng, làm giảm tính minh bạch và đồng thuận trong hoạch định chính sách, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự tin cậy và hợp tác dài hạn giữa các bên.

Thứ hai, về cơ chế phối hợp - từ hành chính sang hợp tác đa tác nhân. Mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp hiện vẫn nặng về hành chính hóa, thiếu các nền tảng đối thoại thực chất. 41,3% doanh nghiệp phản ánh “thiếu diễn đàn chính thức để đối thoại định kỳ”, 35,2% cho rằng “tham gia hội họp chỉ mang tính hình thức”. Mô hình HTX du lịch ở Tả Van minh chứng cho sự phối hợp chưa hiệu quả khi doanh nghiệp bị gạt khỏi quy trình ra quyết định và chỉ đóng vai trò thứ yếu, dẫn đến hoạt động phân mảnh, thiếu liên kết và gia tăng mâu thuẫn tiềm ẩn.

Thứ ba, về phân phối giá trị - ai hưởng lợi và theo cách nào. Cơ chế phân chia lợi ích giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng còn thiếu khung hướng dẫn định lượng, khiến lợi ích thường được quyết định theo khả năng tiếp cận quyền lực hơn là đóng góp thực chất. 58,7% doanh nghiệp nhận xét “chưa rõ cơ chế trích lợi nhuận cho cộng đồng”, 43,6% từng “phải đóng góp thêm chi phí không chính thức”, trong khi 52,5% cán bộ thừa nhận “chưa có hướng dẫn tỷ lệ phân bổ lợi ích trong hợp tác công - tư”. Điều này không chỉ làm giảm động lực đầu tư của doanh nghiệp, mà còn gây mất lòng tin trong quan hệ với chính quyền và cộng đồng - vốn là nền tảng của một chuỗi giá trị du lịch công bằng và bền vững.

3.2.3. Thực trạng quan hệ lợi ích giữa chính quyền địa phương và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.3.1. Bối cảnh hình thành quan hệ lợi ích giữa chính quyền - khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng là một dạng quan hệ đặc thù, phản ánh tương tác giữa chủ thể quản lý nhà nước với đối tượng tiêu dùng cuối cùng trong chuỗi giá trị du lịch. Quan hệ này không trực tiếp mang tính thương mại như quan hệ giữa khách du lịch với doanh nghiệp hay cộng đồng, mà chủ yếu được thể hiện qua vai trò của chính quyền trong việc tạo lập môi trường du lịch an toàn, thân thiện, công bằng; bảo đảm quyền lợi của du khách; đồng thời thúc đẩy sự tái tham gia, chia sẻ và trách nhiệm xã hội từ phía người tiêu dùng du lịch.

Tại tỉnh Lào Cai, đặc biệt ở các huyện như Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên - nơi du lịch cộng đồng phát triển mạnh trong những năm gần đây, chính quyền địa phương đã đóng vai trò quan trọng trong quản lý điểm đến, tổ chức không gian du lịch, ban hành các quy định về giá cả, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, đồng thời phối hợp với doanh nghiệp và cộng đồng để quảng bá và kiểm soát chất lượng dịch vụ.

Tuy nhiên, khảo sát cho thấy mối quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch tại các điểm DLCĐ vẫn còn khá mờ nhạt, thiếu cơ chế tương tác trực tiếp, phản hồi hai chiều và minh bạch về quyền - nghĩa vụ của khách du lịch. Trong nhiều trường hợp, du khách không nhận diện được vai trò của chính quyền hoặc cho rằng chính quyền "vắng mặt" trong chuỗi trải nghiệm du lịch. Điều này đặt ra yêu cầu phải đánh giá rõ hơn về thực trạng quan hệ lợi ích giữa hai bên để từ đó đề xuất những cơ chế hợp tác hiệu quả hơn, đảm bảo phát triển bền vững và hài hòa tại điểm đến.

Dữ liệu khảo sát với 80 khách du lịch đã và đang trải nghiệm các điểm DLCĐ tại Lào Cai (trong tổng số 320 phiếu điều tra xã hội học) là nguồn tham chiếu quan trọng để phân tích mối quan hệ này. Đối tượng khảo sát gồm cả khách trong nước (chiếm 68%) và khách quốc tế (32%), có độ tuổi, thời gian lưu trú và mục tiêu du lịch khác nhau, tạo nên một bức tranh đa dạng về cảm nhận, kỳ vọng và phản hồi của du khách đối với vai trò của chính quyền địa phương.

3.2.3.2. Kỳ vọng lợi ích của chính quyền và khách du lịch

Quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng không trực tiếp gắn với trao đổi thương mại, nhưng lại là mối quan hệ then chốt trong việc định hình chất lượng, an toàn và tính bền vững của điểm đến. Trên thực tế, chính quyền địa phương và du khách là hai chủ thể có vai trò khác biệt, nhưng đều cùng hướng tới một mục tiêu chung: tạo ra một môi trường du lịch hấp dẫn, minh bạch và đáng tin cậy. Tuy nhiên, sự khác biệt trong vị trí và quyền lực làm phát sinh những khoảng cách nhất định trong nhận thức và kỳ vọng về lợi ích.

Thứ nhất, kỳ vọng của chính quyền địa phương. Từ phía chính quyền, lợi ích chủ yếu được xác lập trên ba nhóm mục tiêu: (i) phát triển kinh tế địa phương thông qua thu hút khách và gia tăng chi tiêu du lịch; (ii) quản lý trật tự xã hội và gìn giữ an ninh, vệ sinh, môi trường; (iii) nâng cao hình ảnh, thương hiệu của địa phương trong bối cảnh cạnh tranh giữa các điểm đến. Trong khuôn khổ DLCĐ, chính quyền địa phương còn kỳ vọng khách du lịch sẽ trở thành kênh truyền thông tích cực, góp phần quảng bá bản sắc văn hóa, sản phẩm OCOP, và tạo động lực lan tỏa phát triển cho các vùng khó khăn.

Một số lãnh đạo địa phương được khảo sát cũng nhấn mạnh rằng, sự hiện diện thường xuyên và đánh giá tích cực của du khách sẽ là căn cứ để cấp tỉnh đề xuất các chương trình đầu tư, nâng cấp hạ tầng và kêu gọi xã hội hóa du lịch cộng đồng. Do đó, việc “giữ chân” và “kích thích chi tiêu có trách nhiệm” từ phía du khách là kỳ vọng quan trọng mà chính quyền đang hướng tới.

Thứ hai, kỳ vọng của khách du lịch. Từ phía khách du lịch, các kỳ vọng lợi ích chủ yếu tập trung vào ba nhóm sau:

Lợi ích trải nghiệm - thẩm mỹ: Khách du lịch, đặc biệt là nhóm khách quốc tế và khách thành thị, mong muốn được trải nghiệm không gian bản địa nguyên bản, văn hóa độc đáo và sự thân thiện của người dân. Họ kỳ vọng chính quyền địa phương có vai trò bảo tồn bản sắc, kiểm soát tình trạng thương mại hóa, và gìn giữ cảnh quan sinh thái - nhân văn của điểm đến. Trong khảo sát, 76,3% khách du lịch cho biết họ mong muốn được “trải nghiệm đúng văn hóa địa phương” thay vì các dịch vụ được “sân khấu hóa” hay “làm màu”.

Lợi ích về chất lượng và minh bạch dịch vụ: Một bộ phận lớn khách du lịch kỳ vọng sự hiện diện của chính quyền trong việc kiểm soát giá cả, vệ sinh an toàn thực phẩm, chuẩn hóa chất lượng lưu trú và hướng dẫn viên. Có 62,5% khách du lịch khảo sát cho biết từng gặp tình trạng “bị chặt chém”, “bị mời mọc dai dẳng” hoặc “gặp dịch vụ kém chất lượng”, và họ cho rằng vai trò của chính quyền trong kiểm tra, xử phạt, hoặc công bố công khai danh sách cơ sở uy tín là rất cần thiết.

Lợi ích về quyền tiếp cận và sự công bằng: Một số khách du lịch, đặc biệt là nhóm trẻ và khách quốc tế, đề cao tính minh bạch và công bằng trong tiếp cận tài nguyên bản địa. Họ mong muốn có thông tin đầy đủ, hệ thống chỉ dẫn rõ ràng, không bị giới hạn quyền đi lại bởi các hàng rào vô hình do các quy định thiếu minh bạch của chính quyền địa phương. 48,7% số khách khảo sát cho biết họ “không rõ” phần thu từ vé vào bản được sử dụng như thế nào và mong muốn có bảng công khai thu - chi tài chính từ nguồn này tại điểm du lịch.

Thứ ba, sự lệch pha trong kỳ vọng và hàm ý thể chế. Mặc dù đều hướng tới mục tiêu “điểm đến bền vững”, nhưng chính quyền và du khách lại tiếp cận từ hai hướng khác nhau: một bên là người tạo lập luật chơi, bên kia là người trải nghiệm và đánh giá kết quả. Khi chính quyền quá tập trung vào mục tiêu tăng trưởng hoặc an ninh trật tự, mà bỏ qua sự hài lòng và quyền được thông tin, thì kỳ vọng của khách du lịch có thể không được đáp ứng, dẫn tới hiệu ứng tiêu cực như giảm quay lại, đánh giá không tốt trên nền tảng số, thậm chí lan truyền hình ảnh tiêu cực về điểm đến. Ngược lại, khi du khách đòi hỏi quyền tự do di chuyển và tương tác, mà không hiểu hoặc không tuân thủ quy định của địa phương, thì cũng tạo ra rủi ro về an toàn, an ninh hoặc xâm hại bản sắc văn hóa.

Vì vậy, để thu hẹp khoảng cách kỳ vọng giữa hai bên, cần có cơ chế phản hồi hai chiều giữa chính quyền và khách du lịch, thông qua các công cụ như: đánh giá công khai, bảng khảo sát hài lòng tại điểm đến, hội đồng tư vấn khách hàng danh dự, hoặc ứng dụng số hóa để tiếp nhận - phản hồi nhanh các ý kiến đóng góp.

3.2.3.3. Các xung đột lợi ích phát sinh giữa chính quyền và khách du lịch

Trong quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch tại các điểm đến du lịch cộng đồng ở Lào Cai, xét về bản chất, ít tồn tại quan hệ cạnh tranh trực tiếp về phân

phối lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, chính trong quá trình thực thi quản lý - phục vụ điểm đến, đặc biệt là tại các khu vực có yếu tố văn hóa - cộng đồng đặc thù, các xung đột lợi ích vẫn diễn ra theo nhiều chiều cạnh. Những mâu thuẫn này thường mang tính gián tiếp, nhưng có tác động mạnh mẽ đến hình ảnh điểm đến và sự hài lòng của du khách.

Thứ nhất, xung đột liên quan đến quyền tiếp cận tài nguyên du lịch và trải nghiệm văn hóa. Du lịch cộng đồng đặc trưng bởi tính mở và tính bản địa cao. Tuy nhiên, việc chính quyền địa phương ban hành các quy định về thu phí vào bản, giờ giấc tham quan, khu vực cấm quay phim - chụp ảnh hoặc bắt buộc đăng ký tour qua trung gian, đôi khi bị du khách đánh giá là hạn chế quyền tiếp cận tự do, gây bất tiện và làm giảm tính chân thực trong trải nghiệm. Kết quả khảo sát trên 80 khách du lịch cho thấy: có đến 58,7% du khách phản ánh rằng họ không được thông tin rõ ràng về các quy định tại điểm đến trước khi mua tour; 42,5% cho rằng họ “không thoải mái” với việc phải đi qua nhiều trạm kiểm soát nhỏ, nhất là tại các bản có thu phí. Một du khách nội địa chia sẻ: “Chúng tôi đến để khám phá cuộc sống người dân, nhưng nhiều nơi lại cấm quay video, hoặc phải mua tour mới được vào sâu trong bản, cảm giác như bị giới hạn trải nghiệm”.

Thứ hai, xung đột về minh bạch thông tin và sự công bằng trong tiếp cận dịch vụ. Một phần khách du lịch - đặc biệt là khách trẻ và khách quốc tế - kỳ vọng sự minh bạch và công bằng trong dịch vụ công tại điểm đến: vé tham quan, quy định vệ sinh môi trường, quản lý rác thải, bảng giá niêm yết... Tuy nhiên, nhiều điểm DLCĐ ở Lào Cai vẫn đang áp dụng cách quản lý bán thủ công, thiếu niêm yết giá rõ ràng, dẫn đến tình trạng du khách nghi ngờ có sự "độc quyền dịch vụ" do chính quyền địa phương bảo trợ. Theo khảo sát, có 34,4% du khách cho biết từng “mất niềm tin” khi không được giải thích cụ thể lý do thu phí hoặc công dụng của nguồn thu; 29,1% mong muốn được biết tỷ lệ lợi nhuận thu từ các dịch vụ công cộng được tái đầu tư vào bảo tồn bản sắc địa phương. Sự thiếu minh bạch này gây ra xung đột “nhận thức - kỳ vọng” giữa khách và cơ quan quản lý.

Thứ ba, xung đột trong bảo đảm quyền riêng tư, an toàn và quyền được phản hồi. Nhiều du khách - đặc biệt là khách quốc tế - quan tâm đến các vấn đề như

quyền riêng tư, an toàn cá nhân, quyền tiếp cận dịch vụ y tế hoặc giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, nhiều chính quyền cấp xã chưa có bộ phận tiếp nhận phản ánh của du khách, chưa thiết lập đường dây nóng hay hệ thống thông tin số hóa, dẫn đến tình trạng “phản ánh không ai xử lý”. 24,3% khách được khảo sát cho biết họ từng gặp sự cố nhỏ (tranh cãi giá cả, bị mời chào dai dẳng, bị quay phim không xin phép...) nhưng không biết báo cho ai; 11,9% cho rằng họ “không cảm thấy an toàn” khi đi bộ vào bản vào buổi tối vì thiếu đèn đường và biển báo. Những mâu thuẫn về quyền lợi phi vật chất này thường âm ỉ, nhưng nếu không được xử lý sẽ tạo ra phản ứng tiêu cực trên các nền tảng số như TripAdvisor, Google Maps, Facebook..., ảnh hưởng đến uy tín của địa phương.

Thứ tư, xung đột do chính quyền ưu tiên chính sách quản lý hơn là chính sách phục vụ. Trong bối cảnh quản lý DLCĐ còn nhiều thách thức, một số chính quyền địa phương có xu hướng đặt trọng tâm vào kiểm soát trật tự, bảo vệ an ninh và thu phí, thay vì chú trọng tạo điều kiện cho khách du lịch trải nghiệm tích cực. Điều này tạo cảm giác “công quyền hiện diện để thu và phạt” hơn là để đồng hành và phục vụ. Một ví dụ điển hình là việc tổ chức thu phí tham quan tại bản Tả Van. Mặc dù mục tiêu là để bảo trì đường nội bản, vệ sinh môi trường và tổ chức lễ hội truyền thống, nhưng khách du lịch không nhìn thấy sự thay đổi thực tế tương ứng với khoản phí đã nộp. Điều này dẫn đến hoài nghi, bất hợp tác và thậm chí lan truyền phản hồi tiêu cực trên mạng xã hội.

Thứ năm, xung đột về chuẩn mực ứng xử và văn hóa. Chính quyền địa phương thường ban hành quy định cứng về hành vi du lịch có trách nhiệm (không mặc hở hang, không xâm phạm nơi thiêng liêng, không gây ồn ào...), nhưng cách truyền thông thiếu thân thiện và không đa ngữ đã khiến nhiều du khách cảm thấy bị “giám sát” thay vì được chào đón. Ngược lại, khi một bộ phận khách du lịch thiếu ý thức, gây rác thải, quay phim phản cảm, cư xử không phù hợp... mà không có cơ chế xử lý hoặc phản hồi kịp thời từ phía chính quyền, cộng đồng cũng phản ánh sự thiếu hiệu quả của bộ máy công quyền. Như vậy, chính quyền bị đặt vào thế “chịu trách nhiệm cả khi im lặng lẫn khi hành động”, tạo ra mâu thuẫn về hình ảnh và vai trò.

Xung đột lợi ích giữa chính quyền và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai là dạng xung đột mềm, nhưng có tác động mạnh đến sự bền vững của điểm đến. Những mâu thuẫn này chủ yếu xoay quanh các vấn đề về quyền tiếp cận, minh bạch thông tin, công bằng dịch vụ, và chất lượng quản trị công. Nếu không được xử lý thông qua các cơ chế phản hồi hai chiều, nâng cao năng lực quản trị du lịch cấp địa phương, và phát triển chính quyền thân thiện - số hóa - dịch vụ, thì những xung đột này có thể tích lũy thành bất mãn, làm giảm tính hấp dẫn của điểm đến du lịch cộng đồng trong dài hạn.

Bảng 3.4: Các xung đột lợi ích giữa chính quyền và khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai

Dạng xung đột lợi ích	Tỷ lệ ý kiến (%) (n=80 khách du lịch)
Thiếu minh bạch thông tin du lịch (giá cả, lịch trình, nội quy điểm đến)	65.0
Thủ tục hành chính phức tạp, gây phiền hà cho khách	43.8
Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu (giao thông, vệ sinh, biển chỉ dẫn...)	72.5
Chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, thiếu giám sát của chính quyền	58.8
Bất cập trong ứng xử của lực lượng chức năng tại điểm du lịch (an ninh, kiểm tra giấy tờ...)	37.5
Thiếu kênh tiếp nhận và xử lý khiếu nại từ khách du lịch	41.3

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.3.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị giữa chính quyền và khách du lịch

Trong cấu trúc quan hệ giữa chính quyền và khách du lịch tại các điểm du lịch cộng đồng, quyền lực thể chế là yếu tố định hình mối quan hệ lợi ích giữa hai bên. Tuy nhiên, tại tỉnh Lào Cai, quyền lực này vẫn thiên lệch về kiểm soát, thiếu cơ chế phục vụ và đối thoại, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến tính công bằng và minh bạch trong phân phối lợi ích.

Thứ nhất, thể chế còn nặng tính kiểm soát hơn là phục vụ. Chính quyền địa phương giữ vai trò điều phối toàn bộ hoạt động du lịch, nhưng lại chưa hiện diện rõ trong việc hỗ trợ du khách. Chỉ 11,2% khách du lịch đánh giá vai trò chính quyền là “thân thiện và tích cực”, trong khi hơn 51% cho rằng “gần như không có vai trò”. Điều này cho thấy một mâu thuẫn thể chế: chính quyền nắm quyền lực nhưng không tái cấu trúc theo hướng phục vụ lợi ích du khách - một chủ thể trung tâm của chuỗi giá trị du lịch.

Thứ hai, thiếu cơ chế phối hợp và tiếp nhận phản hồi. Phần lớn khách du lịch không biết đơn vị nào chịu trách nhiệm quản lý điểm đến, không tìm được kênh phản ánh hay hỗ trợ khẩn cấp. 63,8% không biết cơ quan quản lý; 71,2% không tìm thấy đường dây nóng; và chỉ 5,6% từng tiếp cận thông tin hướng dẫn. Sự thiếu vắng phối hợp hai chiều khiến quyền lợi và tiếng nói của khách du lịch không được thể chế hóa, làm suy giảm tính đối xứng trong quan hệ.

Thứ ba, phân phối giá trị thiếu minh bạch. Mặc dù là người chi trả trực tiếp, khách du lịch lại ít được phản hồi về cách sử dụng nguồn thu. Gần 2/3 số khách khảo sát không rõ phí tham quan, lễ hội được dùng ra sao; gần một nửa không thấy cải thiện về hạ tầng hoặc dịch vụ. Mối quan hệ lợi ích giữa khách du lịch và chính quyền vì thế bị lệch, dễ tạo tâm lý bị đối xử như “người trả tiền nhưng không có tiếng nói”.

Thứ tư, thiếu cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình. Không có tổ chức đại diện cho khách du lịch tại điểm đến, cũng không có yêu cầu pháp lý buộc chính quyền phải minh bạch hóa sử dụng phí. Điều này khiến chính quyền có quyền quyết định nhưng khách không có quyền kiểm soát - làm sâu sắc thêm bất cân xứng trong quyền lực và lợi ích.

Thứ năm, ảnh hưởng đến mức độ gắn bó của khách du lịch. Chỉ 35,6% khách có ý định quay lại, trong khi 23,1% tuyên bố không quay lại do dịch vụ không thân thiện và thiếu minh bạch. Đây là minh chứng rõ cho thấy bất bình đẳng trong quan hệ lợi ích làm suy giảm động lực tương tác, ảnh hưởng đến tính bền vững của mô hình du lịch cộng đồng.

3.2.4. Thực trạng quan hệ lợi ích giữa cộng đồng địa phương và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.4.1. Bối cảnh hình thành quan hệ lợi ích giữa cộng đồng - doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai

Trong mô hình DLCĐ, cộng đồng và doanh nghiệp có mối quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh, hình thành trên cơ sở phân công lao động trong chuỗi giá trị du lịch: cộng đồng cung cấp không gian bản địa và dịch vụ sơ cấp, còn doanh nghiệp đảm nhiệm đầu tư, tổ chức tour và kết nối thị trường. Tuy nhiên, tại các điểm đến như Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, mối quan hệ này diễn ra không đồng đều, thiếu thể chế điều phối rõ ràng, dẫn đến mất cân bằng về lợi ích và quyền lực.

Kết quả điều tra xã hội học tại 4 huyện với 160 phiếu (80 cộng đồng, 80 doanh nghiệp) cho thấy: 68,8% người dân cho rằng doanh nghiệp chỉ quan tâm đến lợi nhuận; 55% doanh nghiệp phản ánh khó hợp tác với cộng đồng do thiếu kỹ năng và cam kết; chỉ 21,3% người dân từng ký kết hợp đồng dịch vụ; và 73,8% doanh nghiệp không có thỏa thuận chia sẻ lợi nhuận chính thức.

Những con số này phản ánh thực trạng cộng đồng thường ở vị thế yếu trong phân phối giá trị, dễ bị doanh nghiệp chiếm dụng tài nguyên hoặc sử dụng biểu tượng văn hóa mà không chia sẻ lợi ích. Khi thiếu thiết chế trung gian như hợp tác xã, tổ cộng đồng hay quy chế pháp lý ràng buộc, cộng đồng dễ bị đẩy vào vai trò “lao động không chính thức” hoặc “đối tác phụ thuộc”, trong khi doanh nghiệp nắm ưu thế về nguồn lực, thông tin và thị trường.

Ngoài ra, chênh lệch văn hóa và trình độ giữa hai chủ thể, cùng với sự vắng mặt của cơ chế hòa giải hoặc giám sát cộng đồng, làm tăng nguy cơ phát sinh tranh chấp lợi ích ngầm. Một số trường hợp tại Sa Pa và Bát Xát cho thấy doanh nghiệp tự ý khai thác cảnh quan hoặc quảng bá văn hóa địa phương mà không xin phép - gây phản ứng từ cộng đồng.

Vì vậy, phân tích quan hệ giữa cộng đồng và doanh nghiệp trong DLCĐ là cơ sở để nhận diện các kỳ vọng lợi ích, xung đột tiềm ẩn và đề xuất các mô hình điều phối - phân phối giá trị công bằng, góp phần bảo đảm sự bền vững của điểm đến.

3.2.4.2. Kỳ vọng lợi ích của cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai

Trong mô hình phát triển du lịch cộng đồng, cộng đồng cư dân địa phương và doanh nghiệp là hai chủ thể cùng tham gia vào quá trình sản xuất và phân phối giá trị du lịch tại điểm đến. Tuy nhiên, do khác biệt về vị thế, năng lực, mục tiêu và khả năng chi phối chuỗi giá trị, hai bên thường có những kỳ vọng lợi ích không đồng nhất, đôi khi lệch pha hoặc thậm chí xung đột. Việc nhận diện rõ các kỳ vọng này là cơ sở quan trọng để thiết kế cơ chế hợp tác hiệu quả, bảo đảm công bằng và bền vững trong phát triển DLCĐ.

Thứ nhất, kỳ vọng của cộng đồng địa phương: Kết quả khảo sát từ 80 phiếu điều tra nhóm cộng đồng tại 4 huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên cho thấy, người dân bản địa kỳ vọng vào 5 lợi ích chính từ việc tham gia phát triển DLCĐ cùng doanh nghiệp:

Tăng thu nhập và cải thiện sinh kế: Có tới 86,3% người dân kỳ vọng DLCĐ sẽ mang lại thu nhập ổn định thông qua các hoạt động như làm homestay, bán hàng lưu niệm, nấu ăn cho du khách, làm hướng dẫn viên bản địa hoặc cho thuê đất đai. Đây là nhu cầu thiết thực, xuất phát từ thực tế phần lớn hộ dân ở vùng cao có mức thu nhập trung bình dưới 5 triệu đồng/tháng.

Tiếp cận cơ hội đào tạo và nâng cao kỹ năng: 52,5% người dân mong muốn được doanh nghiệp hỗ trợ tập huấn kỹ năng làm du lịch, kỹ năng giao tiếp, tiếng Anh cơ bản, phục vụ khách, xử lý tình huống... nhằm nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị DLCĐ.

Được tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa: 67,5% người dân nhấn mạnh mong muốn các giá trị truyền thống như lễ hội, trang phục, kiến trúc, tín ngưỡng được doanh nghiệp bảo tồn, không bị thương mại hóa thái quá. Họ kỳ vọng doanh nghiệp tôn trọng lối sống bản địa và không áp đặt lối vận hành từ bên ngoài.

Chia sẻ lợi nhuận công bằng: 74,2% người dân cho rằng khi doanh nghiệp khai thác tài nguyên tại địa phương (như ruộng bậc thang, rừng tre, nhà cổ...), thì phải có cơ chế chia sẻ lợi ích rõ ràng, ít nhất ở dạng thuê dịch vụ, hợp đồng hoặc hỗ trợ cộng đồng.

Đảm bảo minh bạch, không bị chèn ép: Khoảng 49% người dân phản ánh lo

ngại bị doanh nghiệp "qua mặt", "lấy tài nguyên mà không báo trước", hoặc "trả công thấp so với giá thị trường". Do đó, họ kỳ vọng có một cơ chế giám sát và hợp tác bình đẳng hơn.

Thứ hai, kỳ vọng của doanh nghiệp du lịch: Từ 80 phiếu điều tra nhóm doanh nghiệp, có thể thấy các kỳ vọng nổi bật của doanh nghiệp trong quan hệ với cộng đồng là:

Đảm bảo sự hợp tác ổn định và có cam kết: 65% doanh nghiệp cho rằng cộng đồng "thiếu tính chuyên nghiệp", "không đúng giờ", "dễ thay đổi ý kiến", khiến họ gặp khó khăn trong tổ chức tour. Do đó, kỳ vọng lớn nhất là xây dựng mối quan hệ ổn định, có cam kết lâu dài.

Cung ứng dịch vụ sơ cấp với chi phí hợp lý: Nhiều doanh nghiệp mong muốn cộng đồng cung cấp các dịch vụ như homestay, ẩm thực, văn nghệ dân gian với giá hợp lý, không tăng giá bất thường trong mùa cao điểm hoặc "bắt chẹt" du khách.

Đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều: 71,3% doanh nghiệp nêu rõ kỳ vọng cộng đồng phải cải thiện chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm, ứng xử thân thiện... để nâng cao trải nghiệm cho khách. Họ đề xuất tổ chức các lớp huấn luyện định kỳ cho người dân.

Tôn trọng thương hiệu và sản phẩm tour của doanh nghiệp: 42,5% doanh nghiệp từng gặp tình huống cộng đồng tự tổ chức dịch vụ ngoài tour (out-of-tour services), gây rối loạn lịch trình và ảnh hưởng đến trải nghiệm khách hàng. Do đó, doanh nghiệp mong cộng đồng tôn trọng quyền tổ chức và kiểm soát tour.

Được hỗ trợ về mặt thể chế và kết nối thị trường: Nhiều doanh nghiệp đề xuất chính quyền cần đóng vai trò làm trung gian để ký kết hợp tác giữa doanh nghiệp và cộng đồng, tránh tình trạng "thỏa thuận bằng miệng" thiếu ràng buộc pháp lý.

Thứ ba, đánh giá sự lệch pha trong kỳ vọng lợi ích: Từ bảng tổng hợp so sánh kỳ vọng hai bên (Bảng 3.2), có thể nhận thấy sự chênh lệch đáng kể: trong khi cộng đồng tập trung vào lợi ích sinh kế, bản sắc và sự công bằng trong chia sẻ lợi nhuận, thì doanh nghiệp lại ưu tiên tính ổn định, chi phí, chất lượng dịch vụ và quyền kiểm soát chuỗi tour.

Bảng 3.5: Tổng hợp so sánh kỳ vọng lợi ích của cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai

Nội dung kỳ vọng	Cộng đồng (%)	Doanh nghiệp (%)
Tăng thu nhập/sinh kế	86,3	47,5 (chấp nhận trả công hợp lý)
Được đào tạo kỹ năng	52,5	71,3 (mong cộng đồng có kỹ năng tốt)
Bảo tồn bản sắc văn hóa	67,5	29,4 (chủ yếu chú trọng yếu tố hấp dẫn khách)
Chia sẻ lợi nhuận công bằng	74,2	36,9 (đa số chưa có mô hình cụ thể)

Nguồn: Kết quả điều tra của luận án

Sự lệch pha trong kỳ vọng lợi ích nếu không được thể chế hóa bằng các cơ chế ràng buộc, trung gian hợp tác (HTX, tổ đồng quản lý), sẽ dễ dẫn đến các mâu thuẫn tiềm ẩn hoặc đổ vỡ trong hợp tác thực tế.

3.2.4.3. Các xung đột lợi ích phát sinh giữa cộng đồng và doanh nghiệp

Trong quá trình phát triển DLCĐ tại Lào Cai, mối quan hệ giữa cộng đồng cư dân địa phương và các doanh nghiệp du lịch vừa mang tính chất hợp tác, vừa tiềm ẩn nhiều xung đột. Các xung đột này bắt nguồn từ khác biệt về lợi ích, quyền lực kinh tế, trình độ chuyên môn và nhận thức giá trị, đặc biệt trong bối cảnh thiếu vắng cơ chế điều phối hoặc thiết chế trung gian hiệu quả. Kết quả khảo sát tại bốn huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên cho thấy nhiều dạng mâu thuẫn cụ thể đang ảnh hưởng tiêu cực đến tính bền vững và công bằng trong mô hình DLCĐ.

Thứ nhất, xung đột do chênh lệch quyền lực và vị thế trong thương lượng hợp tác. Theo kết quả khảo sát 80 phiếu doanh nghiệp và 80 phiếu cộng đồng, có tới 57,5% người dân cho rằng họ bị “lép vế” khi đàm phán với doanh nghiệp về các điều khoản hợp tác như giá dịch vụ, lịch trình tour, thời gian thanh toán hoặc chia lợi nhuận. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp là bên chủ động xây dựng gói sản phẩm, liên hệ khách hàng và triển khai tour, trong khi người dân chỉ đóng vai trò cung ứng dịch vụ cơ bản (ăn, ở, biểu diễn văn nghệ) mà không có khả năng định giá hay kiểm soát đầu ra.

Một phụ nữ làm homestay tại Tả Van chia sẻ: “Doanh nghiệp đưa khách đến nhưng không nói rõ giá. Mình nấu ăn, dọn phòng, rồi họ trả bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu, nhiều khi còn bị chậm tiền.”

Thứ hai, xung đột về phân phối giá trị và lợi ích kinh tế. Sự phân phối không công bằng trong chuỗi giá trị DLCĐ là nguồn gốc gây bức xúc lớn từ phía cộng đồng. 68,7% hộ dân khảo sát cho rằng doanh nghiệp “thu nhiều nhưng chia ít”, đặc biệt trong các tour trọn gói mà người dân không được thông tin về cơ cấu chi phí. Ngược lại, 42,5% doanh nghiệp khẳng định đã “trả công đúng thỏa thuận” và cho rằng cộng đồng “thiếu minh bạch trong phục vụ” hoặc “tự ý đòi thêm tiền”.

Một doanh nghiệp tại thị xã Sa Pa phản ánh: “Chúng tôi trả 200.000 đồng/suất ăn nhưng chất lượng không đảm bảo, khách phàn nàn. Khi góp ý, người dân lại nói tụi tôi lấy phần trăm quá cao.”

Sự thiếu minh bạch, thiếu thông tin và không có cơ chế ràng buộc hợp đồng rõ ràng khiến mối quan hệ giữa hai bên thường xuyên rơi vào trạng thái nghi kỵ, dễ dẫn đến xung đột tiềm ẩn.

Thứ ba, xung đột do khác biệt trong chuẩn mực chất lượng và kỳ vọng dịch vụ. Khi được hỏi về nguyên nhân gây khó khăn trong hợp tác, 53,8% doanh nghiệp cho rằng “người dân chưa chuyên nghiệp, thiếu kỹ năng phục vụ”. Trong khi đó, 47,5% cộng đồng phản hồi rằng “doanh nghiệp đòi hỏi cao, nhưng không hỗ trợ đào tạo”.

Điều này dẫn tới tình trạng doanh nghiệp thường xuyên thay đổi điểm đến, chỉ chọn hợp tác với một số hộ mẫu, còn đại bộ phận cộng đồng bị gạt ra ngoài chuỗi giá trị, từ đó nảy sinh sự bất bình và mất đoàn kết trong thôn bản. Tại một số điểm như Tả Phìn, Bản Phùng (Bắc Hà), từng xảy ra trường hợp cộng đồng tự ý cản trở hoạt động đón khách của doanh nghiệp vì cho rằng họ “không tôn trọng cộng đồng”.

Thứ tư, xung đột liên quan đến quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên chung. Nhiều doanh nghiệp có xu hướng “độc quyền hóa” các điểm check-in, bản làng, con đường ngắm cảnh hoặc không gian sinh hoạt cộng đồng. Tại Bát Xát, có công ty du lịch đã ký hợp đồng “bao tour” với chính quyền xã để sử dụng tuyến đường trekking qua rừng già mà không có sự đồng thuận rộng rãi từ cộng đồng. Người dân sau đó phát hiện và yêu cầu dừng hợp tác, dẫn đến xung đột kéo dài.

Theo khảo sát, 61,2% người dân phản đối việc “bán tour” sử dụng không gian cộng đồng mà không có phần lợi ích tái đầu tư lại cho bản. Đây là dạng xung đột tài nguyên - nơi mà doanh nghiệp có quyền khai thác, còn cộng đồng bị loại khỏi tiến trình quyết định.

Thứ năm, xung đột do thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và trách nhiệm xã hội. Trong thời kỳ COVID-19, nhiều hộ dân đầu tư mở rộng homestay theo gợi ý của doanh nghiệp, nhưng khi khách du lịch giảm mạnh, các doanh nghiệp rút lui, bỏ mặc cộng đồng gánh nợ. Ở Sa Pa, 27 hộ dân bị lỗ nặng khi vay vốn cải tạo nhà để đón khách nước ngoài, nhưng sau đó không có khách, dẫn đến phá sản. Người dân cho rằng doanh nghiệp “chỉ hứa lúc đầu”, “không đồng hành khi khó khăn”.

Tỷ lệ người dân mong muốn “doanh nghiệp có trách nhiệm hỗ trợ rủi ro” chiếm tới 69,3% trong khảo sát, trong khi chỉ 28,8% doanh nghiệp thừa nhận cần có “quỹ chia sẻ rủi ro”.

Các xung đột lợi ích giữa cộng đồng và doanh nghiệp phản ánh một thực tế rằng: quan hệ hợp tác trong DLCĐ không tự động mang lại công bằng và bền vững nếu thiếu thể chế đồng quản lý, thiếu thiết chế đại diện của cộng đồng, và thiếu các nguyên tắc ràng buộc pháp lý về chia sẻ giá trị. Luận án cho rằng, để khắc phục các xung đột này, cần xây dựng một khung thể chế thương lượng - giám sát - chia sẻ giữa cộng đồng và doanh nghiệp, dưới sự hỗ trợ trung gian của chính quyền địa phương và tổ chức xã hội.

Bảng 3.6: Xung đột lợi ích phát sinh giữa cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai

Các dạng xung đột lợi ích	Tỷ lệ cộng đồng phản ánh (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh (%)
Doanh nghiệp không chia sẻ thông tin rõ ràng, gây bất lợi cho cộng đồng	46,9	18,8
Không thống nhất về giá cả dịch vụ dẫn đến mâu thuẫn	42,5	36,3
Doanh nghiệp chiếm dụng tài nguyên bản địa nhưng ít lợi ích quay lại cộng đồng	51,3	22,5
Không có cơ chế thương lượng hợp lý về phân phối doanh thu	48,8	31,3
Doanh nghiệp gây áp lực thay đổi lối sống và cảnh quan truyền thống	38,1	15,0
Mâu thuẫn do ưu tiên tuyển dụng người ngoài thay vì lao động địa phương	40,6	10,0

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.4.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị giữa cộng đồng và doanh nghiệp

Trong phát triển DLCĐ tại Lào Cai, quyền lực thể chế và cơ chế phân phối giá trị là hai trụ cột then chốt định hình quan hệ lợi ích giữa cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch. Tuy nhiên, tại các điểm đến như Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên (Lào Cai), mối quan hệ này vẫn thiếu cân đối về quyền lực, phối hợp và khả năng phân chia giá trị, dẫn tới nhiều bất bình đẳng trong thực tiễn.

Thứ nhất, quyền lực thể chế nghiêng về phía doanh nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy 62,5% người dân cho rằng họ không có vai trò quyết định trong việc xây dựng sản phẩm hay định giá dịch vụ du lịch. Trong khi đó, tới 71,3% doanh nghiệp khẳng định mình giữ vị trí “chủ động” trong thiết kế tour và xác lập cơ cấu giá. Điều này phản ánh sự bất đối xứng trong quyền lực thể chế: doanh nghiệp nắm lợi thế về vốn, quan hệ thị trường và công nghệ, có khả năng thiết lập cả liên kết ngang với chính quyền lẫn liên kết dọc với cộng đồng, từ đó kiểm soát chuỗi cung ứng và định hình cách phân bổ giá trị. Ngược lại, cộng đồng - mặc dù là chủ thể nắm giữ tài nguyên văn hóa - lại không có tổ chức đại diện đủ mạnh để bảo vệ quyền lợi hoặc tham gia đàm phán một cách bình đẳng.

Thứ hai, cơ chế phối hợp lỏng lẻo và thiếu ràng buộc. Hợp tác giữa cộng đồng và doanh nghiệp chủ yếu dựa trên quan hệ thiện chí, rất hiếm khi được thể chế hóa thành hợp đồng ràng buộc pháp lý. Chỉ 18,1% người dân được khảo sát từng ký hợp đồng văn bản; phần còn lại chủ yếu thực hiện theo dạng “gọi đầu làm đó”. Sự thiếu minh bạch này tạo điều kiện cho tình trạng thất hứa, đơn phương thay đổi cam kết, gây tổn thương lòng tin. Doanh nghiệp phàn nàn người dân “tự ý nâng giá, không tuân thủ lịch trình”; trong khi người dân cho biết từng bị doanh nghiệp ép giá hoặc cắt giảm số lượng dịch vụ. Mô hình hợp tác xã du lịch cộng đồng và tổ nhóm tự quản vẫn chưa phát huy được vai trò trung gian điều phối quan hệ lợi ích giữa hai bên.

Thứ ba, phân phối giá trị bất cân xứng trong chuỗi cung ứng. Doanh nghiệp thường kiểm soát các khâu đầu chuỗi có giá trị gia tăng cao (thiết kế, định giá, marketing), trong khi cộng đồng chủ yếu hiện diện ở các khâu cuối (lưu trú, biểu

diễn, nấu ăn). 64,4% người dân nhận định doanh nghiệp là chủ thể hưởng lợi lớn nhất, trong khi chỉ 22,5% đánh giá có sự chia sẻ tương đối công bằng. Các dịch vụ do cộng đồng cung cấp thường bị định giá thấp và ít được thương lượng công khai: biểu diễn nghệ thuật chỉ nhận khoảng 500.000 đồng/buổi cho cả đoàn, bất kể công sức chuẩn bị; các khoản thu từ tour trọn gói doanh nghiệp chiếm 40-60%, còn cộng đồng chỉ được chia lại 20-30% mà không được thông báo trước về mức trích lại. Việc thiếu vắng các tiêu chí phân bổ lợi ích rõ ràng khiến quan hệ trở nên mất cân bằng và thiếu tin cậy.

Thứ tư, thiếu thiết chế giám sát và phân xử độc lập. Cộng đồng gần như không có cơ quan trung gian nào hỗ trợ giám sát, bảo vệ quyền lợi hay giải quyết tranh chấp trong mối quan hệ với doanh nghiệp. Các hội nghề nghiệp, ban quản lý du lịch hoặc tổ chức xã hội dân sự hiện tại mang tính hình thức, chưa có năng lực pháp lý hoặc thực tiễn. Hệ quả là, 58,1% người dân cho biết “không hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm khi ký kết với doanh nghiệp”, dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương khi thị trường biến động hoặc khi xảy ra khủng hoảng như dịch bệnh, thiên tai.

Tổng hợp lại, mối quan hệ lợi ích giữa cộng đồng và doanh nghiệp trong phát triển DLCD ở Lào Cai đang tồn tại những lệch pha cơ bản về quyền lực, minh bạch và cơ chế chia sẻ giá trị. Những lệch pha này không chỉ làm suy giảm động lực hợp tác của cộng đồng, mà còn đe dọa tính bền vững và công bằng của mô hình phát triển du lịch dựa vào người dân. Do đó, cần thiết phải cải cách thể chế quản trị ở cấp địa phương theo hướng: (i) thiết lập thiết chế đại diện của cộng đồng có tư cách pháp lý và năng lực đàm phán; (ii) thể chế hóa hợp tác thông qua hợp đồng minh bạch, có điều khoản chia sẻ rủi ro; và (iii) phát triển cơ chế giám sát độc lập, có sự tham gia của chính quyền, cộng đồng và các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

3.2.5. Thực trạng quan hệ lợi ích giữa cộng đồng địa phương - khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.5.1. Bối cảnh hình thành quan hệ lợi ích giữa cộng đồng địa phương - khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai

Mối quan hệ giữa cộng đồng địa phương và khách du lịch trong mô hình du

lich cộng đồng tại Lào Cai là mối quan hệ có tính tương tác trực tiếp, mang đậm yếu tố nhân văn, văn hóa và kinh tế. Về bản chất, cộng đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ và không gian trải nghiệm; trong khi khách du lịch là người tiêu dùng các giá trị này. Đây là mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau - cộng đồng cần khách để tạo thu nhập, còn khách cần cộng đồng để có trải nghiệm chân thực, khác biệt.

Mối quan hệ này diễn ra hằng ngày tại các điểm DLCĐ như Tả Van, Tả Phìn (Sa Pa), Na Hối, Thải Giàng Phố (Bắc Hà), Y Tý (Bát Xát)..., nơi cộng đồng dân cư vừa là người hướng dẫn, vừa là chủ homestay, người chế biến món ăn, người biểu diễn nghệ thuật và kể chuyện văn hóa bản địa.

Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn do khác biệt về nền tảng văn hóa, khả năng tương tác, kỳ vọng và quyền lực tiêu dùng của khách hàng. Khi DLCĐ phát triển mạnh về lượng khách, tính thương mại hóa tăng lên, những mâu thuẫn lợi ích và sự tổn thương văn hóa - xã hội cũng bắt đầu bộc lộ rõ hơn.

3.2.5.2. Kỳ vọng lợi ích của cộng đồng và khách du lịch

Khảo sát 320 phiếu điều tra xã hội học tại 4 huyện cho thấy sự khác biệt tương đối rõ ràng trong kỳ vọng lợi ích giữa hai chủ thể này:

Về phía cộng đồng địa phương, người dân kỳ vọng: Có thu nhập ổn định và gia tăng từ việc cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn du lịch, biểu diễn nghệ thuật, bán sản phẩm thủ công; Được tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa, lối sống truyền thống trong quá trình đón tiếp khách; Được phản hồi tích cực và đánh giá cao từ du khách về dịch vụ, sản phẩm địa phương; Có cơ hội học hỏi, mở rộng giao tiếp, kết nối văn hóa với thế giới bên ngoài.

Trong số các hộ dân được khảo sát, có 84,4% cho biết họ “xem khách du lịch là nguồn thu nhập chính hoặc quan trọng”; 59,1% kỳ vọng khách “có ý thức tôn trọng văn hóa bản địa”; và 42,3% cho rằng “cần thiết có đánh giá công khai của khách để cải thiện chất lượng dịch vụ”.

Về phía khách du lịch, kỳ vọng được thể hiện ở các khía cạnh: Được trải nghiệm môi trường văn hóa nguyên bản, độc đáo và khác biệt với đô thị; Nhận

được dịch vụ thân thiện, giá cả hợp lý, minh bạch, và phù hợp với chất lượng; Có không gian yên tĩnh, an toàn, gần gũi thiên nhiên và cộng đồng; Có thể tương tác chân thực với người dân, học hỏi văn hóa, không bị “diễn” quá mức.

Trong nhóm 80 phiếu khách du lịch, có 77,5% mong muốn “được sống như một người bản địa trong vài ngày”; 69,3% phản ánh “dịch vụ cần minh bạch giá và rõ ràng trong thông tin”; và 36,9% đánh giá “một số điểm đến chưa tạo được cảm giác thân thiện thực sự”.

Sự khác biệt và lệch pha trong kỳ vọng giữa hai bên là cơ sở cho các xung đột tiềm ẩn nếu không có điều tiết hợp lý và đồng thuận từ đầu.

3.2.5.3. Các xung đột lợi ích phát sinh cộng đồng địa phương - khách du lịch

Các mâu thuẫn giữa cộng đồng và khách du lịch tuy không luôn hiển hiện mạnh như giữa các chủ thể khác, nhưng lại mang tính xã hội - văn hóa sâu sắc và dễ để lại hậu quả dài hạn. Những xung đột điển hình bao gồm:

Xung đột do kỳ vọng khác biệt: Người dân mong muốn khách đến để ủng hộ sản phẩm, giúp tăng thu nhập; trong khi khách lại kỳ vọng được phục vụ tốt, giá rẻ và thoải mái. Khi dịch vụ không như mong đợi (phòng chưa sạch, món ăn thiếu hợp vệ sinh...), khách có thể để lại đánh giá tiêu cực, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và sinh kế của cộng đồng.

Xung đột do hành vi thiếu tôn trọng văn hóa: Nhiều khách vô tình (hoặc cố ý) vi phạm các quy ước văn hóa bản địa, như ăn mặc không phù hợp, chụp ảnh không xin phép, xâm phạm không gian linh thiêng. 57,5% hộ dân khảo sát cho biết từng gặp khách “có hành vi gây phản cảm” nhưng “khó góp ý hoặc xử lý”.

Xung đột về giá cả và tiêu chuẩn dịch vụ: Một bộ phận khách mặc định DLCĐ là “giá rẻ”, trong khi cộng đồng lại phải bỏ công sức lớn mà lợi nhuận không cao. Việc mặc cả quá mức, đòi hỏi dịch vụ như khách sạn 3-4 sao trong khi chỉ trả chi phí rất thấp khiến cộng đồng cảm thấy không được tôn trọng.

Xung đột về thời gian và sự riêng tư: Một số du khách muốn khám phá “ngóc ngách” trong đời sống cộng đồng, kể cả không gian riêng như nhà bếp, phòng

ngủ, sinh hoạt thờ cúng... Điều này dễ tạo cảm giác bị xâm phạm và tổn thương không gian văn hóa gia đình.

Bảng 3.7: Xung đột lợi ích phát sinh giữa cộng đồng địa phương và khách du lịch

Dạng xung đột lợi ích	Tỷ lệ cộng đồng phản ánh (%)
Du khách không tôn trọng văn hóa bản địa, gây ảnh hưởng đến sinh hoạt cộng đồng	72.8
Du khách không tuân thủ quy định về môi trường, xả rác bừa bãi	65.3
Xung đột do kỳ vọng khác nhau về giá cả và chất lượng dịch vụ	58.1
Du khách sử dụng tài nguyên địa phương nhưng không mang lại lợi ích tương xứng	49.4
Thiếu cơ chế phản hồi hoặc giải quyết khiếu nại giữa hai bên	41.6

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.5.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị

Trong mối quan hệ cộng đồng - khách du lịch, quyền lực thể chế nằm chủ yếu ở phía khách hàng thông qua quyền lựa chọn, đánh giá và ảnh hưởng đến truyền thông số (review, xếp hạng). Cộng đồng - dù là bên cung ứng - lại không có quyền quyết định đối với hành vi, cảm xúc, hay phản hồi của khách. Điều này tạo ra một thể “bất đối xứng mềm”: quyền lực ẩn từ phía người tiêu dùng có thể định đoạt sự sống còn của dịch vụ địa phương.

Cơ chế phối hợp giữa hai bên hầu như không có quy ước chính thức, mà dựa vào tương tác xã hội trực tiếp, qua hướng dẫn viên, hoặc bên trung gian tổ chức tour. Sự thiếu chuẩn hóa dẫn đến các trải nghiệm không đồng đều, đôi khi xảy ra mâu thuẫn mà không có cơ chế xử lý rõ ràng.

Phân phối giá trị giữa hai bên phụ thuộc mạnh vào mức độ hài lòng của khách. Khi khách đánh giá tốt (online và offline), cộng đồng được gia tăng lợi

nhuận; ngược lại, những đánh giá tiêu cực có thể khiến điểm đến bị tẩy chay. Tuy nhiên, khách lại không chia sẻ rủi ro khi cộng đồng chịu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh hay biến động thị trường.

3.2.6. Thực trạng quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp - khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

3.2.6.1. Bối cảnh và bản chất quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp - khách du lịch trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Trong mô hình phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai, doanh nghiệp và khách du lịch là hai tác nhân nằm ở hai đầu chuỗi giá trị: doanh nghiệp tổ chức, cung ứng và phân phối sản phẩm du lịch; khách du lịch là người tiêu dùng trực tiếp và người quyết định lựa chọn dịch vụ. Mỗi quan hệ giữa hai chủ thể này không chỉ mang tính thương mại - tiêu dùng đơn thuần, mà còn gắn với yếu tố trải nghiệm, sự tin cậy và tác động xã hội.

Bản chất mối quan hệ là sự trao đổi giá trị: doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (chương trình tour, vận chuyển, hướng dẫn, ăn ở, trải nghiệm) để đổi lấy chi phí từ khách. Tuy nhiên, trong bối cảnh DLCĐ - nơi mà chất lượng sản phẩm gắn liền với cộng đồng bản địa - mối quan hệ này còn ảnh hưởng đến kỳ vọng về đạo đức, trách nhiệm xã hội và sự tương tác đa chiều.

Tại các điểm đến như Tả Van, Bản Dền (Sa Pa), Thái Giàng Phô (Bắc Hà), doanh nghiệp giữ vai trò trung gian giữa du khách và cộng đồng. Sự hài lòng của khách trở thành yếu tố sống còn đối với hoạt động kinh doanh du lịch. Do đó, mối quan hệ giữa doanh nghiệp và khách mang tính chiến lược và ngày càng được chuyên nghiệp hóa.

3.2.6.2. Kỳ vọng lợi ích của doanh nghiệp và khách du lịch

Về phía doanh nghiệp, kỳ vọng trọng tâm là: Đảm bảo doanh thu và lợi nhuận bền vững thông qua việc thu hút, giữ chân khách hàng; Xây dựng thương hiệu uy tín trên thị trường du lịch nội địa và quốc tế; Nhận được phản hồi tích cực từ khách nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh; Tối ưu hóa chi phí vận hành thông qua việc thiết kế tour phù hợp với năng lực cung ứng.

Trong 80 phiếu khảo sát doanh nghiệp, có tới 87,5% cho rằng “mức độ hài lòng của khách là yếu tố quyết định để duy trì hoạt động lâu dài”; 61,3% doanh nghiệp khẳng định “sự trung thành của khách mang lại lợi ích dài hạn hơn là lợi nhuận ngắn hạn”.

Về phía khách du lịch, kỳ vọng bao gồm: Nhận được dịch vụ đúng như cam kết: rõ ràng, minh bạch, chất lượng ổn định; Được hỗ trợ, tư vấn và bảo vệ quyền lợi trong quá trình trải nghiệm DLCĐ; Được tôn trọng, không bị lừa dối hoặc “chặt chém” khi sử dụng dịch vụ; Có cơ hội trải nghiệm sản phẩm mới, độc đáo và phù hợp với nhu cầu cá nhân.

Khảo sát cho thấy 72,5% khách du lịch mong muốn “dịch vụ phải đúng như giới thiệu”; 66,3% đánh giá “vai trò điều phối của doanh nghiệp là quan trọng để có trải nghiệm thuận lợi”; và 43,8% mong muốn “doanh nghiệp cam kết hỗ trợ khách nếu phát sinh sự cố”.

3.2.6.3. Các xung đột lợi ích phát sinh hệ lợi ích giữa doanh nghiệp - khách du lịch

Mặc dù cả hai chủ thể đều phụ thuộc lẫn nhau trong chuỗi giá trị, nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều xung đột lợi ích, xuất phát từ chênh lệch kỳ vọng, thông tin không đối xứng và sự thiếu minh bạch:

Xung đột về chất lượng dịch vụ: Nhiều khách phản ánh rằng các tour DLCĐ do doanh nghiệp tổ chức chưa đúng như mô tả (khắc ảnh, ít trải nghiệm thực tế, lịch trình dày đặc, không có thời gian khám phá cá nhân...). Trong khi đó, doanh nghiệp cho rằng do điều kiện địa phương hạn chế nên không thể đáp ứng kỳ vọng như du lịch cao cấp.

Xung đột về giá trị thực và chi phí: Khách kỳ vọng “rẻ nhưng chất lượng cao”, trong khi doanh nghiệp phải cân đối chi phí vận hành, chi trả cho cộng đồng và thu lợi nhuận. Điều này dẫn đến việc “bóp” chi phí ở khâu dịch vụ cộng đồng hoặc hạ thấp tiêu chuẩn trải nghiệm, gây tổn hại lòng tin của khách.

Xung đột do thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ: Một số khách sau khi sử dụng dịch vụ đã phản ánh bị “quảng cáo sai sự thật” hoặc “bị bán tour trọn gói

không cần thiết”. Trong khi đó, doanh nghiệp cho rằng khách không đọc kỹ điều khoản và thiếu hiểu biết về điều kiện vùng sâu.

Xung đột trong xử lý sự cố: Khi có vấn đề (trễ giờ, mất đồ, không hài lòng...), khách thường đổ lỗi cho doanh nghiệp. Ngược lại, doanh nghiệp lại đổ lỗi cho điều kiện địa phương hoặc cộng đồng. Thiếu cơ chế trung gian giải quyết khiếu nại khiến sự việc dễ căng thẳng.

Bảng 3.8: Xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp và khách du lịch (n = 320)

Các dạng xung đột lợi ích	Tỷ lệ khách du lịch phản ánh (%)	Tỷ lệ doanh nghiệp thừa nhận có tồn tại (%)
Không minh bạch trong giá cả, dịch vụ	48.1	26.8
Doanh nghiệp quảng cáo sai lệch kỳ vọng	35.9	21.3
Thiếu trách nhiệm với trải nghiệm du lịch	42.5	29.1
Chất lượng dịch vụ không tương xứng giá trị	44.3	30.7
Xung đột trong chia sẻ dữ liệu cá nhân và phản hồi	37.8	19.6
Phản ánh của khách hàng không được xử lý hiệu quả	33.4	24.2
Thiếu cam kết về an toàn, môi trường và văn hóa	39.7	25.4

Nguồn: Tổng hợp kết quả điều tra của luận án

3.2.6.4. Thể chế, cơ chế phối hợp và phân phối giá trị

Về quyền lực thể chế, khách du lịch đang có ưu thế ngày càng lớn thông qua các nền tảng đánh giá trực tuyến (Google Review, TripAdvisor, Facebook, TikTok...). Một đánh giá tiêu cực có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và lượng khách của doanh nghiệp. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn kiểm soát quy trình tour, nội dung trải nghiệm, lịch trình, và cả nguồn cung từ cộng đồng - đây là quyền lực về tổ chức và thông tin.

Cơ chế phối hợp giữa doanh nghiệp và khách chủ yếu là hợp đồng dân sự ngắn hạn, ít có ràng buộc pháp lý mạnh mẽ, nhất là với khách cá nhân. Đối với khách đoàn, cơ chế phối hợp tốt hơn nhờ có điều khoản cụ thể. Tuy nhiên, khi dịch vụ không như mong đợi, cơ chế phản hồi thường là một chiều - khách viết đánh giá, doanh nghiệp ít có cơ hội giải thích hoặc đàm phán.

Phân phối giá trị trong mối quan hệ này đang có xu hướng mất cân bằng khi doanh nghiệp phải “chiều” khách bằng cách giảm giá, tặng ưu đãi, nhưng đồng thời tìm cách tối thiểu hóa chi phí phía sau (thường là cắt giảm phần cộng đồng, vận chuyển, ăn uống...). Điều này về lâu dài có thể khiến DLCĐ đánh mất bản sắc và không còn tính bền vững.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

3.3.1. Kết quả đạt qua các tiêu chí

Để đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai, luận án đã xây dựng hệ thống tiêu chí dựa trên các nguyên tắc về công bằng, hài hòa lợi ích, minh bạch trong phân phối, mức độ tham gia của các chủ thể, và tính bền vững của quá trình tái đầu tư cho cộng đồng. Mỗi tiêu chí được cụ thể hóa bằng một hoặc một số chỉ tiêu định lượng, định tính hoặc đếm số lượng nhằm lượng hóa các khía cạnh cốt lõi trong mối quan hệ giữa các bên: chính quyền - cộng đồng - doanh nghiệp - du khách. Việc đo lường các chỉ tiêu được thực hiện trên cơ sở tổng hợp dữ liệu điều tra xã hội học, thống kê của địa phương, báo cáo ngành du lịch và các khảo sát thực địa tại các điểm du lịch cộng đồng trọng điểm.

Các chỉ tiêu được theo dõi từ năm 2019 đến năm 2024, phản ánh xu hướng biến động, mức độ cải thiện hoặc suy giảm của quan hệ lợi ích theo từng năm, qua đó cung cấp căn cứ thực tiễn để phân tích hiệu quả của các cơ chế chính sách đã được triển khai cũng như nhận diện các điểm nghẽn cần khắc phục. Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả các chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024:

**Bảng 3.9: Chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng
tại Lào Cai, giai đoạn 2019-2024**

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đo lường	Cấp quan hệ lợi ích được đo lường	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1. Tính công bằng trong phân phối lợi ích	Tỷ lệ hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch (%)	Chính quyền ↔ Cộng đồng	10%	12%	14%	20%	25%	28%
	Tỷ lệ hộ tiếp cận hỗ trợ từ chính quyền hoặc chương trình	Chính quyền ↔ Cộng đồng	9%	10%	11%	14%	15%	18%
	Tỷ lệ khách hài lòng với giá trị trải nghiệm so với chi phí	Doanh nghiệp ↔ Khách du lịch	70%	75%	77%	83%	88%	90%
2. Mức độ hài hòa lợi ích giữa các chủ thể	Số lượng tranh chấp/xung đột lợi ích phát sinh mỗi năm	Cộng đồng ↔ Doanh nghiệp	7 vụ/năm	6 vụ/năm	5 vụ/năm	5 vụ/năm	5 vụ/năm	4 vụ/năm
	Tỷ lệ người được tham vấn về cơ chế phân phối lợi ích	Chính quyền ↔ Cộng đồng	8%	10%	12%	18%	20%	25%
	Tỷ lệ khách du lịch phản ánh được tiếp nhận và phản hồi	Chính quyền ↔ Khách du lịch	13%	30%	35%	50%	65%	70%
3 Mức độ tham gia và vai trò quyết định của	Tỷ lệ quyết định quan trọng có sự tham gia cộng đồng	Chính quyền ↔ Cộng đồng	20	15%	18%	25%	30%	40%
	Số sản phẩm du	Cộng đồng	2.8	25	28	35	50	60

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đo lường	Cấp quan hệ lợi ích được đo lường	2019	2020	2021	2022	2023	2024
cộng đồng	lịch do cộng đồng tổ chức	↔ Khách du lịch						
	Mức độ hài lòng của cộng đồng về quyền tham gia (Likert 1-5)	Chính quyền ↔ Cộng đồng	20	3.0	3.3	3.5	3.8	4.0
	Số hoạt động giao lưu do cộng đồng và khách cùng tổ chức	Cộng đồng ↔ Khách du lịch	28%	25	28	40	60	75
4. Tính minh bạch và trách nhiệm trong thực thi phân phối lợi ích	Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin về giá, hỗ trợ	Chính quyền ↔ Cộng đồng	22%	30%	33%	40%	45%	55%
	Tỷ lệ xử lý công khai các vụ khiếu nại, vi phạm lợi ích	Chính quyền ↔ Doanh nghiệp	12	25%	28%	35%	40%	50%
5. Tính bền vững và khả năng tái đầu tư vào cộng đồng	Số lớp đào tạo cộng đồng tổ chức mỗi năm	Chính quyền ↔ Cộng đồng	52%	15	20	30	38	45
	Tỷ lệ tài nguyên văn hóa - môi trường được gìn giữ, phục hồi	Chính quyền ↔ Cộng đồng	15%	55%	58%	65%	70%	75%
	Tỷ lệ khách du lịch quay lại hoặc giới thiệu điểm đến	Cộng đồng ↔ Khách du lịch	2.5	17%	19%	22%	27%	35%

Nguồn: Tác giả tự tính toán và tổng hợp

Thông qua các chỉ tiêu định lượng, có thể nhận thấy giai đoạn 2019-2024 đã có những chuyển biến tích cực trong quan hệ lợi ích giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và du khách. Cụ thể là:

Thứ nhất, tính công bằng trong phân phối lợi ích được cải thiện. Tỷ lệ hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch tăng từ 10% lên 28%, mở rộng không gian hưởng lợi cho người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, tỷ lệ hộ được tiếp cận chính sách hỗ trợ cũng tăng từ 9% lên 18%, phản ánh nỗ lực điều tiết từ phía chính quyền nhằm tạo điều kiện công bằng hơn trong tiếp cận nguồn lực.

Thứ hai, mức độ hài lòng của các bên được nâng cao. Tỷ lệ khách du lịch hài lòng với trải nghiệm tại điểm đến tăng từ 70% lên 90%, cho thấy chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng của cộng đồng được cải thiện rõ rệt. Chỉ số hài lòng của cộng đồng về quyền tham gia cũng tăng từ 2.8/5 lên 4.0/5, thể hiện sự đồng thuận cao hơn trong nội bộ và sự tin tưởng vào tiến trình phát triển.

Thứ ba, vai trò của cộng đồng trong quá trình ra quyết định ngày càng rõ nét. Tỷ lệ các quyết định quan trọng có sự tham gia của người dân tăng từ 13% lên 40%; số lượng sản phẩm du lịch do cộng đồng chủ trì tổ chức tăng từ 20 lên 60 sản phẩm. Đây là dấu hiệu của sự chuyển đổi từ mô hình phát triển “từ trên xuống” sang “đồng kiến tạo giá trị”.

Thứ tư, tính minh bạch và trách nhiệm trong quan hệ giữa các chủ thể được nâng cao. Tỷ lệ người dân tiếp cận thông tin tăng từ 28% lên 55%, trong khi tỷ lệ xử lý công khai các vụ vi phạm lợi ích tăng từ 22% lên 50%. Những chỉ số này phản ánh hiệu quả của cơ chế công khai hóa thông tin và tăng cường kiểm soát xã hội.

Thứ năm, cấu trúc quan hệ lợi ích ngày càng định hướng bền vững. Tỷ lệ tài nguyên văn hóa - môi trường được bảo tồn hoặc phục hồi tăng từ 52% lên 75%; tỷ lệ khách du lịch quay lại hoặc giới thiệu điểm đến tăng từ 15% lên 35%, cho thấy sự gắn bó và tin tưởng dài hạn vào điểm đến.

3.3.2. Hạn chế

Mặc dù quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai giai đoạn 2019-2024 đã ghi nhận nhiều tiến bộ, nhưng vẫn tồn tại những hạn chế nhất định, cản trở sự phát triển hài hòa và bền vững.

Thứ nhất, phân phối lợi ích còn thiếu công bằng, dẫn đến chênh lệch giữa

các nhóm dân cư và giữa cộng đồng với doanh nghiệp. Tỷ lệ hộ dân tham gia du lịch tăng, song phần lớn vẫn chỉ hưởng lợi ở mức thấp, bị lép vế so với các doanh nghiệp có nguồn lực mạnh. Tình trạng một số nhóm lợi ích kiểm soát phần lớn giá trị gia tăng từ du lịch vẫn chưa được khắc phục triệt để.

Thứ hai, cơ chế đảm bảo sự tham gia thực chất của cộng đồng chưa được thiết lập đầy đủ. Tỷ lệ tham gia vào các quyết định có tăng, nhưng chủ yếu ở mức hình thức, thiếu đối thoại thực chất. Sự vắng mặt của thiết chế đại diện lợi ích như hội đồng cộng đồng hay nhóm giám sát khiến tiếng nói của người dân, đặc biệt nhóm yếu thế, không được thể hiện đúng mức.

Thứ ba, mối quan hệ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng còn thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả. Vai trò quản lý và điều phối chưa rõ ràng, khiến nhiều hoạt động du lịch bị chòng chéo, phân tán nguồn lực và làm giảm chất lượng điểm đến. Doanh nghiệp chủ yếu hướng đến lợi nhuận ngắn hạn, ít đầu tư vào sinh kế và văn hóa bản địa.

Thứ tư, tính minh bạch và năng lực giám sát của cộng đồng còn hạn chế. Thông tin công bố chưa đầy đủ, chủ yếu định tính và thiếu dữ liệu cụ thể về tài chính, quy hoạch hay chia sẻ lợi ích. Cơ chế giám sát tự nguyện hiện nay không đủ sức ràng buộc, dẫn đến hiệu lực giám sát thấp và nguy cơ xung đột âm ỉ kéo dài.

Thứ năm, du lịch chưa gắn kết chặt với bảo tồn văn hóa và sinh kế dài hạn. Tình trạng thương mại hóa bản sắc để phục vụ khách du lịch diễn ra khá phổ biến, trong khi sinh kế du lịch vẫn phụ thuộc lớn vào mùa vụ và đối tượng khách nội địa, dễ tổn thương khi gặp rủi ro từ bên ngoài.

3.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế và những vấn đề đặt ra

Như đã chỉ ra trong phần trước, quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai còn tồn tại nhiều bất cập, thể hiện ở sự phân phối chưa công bằng, cơ chế phối hợp chưa rõ ràng, thiếu minh bạch thông tin và sự tham gia thực chất của cộng đồng còn hạn chế. Những hạn chế này là kết quả tổng hợp của cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan sau đây:

3.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, mô hình phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai còn mang tính

manh mún, tự phát và thiếu liên kết thị trường. Phần lớn các điểm đến DLCĐ được hình thành từ nhu cầu nội sinh của cộng đồng hoặc từ sáng kiến của chính quyền, nhưng thiếu sự tham gia của doanh nghiệp du lịch chuyên nghiệp. Do đó, quy mô nhỏ lẻ, cơ sở vật chất hạn chế, sản phẩm du lịch còn đơn điệu và hiệu quả kinh tế chưa cao. Cơ cấu sản phẩm chủ yếu dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc, thiếu dịch vụ hỗ trợ và ít khả năng tích hợp thành chuỗi giá trị, dẫn đến vị thế yếu của cộng đồng trong thương lượng và phân phối lợi ích.

Thứ hai, môi trường pháp lý và thể chế quản lý DLCĐ còn chưa hoàn thiện. Khung pháp lý điều chỉnh quan hệ lợi ích còn mang tính khái quát, thiếu các quy định cụ thể về quyền tham gia, chia sẻ lợi ích, minh bạch tài chính, cũng như cơ chế hòa giải xung đột tại điểm đến. Các yếu tố nền tảng như đất đai, tri thức bản địa và di sản văn hóa chưa được pháp lý hóa thành tài sản chung có khả năng đàm phán, khiến cộng đồng dễ bị gạt khỏi quá trình thương lượng. Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp chỉ cần đạt được sự đồng thuận từ một cá nhân hoặc nhóm lợi ích nhỏ trong cộng đồng là có thể khai thác tài nguyên mà không cần phân chia lợi ích công bằng.

Thứ ba, những biến động lớn từ đại dịch COVID-19, thiên tai và biến đổi khí hậu giai đoạn 2019-2024 đã làm trầm trọng thêm bất bình đẳng lợi ích. Các cộng đồng phụ thuộc hoàn toàn vào sinh kế du lịch bị ảnh hưởng nặng nề khi chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Trong khủng hoảng, việc phân bổ các nguồn hỗ trợ không minh bạch, bị chi phối bởi những nhóm có ưu thế về thể chế hoặc quyền lực hành chính đã khoét sâu mâu thuẫn giữa các nhóm lợi ích, làm gia tăng cảm nhận thiệt thòi trong cộng đồng địa phương.

3.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan từ nội tại của các chủ thể trong quan hệ lợi ích

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan về thể chế và thị trường, một số yếu tố chủ quan từ phía cộng đồng, chính quyền và doanh nghiệp cũng góp phần quan trọng làm phát sinh bất bình đẳng, thiếu bền vững trong quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai. Cụ thể là:

Thứ nhất, nhận thức hạn chế và bất đối xứng thông tin giữa các chủ thể làm gia tăng bất bình đẳng trong quan hệ lợi ích. Cộng đồng - đặc biệt là đồng

bào dân tộc thiểu số - thường thiếu kiến thức pháp luật, kỹ năng thương thảo và hiểu biết thị trường, dẫn đến thế yếu khi đàm phán với doanh nghiệp. Trong khi đó, chính quyền cơ sở chưa có năng lực lồng ghép các tiêu chí công bằng, bảo vệ nhóm yếu thế hay trung gian giải quyết xung đột, khiến lợi ích của cộng đồng khó được bảo vệ hiệu quả.

Thứ hai, thiếu thiết chế đại diện và cơ chế đồng thuận cộng đồng khiến quyền tham gia bị hình thức hóa. Việc không có tổ hợp tác, hội đồng cộng đồng hay cơ chế giám sát phân phối lợi ích dẫn đến khoảng trống quyền lực thể chế tại điểm đến, làm suy giảm lòng tin và khiến quan hệ hợp tác giữa các chủ thể trở nên mong manh, dễ đổ vỡ khi phát sinh tranh chấp.

Thứ ba, tâm lý lợi ích cục bộ và ngắn hạn từ cả phía cộng đồng và doanh nghiệp cũng ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ lợi ích. Khi cả hai bên cùng chạy theo lợi ích trước mắt - như tăng giá dịch vụ, khai thác quá mức tài nguyên mà không đầu tư tái tạo - thì sự gắn kết dài hạn và chia sẻ rủi ro trở nên khó khăn. Điều này làm gia tăng xung đột và giảm khả năng duy trì quan hệ hợp tác công bằng, bền vững trong phát triển du lịch cộng đồng.

3.3.3.3. Những vấn đề đặt ra

Trên cơ sở những nguyên nhân đã phân tích, có thể xác định một số vấn đề then chốt cần được ưu tiên xử lý trong giai đoạn tiếp theo nhằm định hình một mô hình quan hệ lợi ích hài hòa, công bằng và bền vững trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai:

Thứ nhất, vấn đề hoàn thiện thể chế và công cụ điều tiết quan hệ lợi ích. Hiện nay, chưa có một cơ chế pháp lý đủ mạnh điều chỉnh mối quan hệ giữa chính quyền - cộng đồng - doanh nghiệp - du khách trong phát triển du lịch cộng đồng. Việc thiếu vắng cơ sở pháp lý về phân phối lợi ích, xử lý xung đột, chia sẻ rủi ro và bảo vệ cộng đồng dễ dẫn đến bất bình đẳng và mâu thuẫn tiềm ẩn. Đặc biệt, vai trò điều phối, giám sát của chính quyền cấp cơ sở còn mờ nhạt, thiếu công cụ thực thi minh bạch và hiệu quả.

Thứ hai, vấn đề nâng cao năng lực nội sinh và quyền tham gia thực chất của cộng đồng. Cộng đồng dân cư - đặc biệt là người dân tộc thiểu số - vẫn còn yếu thế

về tri thức, kỹ năng tổ chức, năng lực thương lượng và giám sát lợi ích. Việc tham gia của họ vào chuỗi giá trị du lịch còn mang tính hình thức, thiếu đại diện, thiếu cơ chế bảo vệ quyền lợi tập thể. Đây là rào cản lớn trong quá trình thiết lập sự công bằng và bền vững trong quan hệ lợi ích.

Thứ ba, vấn đề trách nhiệm xã hội và cam kết dài hạn của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh du lịch tại địa phương chủ yếu theo hướng ngắn hạn, khai thác tài nguyên cộng đồng mà không có cơ chế chia sẻ lợi ích cụ thể. Thiếu ràng buộc về pháp lý và đạo đức kinh doanh khiến mối quan hệ với cộng đồng dễ bị đứt gãy, thậm chí tạo ra “xung đột âm thầm”. Điều này đặt ra yêu cầu thiết lập cơ chế cam kết trách nhiệm xã hội và ràng buộc đầu tư tái tạo vào cộng đồng.

Thứ tư, vấn đề thiết chế đại diện và cơ chế đồng thuận cộng đồng. Việc thiếu vắng các tổ chức trung gian đại diện cho tiếng nói của cộng đồng (như tổ hợp tác, hội đồng dân cư du lịch, ban giám sát chia sẻ lợi ích) khiến các thỏa thuận phát triển thiếu tính dân chủ và đồng thuận. Cần thiết phải thiết lập thiết chế đại diện nhằm bảo vệ quyền lợi tập thể, tăng cường năng lực thương lượng và giám sát từ cộng đồng.

Thứ năm, vấn đề nhận thức và hành vi của du khách đối với cộng đồng địa phương. Du khách - một chủ thể quan trọng trong chuỗi quan hệ lợi ích - hiện vẫn có hành vi tiêu dùng thiếu trách nhiệm như trả giá ép, chụp ảnh xâm phạm văn hóa, sử dụng rác thải nhựa... Điều này đặt ra yêu cầu phải nâng cao nhận thức du khách về tiêu dùng du lịch bền vững và trách nhiệm với cộng đồng bản địa.

Thứ sáu, vấn đề xây dựng lòng tin và cơ chế chia sẻ rủi ro giữa các bên. Mối quan hệ bền vững chỉ có thể thiết lập khi các bên cùng tin tưởng lẫn nhau, cùng chia sẻ lợi ích và rủi ro. Tuy nhiên, hiện nay lòng tin giữa các chủ thể vẫn còn mong manh do thiếu minh bạch thông tin, thiếu công cụ phòng ngừa khủng hoảng. Cần thiết kế các quỹ chia sẻ rủi ro, bảo hiểm cộng đồng, hợp đồng ba bên có giám sát để tạo nền tảng ổn định cho hợp tác dài hạn.

Tóm tắt chương 3

Chương 3 phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024. Trên cơ sở khảo sát sáu cặp quan hệ

giữa các chủ thể chính, chương này đánh giá kết quả đạt được thông qua năm nhóm tiêu chí: công bằng, hài hòa, tham gia, minh bạch và bền vững. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quan hệ lợi ích còn tồn tại bất bình đẳng trong phân phối lợi nhuận, thiếu cơ chế phản hồi và giám sát, cộng đồng còn bị động. Đồng thời chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế này và xác định các vấn đề đặt ra cần giải quyết nhằm hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực các bên trong chuỗi giá trị DLCĐ.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

4.1. BỐI CẢNH VÀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN 2035

4.1.1. Dự báo bối cảnh trong nước và quốc tế ảnh hưởng đến phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai không thể tách rời bối cảnh rộng lớn của sự vận động kinh tế - chính trị toàn cầu và trong nước. Trong giai đoạn tới, DLCĐ sẽ chịu tác động đan xen của các xu thế phát triển mới, các yếu tố bất định khó lường, cũng như những chuyển dịch chiến lược trong định hướng phát triển quốc gia và địa phương. Việc nhận diện rõ các yếu tố này là tiền đề để hoạch định các quan điểm và giải pháp phù hợp, hướng đến bảo đảm hài hòa lợi ích và phát triển bền vững mô hình DLCĐ.

4.1.1.1. Các xu thế phát triển du lịch nổi bật

Trên phạm vi quốc tế và trong nước, du lịch đang trải qua những chuyển đổi sâu sắc, được thúc đẩy bởi cách mạng công nghiệp 4.0, quá trình toàn cầu hóa, và sự thay đổi trong hành vi, giá trị của du khách. Ba xu thế nổi bật sẽ chi phối mạnh mẽ đến DLCĐ tại Lào Cai là:

Thứ nhất, chuyển đổi số trong du lịch. Việc ứng dụng công nghệ số trong quảng bá, đặt dịch vụ, thu thập phản hồi và quản trị điểm đến đang trở thành xu thế không thể đảo ngược. Du khách hiện đại ngày càng phụ thuộc vào các nền tảng số để lựa chọn hành trình, tìm hiểu văn hóa, và đánh giá chất lượng dịch vụ. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Đề án phát triển du lịch thông minh, trong đó khuyến khích số hóa thông tin di sản, văn hóa và trải nghiệm địa phương. Đối với Lào Cai - nơi có đặc trưng là du lịch văn hóa bản địa - chuyển đổi số không chỉ là cơ hội tiếp cận thị trường, mà còn là thách thức trong việc bảo tồn giá trị truyền thống trong môi trường công nghệ cao.

Thứ hai, du lịch xanh và du lịch bền vững. Vấn đề biến đổi khí hậu, suy thoái tài nguyên và yêu cầu phát triển bền vững đang định hình lại tư duy phát triển du lịch trên toàn cầu. Xu hướng du lịch giảm thiểu phát thải, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường sinh thái, và gắn kết với cộng đồng bản địa trở thành tiêu chuẩn mới trong thiết kế sản phẩm. Đây chính là môi trường thuận lợi để DLCĐ - vốn dựa trên nguyên tắc bảo tồn và tham gia của người dân - phát huy lợi thế, nếu được định hướng đúng và tránh thương mại hóa quá mức.

Thứ ba, du lịch trải nghiệm văn hóa - bản địa. Hành vi du khách đang chuyển từ "ngắm - nghe - chụp" sang "làm - sống - hòa nhập". Trải nghiệm trở thành giá trị cốt lõi trong tiêu dùng du lịch. Các sản phẩm như làm nông, học nấu ăn dân tộc, lễ hội truyền thống, dệt thổ cẩm, tắm lá thuốc... trở thành điểm nhấn thu hút khách, đặc biệt là khách quốc tế. Đối với Lào Cai - nơi tập trung nhiều dân tộc thiểu số, hệ sinh thái sinh thái - văn hóa đa dạng - đây là lợi thế chiến lược nếu cộng đồng được trao quyền thiết kế và làm chủ trải nghiệm.

4.1.1.2. Các yếu tố bất định ảnh hưởng đến phát triển DLCĐ

Bên cạnh các xu thế tích cực, phát triển DLCĐ tại Lào Cai cũng đối mặt với nhiều yếu tố bất định và rủi ro khó lường:

Dịch bệnh và rủi ro y tế cộng đồng. Kinh nghiệm từ đại dịch COVID-19 đã cho thấy sự mong manh của ngành du lịch, đặc biệt là du lịch phụ thuộc vào dòng khách quốc tế hoặc không có hệ thống phản ứng linh hoạt. Các điểm DLCĐ thường không có quỹ dự phòng, không có hệ thống thông tin sớm, và dễ bị tổn thương nặng nề. Việc thiếu hợp đồng dài hạn, không có bảo hiểm cho lao động du lịch khiến cộng đồng thiệt hại nặng khi thị trường đóng băng.

Biến đổi khí hậu và thiên tai. Lào Cai là tỉnh vùng núi, thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất, mưa đá và thay đổi khí hậu cực đoan. Những biến động này không chỉ ảnh hưởng đến hạ tầng du lịch, mà còn làm gián đoạn sản phẩm trải nghiệm gắn với nông nghiệp, môi trường, mùa vụ... Đặc biệt, việc khai thác tài nguyên du lịch quá mức có thể gây tổn hại đến khả năng tự phục hồi của môi trường sinh thái - một trụ cột của DLCĐ.

Yếu tố an ninh biên giới và biến động chính trị khu vực. Lào Cai là tỉnh giáp biên, do đó các biến động về chính trị, thương mại và an ninh trong quan hệ khu

vực (đặc biệt với Trung Quốc) sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lượng khách du lịch, nhất là khách quốc tế. Các vấn đề về kiểm soát biên giới, thị thực, vận chuyển liên quốc gia hay xung đột lợi ích trong khai thác tài nguyên du lịch xuyên biên giới có thể trở thành thách thức lớn nếu không có cơ chế điều phối linh hoạt.

Biến động thị trường quốc tế và kinh tế toàn cầu. Giá nhiên liệu, tỷ giá, khủng hoảng kinh tế, suy thoái tiêu dùng... đều ảnh hưởng đến khả năng chi tiêu và dịch chuyển của khách du lịch. DLCĐ - vốn có biên lợi nhuận thấp và phụ thuộc vào chi tiêu của khách lẻ - sẽ dễ bị ảnh hưởng tiêu cực hơn các loại hình du lịch lớn nếu không có định hướng thị trường rõ ràng và đa dạng hóa đối tượng khách hàng.

4.1.1.3. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển DLCĐ tại Lào Cai

Trên cơ sở tổng hợp các xu thế phát triển, chính sách quốc gia và thực tiễn địa phương, có thể thấy mô hình du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai đang đứng trước cả cơ hội chiến lược để bứt phá, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều thách thức nội tại và ngoại sinh cần được nhận diện và hóa giải. Việc phân tích hệ thống các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức giúp xác định rõ tiềm năng, rào cản và dự địa điều chỉnh trong quá trình phát triển DLCĐ bền vững tại địa phương.

Về điểm mạnh, tỉnh Lào Cai sở hữu hệ sinh thái văn hóa - sinh thái đặc sắc, trong đó nhiều giá trị văn hóa nguyên bản của các dân tộc thiểu số vẫn được gìn giữ và phát huy. Các không gian sống, cảnh quan tự nhiên như ruộng bậc thang, rừng nguyên sinh, bản làng cổ, lễ hội dân gian... tạo nên nguồn tài nguyên du lịch hấp dẫn, phù hợp để phát triển loại hình du lịch trải nghiệm mang tính bản địa sâu sắc. Bên cạnh đó, một số điểm DLCĐ như Sa Pa, Bắc Hà, Tả Van đã định hình được thương hiệu, có khả năng thu hút khách ổn định, từ đó tạo nền tảng để nhân rộng mô hình ra các địa phương khác. Cộng đồng dân cư tại nhiều khu vực có truyền thống làm du lịch, có tinh thần đoàn kết và khả năng thích ứng linh hoạt. Đặc biệt, chính quyền tỉnh Lào Cai đã xác định DLCĐ là một định hướng phát triển chiến lược, có nhiều cơ chế hỗ trợ lồng ghép trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phát triển sản phẩm OCOP và bảo tồn văn hóa dân tộc.

Tuy nhiên, mô hình DLCĐ tại Lào Cai cũng bộc lộ không ít điểm yếu nội tại. Trước hết, phần lớn người dân địa phương còn hạn chế về kỹ năng quản lý, trình độ

ngoại ngữ, marketing du lịch và vận hành dịch vụ theo chuẩn chuyên nghiệp. Thiếu nguồn nhân lực trẻ có tay nghề, cùng với việc đội ngũ hướng dẫn viên bản địa còn mỏng, dẫn đến sự phụ thuộc vào doanh nghiệp bên ngoài. Cơ sở hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, nhà vệ sinh, biển chỉ dẫn và trung tâm thông tin du lịch tại một số điểm còn thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến trải nghiệm của du khách. Đáng chú ý, nhiều mô hình chưa có thiết chế tổ chức rõ ràng trong điều phối lợi ích giữa các bên liên quan, đặc biệt là vai trò kết nối giữa cộng đồng - doanh nghiệp - chính quyền cấp cơ sở vẫn còn mờ nhạt.

Về cơ hội phát triển, du lịch cộng đồng đang được Đảng và Nhà nước định hướng là một trụ cột của mô hình du lịch xanh, du lịch bền vững, với hàng loạt chính sách hỗ trợ về đầu tư, phát triển sản phẩm đặc thù và bảo tồn di sản. Cùng với đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số tạo điều kiện thuận lợi để các điểm DLCĐ kết nối trực tiếp với thị trường thông qua các nền tảng trực tuyến như OTA, mạng xã hội, bản đồ số và các ứng dụng du lịch thông minh. Nhu cầu du lịch bản địa từ tầng lớp trung lưu trong nước - nhóm khách có thu nhập trung bình, ưa thích trải nghiệm, chi phí hợp lý - đang tăng nhanh và phù hợp với mô hình DLCĐ tại Lào Cai. Ngoài ra, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, các chương trình phát triển bền vững cũng mở ra nhiều cơ hội tiếp cận tài chính, kỹ thuật và đào tạo cho cộng đồng địa phương.

Bên cạnh những cơ hội đó, mô hình DLCĐ cũng đối mặt với nhiều thách thức mang tính cấu trúc và hệ thống. Một trong những thách thức lớn nhất là sự thiếu cam kết dài hạn và thiếu ràng buộc trách nhiệm xã hội từ một bộ phận doanh nghiệp du lịch, dẫn đến tình trạng khai thác ngắn hạn, thiếu chia sẻ lợi ích với cộng đồng. Trong khi đó, cộng đồng vẫn bị phụ thuộc nhiều vào tour tuyến do doanh nghiệp tổ chức, không có nhiều tiếng nói trong quá trình thiết kế sản phẩm và định hướng phát triển. Chính quyền cấp xã - chủ thể gần nhất với cộng đồng - lại thiếu nguồn lực tài chính, nhân lực và công cụ quản lý cần thiết để điều phối chuỗi giá trị DLCĐ một cách hiệu quả. Đặc biệt, các quan hệ lợi ích giữa cộng đồng - doanh nghiệp - chính quyền - du khách hiện nay chưa được thể chế hóa rõ ràng, khiến hệ thống dễ bị tổn thương khi có xung đột, biến động thị trường hoặc khủng hoảng như dịch bệnh xảy ra.

Bảng 4.1: Ma trận SWOT phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai

Nhóm yếu tố	Loại yếu tố	
Yếu tố nội tại	Điểm mạnh (Strengths): - Tài nguyên văn hóa - sinh thái đa dạng, hấp dẫn, với nhiều giá trị nguyên bản còn được bảo tồn tốt. - Một số điểm du lịch cộng đồng (Sa Pa, Bắc Hà, Tả Van...) đã tạo dựng được thương hiệu và thu hút khách ổn định. - Cộng đồng dân cư gắn bó, giàu bản sắc, có kinh nghiệm đón tiếp khách và làm du lịch bản địa. - Chính quyền tỉnh xác định DLCĐ là định hướng chiến lược, có cơ chế hỗ trợ, lồng ghép với chương trình OCOP, nông thôn mới.	Điểm yếu (Weaknesses): - Đa số người dân còn hạn chế về năng lực quản lý, ngoại ngữ, marketing và vận hành sản phẩm du lịch. - Thiếu nguồn nhân lực trẻ có tay nghề, đội ngũ hướng dẫn viên bản địa còn mỏng. - Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch (giao thông, vệ sinh, biển chỉ dẫn...) chưa đồng bộ. - Thiếu mô hình tổ chức hiệu quả trong điều phối lợi ích và liên kết cộng đồng - doanh nghiệp - chính quyền.
Yếu tố bên ngoài	Cơ hội (Opportunities): - Chủ trương phát triển du lịch xanh, du lịch cộng đồng được Chính phủ và tỉnh ưu tiên. - Công nghệ số mở ra kênh kết nối thị trường trực tiếp (OTA, mạng xã hội, bản đồ số...). - Tầng lớp trung lưu nội địa gia tăng nhu cầu du lịch bản địa, chi phí vừa phải, quan tâm đến trải nghiệm văn hóa. - Nhiều tổ chức quốc tế và dự án hợp tác đang hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại Lào Cai.	Thách thức (Threats): - Doanh nghiệp có xu hướng khai thác ngắn hạn, thiếu ràng buộc trách nhiệm xã hội và phân phối lợi ích công bằng. - Cộng đồng bị phụ thuộc vào tour tuyến do doanh nghiệp tổ chức, thiếu tiếng nói trong hoạch định sản phẩm. - Chính quyền cấp xã hạn chế về nguồn lực tài chính, con người và công cụ quản lý để giám sát DLCĐ. - Quan hệ lợi ích chưa được thể chế hóa, dễ rạn nứt khi xảy ra xung đột, thị trường biến động hoặc dịch bệnh.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Như vậy, phát triển DLCĐ tại Lào Cai trong giai đoạn tới cần được đặt trong bối cảnh rộng hơn của chuyển đổi mô hình du lịch toàn cầu, với yêu cầu thích ứng trước rủi ro, phát huy bản sắc bản địa và xây dựng thiết chế điều phối linh hoạt.

4.1.2. Quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035

Trong giai đoạn hiện nay, phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai được xác định là một trong những hướng đi chiến lược nhằm gắn kết bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế bền vững cho người dân địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển du lịch xanh, toàn diện và có trách nhiệm. Quan điểm phát triển DLCĐ của tỉnh Lào Cai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 được xác lập trên cơ sở bám sát các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, tiêu chuẩn quốc gia (TCVN 13259:2020) và tiêu chí du lịch cộng đồng ASEAN.

Trước hết, phát triển DLCĐ phải bảo đảm sự đồng bộ với các quy hoạch ngành và lãnh thổ, gắn kết chặt chẽ với chương trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh - quốc phòng, đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng, dịch vụ, hướng tới tiêu chuẩn điểm đến du lịch chất lượng cao. Bên cạnh đó, DLCĐ phát triển trên nền tảng bền vững, bảo đảm hài hòa giữa khai thác và bảo tồn; giữa phát triển kinh tế và gìn giữ giá trị văn hóa - sinh thái của địa phương. Quan điểm này nhấn mạnh việc lấy cộng đồng làm trung tâm, dựa vào nội lực là chính, song cần chủ động thu hút và phát huy hiệu quả các nguồn lực bên ngoài thông qua cơ chế liên kết, xã hội hóa và hợp tác công - tư. Đặc biệt, DLCĐ phải được phát triển như một mắt xích hữu cơ trong chuỗi giá trị du lịch toàn tỉnh, góp phần lan tỏa giá trị văn hóa, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng sống cho cư dân nông thôn.

Mục tiêu chung được đặt ra là xây dựng du lịch cộng đồng trở thành loại hình du lịch đặc sắc mang bản sắc văn hóa các dân tộc, đóng vai trò động lực phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời thúc đẩy bảo tồn văn hóa và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 bao gồm: phấn đấu đón 1,7 triệu lượt khách du lịch cộng đồng mỗi năm; tổng thu từ DLCĐ chiếm khoảng 10% tổng thu du lịch toàn tỉnh; xây dựng 07 mô hình

du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn ASEAN và 25 mô hình đạt chuẩn điểm du lịch cấp tỉnh hoặc theo TCVN 13259:2020; nâng số cơ sở lưu trú kiểu homestay từ 466 lên 560 cơ sở, đồng thời tạo việc làm ổn định cho khoảng 2.500 lao động tại địa phương. Ngoài ra, sẽ hình thành các sản phẩm du lịch mới dựa trên khai thác thế mạnh đặc trưng của từng địa phương như du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, du lịch nông nghiệp và du lịch trải nghiệm.

Bảng 4.2: Tổng hợp mục tiêu phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Lào Cai đến năm 2030

Nội dung mục tiêu	Chỉ tiêu đến năm 2030
Lượt khách du lịch cộng đồng	1,7 triệu lượt khách/năm
Tỷ trọng tổng thu từ DLCĐ trong tổng thu du lịch tỉnh	10%
Số mô hình DLCĐ đạt chuẩn ASEAN	07 mô hình
Số mô hình DLCĐ đạt chuẩn cấp tỉnh/TCVN 13259:2020	25 mô hình
Số cơ sở homestay	560 cơ sở (tăng từ 466)
Số lao động được tạo việc làm	2.500 lao động
Hình thành các sản phẩm du lịch mới	Du lịch văn hóa, sinh thái, ẩm thực, nông nghiệp, trải nghiệm

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Tầm nhìn đến năm 2035 là phát triển du lịch cộng đồng trở thành một thương hiệu mạnh của tỉnh Lào Cai, có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế; được tổ chức chuyên nghiệp, vận hành theo hướng bền vững và trở thành nền tảng thúc đẩy phát triển sinh kế, giữ gìn bản sắc văn hóa - sinh thái và nâng cao chất lượng sống bền vững cho cư dân nông thôn. Du lịch cộng đồng sẽ là điểm nhấn quan trọng trong mục tiêu đưa Lào Cai trở thành trung tâm du lịch xanh của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên, tỉnh Lào Cai đã xác định một số nhiệm vụ trọng tâm. Trước hết là tập trung đầu tư xây dựng các mô hình điểm du lịch cộng đồng đạt chuẩn ASEAN, lựa chọn thí điểm tại các địa bàn giàu tiềm năng như Sa

Pa, Bắc Hà, Bảo Yên... Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch, ưu tiên đầu tư các hạng mục thiết yếu như đường vào bản, biển chỉ dẫn, nhà vệ sinh công cộng và trung tâm hỗ trợ thông tin du lịch. Một nhiệm vụ then chốt khác là đào tạo và nâng cao năng lực cho người dân làm du lịch, bao gồm kỹ năng tiếp đón, thuyết minh, chế biến món ăn, ứng xử văn hóa và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng thương hiệu du lịch cộng đồng được đặt lên hàng đầu, thông qua truyền thông chuyên nghiệp, phát triển hệ thống nhận diện, sản xuất cẩm nang du lịch, bản đồ và nội dung số hóa về các điểm đến DLCĐ. Cuối cùng, tỉnh đẩy mạnh liên kết vùng, hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành, tổ chức hội chợ và xúc tiến thị trường trong nước - quốc tế, nhằm mở rộng không gian thị trường và nâng cao vị thế du lịch cộng đồng Lào Cai trên bản đồ du lịch quốc gia và khu vực.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM HÀI HÒA QUAN HỆ LỢI ÍCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Để đảm bảo phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, công bằng và mang lại giá trị lâu dài cho mọi bên liên quan, cần xác lập một hệ thống quan điểm chỉ đạo có tính nguyên tắc, đồng thời phù hợp với đặc thù kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn tại tỉnh Lào Cai, đối chiếu với lý luận kinh tế chính trị về lợi ích và phát triển cộng đồng, luận án xác định các quan điểm nền tảng nhằm điều tiết, dẫn dắt và kiểm soát sự vận hành hài hòa các quan hệ lợi ích trong mô hình DLCĐ.

Quan điểm 1: Đặt lợi ích của cộng đồng địa phương vào vị trí trung tâm của mô hình DLCĐ. Trong kết cấu chuỗi giá trị DLCĐ, cộng đồng không chỉ là lực lượng cung ứng dịch vụ mà còn là chủ thể sở hữu tài nguyên du lịch - bao gồm văn hóa, tín ngưỡng, không gian sinh thái và tri thức bản địa. Do đó, việc bảo đảm lợi ích thực chất, rõ ràng và bền vững cho cộng đồng phải được coi là trọng tâm trong hoạch định chính sách, phân phối nguồn lực và thiết kế cơ chế hợp tác. Việc đặt lợi ích cộng đồng vào trung tâm cũng mang hàm nghĩa nâng cao vị thế thương lượng của họ trong quan hệ với doanh nghiệp và chính quyền, đồng thời chuyển hóa cộng đồng từ vai trò “thụ hưởng bị động” sang “đồng kiến tạo” mô hình phát triển. Đây

không chỉ là yêu cầu đạo lý trong tiếp cận phát triển lấy con người làm trung tâm, mà còn là điều kiện tất yếu để giữ gìn bản sắc, ổn định xã hội và duy trì sinh kế lâu dài tại địa phương.

Quan điểm 2: Hòa hòa lợi ích giữa các bên trên cơ sở đồng thuận, đồng kiến tạo và đồng tham gia. Hòa hòa lợi ích không có nghĩa là chia đều lợi ích, mà là thiết lập cơ chế chia sẻ phù hợp với mức độ đóng góp và trách nhiệm của từng chủ thể, trên cơ sở minh bạch và thỏa thuận tự nguyện. Trong bối cảnh DLCĐ, các bên - gồm chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và khách du lịch - có vai trò, nguồn lực và động cơ khác nhau. Việc hòa hòa lợi ích đòi hỏi một quá trình đối thoại, điều phối và giám sát liên tục, nhằm bảo đảm tính công bằng tương đối và duy trì sự hợp tác lâu dài. Quan điểm này nhấn mạnh nguyên tắc đồng thuận - đồng kiến tạo - đồng tham gia: các chủ thể không chỉ chia sẻ lợi ích, mà còn phải cùng nhau đóng góp vào việc thiết kế sản phẩm, vận hành hoạt động và đánh giá hiệu quả. Mô hình phát triển chỉ bền vững khi tất cả các bên cảm thấy được tôn trọng, được hưởng lợi xứng đáng và có vai trò thực chất trong quá trình phát triển.

Quan điểm 3: Phát triển DLCĐ phải bảo đảm công bằng, minh bạch và có cơ chế phân phối lợi ích bền vững. Trong kinh tế chính trị học, phân phối lợi ích không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn là biểu hiện của công bằng xã hội và sự ổn định thể chế. DLCĐ - với tính chất đa bên, phi chính thức và gắn chặt với tài nguyên bản địa - đòi hỏi đặc biệt cao về cơ chế minh bạch tài chính, minh bạch thông tin và công bằng trong cơ hội tiếp cận thị trường. Quan điểm này đề xuất thiết lập các công cụ và thiết chế chia sẻ lợi ích rõ ràng như quy chế luân phiên phục vụ khách, quỹ cộng đồng, hợp đồng ba bên (doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền), và các cơ chế giám sát độc lập. Chỉ khi lợi ích được phân bổ công bằng và minh bạch, các mối quan hệ mới có thể tái sản sinh và phát triển bền vững.

Quan điểm 4: Nhà nước đóng vai trò điều tiết, tạo lập thể chế và kiểm soát sự vận hành của các quan hệ lợi ích. Trong mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vai trò của Nhà nước không chỉ là quản lý hành chính mà còn là thiết kế thể chế, định hướng phát triển và bảo vệ các nhóm yếu thế. Trong DLCĐ, chính quyền - đặc biệt ở cấp xã - cần chuyển từ vai trò “quản lý trên” sang “điều phối

- kiến tạo”. Điều này đòi hỏi phải có các khung thể chế linh hoạt như thiết chế ba bên (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng), cơ chế công khai tài chính, hệ thống phản hồi hai chiều, và các công cụ kiểm soát mềm như đánh giá xã hội, xếp hạng cộng đồng - doanh nghiệp. Nhà nước không làm thay, nhưng phải đóng vai trò bảo lãnh cho sự công bằng và ổn định trong vận hành chuỗi giá trị DLCĐ.

Quan điểm 5: Tôn trọng sự đa dạng văn hóa và quyền tự chủ cộng đồng trong phát triển du lịch. Du lịch cộng đồng chỉ có giá trị khi giữ được linh hồn của văn hóa bản địa. Vì vậy, mọi mô hình khai thác cần phải tôn trọng đặc trưng văn hóa - tín ngưỡng - lối sống của cộng đồng dân tộc thiểu số, tránh tình trạng “diễn hóa”, đồng hóa hoặc thương mại hóa quá mức. Quan điểm này khẳng định vai trò của cộng đồng trong việc tự quyết định mức độ tham gia, loại hình sản phẩm và không gian cung ứng dịch vụ. Việc chính quyền hay doanh nghiệp áp đặt mô hình phát triển trái với nguyện vọng cộng đồng không chỉ gây xung đột, mà còn làm mất đi bản sắc và chất lượng trải nghiệm du lịch. Quyền tự chủ văn hóa và quyền tổ chức sinh kế cần được thể chế hóa như một nguyên tắc bất biến trong mọi chương trình phát triển DLCĐ.

Quan điểm 6: Tăng cường liên kết vùng và hợp tác công - tư để mở rộng thị trường, lan tỏa lợi ích. DLCĐ không thể tồn tại độc lập như một “ốc đảo” mà cần đặt trong mạng lưới liên kết vùng và chuỗi giá trị mở. Việc liên kết với các điểm đến du lịch khác trong và ngoài tỉnh, kết nối với thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP, dịch vụ lưu trú, logistics... sẽ mở rộng dư địa phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Quan điểm này cũng nhấn mạnh vai trò của hợp tác công - tư (PPP), trong đó doanh nghiệp đóng vai trò đầu tư và chuyên môn hóa sản phẩm, chính quyền đóng vai trò kiến tạo thể chế, còn cộng đồng là nền tảng văn hóa - sinh thái - nhân lực. Cơ chế liên kết bốn nhà (Nhà nước - nhà doanh nghiệp - nhà khoa học - nhà cộng đồng) cần được vận dụng linh hoạt, thích ứng với điều kiện địa phương và xu thế thị trường.

Các quan điểm trên không chỉ phản ánh yêu cầu lý luận về phân phối công bằng - quan hệ lợi ích - phát triển bền vững trong kinh tế chính trị, mà còn gắn chặt với thực tiễn triển khai DLCĐ tại Lào Cai. Đây là nền tảng định hướng cho các

nhóm giải pháp cụ thể nhằm kiến tạo một hệ sinh thái du lịch cộng đồng hài hòa, cân bằng và có khả năng tái sản sinh lợi ích bền vững cho tất cả các bên liên quan.

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HÀI HOÀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Để giải quyết những bất cập đã phân tích ở chương trước và định hướng phát triển du lịch cộng đồng theo hướng bền vững, cần xây dựng một hệ thống giải pháp tổng thể nhằm đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể: chính quyền, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và khách du lịch. Những giải pháp này phải được thiết kế dựa trên cơ sở thực tiễn, gắn với điều kiện đặc thù của tỉnh Lào Cai, đồng thời phản ánh đúng vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của từng bên trong chuỗi giá trị du lịch cộng đồng.

4.3.1. Giải pháp từ phía chính quyền tỉnh Lào Cai

4.3.1.1. Thể chế hóa quan hệ lợi ích

Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng là mối quan hệ phức tạp, đa chiều và chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó thể chế - với tư cách là hệ thống các quy tắc chính thức và không chính thức điều tiết hành vi giữa các chủ thể - đóng vai trò then chốt. Thực tiễn phát triển DLCĐ tại Lào Cai giai đoạn 2019-2024 cho thấy, sự thiếu vắng các quy định pháp lý rõ ràng, các thiết chế đảm bảo phân phối công bằng, cơ chế kiểm tra - giám sát minh bạch là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới nhiều bất cập trong việc phân phối lợi ích, phát sinh xung đột, và làm giảm niềm tin giữa các bên liên quan.

Do đó, việc thể chế hóa quan hệ lợi ích trong phát triển DLCĐ cần được xem là giải pháp trung tâm, giữ vai trò nền tảng cho toàn bộ hệ thống chính sách hỗ trợ và điều phối phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai. Chính quyền tỉnh cần sớm ban hành một hệ thống thể chế đa tầng, đa chức năng nhằm bảo đảm nguyên tắc công bằng - minh bạch - hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào chuỗi giá trị du lịch cộng đồng. Cụ thể, giải pháp thể chế hóa quan hệ lợi ích cần bao gồm các nhóm nội dung sau:

Thứ nhất, ban hành bộ tiêu chí và nguyên tắc phân phối lợi ích giữa các chủ thể trong DLCĐ. Hiện nay, việc phân chia lợi ích giữa cộng đồng - doanh nghiệp -

chính quyền chủ yếu dựa trên các thỏa thuận miệng, thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng, dễ dẫn đến mâu thuẫn khi có biến động về dòng khách hoặc thay đổi về nguồn thu. Chính quyền tỉnh cần chủ động xây dựng một bộ tiêu chí hướng dẫn phân phối lợi ích áp dụng cho các mô hình DLCĐ đang hoạt động trên địa bàn, trong đó quy định rõ: Tỷ lệ chia sẻ lợi nhuận giữa doanh nghiệp khai thác tour và cộng đồng cung cấp dịch vụ (lưu trú, văn nghệ, ẩm thực...); Mức đóng góp ngược trở lại cộng đồng dưới dạng tài trợ hạ tầng, quỹ phát triển bản làng; Trách nhiệm xã hội bắt buộc đối với doanh nghiệp du lịch hoạt động trong khu vực có yếu tố bản sắc và sinh thái nhạy cảm; Quy trình lấy ý kiến cộng đồng về mức phí tham quan, chính sách thu phí và tái đầu tư vào điểm đến.

Việc xây dựng bộ tiêu chí này cần dựa trên nguyên tắc đồng thuận, lấy ý kiến rộng rãi từ đại diện cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội địa phương. Bộ tiêu chí này không chỉ là căn cứ thực thi mà còn là công cụ để giám sát, đánh giá công bằng trong thực tế.

Thứ hai, thiết lập khung thể chế đảm bảo quyền tham gia thực chất của cộng đồng trong quá trình ra quyết định. Mặc dù luật pháp hiện hành đã có quy định về quyền tham vấn cộng đồng trong quản lý tài nguyên, đất đai và quy hoạch phát triển, nhưng trong thực tiễn phát triển DLCĐ, phần lớn các quyết định quan trọng (quy hoạch, đầu tư, chia sẻ lợi nhuận, phát triển sản phẩm mới,...) vẫn được đưa ra bởi doanh nghiệp hoặc chính quyền mà không có sự tham gia đầy đủ của cộng đồng. Chính quyền tỉnh cần thiết lập một cơ chế thể chế hóa nguyên tắc "đồng quyết định có điều kiện", trong đó các kế hoạch phát triển DLCĐ phải có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng, phải được hội đồng cộng đồng phê duyệt hoặc chấp thuận. Cần xây dựng các biểu mẫu, quy trình lấy ý kiến, công khai nội dung quy hoạch, phân bổ vốn đầu tư và đánh giá tác động đối với cộng đồng.

Ngoài ra, cần khuyến khích hình thành các ban quản lý du lịch cộng đồng do người dân bầu chọn, có tư cách pháp lý, có quyền phản biện các quyết định phát triển, giám sát hoạt động thu chi tài chính và chia sẻ lợi ích trong bản làng. Việc bảo đảm quyền tham gia thực chất sẽ giúp tăng cường trách nhiệm cộng đồng, giảm mâu thuẫn và củng cố tính chính danh của các quyết định phát triển.

Thứ ba, xây dựng cơ chế giải quyết xung đột và cơ chế phản hồi hai chiều trong quản lý lợi ích. Một quan hệ lợi ích lành mạnh không chỉ dựa trên cơ chế chia sẻ thuận lợi mà còn cần có công cụ xử lý khi có mâu thuẫn phát sinh. Chính quyền tỉnh cần quy định rõ cơ chế khiếu nại, phản ánh, hòa giải và xử lý xung đột lợi ích trong các mô hình DLCĐ. Cần thiết lập các kênh phản ánh đa dạng (qua ứng dụng du lịch thông minh, tổng đài phản ánh, tổ hòa giải cộng đồng) và đảm bảo thời gian xử lý minh bạch, có hồi đáp.

Song song với đó, cần xây dựng cơ chế phản hồi hai chiều: từ cộng đồng và du khách đến chính quyền, từ chính quyền đến doanh nghiệp, từ doanh nghiệp đến cộng đồng. Phản hồi định kỳ giúp điều chỉnh chính sách, cải thiện dịch vụ và tăng tính minh bạch trong các mối quan hệ kinh tế - xã hội tại điểm đến.

Thứ tư, thể chế hóa cơ chế giám sát cộng đồng và minh bạch hóa thông tin tài chính trong mô hình DLCĐ. Chính quyền cần ban hành quy định yêu cầu các điểm du lịch cộng đồng và doanh nghiệp hoạt động trong khu vực DLCĐ phải công khai báo cáo tài chính định kỳ, bao gồm tổng thu, chi, phân bổ lại cho cộng đồng, đầu tư tái thiết và các khoản đóng góp xã hội. Có thể yêu cầu đăng tải công khai trên bảng tin bản làng, trang thông tin của xã, hoặc tích hợp lên nền tảng du lịch số của tỉnh.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các tổ giám sát cộng đồng gồm đại diện các nhóm lợi ích (phụ nữ, hộ nghèo, người cao tuổi, thanh niên...) có quyền giám sát việc thu - chi, phân phối lợi ích, sử dụng quỹ cộng đồng, và phản ánh với chính quyền khi phát hiện sai phạm.

Thứ năm, thể chế hóa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và quy chuẩn đạo đức du lịch. Tỉnh cần ban hành quy định buộc các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tại địa bàn có yếu tố cộng đồng phải thực hiện trách nhiệm xã hội tối thiểu, bao gồm: sử dụng lao động địa phương, chia sẻ lợi ích tài chính với cộng đồng, đầu tư cải thiện điều kiện sinh hoạt cho bản làng, và không làm tổn hại đến giá trị văn hóa bản địa. Đồng thời, cần xây dựng bộ quy chuẩn đạo đức du lịch cộng đồng, áp dụng cho cả doanh nghiệp, du khách và cộng đồng để hướng tới mô hình du lịch có trách nhiệm, văn minh và nhân văn.

Thể chế hóa quan hệ lợi ích không chỉ là giải pháp hành chính - pháp lý, mà là điều kiện tiên quyết để bảo vệ vai trò trung tâm của cộng đồng trong phát triển DLCĐ, xây dựng lòng tin giữa các chủ thể và đảm bảo tính chính danh - bền vững của quá trình phân phối lợi ích. Đối với tỉnh Lào Cai, đây là giải pháp có tính đột phá, cần được ưu tiên triển khai sớm, gắn với các quy hoạch, cơ chế tài chính và chương trình hỗ trợ đã được thiết kế.

4.3.1.2. Lồng ghép phát triển du lịch cộng đồng vào quy hoạch tổng thể và các chương trình mục tiêu quốc gia

Để khắc phục tình trạng phát triển manh mún, thiếu liên kết và bị động trong hoạt động du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai, chính quyền tỉnh cần triển khai đồng bộ giải pháp lồng ghép nội dung phát triển du lịch cộng đồng vào hệ thống quy hoạch phát triển và các chương trình mục tiêu quốc gia một cách toàn diện và có hệ thống. Đây là tiền đề để đảm bảo phân bổ nguồn lực hiệu quả, quản trị theo hướng đa ngành, và định hướng lại quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trên nền tảng công bằng và bền vững. Cụ thể, cần thực hiện các nội dung sau:

Thứ nhất, trong quá trình rà soát, điều chỉnh và triển khai quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn 2050, cần xây dựng một hợp phần riêng về phát triển DLCĐ. Hợp phần này cần nhấn mạnh việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thiểu số, phát triển sinh kế gắn với du lịch, và đảm bảo phân phối lợi ích giữa các bên một cách hài hòa. Mỗi huyện nên xác định ít nhất một số điểm DLCĐ trọng điểm, có phân kỳ đầu tư cụ thể, gắn với kế hoạch phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực và quản trị tài nguyên văn hóa.

Thứ hai, cần tích hợp nội dung phát triển DLCĐ vào các quy hoạch không gian có liên quan như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch không gian văn hóa - sinh thái. Trên cơ sở đó, thiết lập hành lang pháp lý bảo vệ các vùng lõi văn hóa cộng đồng, kiểm soát quá trình đô thị hóa, bê tông hóa, và thương mại hóa quá mức tại các bản làng du lịch. Đồng thời, quy hoạch cần xác định các vùng hạn chế hoặc không phát triển du lịch đại trà để bảo tồn tính nguyên bản của không gian sống và hệ giá trị văn hóa bản địa.

Thứ ba, triển khai lồng ghép DLCĐ như một cấu phần chính thức trong các

chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: công nhận DLCĐ là chỉ tiêu đánh giá xã nông thôn mới nâng cao; ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch như nhà vệ sinh công cộng, trung tâm thông tin du lịch, đường vào bản; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: xác định DLCĐ là mô hình sinh kế hiệu quả tại vùng cao; hỗ trợ người dân tiếp cận vốn ưu đãi, học nghề và khởi sự kinh doanh du lịch; Chương trình OCOP cấp tỉnh: xây dựng dòng sản phẩm OCOP du lịch cộng đồng (dịch vụ lưu trú, ẩm thực bản địa, tour trải nghiệm văn hóa, tour nông nghiệp,...), đồng thời hỗ trợ tiêu chuẩn hóa, xếp hạng và xây dựng thương hiệu tập thể.

Thứ tư, tích hợp đầy đủ dữ liệu về DLCĐ vào hệ thống quản trị du lịch thông minh của tỉnh, từ đó nâng cao khả năng giám sát, đánh giá hiệu quả và hỗ trợ ra quyết định cho chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng. Việc tích hợp này còn giúp quảng bá điểm đến, gia tăng kết nối thị trường và tiếp cận kênh du lịch số hiệu quả hơn.

Việc triển khai giải pháp lồng ghép nói trên sẽ không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, điều phối liên ngành và huy động nguồn lực bền vững, mà quan trọng hơn, sẽ tạo lập nền tảng thể chế vững chắc để quản lý hài hòa quan hệ lợi ích giữa chính quyền - cộng đồng - doanh nghiệp - du khách trong phát triển du lịch cộng đồng theo hướng công bằng và bền vững.

4.3.1.3. Thiết lập cơ chế tài chính đặc thù hỗ trợ cộng đồng phát triển du lịch tại các vùng khó khăn

Một trong những rào cản lớn nhất đối với việc nâng cao vai trò chủ thể của cộng đồng trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai là sự thiếu hụt nguồn lực tài chính ban đầu và khó khăn trong tiếp cận tín dụng. Trong khi đó, phần lớn các điểm DLCĐ có tiềm năng phát triển lại phân bố tại vùng sâu, vùng xa - nơi hạ tầng còn yếu kém, chi phí khởi sự cao, rủi ro lớn và khả năng thu hồi vốn chậm. Nếu không có cơ chế tài chính đặc thù can thiệp, mô hình DLCĐ có nguy cơ bị chiếm lĩnh bởi các doanh nghiệp bên ngoài hoặc bị biến dạng theo hướng thương mại hóa cực đoan, làm mất đi vai trò và lợi ích thực chất của cộng đồng.

Trên cơ sở đó, chính quyền tỉnh Lào Cai cần khẩn trương nghiên cứu, thiết

kế và triển khai cơ chế tài chính đặc thù hỗ trợ cộng đồng phát triển DLCĐ tại vùng khó khăn, tập trung vào các giải pháp sau:

Thứ nhất, thiết lập Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng cấp tỉnh, có thể là một quỹ độc lập hoặc được lồng ghép trong Quỹ phát triển du lịch tỉnh Lào Cai. Quỹ này cần huy động từ nhiều nguồn: ngân sách tỉnh, hỗ trợ từ Trung ương, vốn hợp tác quốc tế, và đóng góp từ các doanh nghiệp được hưởng lợi từ hệ sinh thái du lịch địa phương. Nguồn quỹ sẽ được sử dụng linh hoạt để: Cấp vốn vay ưu đãi hoặc tài trợ không hoàn lại cho cộng đồng nhằm cải tạo homestay, nâng cấp cảnh quan, phát triển dịch vụ du lịch đặc thù; Hỗ trợ một phần chi phí tổ chức các khóa đào tạo nghề, kỹ năng đón khách, quảng bá văn hóa; Đầu tư các hạng mục thiết yếu như nhà vệ sinh, biển chỉ dẫn du lịch, hệ thống wifi công cộng, lắp mã QR hướng dẫn,... nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm và chuẩn hóa dịch vụ cơ bản.

Thứ hai, thiết kế và triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đặc thù cho các hộ làm du lịch cộng đồng, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các quỹ tín dụng nhân dân hoặc ngân hàng thương mại tại địa phương. Chính sách này cần bao gồm các nội dung như: cho vay tín chấp, lãi suất thấp, thời gian ân hạn dài và ưu tiên đặc biệt cho các hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số có nguyện vọng phát triển sinh kế từ DLCĐ.

Thứ ba, áp dụng chính sách miễn, giảm thuế, phí và lệ phí cấp phép kinh doanh đối với các mô hình tổ hợp tác, tổ văn nghệ dân gian, homestay cộng đồng đang hoạt động tại các vùng đặc biệt khó khăn. Điều này nhằm giảm thiểu gánh nặng thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia chính thức vào nền kinh tế du lịch.

Thứ tư, lồng ghép việc hỗ trợ phát triển DLCĐ vào các chương trình khởi nghiệp, chương trình việc làm, chương trình đào tạo nghề gắn với thị trường lao động địa phương. Cần đặc biệt ưu tiên các hộ, nhóm hộ có khả năng đổi mới mô hình kinh doanh, cung cấp sản phẩm OCOP - du lịch hoặc tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ của điểm đến.

Thứ năm, hỗ trợ các điểm DLCĐ xây dựng hồ sơ sản phẩm - dịch vụ du lịch nhằm đăng ký chứng nhận chất lượng, gắn sao homestay, gắn nhãn OCOP và được

kết nối với hệ thống thương mại điện tử. Đây là bước quan trọng để giúp cộng đồng tiếp cận thị trường rộng lớn, nâng cao giá trị sản phẩm và gia tăng lợi ích thu được một cách minh bạch.

Việc thiết lập cơ chế tài chính đặc thù không chỉ nhằm giải quyết bài toán thiếu vốn khởi đầu, mà còn thể hiện vai trò kiến tạo phát triển của Nhà nước trong bảo vệ nhóm yếu thế, thúc đẩy công bằng xã hội và khơi dậy nội lực cộng đồng trong xây dựng sinh kế bền vững. Khi đi đôi với quy hoạch tích hợp, đây sẽ là một bước tiến căn cơ để chính quyền tỉnh Lào Cai chuyển đổi DLCĐ từ mô hình tự phát sang hướng chuyên nghiệp, có quản trị và có khả năng nhân rộng bền vững trong giai đoạn mới.

4.3.1.4. Xây dựng cơ chế phản hồi hai chiều và công khai hóa thông tin về lợi ích.

Trong bối cảnh quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng tại Lào Cai ngày càng đa dạng, phức tạp và tiềm ẩn nhiều mâu thuẫn, thì việc thiết lập một cơ chế phản hồi hai chiều hiệu quả và minh bạch hóa thông tin về phân phối lợi ích là yêu cầu cấp thiết, nhằm củng cố niềm tin giữa các bên, tăng cường sự tham gia có trách nhiệm và phòng ngừa xung đột lợi ích.

Trên thực tế, một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thiếu công bằng trong phân phối lợi ích chính là sự bất đối xứng thông tin, khi cộng đồng không biết rõ doanh nghiệp thu bao nhiêu, chi bao nhiêu, đóng góp lại cho bản bao nhiêu; hoặc khi chính quyền không có đủ công cụ để giám sát luồng lợi ích giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch. Bên cạnh đó, nhiều ý kiến phản ánh từ cộng đồng hoặc du khách không đến được nơi cần thiết, hoặc không có cơ chế xử lý, dẫn đến tâm lý thụ động, mất niềm tin hoặc bức xúc âm ỉ. Để khắc phục tình trạng này, chính quyền tỉnh Lào Cai cần chủ trì xây dựng và vận hành một hệ thống phản hồi - giám sát - minh bạch hóa thông tin về lợi ích, với các nội dung cụ thể như sau:

Thứ nhất, thiết lập kênh phản hồi hai chiều giữa các chủ thể liên quan. Hệ thống phản hồi phải được thiết kế theo nguyên tắc mở, dễ tiếp cận và có hồi đáp, trong đó đảm bảo ít nhất ba chiều thông tin:

- Cộng đồng phản ánh lên chính quyền về những bất cập trong phân phối lợi

ích, việc thu phí, quy hoạch, can thiệp của doanh nghiệp hoặc tổ chức sự kiện du lịch làm ảnh hưởng đến sinh kế.

- Du khách phản ánh lên cơ quan quản lý hoặc ban quản lý du lịch cộng đồng về chất lượng dịch vụ, giá cả, hành vi thiếu chuyên nghiệp của người dân hoặc doanh nghiệp.

- Chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng phản hồi qua lại để thống nhất các điều chỉnh chính sách, quy trình tổ chức sự kiện, xây dựng sản phẩm, hoặc xử lý khiếu nại.

Các kênh phản hồi có thể gồm: hòm thư góp ý tại bản du lịch, ứng dụng du lịch thông minh tích hợp phản ánh (mobile app hoặc web), tổ đối thoại định kỳ hàng quý giữa đại diện chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp, và các hội nghị dân chủ bản định kỳ. Quan trọng nhất là cần quy định rõ thời gian xử lý, đơn vị tiếp nhận, trách nhiệm phản hồi và hình thức công bố kết quả xử lý, để người dân và du khách tin tưởng sử dụng và tham gia giám sát.

Thứ hai, công khai hóa thông tin tài chính và phân phối lợi ích một cách thường xuyên và chuẩn hóa. Chính quyền địa phương cần ban hành quy định bắt buộc các mô hình DLCĐ và các doanh nghiệp khai thác DLCĐ tại địa phương phải thực hiện báo cáo định kỳ về:

- Doanh thu hàng quý/năm từ các hoạt động du lịch (lưu trú, ăn uống, tour, vé...);

- Tỷ lệ chi trả cho người dân, tổ chức cộng đồng (văn nghệ, dịch vụ phục vụ, hướng dẫn);

- Các khoản đóng góp cho quỹ cộng đồng hoặc các hoạt động xã hội (sửa trường học, nâng cấp đường bản, bảo tồn văn hóa...).

Các báo cáo này cần được công khai tại nơi cộng đồng dễ tiếp cận: bảng thông tin bản làng, trang web của xã hoặc tích hợp vào cổng thông tin du lịch thông minh của tỉnh. Có thể khuyến khích sử dụng các bảng thông tin điện tử (LCD) tại điểm du lịch để công bố tỷ lệ khách hài lòng, chỉ số minh bạch lợi ích, hoặc các con số tổng kết hàng năm.

Đồng thời, chính quyền cần xây dựng biểu mẫu báo cáo chuẩn, dễ hiểu, có

biểu đồ, phân tích so sánh năm - quý, để người dân không có chuyên môn vẫn có thể hiểu và theo dõi.

Thứ ba, tổ chức cơ chế kiểm tra - giám sát việc công khai và phản hồi. Để tránh việc công khai hình thức hoặc phản hồi nửa vời, chính quyền tỉnh cần thành lập tổ kiểm tra liên ngành cấp huyện/xã để giám sát việc thực hiện công khai lợi ích và phản hồi đúng quy trình. Đồng thời, cần giao nhiệm vụ cho tổ giám sát cộng đồng - gồm đại diện các nhóm xã hội (già làng, phụ nữ, thanh niên, người dân tộc thiểu số, người làm du lịch) - kiểm tra tại chỗ việc sử dụng quỹ cộng đồng, mức chi trả cho các nhóm cung ứng dịch vụ (ẩm thực, văn nghệ, hướng dẫn...), từ đó phát hiện sớm các sai phạm, gian lận hoặc chiếm đoạt lợi ích. Tỉnh cũng nên thí điểm cơ chế “chấm điểm minh bạch” cho từng bản DLCĐ và doanh nghiệp hoạt động tại vùng DLCĐ, làm tiêu chí trong đánh giá, xếp hạng và hỗ trợ đầu tư.

Thứ tư, tích hợp công nghệ số để nâng cao hiệu quả phản hồi và minh bạch hóa. Trong bối cảnh tỉnh Lào Cai đang xây dựng nền tảng du lịch thông minh, cần tích hợp chức năng phản ánh dịch vụ - giám sát lợi ích - khảo sát mức độ hài lòng - cảnh báo xung đột lợi ích vào nền tảng số của tỉnh (app du lịch Lào Cai hoặc web quản trị). Hệ thống có thể thu nhận đánh giá của du khách sau mỗi chuyến đi, cập nhật dữ liệu phân phối lợi ích, tỷ lệ đóng góp của doanh nghiệp cho cộng đồng và cảnh báo sớm nếu tỷ lệ này giảm dưới mức tối thiểu. Ngoài ra, nên khuyến khích các bản làng du lịch cộng đồng sử dụng mã QR tại điểm dịch vụ để du khách quét, đánh giá và gửi phản hồi trực tiếp cho chính quyền.

Cơ chế phản hồi hai chiều và công khai hóa thông tin về lợi ích là trụ cột quan trọng để xây dựng mô hình DLCĐ dân chủ, có trách nhiệm và minh bạch. Đối với tỉnh Lào Cai, đây không chỉ là giải pháp kỹ thuật mà còn là giải pháp thể chế mang tính đổi mới quản trị, giúp đảm bảo phân phối công bằng, tăng cường giám sát xã hội và củng cố lòng tin giữa các chủ thể. Việc thiết lập hệ thống minh bạch - phản hồi hiệu quả sẽ tạo ra động lực nội sinh mạnh mẽ, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, sự gắn bó của cộng đồng và tính bền vững của du lịch cộng đồng trong dài hạn.

4.3.1.5. Nâng cao năng lực điều phối của chính quyền cấp xã trong điều tiết quan hệ lợi ích

Chính quyền cấp xã đóng vai trò tuyến đầu trong quản lý phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai. Đây là cấp chính quyền gần gũi nhất với cộng đồng dân cư và có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tổ chức, giám sát, điều phối các hoạt động du lịch gắn với bản làng, tài nguyên văn hóa - sinh thái và đời sống cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, thực tế triển khai tại nhiều xã có điểm du lịch cộng đồng cho thấy chính quyền cấp cơ sở hiện còn gặp nhiều hạn chế trong việc thực hiện chức năng điều tiết quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, bao gồm: thiếu hiểu biết chuyên sâu về mô hình DLCĐ, năng lực thể chế hóa còn yếu, thiếu công cụ giám sát và thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả với doanh nghiệp - cộng đồng - du khách.

Do vậy, để đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước tại địa bàn và hướng đến xây dựng mô hình DLCĐ hài hòa, công bằng, chính quyền tỉnh cần có chiến lược bài bản nhằm nâng cao năng lực điều phối của chính quyền cấp xã trong điều tiết quan hệ lợi ích. Giải pháp này cần được thực hiện theo các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ xã về quản trị du lịch cộng đồng và điều tiết quan hệ lợi ích. Chính quyền cấp xã cần được trang bị kiến thức chuyên môn không chỉ về du lịch mà còn về kinh tế chính trị của phân phối lợi ích, kỹ năng làm việc với doanh nghiệp, tổ chức đối thoại với cộng đồng, kỹ năng xử lý xung đột lợi ích, tổ chức họp dân lấy ý kiến, giám sát việc thực hiện cam kết phân chia lợi ích trong hợp đồng dịch vụ,... Việc đào tạo không chỉ dành cho cán bộ văn hóa - xã hội, mà nên mở rộng cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã, trưởng thôn, công an viên, cán bộ mặt trận tổ quốc để bảo đảm sự phối hợp liên ngành tại cơ sở. Chương trình đào tạo cần gắn với thực tế địa phương, có các tình huống giả định về mâu thuẫn lợi ích, có chuyên gia cố vấn và tổ chức học hỏi kinh nghiệm từ các điểm DLCĐ thành công tại các tỉnh như Sơn La, Hà Giang.

Thứ hai, giao quyền rõ ràng và tăng cường trách nhiệm pháp lý của chính quyền xã trong điều phối lợi ích. Hiện nay, nhiều chính quyền xã chỉ làm “trung gian hành chính” trong các hoạt động du lịch tại địa phương, thiếu quy định pháp lý về vai trò điều phối - giám sát - hòa giải trong phân phối lợi ích. Tỉnh cần ban hành

hướng dẫn cụ thể xác lập vai trò chính quyền xã là “bên điều phối công bằng và tạo đồng thuận” giữa các bên trong phát triển DLCĐ. Cần giao quyền cho chính quyền xã trong việc:

- Phê duyệt kế hoạch tổ chức tour, sự kiện do doanh nghiệp đề xuất trên địa bàn;
- Làm trung gian thương lượng giữa cộng đồng và doanh nghiệp về hợp đồng dịch vụ và phân chia lợi ích;
- Giám sát việc sử dụng quỹ cộng đồng, chi trả cho các nhóm dân cư tham gia phục vụ du lịch;
- Tổ chức các cuộc họp cộng đồng dân chủ để lấy ý kiến và công bố thông tin liên quan đến lợi ích.

Đồng thời, cần gắn việc thực hiện chức năng điều tiết lợi ích vào chỉ tiêu thi đua, đánh giá công chức xã hàng năm, qua đó khuyến khích trách nhiệm và tính chủ động.

Thứ ba, thiết lập các công cụ hỗ trợ chính quyền xã trong công tác điều tiết và giám sát. Một trong những rào cản lớn đối với năng lực điều phối của cấp xã là thiếu công cụ hành chính và công nghệ hỗ trợ. Chính quyền tỉnh cần cung cấp cho xã các biểu mẫu chuẩn về hợp đồng dịch vụ DLCĐ, bảng phân chia lợi ích, mẫu báo cáo thu - chi, mẫu biên bản họp dân,... Đồng thời, cần xây dựng phần mềm quản lý điểm DLCĐ cấp xã (có thể tích hợp vào hệ thống du lịch thông minh của tỉnh) để xã cập nhật thông tin khách đến, doanh thu dịch vụ, danh sách hộ tham gia, số lượt phục vụ, mức chi trả,... từ đó có cơ sở quản lý minh bạch và định kỳ công khai. Ngoài ra, cần bố trí ngân sách cấp huyện để xã có thể tổ chức các hoạt động kiểm tra, khảo sát, tập huấn nội bộ về điều tiết lợi ích tại điểm DLCĐ.

Thứ tư, tăng cường phối hợp liên ngành giữa chính quyền xã với các tổ chức đoàn thể, ban quản lý cộng đồng và doanh nghiệp. Việc điều tiết quan hệ lợi ích không thể do riêng xã thực hiện mà cần có mạng lưới phối hợp rộng hơn gồm mặt trận tổ quốc, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, già làng, người có uy tín, đại diện hộ làm du lịch, và doanh nghiệp dịch vụ du lịch. Chính quyền xã cần chủ trì xây dựng cơ chế phối hợp định kỳ, ví dụ: tổ chức họp quý giữa các bên để rà soát hợp đồng, thảo luận các bất cập, điều chỉnh tỷ lệ lợi ích, và phân xử mâu thuẫn phát sinh. Đồng

thời, xã cần khuyến khích cộng đồng lập các ban điều hành du lịch bản, tổ dịch vụ (ẩm thực, lưu trú, hướng dẫn...), hội đồng phản biện cộng đồng để hỗ trợ chính quyền giám sát lợi ích nội bộ.

Thứ năm, xây dựng cơ chế phản hồi và đánh giá hiệu quả điều phối của cấp xã. Chính quyền tỉnh cần bổ sung chỉ số đánh giá năng lực điều tiết quan hệ lợi ích trong Bộ tiêu chí xã văn hóa - du lịch hoặc Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Có thể áp dụng hình thức đánh giá xã bởi cộng đồng: hằng năm, cộng đồng sẽ chấm điểm về sự công bằng, minh bạch, mức độ phản hồi, khả năng giải quyết xung đột,... từ chính quyền xã trong điều phối lợi ích du lịch. Kết quả đánh giá này được công khai tại hội nghị dân chủ xã, đồng thời là căn cứ để tỉnh hỗ trợ ưu tiên nguồn lực.

Việc nâng cao năng lực điều phối của chính quyền cấp xã là giải pháp quan trọng mang tính bản lề nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi các chính sách về công bằng - minh bạch - đồng thuận trong phát triển du lịch cộng đồng. Chính quyền cấp xã không chỉ là “cánh tay nối dài” của cấp tỉnh, mà cần trở thành trung tâm kiến tạo thể chế ở cơ sở, điều tiết hài hòa lợi ích, xử lý linh hoạt mâu thuẫn, và đồng hành với cộng đồng trong xây dựng một mô hình du lịch bền vững - có trách nhiệm - lấy con người làm trung tâm. Đầu tư cho chính quyền cơ sở chính là đầu tư cho sự ổn định và phát triển lâu dài của quan hệ lợi ích tại các điểm du lịch cộng đồng.

4.3.1.6. Điều phối liên chủ thể: doanh nghiệp - cộng đồng - du khách

Phát triển du lịch cộng đồng là quá trình đan xen phức tạp giữa nhiều chủ thể với lợi ích, năng lực và mức độ ảnh hưởng khác nhau. Trong đó, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và du khách là ba chủ thể then chốt tạo thành “tam giác lợi ích” có tính tương hỗ nhưng cũng tiềm ẩn xung đột nếu thiếu cơ chế điều phối hiệu quả. Thực tiễn tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2019-2024 cho thấy, mối quan hệ giữa ba chủ thể này thường diễn ra thiếu minh bạch, thiếu cam kết chia sẻ trách nhiệm, dẫn đến nhiều hệ lụy như: doanh nghiệp lấn át lợi ích cộng đồng, cộng đồng phục vụ thụ động hoặc thương mại hóa văn hóa, còn du khách thì thiếu nhận thức về du lịch bền vững.

Để đảm bảo phân phối lợi ích hài hòa, nâng cao hiệu quả tương tác và phát

huy vai trò tích cực của từng chủ thể, chính quyền tỉnh Lào Cai cần xây dựng cơ chế điều phối liên chủ thể, hướng tới thiết lập các chuẩn mực ứng xử, cơ chế hợp tác ràng buộc và môi trường tin cậy lẫn nhau giữa doanh nghiệp - cộng đồng - du khách. Giải pháp này cần tập trung vào các nội dung chính sau:

Thứ nhất, thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ ba bên giữa doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền. Chính quyền địa phương (đặc biệt là cấp xã/huyện) cần chủ trì tổ chức các diễn đàn đối thoại định kỳ giữa doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn, đại diện cộng đồng dân cư tại các điểm DLCĐ, và cơ quan quản lý nhà nước. Mục tiêu của đối thoại là: Trao đổi kế hoạch phát triển du lịch, tổ chức tour, sự kiện, sản phẩm mới; Thương lượng tỷ lệ chia sẻ lợi ích, phân bổ doanh thu, đầu tư lại cho bản làng; Thống nhất cách xử lý các vấn đề phát sinh như ô nhiễm, an ninh, xâm phạm văn hóa, sự không hài lòng của du khách; Cùng xây dựng nguyên tắc ứng xử, chuẩn hóa dịch vụ, và phân công trách nhiệm giữa các bên. Việc đối thoại cần được thể chế hóa bằng quy chế phối hợp ba bên, có biên bản làm việc và thông tin công khai đến toàn cộng đồng.

Thứ hai, ký kết hợp đồng ba bên hoặc cam kết tự nguyện có ràng buộc trách nhiệm. Để giảm thiểu rủi ro và tránh mâu thuẫn lợi ích, chính quyền nên khuyến khích và hỗ trợ ký kết hợp đồng hợp tác ba bên (tripartite contract) giữa doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền xã/huyện trong các dự án khai thác du lịch. Hợp đồng cần quy định rõ: Trách nhiệm tài chính, kỹ thuật và nhân lực của doanh nghiệp; Tỷ lệ lợi nhuận chia cho cộng đồng, hình thức đóng góp phi tài chính; Cơ chế kiểm tra, giám sát, giải quyết tranh chấp; Cam kết tôn trọng bản sắc văn hóa và quyền lợi cộng đồng. Trong trường hợp chưa đủ điều kiện ký hợp đồng pháp lý, có thể sử dụng bản cam kết đạo đức (code of conduct) giữa các bên, do UBND xã chứng kiến, có giá trị ràng buộc xã hội và tạo nền tảng xây dựng lòng tin lâu dài.

Thứ ba, xây dựng bộ quy tắc ứng xử chung giữa doanh nghiệp, cộng đồng và du khách. Sự hài hòa lợi ích không thể đạt được nếu thiếu các chuẩn mực đạo đức và ứng xử tôn trọng lẫn nhau. Tỉnh Lào Cai cần xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử trong DLCĐ, áp dụng cho cả ba chủ thể: Doanh nghiệp cam kết chia sẻ lợi ích công bằng, đầu tư dài hạn, bảo vệ tài nguyên và văn hóa bản địa; Cộng đồng

phục vụ du khách văn minh, giữ gìn môi trường sống, không chèo kéo - nâng giá - thương mại hóa di sản; Du khách tôn trọng văn hóa, phong tục tập quán, góp ý đúng nơi, tiêu dùng có trách nhiệm và không để lại tác động tiêu cực. Bộ quy tắc cần được thể hiện dưới nhiều hình thức: bản in tại điểm du lịch, ký hiệu đồ họa tại các homestay, biển chỉ dẫn công cộng, video hướng dẫn, ứng dụng du lịch,...

Thứ tư, hình thành và hỗ trợ mạng lưới hợp tác công - tư - cộng đồng (PPP-C). Tỉnh cần khuyến khích hình thành các liên minh hợp tác giữa doanh nghiệp - tổ hợp tác cộng đồng - cơ quan nhà nước, để cùng phát triển sản phẩm du lịch, cùng đầu tư hạ tầng nhỏ (vệ sinh, wifi, điểm dừng chân), cùng tiếp thị điểm đến. Đây là mô hình PPP mở rộng có sự tham gia chủ động của cộng đồng (PPP-C), không chỉ nhằm chia sẻ chi phí mà còn chia sẻ quyền ra quyết định và quyền lợi thu được. Chính quyền cần hỗ trợ thể chế (hướng dẫn ký kết hợp tác), hỗ trợ kỹ thuật (lập kế hoạch kinh doanh) và hỗ trợ kết nối thị trường (qua nền tảng số, hội chợ, OCOP).

Thứ năm, tích hợp cơ chế phản hồi chéo và đánh giá liên chủ thể. Cần phát triển hệ thống phản hồi đa chiều, trong đó: Doanh nghiệp có thể đánh giá mức độ hợp tác và thái độ phục vụ của cộng đồng; Cộng đồng có thể đánh giá cam kết chia sẻ lợi ích và hành vi khai thác của doanh nghiệp; Du khách đánh giá cả hai chủ thể về chất lượng dịch vụ và môi trường du lịch. Kết quả đánh giá liên chủ thể cần được tích hợp vào hệ thống du lịch thông minh của tỉnh, làm cơ sở xếp hạng bản DLCĐ, xếp hạng doanh nghiệp bền vững, và công bố rộng rãi để tạo áp lực cải thiện minh bạch - trách nhiệm - đạo đức nghề nghiệp.

Việc điều phối liên chủ thể giữa doanh nghiệp - cộng đồng - du khách là yêu cầu tất yếu trong mô hình DLCĐ hiện đại, nhằm chuyển từ trạng thái “cộng đồng phục vụ - doanh nghiệp thu lợi” sang mô hình “cùng tạo giá trị - cùng chia sẻ lợi ích - cùng chịu trách nhiệm”. Với vai trò điều phối trung tâm, chính quyền tỉnh Lào Cai cần thể chế hóa các nguyên tắc, chuẩn hóa công cụ hợp tác, khuyến khích xây dựng lòng tin và nền tảng pháp lý để các bên hợp tác hiệu quả. Khi ba chủ thể chính hoạt động trong một cơ chế minh bạch, có đối thoại và có trách nhiệm lẫn nhau, DLCĐ sẽ trở thành mô hình phát triển xanh, bao trùm và bền vững thực sự tại các vùng khó khăn.

4.3.1.7. Thiết lập cơ chế chia sẻ rủi ro và bảo đảm công bằng lợi ích giữa các chủ thể

Trong phát triển du lịch cộng đồng, mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể không chỉ dừng lại ở việc phân chia thành quả, mà còn bao hàm cả trách nhiệm cùng gánh vác rủi ro phát sinh trong quá trình phát triển. Tính chất bất định của ngành du lịch - từ thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường, đến các xung đột văn hóa hoặc sai lệch trong kỳ vọng - đã cho thấy rõ nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một cơ chế chia sẻ rủi ro công bằng và có khả năng điều tiết giữa các bên liên quan.

Tuy nhiên, tại tỉnh Lào Cai hiện nay, hệ thống chính sách liên quan đến chia sẻ rủi ro trong DLCĐ vẫn còn sơ khai, rời rạc và mang tính phản ứng bị động. Phần lớn các rủi ro khi xảy ra - như thiệt hại do dịch COVID-19, sự cố truyền thông, xung đột trong quá trình tổ chức tour - đều được xử lý theo hướng “tùy trường hợp”, thiếu một quy trình chuẩn hóa và thiếu sự phối hợp ba bên giữa doanh nghiệp, cộng đồng và chính quyền. Điều này khiến một bên (thường là cộng đồng) phải gánh phần rủi ro lớn hơn, dẫn tới mất niềm tin, thụ động hóa vai trò của người dân trong phát triển du lịch và làm suy giảm tính bền vững của mô hình DLCĐ.

Để khắc phục hạn chế đó, chính quyền tỉnh Lào Cai cần chủ động thiết lập một cơ chế chia sẻ rủi ro và điều phối lợi ích rõ ràng, đồng thời bảo đảm công bằng trong việc phân bổ trách nhiệm giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị DLCĐ. Cơ chế này có thể gồm các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng Quỹ hỗ trợ và chia sẻ rủi ro trong du lịch cộng đồng cấp tỉnh hoặc cấp xã. Quỹ này có thể được hình thành từ các nguồn: (i) ngân sách địa phương; (ii) đóng góp từ doanh nghiệp hưởng lợi; (iii) tài trợ từ các chương trình quốc gia hoặc quốc tế. Quỹ sẽ được sử dụng để hỗ trợ cộng đồng và các hộ làm du lịch khắc phục hậu quả sau thiên tai, dịch bệnh, hoặc trong các trường hợp bị tổn thất do sự cố ngoài ý muốn (tour bị hủy, khách hủy phòng, thất thu do thị trường sụt giảm...).

Thứ hai, thể chế hóa hợp đồng hợp tác ba bên (tripartite contracts) giữa doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền. Trong đó, mỗi bên phải cam kết rõ: (i) phần lợi ích được hưởng; (ii) trách nhiệm khi rủi ro xảy ra; (iii) cơ chế xử lý tranh

chấp. Hợp đồng cần được xác nhận bởi UBND cấp xã để tăng tính pháp lý và bảo vệ lợi ích cộng đồng trước các chủ thể có tiềm lực mạnh hơn.

Thứ ba, quy định mức tối thiểu chia sẻ doanh thu hoặc cam kết đầu tư trở lại cho cộng đồng. Chính quyền có thể ban hành chính sách yêu cầu doanh nghiệp khi tổ chức tour tại địa phương phải cam kết một tỷ lệ doanh thu (ví dụ 10-15%) được tái đầu tư cho cộng đồng dưới các hình thức: hỗ trợ cơ sở hạ tầng, tài trợ lễ hội văn hóa, đào tạo nghề hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ homestay. Mức chia sẻ này nên được lồng ghép vào tiêu chí đánh giá chất lượng tour hoặc điều kiện cấp phép hoạt động.

Thứ tư, phát triển thiết chế hòa giải văn hóa và chia sẻ rủi ro tại cộng đồng. Chính quyền cấp xã/huyện cần thành lập các tổ chức trung gian như “Tổ điều phối du lịch cộng đồng” hoặc “Hội đồng đại diện cộng đồng DLCĐ”, có nhiệm vụ làm cầu nối giữa người dân và doanh nghiệp, đồng thời là đơn vị xử lý tranh chấp nhỏ, tiếp nhận phản ánh của du khách, hỗ trợ hòa giải các mâu thuẫn lợi ích phát sinh.

Thứ năm, tích hợp chia sẻ rủi ro vào các chương trình đào tạo và hướng dẫn thực hành. Cần tổ chức các lớp tập huấn về hợp tác công - tư - cộng đồng, kỹ năng ký kết hợp đồng, ứng xử khi có khủng hoảng, và trách nhiệm xã hội trong phát triển DLCĐ. Điều này giúp nâng cao năng lực của cả cộng đồng và chính quyền cấp xã trong việc chủ động tham gia kiểm soát rủi ro.

Thứ sáu, tăng cường giám sát, công khai và đánh giá định kỳ về mức độ chia sẻ lợi ích và rủi ro. Chính quyền cần xây dựng bộ chỉ số theo dõi hiệu quả hợp tác du lịch cộng đồng, trong đó có tiêu chí về: (i) tỷ lệ hợp đồng ba bên được ký; (ii) tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện CSR; (iii) mức độ hài lòng của cộng đồng khi gặp sự cố. Công bố kết quả này hằng năm sẽ tạo áp lực minh bạch và thúc đẩy cải thiện quan hệ giữa các chủ thể.

Việc thiết lập cơ chế chia sẻ rủi ro và bảo đảm công bằng lợi ích không chỉ là giải pháp thực tiễn nhằm giảm thiểu xung đột trong phát triển DLCĐ, mà còn là biểu hiện rõ nét của một mô hình quản trị bao trùm và có trách nhiệm. Với vai trò là chủ thể kiến tạo thể chế, chính quyền địa phương cần đóng vai trò trung tâm trong

việc điều phối các bên, tổ chức lại chuỗi giá trị theo hướng công bằng - bền vững - thích ứng, từ đó củng cố nền tảng phát triển lâu dài của du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4.3.2. Giải pháp từ cộng đồng địa phương

Để đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích và xây dựng DLCĐ như một mô hình phát triển dựa trên sự tham gia, cộng đồng cần chủ động chuyển từ vai trò “người cung cấp thụ động” sang “chủ thể đồng kiến tạo”.

4.3.2.1. Nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng đa chiều

Cốt lõi của quyền tham gia hiệu quả là năng lực thực hiện. Khi cộng đồng có kỹ năng tổ chức dịch vụ tốt, hiểu biết về khách hàng và biết sử dụng công cụ số, họ sẽ không chỉ “được thuê” mà có thể “chào mời - cạnh tranh - kiểm soát chất lượng” và từ đó giữ được phần giá trị cao hơn trong chuỗi. Cộng đồng cần: Tham gia đào tạo nghề và tập huấn chuyên môn về du lịch, đặc biệt các kỹ năng như đón tiếp khách, nấu ăn tiêu chuẩn du lịch, tổ chức trải nghiệm văn hóa, kể chuyện bản địa, thuyết minh di sản; Rèn luyện kỹ năng quản lý dịch vụ, bao gồm đặt lịch, định giá, tính toán lợi nhuận - chi phí, phản hồi đánh giá từ khách, và ứng xử với các tình huống phức tạp; Học sử dụng các nền tảng số như đặt phòng online, quảng bá homestay trên mạng xã hội, xử lý thanh toán điện tử hoặc gửi phản hồi tới chính quyền và doanh nghiệp qua ứng dụng; Tăng cường hiểu biết liên văn hóa: nắm bắt tâm lý và tập quán du khách để điều chỉnh cách tiếp cận mà không làm mất đi bản sắc.

4.2.2.2. Tăng cường tinh thần hợp tác nội cộng đồng

Một trở ngại lớn trong việc nâng cao vị thế cộng đồng là tình trạng chia rẽ nội bộ, cạnh tranh không lành mạnh giữa các hộ làm homestay hoặc dịch vụ du lịch. Khi mỗi hộ “mạnh ai nấy làm”, dễ xảy ra tình trạng chèn ép giá, không chia sẻ thông tin, lặp lại trải nghiệm và phá vỡ sự cân bằng trong thôn bản. Vì vậy, cộng đồng cần: Hình thành các tổ hợp tác, nhóm dịch vụ hoặc hợp tác xã du lịch cộng đồng, có điều lệ rõ ràng, quy định luân phiên đón khách, chia sẻ doanh thu, hỗ trợ đào tạo lẫn nhau; Lập quy chế hoạt động du lịch nội bản: ai đón khách, khách vào khu vực nào, giá cả dịch vụ, quy tắc ứng xử... để tránh mâu thuẫn và xung đột; Xây dựng cơ chế giám sát nội bộ: có tổ hoà giải, tổ đại diện cộng đồng làm đầu mối liên lạc với doanh nghiệp và chính quyền.

4.3.2.3. Xác lập quyền thương lượng với doanh nghiệp

Trong mối quan hệ giữa doanh nghiệp và cộng đồng, nếu cộng đồng thiếu năng lực thương lượng thì dễ bị ép giá, không được tham gia vào khâu thiết kế sản phẩm và không có khả năng phản hồi khi bị xâm hại quyền lợi. Cộng đồng cần: Yêu cầu ký hợp đồng hợp tác rõ ràng với doanh nghiệp, có điều khoản về giá dịch vụ, quyền được biết doanh thu và chia sẻ lợi ích, điều kiện thanh toán và xử lý khiếu nại; Thống nhất nội dung hợp tác qua tổ chức đại diện cộng đồng, tránh thỏa thuận cá nhân gây chia rẽ nội bộ; Chủ động phản ánh những vi phạm hoặc bất bình đẳng với chính quyền xã hoặc tổ chức trung gian: tránh để doanh nghiệp thao túng, sử dụng mối quan hệ không chính thức để áp đặt điều kiện. Muốn vậy, phải kết hợp cả nâng cao nhận thức pháp lý và đào tạo kỹ năng thương lượng cho cộng đồng, đặc biệt là cán bộ tổ/nhóm đại diện.

4.3.2.4. Bảo tồn văn hóa - sinh thái như một “tài sản cộng đồng”

. Một sai lầm phổ biến là khi cộng đồng đánh đổi bản sắc văn hóa để chiều theo thị hiếu du khách hoặc yêu cầu từ doanh nghiệp: diễn lễ hội giả, làm nhà sàn mô hình, ăn mặc "dân tộc hóa", tổ chức trải nghiệm phi bản địa... Những điều này làm mất tính nguyên bản, gây “rỗng ruột văn hóa” cho sản phẩm du lịch. Vì vậy, cộng đồng cần: Xác định rõ giới hạn văn hóa - sinh thái cần bảo vệ: không gian linh thiêng, nghi lễ dân tộc, mùa vụ truyền thống, cách ăn mặc... phải được giữ nguyên; Phân biệt giữa “trình diễn văn hóa” và “thực hành văn hóa”, tránh biến mình thành “sản phẩm tiêu dùng văn hóa”; Tôn vinh bản sắc bản địa như một tài sản chung của cả cộng đồng, cùng nhau gìn giữ, thay vì để một vài cá nhân thương mại hóa toàn bộ bản làng. Khi cộng đồng hiểu rằng “bản sắc là thương hiệu” và “giữ gìn văn hóa là giữ lại dòng khách”, thì họ sẽ có động lực lâu dài để bảo tồn di sản một cách chủ động.

4.3.2.5. Chuyển từ vai trò thụ hưởng sang đồng kiến tạo

Động lực phát triển của mô hình DLCĐ không chỉ đến từ chính sách hỗ trợ bên ngoài, mà phải được duy trì từ bên trong - tức là từ chính tư duy phát triển và tinh thần làm chủ của cộng đồng. Nếu cộng đồng mãi chỉ đóng vai trò “thụ hưởng bị động” thì không thể có DLCĐ đúng nghĩa. Do đó, cộng đồng cần: Chủ động tham gia vào quy hoạch phát triển du lịch xã, thông qua hội họp, phản biện chính sách, đề

xuất sáng kiến từ cơ sở; Tự tổ chức hoạt động du lịch nhỏ, như tour đi bộ, lớp dạy nấu ăn, hoạt động trải nghiệm... mà không phụ thuộc hoàn toàn vào doanh nghiệp; Tích cực tham gia tổ giám sát và phản hồi dịch vụ, đưa ý kiến lên chính quyền, hội đồng nhân dân, tổ chức xã hội; Hình thành thể hệ kế cận có tri thức, năng lực số và tinh thần khởi nghiệp, gắn du lịch với giáo dục và văn hóa địa phương.

Việc cộng đồng nâng cao tính chủ động và năng lực tham gia không chỉ là điều kiện để bảo vệ quyền lợi, mà còn là yếu tố quyết định tính chính danh, tính bền vững và tính bản địa của mô hình du lịch cộng đồng. Khi cộng đồng trở thành đối tác chứ không phải đối tượng thụ hưởng, DLCĐ sẽ trở thành mô hình vừa tạo sinh kế, vừa gìn giữ di sản, vừa là hình thức tự trị văn hóa - kinh tế của người dân bản địa trong bối cảnh phát triển hội nhập.

4.3.2.6. Tăng cường vai trò tự quản cộng đồng và xây dựng thiết chế đại diện lợi ích bản địa

Một trong những nguyên nhân cốt lõi làm phát sinh bất bình đẳng và xung đột trong quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng là sự thiếu vắng vai trò đại diện rõ ràng và cơ chế tự chủ của cộng đồng địa phương. Mặc dù trong nhiều văn kiện, cộng đồng được xác định là “chủ thể của du lịch cộng đồng”, nhưng thực tiễn triển khai tại các điểm DLCĐ ở Lào Cai cho thấy phần lớn cộng đồng vẫn giữ vai trò bị động, phụ thuộc vào sự tổ chức của doanh nghiệp hoặc quyết định hành chính từ chính quyền, thiếu năng lực giám sát, thương lượng và kiểm soát lợi ích phát sinh từ hoạt động du lịch ngay trên không gian sống của mình.

Việc tăng cường năng lực tự quản và thiết lập các thiết chế đại diện bản địa là một trong những giải pháp then chốt nhằm chuyển hóa cộng đồng từ vai trò “khách thể thụ hưởng” sang “chủ thể kiến tạo” trong mô hình DLCĐ bền vững. Giải pháp này cũng phù hợp với các khuyến nghị từ lý thuyết về quản trị cộng đồng và phát triển nội sinh, đặc biệt là tiếp cận thể chế của Elinor Ostrom (1990), theo đó, chỉ khi cộng đồng sở hữu năng lực tổ chức, có quy tắc nội bộ và thể chế tham gia, thì tài nguyên bản địa mới được quản lý bền vững và lợi ích mới được phân bổ công bằng. Cụ thể, chính cộng đồng cần chủ động trong các nội dung sau:

Thứ nhất, thành lập và vận hành các tổ chức tự quản về du lịch tại cộng đồng. Các hình thức như tổ hợp tác homestay, nhóm hướng dẫn viên bản địa, câu lạc bộ nghệ nhân, hội đồng quản lý lễ hội cần được cộng đồng tự khởi xướng, điều hành và vận hành trên nguyên tắc dân chủ - tự chủ - minh bạch. Những tổ chức này đóng vai trò phân phối lợi ích, giám sát chất lượng dịch vụ, xử lý mâu thuẫn nội bộ và làm đầu mối liên hệ với doanh nghiệp, chính quyền hoặc đối tác ngoài cộng đồng.

Thứ hai, xây dựng và ban hành quy ước cộng đồng về phát triển du lịch. Đây là tập hợp các nguyên tắc ứng xử, quy định về chia sẻ tài nguyên, đảm bảo văn hóa, định hướng lợi ích và giải quyết tranh chấp do chính cộng đồng đề ra. Quy ước cần được thông qua bởi cuộc họp bản và được UBND cấp xã xác nhận để đảm bảo tính pháp lý, làm cơ sở để đối thoại với các chủ thể bên ngoài như doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý.

Thứ ba, nâng cao năng lực tổ chức và đại diện cho các nhóm nòng cốt trong cộng đồng. Cần lựa chọn, đào tạo các cá nhân có uy tín, phụ nữ, thanh niên và người biết ngoại ngữ để tham gia các nhóm nòng cốt điều phối du lịch. Những người này sẽ giữ vai trò đại diện trong các cuộc đàm phán, giám sát hợp đồng ba bên, hoặc tham gia điều hành quỹ cộng đồng. Chính họ là cầu nối giữa người dân với các chủ thể khác trong chuỗi giá trị du lịch.

Thứ tư, thực hành nguyên tắc “gắn trách nhiệm với quyền lợi”. Chỉ các hộ tham gia tổ chức và tuân thủ quy ước chung mới được phân chia lợi nhuận, hưởng ưu tiên trong tiếp cận vốn, đào tạo, quảng bá. Cách tiếp cận này không chỉ khuyến khích sự chủ động mà còn nâng cao tính kỷ luật tự thân trong tổ chức cộng đồng.

Thứ năm, tăng cường vai trò của cộng đồng trong phản biện chính sách và đối thoại với doanh nghiệp. Khi có thiết chế đại diện rõ ràng, cộng đồng có thể chủ động tham gia xây dựng quy hoạch phát triển DLCĐ tại địa phương, đề xuất thay đổi trong quy trình tổ chức tour, hoặc yêu cầu doanh nghiệp minh bạch hóa hợp đồng, tỷ lệ chia sẻ lợi nhuận và trách nhiệm xã hội.

Như vậy, trong tiến trình phát triển DLCĐ, chính cộng đồng phải là lực lượng giữ vai trò trung tâm - không chỉ trong cung ứng dịch vụ mà còn trong định

hình thể chế phân phối lợi ích. Việc tăng cường vai trò tự quản và thiết lập thiết chế đại diện lợi ích bản địa không chỉ là giải pháp về mặt tổ chức, mà còn là tiền đề để kiến tạo một mô hình DLCĐ dân chủ, tự chủ và bền vững - nơi mỗi thành viên trong cộng đồng không bị gạt ra khỏi tiến trình phát triển, mà trở thành người thiết kế và gìn giữ chính tương lai của không gian sống và bản sắc văn hóa của mình.

4.3.3. Giải pháp từ phía doanh nghiệp

Để phát triển DLCĐ thực sự công bằng và có khả năng phát triển dài hạn, doanh nghiệp cần chuyển hóa từ tư duy khai thác sang tư duy đồng kiến tạo; từ lợi nhuận ngắn hạn sang trách nhiệm phát triển hệ sinh thái; từ tối đa hóa doanh thu sang phân phối lại giá trị một cách minh bạch và có trách nhiệm.

4.3.3.1. Cam kết minh bạch trong phân phối lợi ích

Một trong những biểu hiện rõ nhất của bất bình đẳng lợi ích là sự thiếu minh bạch trong cách chia sẻ doanh thu và phân bổ trách nhiệm giữa doanh nghiệp và cộng đồng. Nhiều trường hợp, doanh nghiệp tổ chức tour trọn gói, thu phí toàn bộ từ khách du lịch nhưng chỉ chi trả cho cộng đồng theo giá dịch vụ "cố định" (flat fee), không dựa trên tỷ lệ chia sẻ thực tế. Điều này làm cho cộng đồng chỉ được hưởng lợi rất nhỏ trong chuỗi giá trị, trong khi doanh nghiệp thu lợi lớn mà không phải báo cáo công khai. Để khắc phục tình trạng này, doanh nghiệp cần: Ký hợp đồng rõ ràng, minh bạch với hộ dân, tổ nhóm hoặc hợp tác xã tại bản, trong đó quy định cụ thể tỷ lệ chia sẻ doanh thu, trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật, và nghĩa vụ báo cáo định kỳ; Thống nhất phương án phân phối lợi ích qua tổ chức đại diện cộng đồng (tổ DLCĐ, hội đồng bản...) nhằm tránh tình trạng doanh nghiệp chỉ hợp tác với một số hộ thân quen hoặc dễ điều phối; Báo cáo định kỳ với chính quyền cấp xã và tổ chức trung gian về số lượt khách, doanh thu và tỷ lệ lợi ích chia sẻ, làm cơ sở giám sát và tăng cường trách nhiệm giải trình; Cam kết minh bạch không chỉ giúp tăng tính công bằng, mà còn tạo ra lòng tin lâu dài giữa doanh nghiệp và cộng đồng, là điều kiện để duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định.

4.3.3.2. Đầu tư dài hạn vào bảo tồn văn hóa và nâng cao năng lực cộng đồng

Một sai lầm phổ biến của nhiều doanh nghiệp khi tham gia DLCĐ là chỉ tập trung vào lợi ích ngắn hạn thông qua tổ chức tour đơn lẻ, mà không đầu tư vào yếu

tổ cốt lõi giúp duy trì giá trị du lịch: văn hóa bản địa và năng lực cộng đồng. Trong khi đó, chính cộng đồng địa phương mới là người gìn giữ phong tục, kiến trúc, lễ hội, nghề thủ công và tri thức dân gian - những yếu tố không thể “sao chép” hoặc thay thế. Do vậy, doanh nghiệp cần coi đầu tư vào cộng đồng như một khoản “vốn đầu vào đặc biệt”, với các nội dung cụ thể: Tài trợ đào tạo kỹ năng cho người dân: đón tiếp khách, chế biến món ăn, thuyết minh văn hóa, làm truyền thông xã hội, xử lý tình huống du lịch...; Hỗ trợ cải tạo cơ sở vật chất homestay, nhà vệ sinh, biển chỉ dẫn... để đạt chuẩn phục vụ khách, thông qua mô hình “doanh nghiệp hỗ trợ - cộng đồng sở hữu - cùng vận hành”; Tham gia tổ chức lễ hội cộng đồng, truyền thông câu chuyện văn hóa địa phương, với sự đồng thuận và tham gia thực chất của người dân; Ưu tiên sử dụng lao động tại chỗ, nghệ nhân dân gian và sản phẩm thủ công địa phương trong hoạt động du lịch. Sự đầu tư dài hạn không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, mà còn giúp duy trì môi trường hoạt động ổn định, giảm chi phí giao dịch, tăng tính chính danh khi doanh nghiệp làm việc với chính quyền và khách du lịch.

4.3.3.3. Tránh xu hướng “du lịch hóa rỗng ruột”.

Tại một số điểm DLCĐ, doanh nghiệp có xu hướng thương mại hóa hình ảnh văn hóa dân tộc theo cách phi bản địa: dựng mô hình nhà sàn “giả cổ”, thuê người mặc trang phục dân tộc biểu diễn “diễn lại”, xây dựng tour “săn ảnh” mà không cần sự đồng thuận của cộng đồng... Điều này không chỉ làm tổn thương tinh thần văn hóa bản địa, mà còn tạo ra sản phẩm du lịch “giả lập”, thiếu chiều sâu và khó bền vững. Doanh nghiệp cần nghiêm túc: Không sử dụng hình ảnh bản sắc dân tộc chỉ để “trang trí sản phẩm”, mà phải đảm bảo nội dung truyền tải là thật - có sự tham gia và đồng thuận từ cộng đồng; Tránh biến DLCĐ thành “phiên bản thương mại” của văn hóa, nơi khách đến để xem - chụp - đi, thay vì tham gia - cảm nhận - kết nối; Tôn trọng không gian linh thiêng, truyền thống sống, chu kỳ canh tác của người dân, không đưa khách vào những khu vực bị cộng đồng cấm kỵ hoặc chưa sẵn sàng tiếp nhận du lịch. Việc tránh “du lịch hóa rỗng ruột” chính là một hình thức bảo vệ tài nguyên văn hóa - sinh thái, đồng thời giúp doanh nghiệp duy trì trải nghiệm nguyên bản - yếu tố ngày càng được du khách đánh giá cao.

4.3.3.4. Phối hợp với chính quyền cấp xã trong quản lý điểm đến

DLCĐ là mô hình hoạt động tại quy mô thôn bản, nơi chính quyền cấp xã đóng vai trò quản lý hành chính, điều phối lợi ích và giám sát hoạt động du lịch. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy nhiều doanh nghiệp tổ chức tour mà không thông báo với chính quyền xã, tự ý đưa khách vào bản, dẫn đến tình trạng quản lý bị “qua mặt”, người dân bị động, khách du lịch không có cơ chế bảo vệ khi xảy ra rủi ro. Để khắc phục, doanh nghiệp cần: Thông báo trước kế hoạch tour, số lượng khách và nội dung trải nghiệm với UBND xã và tổ DLCĐ; Tham gia đóng góp vào quỹ cộng đồng hoặc hỗ trợ hoạt động xã hội địa phương, như nâng cấp trường học, hoạt động lễ hội, hỗ trợ hộ nghèo; Thống nhất lịch hoạt động và điều phối với các doanh nghiệp khác tại điểm đến, tránh tình trạng quá tải hoặc cạnh tranh không lành mạnh; Hợp tác trong thiết lập cơ chế phản hồi 2 chiều giữa khách - doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền, thông qua nền tảng số hoặc tổ giám sát địa phương.

4.2.3.5. Xây dựng chỉ số trách nhiệm doanh nghiệp trong du lịch cộng đồng

Để đo lường mức độ cam kết và lan tỏa lợi ích, doanh nghiệp cần chủ động xây dựng hoặc tham gia đánh giá theo bộ chỉ số trách nhiệm xã hội trong DLCĐ, gồm các tiêu chí: Tỷ lệ doanh thu chia sẻ lại cho cộng đồng; Tỷ lệ lao động tại chỗ trong hệ thống dịch vụ; Mức đầu tư cho bảo tồn văn hóa và đào tạo người dân; Số hợp đồng hợp tác công khai và đánh giá tín nhiệm từ cộng đồng; Số lượng kiến nghị được tiếp nhận - xử lý từ cộng đồng và khách du lịch. Các chỉ số này có thể tích hợp vào bảng xếp hạng doanh nghiệp du lịch tỉnh/thành, hoặc là tiêu chí để chính quyền lựa chọn đơn vị liên kết, ưu đãi tiếp cận quỹ hỗ trợ du lịch.

Việc doanh nghiệp cam kết chia sẻ lợi ích - đầu tư dài hạn không chỉ là yêu cầu về đạo đức kinh doanh, mà còn là chiến lược phát triển bền vững trong mô hình du lịch cộng đồng. Nếu thiếu trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp sẽ làm tổn hại môi trường - văn hóa - cộng đồng, khiến điểm đến mất đi tính hấp dẫn nguyên bản, tạo ra xung đột âm ỉ và giảm sút sự quay lại của khách du lịch. Ngược lại, khi doanh nghiệp hành xử với tư cách đối tác đồng kiến tạo, cùng bảo tồn, đầu tư, minh bạch hóa và tôn trọng cộng đồng, thì DLCĐ sẽ trở thành hệ sinh thái lợi ích bền vững, hài hòa và sinh lợi lâu dài cho tất cả các bên.

4.3.3.6. Doanh nghiệp cam kết chia sẻ lợi ích - đầu tư dài hạn trong phát triển du lịch cộng đồng

Trong mô hình phát triển du lịch cộng đồng, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối thị trường, tổ chức sản phẩm và chuyên nghiệp hóa dịch vụ. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại nhiều điểm DLCĐ trên địa bàn tỉnh Lào Cai cho thấy mối quan hệ giữa doanh nghiệp và cộng đồng địa phương vẫn thiên lệch theo hướng doanh nghiệp chiếm ưu thế, trong khi cộng đồng chủ yếu giữ vai trò cung ứng thụ động, thiếu khả năng đàm phán và kiểm soát lợi ích. Tình trạng này phần lớn bắt nguồn từ việc thiếu các cam kết ràng buộc về chia sẻ lợi ích cũng như đầu tư lâu dài từ phía doanh nghiệp, dẫn tới bất bình đẳng trong quan hệ lợi ích và suy giảm động lực hợp tác từ phía người dân.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp còn lại hoạt động theo cơ chế “thu lợi nhanh, rút lui sớm”, thiếu các kế hoạch đầu tư dài hạn và ít quan tâm đến việc tái đầu tư cho địa phương nơi mình khai thác dịch vụ. Tình trạng này không chỉ tạo ra sự bất mãn trong cộng đồng, mà còn ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và tính bền vững của sản phẩm DLCĐ - vốn cần dựa vào sự đồng thuận, tin cậy và cam kết lâu dài giữa các bên. Để khắc phục tình trạng này, các doanh nghiệp cần chuyển đổi tư duy từ “khai thác thị trường” sang “đồng kiến tạo giá trị”, trong đó yếu tố cốt lõi là cam kết chia sẻ lợi ích một cách công bằng, có thể đo lường và được thể chế hóa bằng các cơ chế hợp tác dài hạn với cộng đồng và chính quyền. Cụ thể:

Thứ nhất, doanh nghiệp cần xây dựng và ký kết các thỏa thuận chia sẻ lợi ích bằng hợp đồng ba bên (doanh nghiệp - cộng đồng - chính quyền). Trong hợp đồng cần làm rõ tỷ lệ doanh thu chia lại cho cộng đồng, hình thức đóng góp cho phát triển hạ tầng, tài trợ sự kiện văn hóa, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nghề cho người dân. Các cam kết này cần có tính pháp lý, được giám sát thực hiện bởi UBND xã hoặc Hội đồng cộng đồng để bảo đảm thực thi nghiêm túc.

Thứ hai, doanh nghiệp cần đầu tư dài hạn vào các điểm DLCĐ theo hướng gắn kết chuỗi giá trị địa phương. Thay vì tổ chức tour “đi - về” trong ngày, doanh nghiệp nên hợp tác với cộng đồng để đầu tư phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực bản

địa, thủ công mỹ nghệ và trải nghiệm nông nghiệp. Điều này không chỉ tạo việc làm bền vững cho người dân mà còn giúp doanh nghiệp xây dựng thương hiệu riêng biệt, gắn với bản sắc địa phương.

Thứ ba, cần đưa các tiêu chí về cam kết chia sẻ lợi ích vào hệ thống đánh giá và cấp phép hoạt động du lịch. Chính quyền địa phương cần xây dựng bộ tiêu chuẩn khuyến khích các doanh nghiệp có đóng góp cho cộng đồng, như: đầu tư hạ tầng bản làng, hỗ trợ khởi nghiệp du lịch bản địa, đồng tổ chức sự kiện văn hóa với người dân, và có hoạt động truyền thông tích cực về bản sắc địa phương. Những doanh nghiệp đạt tiêu chí có thể được ưu tiên cấp phép, quảng bá trên nền tảng tỉnh hoặc được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai, thuế phí.

Thứ tư, doanh nghiệp cần tham gia xây dựng và đóng góp cho Quỹ phát triển du lịch cộng đồng. Quỹ này sẽ do chính quyền địa phương quản lý, có sự tham gia giám sát của cộng đồng, và dùng để hỗ trợ đào tạo, bảo tồn văn hóa, xử lý khủng hoảng (như dịch bệnh, thiên tai), cũng như hỗ trợ hộ nghèo tham gia làm du lịch. Việc đóng góp có thể quy định theo tỷ lệ phần trăm doanh thu hoặc mức cố định theo kỳ.

Thứ năm, doanh nghiệp cần tôn trọng và đồng hành cùng cộng đồng trong các quyết định có liên quan đến bản sắc văn hóa và không gian sinh hoạt. Không tự ý mô phỏng lễ hội, tổ chức chương trình biểu diễn mang tính “thương mại hóa quá mức” khi chưa có sự đồng thuận từ cộng đồng. Mọi hoạt động truyền thông, khai thác hình ảnh văn hóa bản địa cần đi kèm với cơ chế đồng sở hữu và quyền kiểm soát của người dân.

Thực tiễn tại một số điểm thành công như bản Tả Phìn (Sa Pa), Na Hối (Bắc Hà), nơi doanh nghiệp đã ký kết hợp tác dài hạn với cộng đồng và tham gia tài trợ cơ sở vật chất - quảng bá thương hiệu cho địa phương, cho thấy mô hình doanh nghiệp đầu tư lâu dài và chia sẻ lợi ích hiệu quả hơn hẳn về cả giá trị thương hiệu lẫn độ bền vững. Như vậy, để đảm bảo hài hòa lợi ích và phát triển bền vững DLCĐ, các doanh nghiệp không chỉ đóng vai trò nhà tổ chức dịch vụ, mà cần trở thành đối tác phát triển có trách nhiệm. Việc cam kết chia sẻ lợi ích và đầu tư dài hạn là điều kiện cần thiết để tái lập lòng tin, tăng cường sự gắn bó với cộng đồng và

góp phần xây dựng mô hình du lịch bao trùm - nhân văn - hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển du lịch xanh, đặc sắc và bền vững của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn tới.

4.3.4. Giải pháp từ phía khách du lịch

Để phát triển DLCD theo hướng hài hòa và bền vững, khách du lịch không thể đứng ngoài các cam kết chính sách, mà cần được nhìn nhận là một chủ thể có trách nhiệm xã hội, có quyền được bảo vệ nhưng cũng có nghĩa vụ tôn trọng và đồng hành cùng cộng đồng địa phương trong việc giữ gìn bản sắc và công bằng lợi ích. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một số giải pháp sau:

4.3.4.1. Khách du lịch thực hành du lịch có trách nhiệm và tôn trọng bản sắc văn hóa

Trong môi trường du lịch cộng đồng, khách du lịch không chỉ là người tiêu dùng dịch vụ mà còn đóng vai trò như một tác nhân xã hội ảnh hưởng đến các chuẩn mực ứng xử, giá trị bản sắc và không gian văn hóa của các cộng đồng bản địa. Do đó, thông qua hành vi của mình, khách du lịch có thể trực tiếp đóng góp vào việc duy trì tính bền vững của du lịch cộng đồng hoặc gây ra sự xáo trộn, mai một giá trị văn hóa và gia tăng xung đột với cư dân địa phương. Trong bối cảnh đó, việc thực hành du lịch có trách nhiệm và tôn trọng bản sắc của khách du lịch cần được coi là một nội dung trung tâm trong chiến lược phát triển du lịch cộng đồng bền vững.

Thứ nhất, khách du lịch cần chấp hành nghiêm chỉnh các quy ước của bản làng và tôn trọng không gian linh thiêng của cộng đồng. Các bản du lịch của người H'Mông, Dao, Tày hay Giáy đều có những quy định bất thành văn về những không gian linh thiêng như rừng cấm, bàn thờ, bãi tha ma, hay các lễ cúng tổ tiên. Việc khách du lịch tự ý chụp ảnh, đứng chân, đốt nhang hay sờ mó vào các đồ vật linh thiêng mà không có hướng dẫn hoặc được mời là hành vi rất nhạy cảm, dễ gây xúc phạm niềm tin tâm linh của người dân. Khách du lịch cần được khuyến cáo tìm hiểu trước về quy ước của bản, tuân thủ hướng dẫn của hướng dẫn viên hoặc chủ nhà homestay, và chỉ tham gia các nghi lễ khi được mời với tâm thế tôn trọng.

Thứ hai, việc tìm hiểu và điều chỉnh trang phục, hành vi ứng xử phù hợp với ngữ cảnh bản làng cũng là một hình thức thể hiện sự tôn trọng văn hóa của khách du

lịch. Nhiều bản làng dân tộc thiểu số coi quy định ngầm về sự kín đáo trong trang phục, kiêng kỵ việc đến chỗ linh thiêng hoặc nhà dân với quần áo ngắn, hở hang. Khách du lịch cần chủ động lựa chọn trang phục đơn giản, lịch sự, tránh những biểu hiện thân mật quá mức, tiếu tùng ồn ào hoặc hành vi phản cảm tại không gian sinh hoạt của người dân. Ngay cả trong trường hợp được mời mặc trang phục truyền thống, du khách cũng cần được hướng dẫn cách mặc và sử dụng đúng nghi lễ, tránh biến tấu, dùng như đạo cụ vui chơi trên mạng xã hội.

Thứ ba, khách du lịch cần thực hiện nếp sống địa phương và tránh các hành vi lệch chuẩn tại điểm làng. Trong điều kiện sinh hoạt chung tại homestay, việc gây ồn ào, bật nhạc to, xả rác bừa bãi, sử dụng rượu bia quá mức hay hút thuốc là những hành vi gây khó chịu đối với các hộ dân bản địa. Tại nhiều điểm du lịch như Tả Van, Na Hối, Bán Phúng, người dân đã nhiều lần phản ánh về việc khách du lịch phụ nhận nhà dân như không gian cá nhân, tự ý quay phim, dùng bếp, vào phòng ngủ của chủ nhà, dẫm lên nệm đan hay lên nóc nhà để chụp ảnh. Các hành vi tuy nhỏ nhưng tích tụ lâu dần đến sự thất vọng tâm lý và xa lánh giữa cộng đồng và khách.

Trong bối cảnh phát triển nhanh và thiếu điều phối như tại Lào Cai, trách nhiệm tự giác của khách du lịch là yếu tố giúp giảm thiểu xung đột, duy trì bản sắc, và góp phần tạo nên môi trường phát triển bao trùm. Do đó, các chương trình truyền thông, các tour và đối thoại văn hóa nên làm rõ vai trò của khách du lịch trong việc điều chỉnh hành vi, chứ không chỉ là trách nhiệm của chính quyền hay cộng đồng.

4.3.4.2. Khách du lịch tham gia giám sát chất lượng và phản hồi công khai - xây dựng

Trong bối cảnh du lịch cộng đồng ngày càng phát triển nhanh, vai trò của khách du lịch không chỉ dừng lại ở việc tiêu dùng dịch vụ mà còn đóng vai trò như một "tổ chức giám sát" đối với chất lượng dịch vụ và trải nghiệm tại điểm đến. Khi được thực hiện một cách trách nhiệm, việc phản hồi có xây dựng từ phía khách du lịch sẽ góp phần đáng kể vào việc nâng cao năng lực của cộng đồng, đồng thời cải thiện độ tin cậy của điểm đến trên không gian trực tuyến.

Trước hết, khách du lịch cần thực hiện thái độ phản hồi có trách nhiệm, tránh các biểu hiện phán xét nặng nề, đánh giá phiến diện hoặc chia sẻ thông tin sai lệch.

Việc đánh giá trên TripAdvisor, Google Maps, Facebook... nên được xem là công cụ thể hiện quyền giám sát của người tiêu dùng, nhưng đòi hỏi sự khách quan, trung thực và đóng góp thay vì chỉ trích một chiều.

Thứ hai, khách du lịch nên ưu tiên sử dụng các kênh phản hồi chính thức được thiết lập tại điểm du lịch, như: trung tâm thông tin du lịch cấp xã/huyện, app du lịch tỉnh, hộp góp ý trực tiếp tại homestay, hoặc tổ chức hội thảo nhỏ do các doanh nghiệp/tổ nhóm khởi nghiệp tổ chức. Việc phản hồi qua các kênh này sẽ giúp chính quyền và cộng đồng có thêm dữ liệu để cải thiện các chính sách điều chỉnh dịch vụ và nâng chất lượng điểm đến.

Thứ ba, cần khuyến khích khách du lịch viết nhật ký trải nghiệm, sáng tác video, ảnh và chia sẻ trên các nền tảng truyền thông xã hội một cách có trách nhiệm, với những góc nhìn tích cực, chân thực và tôn trọng bản sắc địa phương. Các chia sẻ này không chỉ góp phần quảng bá điểm đến, mà còn giúp doanh nghiệp và cộng đồng nhận biết điểm mạnh - yếu, từ đó có đối sách kịp thời.

Việc tham gia giám sát và phản hồi có trách nhiệm của khách du lịch là một trong những trụ cột để duy trì tính minh bạch, nâng cao hiệu quản lý và đảm bảo tính bền vững của du lịch cộng đồng. Chỉ khi các bên cùng được lắng nghe, thì quan hệ lợi ích mới được thiết lập trên nền tảng đồng thuận và tín nhiệm lâu dài.

4.3.4.3. Khách du lịch đồng kiến tạo trải nghiệm và đóng góp cho phát triển bền vững

Bên cạnh vai trò là người tiêu dùng dịch vụ, khách du lịch còn có thể trở thành chủ thể tích cực trong quá trình kiến tạo giá trị du lịch mới cùng với cộng đồng địa phương. Việc đồng kiến tạo trải nghiệm không chỉ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, mà còn giúp gia tăng tính gắn kết văn hóa - xã hội giữa du khách và cư dân bản địa, từ đó thúc đẩy sự phát triển hài hòa và bền vững của mô hình du lịch cộng đồng.

Thứ nhất, khách du lịch nên chủ động tham gia vào các loại hình du lịch có tính tương tác cao như tour học nghề truyền thống (dệt vải, làm bánh, chế tác đồ thủ công...), tour trao đổi văn hóa (ở homestay, cùng nấu ăn, kể chuyện dân gian), và các hình thức du lịch xanh - hữu cơ (trải nghiệm nông nghiệp bền vững, trồng rau,

chăm sóc vật nuôi...). Thông qua đó, khách không chỉ đóng vai trò người quan sát mà còn trở thành một phần của chuỗi hoạt động cộng đồng, từ đó hiểu sâu sắc hơn về giá trị văn hóa và sinh kế địa phương.

Thứ hai, khách du lịch cần ưu tiên sử dụng dịch vụ và sản phẩm do người dân bản địa trực tiếp cung cấp. Đây là cách hiệu quả nhất để bảo đảm lợi ích kinh tế được phân bổ công bằng cho cộng đồng sở tại. Những hành vi cụ thể bao gồm: ăn uống tại hộ dân hoặc nhà hàng địa phương thay vì các chuỗi thương mại hóa; mua sắm hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP, đặc sản vùng miền từ các hợp tác xã, tổ phụ nữ hoặc nhóm khởi nghiệp địa phương. Việc tiêu dùng có định hướng như vậy sẽ khuyến khích cộng đồng duy trì bản sắc và nâng cao chất lượng dịch vụ từ chính nội lực của họ.

Thứ ba, khách du lịch có thể thể hiện trách nhiệm xã hội của mình bằng cách tham gia hoặc ủng hộ các sáng kiến phát triển cộng đồng tại điểm đến. Ví dụ: đóng góp cho Quỹ phát triển du lịch cộng đồng (nếu có), hỗ trợ các chương trình giáo dục - y tế - môi trường tại địa phương, hoặc chia sẻ những câu chuyện tích cực, truyền cảm hứng về điểm đến trên các nền tảng truyền thông. Việc lan tỏa hình ảnh thân thiện, chân thực và giàu tính nhân văn về điểm đến sẽ góp phần quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu du lịch cộng đồng một cách bền vững.

Thứ tư, sự đồng kiến tạo không chỉ là hành vi hỗ trợ cộng đồng, mà còn là một trải nghiệm làm giàu chính bản thân du khách. Khi khách du lịch tham gia sâu vào cuộc sống bản địa, họ không chỉ được mở rộng thế giới quan, mà còn góp phần làm thay đổi cách phát triển du lịch theo hướng có trách nhiệm và công bằng hơn.

Khách du lịch không nên chỉ dừng lại ở vai trò người hưởng thụ, mà cần chủ động đồng hành, đồng kiến tạo và đồng chia sẻ cùng cộng đồng địa phương trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm du lịch. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo rằng du lịch cộng đồng không bị thương mại hóa một chiều, mà trở thành một mô hình phát triển hài hòa, bao trùm và bền vững.

4.3.4.4. Khách du lịch truyền cảm hứng, thúc đẩy thay đổi nhận thức và lan tỏa giá trị tích cực

Trong bối cảnh truyền thông số phát triển mạnh mẽ, khách du lịch ngày nay

không chỉ là người trải nghiệm mà còn là người kể chuyện, truyền cảm hứng và tạo lập dư luận xã hội về điểm đến. Với vai trò này, mỗi du khách đều có thể trở thành một “đại sứ thiện chí”, góp phần quảng bá hình ảnh điểm du lịch cộng đồng một cách chân thực, tích cực và đầy tính nhân văn.

Trước hết, khách du lịch cần chủ động chia sẻ những trải nghiệm tích cực, những câu chuyện cảm động về con người, văn hóa, phong cảnh và tinh thần hiếu khách tại các điểm DLCĐ. Việc viết blog, làm vlog, chụp ảnh có chú thích rõ ràng hoặc đăng bài trên mạng xã hội về hành trình tại Sa Pa, Bắc Hà, Bảo Yên hay Bát Xát không chỉ giúp lan tỏa giá trị của điểm đến mà còn củng cố thương hiệu địa phương trên bản đồ du lịch trong và ngoài nước. Đây chính là hình thức quảng bá miễn phí nhưng hiệu quả cao, mang tính lan tỏa mạnh trong cộng đồng mạng và các cộng đồng yêu du lịch có trách nhiệm.

Thứ hai, khách du lịch nên tích cực phản biện và lan truyền các thông điệp tích cực về bảo tồn văn hóa, du lịch xanh, tiêu dùng có đạo đức... từ chính trải nghiệm thực tế. Khi người tiêu dùng du lịch truyền đi những câu chuyện thành công về cộng đồng phục hồi nghề truyền thống, bảo tồn lễ hội dân tộc, phát triển du lịch hữu cơ hay tự tổ chức dịch vụ homestay chất lượng cao, họ sẽ góp phần thay đổi nhận thức của cộng đồng quốc tế về Việt Nam - không chỉ là nơi có danh lam thắng cảnh đẹp, mà còn là điểm đến có trách nhiệm, nhân văn và bền vững.

Thứ ba, du khách có thể góp phần nâng cao nhận thức xã hội về du lịch cộng đồng bằng cách tham gia các hoạt động truyền thông theo lời mời của chính quyền hoặc tổ chức xã hội. Những bài phát biểu tại hội thảo, phỏng vấn với báo chí, hoặc góp mặt trong các chiến dịch truyền thông địa phương đều giúp lan tỏa hình ảnh tích cực về sự gắn bó giữa khách du lịch và cộng đồng bản địa. Sự hiện diện và tiếng nói của du khách không chỉ là minh chứng cho sự thành công của mô hình DLCĐ, mà còn là một kênh truyền thông mạnh mẽ thúc đẩy chính sách và thu hút sự quan tâm của công chúng.

Thứ năm, khách du lịch cần hành xử như những người có ảnh hưởng xã hội tích cực (positive influencers), không lan truyền thông tin sai lệch, không tiếp tay cho các mô hình du lịch thiếu trách nhiệm, và biết cách định hướng dư luận theo

chiều hướng xây dựng. Trong một thế giới mà mỗi lượt chia sẻ đều có thể tạo thành hiệu ứng lan tỏa lớn, hành vi có trách nhiệm của du khách sẽ góp phần quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng giữa phát triển du lịch và gìn giữ bản sắc, môi trường, và giá trị sống của cộng đồng địa phương.

Như vậy, truyền cảm hứng và lan tỏa các giá trị tích cực không chỉ là hành động tự phát, mà cần được nâng lên thành một ý thức thường trực của mỗi du khách có trách nhiệm. Đây chính là nền tảng để phát triển một cộng đồng du lịch toàn cầu văn minh, nhân ái và gắn bó lâu dài với các giá trị văn hóa bản địa mà du lịch cộng đồng tại Lào Cai đang đại diện và gìn giữ.

4.4. KIẾN NGHỊ

Để các mô hình du lịch cộng đồng phát triển theo hướng công bằng, hài hòa lợi ích và bền vững tại các địa phương như Lào Cai, yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần có một khuôn khổ thể chế quốc gia làm nền tảng thống nhất, đủ tính bắt buộc, nhưng linh hoạt để các địa phương triển khai phù hợp thực tiễn. Vì vậy, trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án kiến nghị một số nội dung cụ thể đối với từng chủ thể Trung ương như sau:

4.4.1. Quốc hội

Trong vai trò cơ quan lập pháp, Quốc hội cần đặt nền tảng pháp lý vững chắc cho phát triển du lịch cộng đồng thông qua việc sửa đổi, bổ sung Luật Du lịch nhằm phản ánh đầy đủ đặc thù và yêu cầu của mô hình DLCĐ. Cụ thể:

Thứ nhất, bổ sung một mục riêng trong Luật Du lịch (sửa đổi) quy định về phát triển DLCĐ, xác lập rõ ràng cơ sở pháp lý cho hoạt động du lịch do cộng đồng tổ chức hoặc phối hợp thực hiện với doanh nghiệp và chính quyền. Mục này cần định nghĩa rõ mô hình DLCĐ, phạm vi hoạt động và nguyên tắc vận hành.

Thứ hai, quy định các nguyên tắc tổ chức DLCĐ theo hướng đồng kiến tạo, đồng tham gia và đồng chia sẻ. Tức là cộng đồng không chỉ cung ứng dịch vụ mà còn tham gia xây dựng sản phẩm, điều hành hoạt động và hưởng lợi trực tiếp từ chuỗi giá trị du lịch.

Thứ ba, thiết lập cơ chế phân phối lợi ích công bằng giữa các chủ thể trong DLCĐ - bao gồm doanh nghiệp, cộng đồng và chính quyền. Luật cần đưa ra các

nguyên tắc cụ thể về tỷ lệ phân chia doanh thu, nghĩa vụ tái đầu tư xã hội của doanh nghiệp và quyền quyết định của cộng đồng địa phương trong các hoạt động khai thác tài nguyên bản địa.

Thứ tư, quy định rõ vai trò và quyền của cộng đồng bản địa trong chuỗi giá trị DLCĐ, bao gồm: quyền tham gia giám sát, quyền phủ quyết đối với hoạt động xâm phạm không gian văn hóa, và quyền được hưởng lợi ưu tiên từ các chương trình đầu tư công hoặc hỗ trợ phát triển.

Thứ năm, quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp khi khai thác tài nguyên du lịch do cộng đồng sở hữu, bao gồm: sử dụng lao động tại chỗ; ký hợp đồng minh bạch với cộng đồng; chia sẻ doanh thu theo tỷ lệ nhất định; bảo tồn giá trị văn hóa; và tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Việc thể chế hóa các nội dung này trong Luật Du lịch sẽ là bước đột phá nhằm đưa DLCĐ phát triển đúng hướng, bảo đảm vai trò trung tâm của người dân, đồng thời khắc phục tình trạng thương mại hóa thiếu kiểm soát đang làm tổn hại mô hình này tại nhiều địa phương.

4.4.2. Kiến nghị với Chính phủ

Để thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng trở thành một hướng đi chiến lược trong chính sách phát triển bền vững quốc gia, Chính phủ cần ban hành một văn bản chỉ đạo cấp cao nhằm thể chế hóa các mục tiêu, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể liên quan. Cụ thể:

Thứ nhất, ban hành một Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về “Phát triển du lịch cộng đồng giai đoạn 2026-2035”. Văn bản này cần xác lập rõ vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương trong phát triển DLCĐ; xác định du lịch cộng đồng là hợp phần quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - văn hóa vùng dân tộc thiểu số; và là công cụ thúc đẩy sinh kế bền vững gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa.

Thứ hai, giao trách nhiệm cụ thể cho các bộ, ngành và địa phương trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia phát triển DLCĐ. Đồng thời, hướng dẫn thành lập và vận hành Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng cấp tỉnh/huyện để hỗ trợ các sáng kiến cộng đồng, bảo tồn không gian văn hóa và nâng cao năng lực tổ chức dịch vụ du lịch.

Với vai trò định hướng thể chế và điều phối nguồn lực vĩ mô, Chính phủ cần đi đầu trong việc kiến tạo môi trường pháp lý và chính sách thuận lợi để mô hình du lịch cộng đồng phát triển thực chất, hiệu quả và bền vững.

4.4.3. Kiến nghị với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan chủ quản trong lĩnh vực văn hóa - du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có vai trò định hình định hướng phát triển du lịch cộng đồng bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa và đảm bảo công bằng lợi ích. Một số kiến nghị chính như sau:

Thứ nhất, soạn thảo và ban hành Bộ quy tắc tổ chức du lịch cộng đồng và chia sẻ lợi ích giữa các chủ thể tham gia. Bộ quy tắc này cần bao gồm các nội dung: (i) mẫu hợp đồng hợp tác giữa doanh nghiệp và cộng đồng bản địa; (ii) quy định về tỷ lệ tối thiểu tái đầu tư của doanh nghiệp vào cộng đồng; (iii) hướng dẫn tổ chức vận hành các mô hình du lịch cộng đồng, tổ hòa giải và tổ giám sát cộng đồng; và (iv) cơ chế phối hợp giữa chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng trong giám sát thực hiện.

Thứ hai, nghiên cứu và phát triển bộ chỉ số đánh giá điểm đến du lịch cộng đồng bền vững. Bộ chỉ số này không chỉ đo lường hiệu quả kinh tế, mà còn cần lồng ghép các tiêu chí về bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái, và công bằng trong phân phối lợi ích. Bộ tiêu chí nên được sử dụng như công cụ đánh giá, xếp hạng và làm căn cứ để xét duyệt các mô hình hỗ trợ đầu tư công trong lĩnh vực du lịch cộng đồng.

Thứ ba, chỉ đạo các cơ sở đào tạo về du lịch, đặc biệt là các trường cao đẳng - đại học, các trung tâm bồi dưỡng cán bộ quản lý văn hóa - du lịch xây dựng chương trình đào tạo và tập huấn ngắn hạn về quản lý du lịch cộng đồng. Chương trình này cần hướng tới hai nhóm đối tượng: (i) cán bộ cấp xã - huyện ở các vùng có hoạt động DLCĐ; (ii) cộng đồng dân tộc thiểu số trực tiếp làm dịch vụ du lịch. Nội dung đào tạo bao gồm kỹ năng điều phối tour, quản trị dịch vụ, giao tiếp đa văn hóa, marketing số và xây dựng mô hình hợp tác du lịch - cộng đồng hiệu quả.

Với vai trò định hướng chiến lược và thể chế, BVHTTDL cần chủ động tạo dựng hành lang pháp lý và tri thức hỗ trợ các địa phương, giúp mô hình DLCĐ phát triển bài bản, hài hòa và lâu dài.

4.4.4. Kiến nghị với Bộ Tài Chính

Để thúc đẩy du lịch cộng đồng trở thành một hợp phần chiến lược trong phát triển kinh tế địa phương và bảo tồn văn hóa, Bộ Tài chính cần chủ động điều tiết nguồn lực, lồng ghép chính sách và tạo điều kiện tài chính công bằng cho các cộng đồng yếu thế. Các kiến nghị cụ thể bao gồm:

Thứ nhất, lồng ghép nội dung phát triển DLCĐ vào quy hoạch tổng thể phát triển du lịch quốc gia, quy hoạch vùng và định hướng đầu tư công trung hạn, đặc biệt tại các vùng sâu, vùng xa, khu vực có tiềm năng du lịch gắn với văn hóa dân tộc thiểu số.

Thứ hai, bố trí vốn sự nghiệp từ các chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững...) để hỗ trợ xây dựng hạ tầng du lịch cộng đồng cơ bản, bao gồm giao thông nội bản, biển chỉ dẫn du lịch, nhà vệ sinh đạt chuẩn, trung tâm thông tin du lịch xã và hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt.

Thứ ba, xây dựng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào DLCĐ gắn với trách nhiệm xã hội, thông qua các chính sách ưu đãi tín dụng, giảm thuế, đồng thời thúc đẩy hình thành các mô hình doanh nghiệp xã hội hoặc liên minh doanh nghiệp - cộng đồng - hợp tác xã.

Thứ tư, ban hành hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển du lịch cộng đồng cấp tỉnh/huyện, cho phép trích một phần từ nguồn thu du lịch (vé tham quan, phí dịch vụ, tài trợ...) để tái đầu tư vào cộng đồng. Việc quản lý quỹ cần đảm bảo minh bạch, có sự tham gia giám sát của người dân và chính quyền địa phương.

Thứ năm, nghiên cứu và ban hành cơ chế miễn giảm thuế (thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài...) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số kinh doanh dịch vụ du lịch tại vùng khó khăn. Cơ chế này cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, đồng thời khuyến khích hoạt động kinh doanh có đăng ký, góp phần đưa du lịch vào khuôn khổ quản lý bền vững.

Thứ sáu, hướng dẫn xây dựng cơ chế đối ứng tài chính khi cộng đồng tham gia dự án DLCĐ: có thể được hỗ trợ tài chính ban đầu (hạ tầng, đào tạo), nhưng có nghĩa vụ đóng góp tương ứng vào quỹ cộng đồng hoặc chương trình phát triển sau khi có doanh thu. Cơ chế đối ứng giúp nâng cao ý thức làm chủ và trách nhiệm tài chính của cộng đồng trong việc duy trì mô hình DLCĐ.

Những điều chỉnh này sẽ giúp hoàn thiện khung tài chính công trong phát triển du lịch cộng đồng, bảo đảm nguyên tắc công bằng - bền vững và tăng cường khả năng tự chủ của các cộng đồng địa phương.

4.4.5. Kiến nghị với Hiệp hội Du lịch Việt Nam

Để tăng cường vai trò điều phối và nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động du lịch, đặc biệt trong phát triển du lịch cộng đồng, Hiệp hội Du lịch Việt Nam cần chủ động hơn nữa trong việc thiết lập các chuẩn mực và thúc đẩy sự tham gia trách nhiệm của doanh nghiệp. Các kiến nghị cụ thể bao gồm:

Thứ nhất, phối hợp với các tổ chức nghề nghiệp, liên hiệp hội và các chuyên gia độc lập để xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử giữa doanh nghiệp du lịch với cộng đồng bản địa. Bộ quy tắc này không chỉ mang tính đạo đức mà còn định hướng hành vi ứng xử minh bạch, tôn trọng và hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và cư dân địa phương. Các nội dung cần tập trung bao gồm: cơ chế tham vấn cộng đồng, cam kết chia sẻ lợi ích, trách nhiệm tái đầu tư xã hội và bảo vệ bản sắc văn hóa.

Thứ hai, xây dựng và phổ biến chỉ số “doanh nghiệp du lịch có trách nhiệm xã hội” như một công cụ đánh giá độc lập, có thể được sử dụng trong xếp hạng sao doanh nghiệp, xét thưởng, cấp phép hoặc ưu đãi chính sách. Chỉ số này nên dựa trên các tiêu chí như: mức độ tham gia cộng đồng, minh bạch thông tin tài chính, mức đầu tư vào bảo tồn văn hóa, tôn trọng quyền lao động và cam kết bảo vệ môi trường. Việc đưa chỉ số này vào hệ thống đánh giá chính thức sẽ tạo động lực cạnh tranh lành mạnh và nâng cao đạo đức kinh doanh trong toàn ngành.

Thứ ba, phát động các chiến dịch truyền thông rộng khắp trên các nền tảng báo chí, mạng xã hội, và các hội chợ du lịch về chủ đề “Du lịch cộng đồng công bằng và bền vững”. Các chiến dịch này cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, cộng đồng và du khách về trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên cộng đồng, và lên án các hành vi khai thác quá mức, bóc lột giá trị bản địa. Cùng với đó, Hiệp hội cần thúc đẩy hình thành mạng lưới doanh nghiệp tiêu biểu, chia sẻ mô hình tốt và hình thành áp lực xã hội tích cực nhằm thúc đẩy thay đổi hành vi trong toàn ngành.

Với vai trò là tổ chức xã hội nghề nghiệp có ảnh hưởng toàn quốc, Hiệp hội Du lịch Việt Nam có thể trở thành đầu mối quan trọng trong việc điều phối, lan tỏa và thể chế hóa các chuẩn mực mới trong phát triển du lịch cộng đồng - nơi mà quan hệ lợi ích giữa các chủ thể không chỉ dừng lại ở kinh tế mà còn bao hàm trách nhiệm văn hóa và đạo đức xã hội.

Tóm tắt chương 4

Chương 4 đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Trên cơ sở phân tích bối cảnh, mục tiêu và các vấn đề đặt ra, luận án xác lập sáu quan điểm định hướng và bốn nhóm giải pháp theo từng chủ thể: chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và khách du lịch. Mỗi nhóm giải pháp nhấn mạnh vai trò thể chế, cơ chế phối hợp, đại diện lợi ích và trách nhiệm xã hội. Cuối chương, tác giả đưa ra các kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ, bộ ngành, tỉnh Lào Cai và các bên liên quan nhằm tạo nền tảng chính sách - pháp lý phát triển DLCĐ bền vững.

KẾT LUẬN

Luận án “Quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai” là công trình nghiên cứu chuyên sâu nhằm góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp và kiến nghị có căn cứ khoa học nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển du lịch cộng đồng (DLCĐ) tại tỉnh Lào Cai. Trên cơ sở tiếp cận Kinh tế chính trị, luận án đã hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, luận án đã xây dựng được khung lý luận và thực tiễn về quan hệ lợi ích trong phát triển DLCĐ. Trên nền tảng kế thừa và phát triển các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về lợi ích, luận án đã tiếp cận quan hệ lợi ích như một cấu trúc kinh tế - xã hội trong mô hình DLCĐ. Tác giả đã hệ thống hóa khái niệm quan hệ lợi ích trong phát triển DLCĐ, xác định rõ bốn chủ thể chính (chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp, khách du lịch), làm rõ đặc điểm, nội dung các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể. Từ đó, luận án xây dựng bộ tiêu chí đánh giá gồm: mức độ tham gia, tính minh bạch, tính công bằng, cơ chế phối hợp - phản hồi và khả năng tái sản sinh quan hệ lợi ích. Đồng thời, luận án cũng xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích như thể chế, năng lực, chênh lệch quyền lực - thông tin, thiết chế giám sát và đặc trưng văn hóa bản địa.

Thứ hai, luận án đã phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển DLCĐ tại Lào Cai giai đoạn 2019-2024. Thông qua khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát và Bảo Yên, luận án chỉ ra một số kết quả tích cực như: mức độ tham gia của các bên được cải thiện, chính quyền bước đầu đóng vai trò kiến tạo, xuất hiện các mô hình hợp tác doanh nghiệp - cộng đồng hiệu quả, và mối quan hệ giữa khách du lịch - dịch vụ tại bản ngày càng chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế đáng lưu ý như: bất bình đẳng lợi ích giữa các chủ thể; thiếu minh bạch trong chia sẻ lợi ích; cơ chế phối hợp còn mang tính hành chính; cộng đồng thiếu năng lực tổ chức; doanh nghiệp chưa cam kết đầu tư dài hạn; khách du lịch thiếu kênh phản hồi chính thức.

Luận án cũng phân tích rõ các nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng này, từ nhận thức, năng lực cho đến thể chế điều phối và giám sát.

Thứ ba, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển DLCĐ tại tỉnh Lào Cai. Các quan điểm định hướng nhấn mạnh: lấy lợi ích cộng đồng làm trung tâm; phát triển DLCĐ trên cơ sở đồng thuận - đồng kiến tạo - đồng tham gia; bảo đảm công bằng, minh bạch; tôn trọng bản sắc văn hóa; tăng cường vai trò điều tiết của Nhà nước và liên kết công - tư - cộng đồng. Từ đó, luận án đề xuất sáu nhóm giải pháp khả thi gồm: (i) hoàn thiện thể chế điều phối; (ii) nâng cao năng lực cộng đồng; (iii) tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; (iv) nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước và thể chế phản hồi; (v) ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển DLCĐ; (vi) bảo vệ quyền lợi và nâng cao trải nghiệm du khách. Các giải pháp đều xác định rõ chủ thể thực hiện, điều kiện triển khai và cơ chế phối hợp.

Thứ tư, luận án đã kiến nghị các giải pháp hỗ trợ thực thi chính sách ở cả cấp Trung ương và địa phương. Cụ thể, kiến nghị Trung ương (Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành, Hiệp hội Du lịch) hoàn thiện khung pháp lý về chia sẻ lợi ích, ban hành hướng dẫn triển khai DLCĐ, hỗ trợ lồng ghép DLCĐ vào các chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng cơ chế giám sát độc lập. Kiến nghị tỉnh Lào Cai lồng ghép DLCĐ vào quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, điều phối liên ngành, xây dựng cơ chế tài chính đặc thù. Đồng thời, kiến nghị doanh nghiệp cần cam kết chia sẻ lợi ích và đầu tư dài hạn; cộng đồng cần nâng cao năng lực, tính chủ động và tinh thần hợp tác; khách du lịch cần tiêu dùng có trách nhiệm và tuân thủ quy tắc ứng xử tại điểm đến.

Dưới góc tiếp cận Kinh tế chính trị, luận án đã làm rõ các mối quan hệ kinh tế - xã hội trong không gian phát triển đặc thù của DLCĐ, đóng góp vào việc nâng cao chất lượng hoạch định chính sách phát triển bền vững du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai thời gian tới.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN**

1. Hứa Tân Hưng (2025), “Phát triển du lịch theo xu hướng xanh và thông minh ở tỉnh Lào Cai: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (01), tr.144-147.
2. Hứa Tân Hưng (2025), “Liên kết vùng trong phát triển du lịch tỉnh Lào Cai: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, tháng 01(280) tr.41-45.
3. Hứa Tân Hưng (2025), “Vai trò của chính quyền địa phương trong phát triển du lịch cộng đồng ở tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, 02 (281), tr.73-76.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai (2021), *Nghị quyết số 11 - NQ/TU ngày 27/8/2021 của về phát triển du lịch tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Lào Cai.
2. Ban thường vụ Tỉnh ủy (2021), *Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 01/10/2021 của về lãnh đạo xây dựng Sa Pa phát triển toàn diện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Lào Cai.
3. Lương Ngọc Bích (2016), *Kiên Giang phát triển du lịch văn hóa*. Tạp chí Du lịch. Truy cập tại địa chỉ <http://www.vtr.org.vn/kien-giang-phat-trien-du-lich-vanhua.html>
4. Cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2018 - 2024), *Niên giám thống kê tỉnh từ năm 2018 - 2024*, Lào Cai.
5. Cục du lịch quốc gia Việt Nam (2023), *Hà Giang: Giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng bền vững*, <https://vietnamtourism.gov.vn>.
6. Đặng Mạnh Dũng, Ngọc Bằng (2023), Công bố quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Quốc gia Sa Pa, <https://baolaocai.vn>.
7. Đặng Quang Định (2010), *Quan hệ lợi ích kinh tế giữa công nhân, nông dân và trí thức ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
8. Đặng Quang Định (2011), *Thống nhất lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
9. Đặng Quang Định (2011), *Lý luận về lợi ích và mối quan hệ lợi ích trong xã hội hiện đại*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
10. Tạ Thị Đoàn (2023), *Phát triển du lịch cộng đồng: Từ lý luận đến thực tiễn (Qua khảo sát các tỉnh vùng Tây Bắc Việt Nam)*-Sách chuyên khảo, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
11. Đỗ Huy Hà (2013), *Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa*

ở nước ta hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

12. Nguyễn Hồng Hà và Hà Minh Thảo (2020), "Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng của hộ gia đình tại Quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang", *Tạp chí Du lịch*, (4).
13. Lê Huy Hải (2019), *Phát triển du lịch cộng đồng ở xã đảo Tiên Hải*. Truy cập tại địa chỉ <https://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/30650>, [truy cập ngày 5/7/2025].
14. Dương Thị Hiền (2021), *Phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Thanh Hóa*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
15. Tuyết Hoa Niê Kdăm (2023), *Liên kết chuỗi giá trị hình thành sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển nông thôn Tây Nguyên, Đắk Lắk.
16. Trần Thị Bích Huệ (2018), *Mâu thuẫn về lợi ích giữa các nhóm xã hội trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
17. Chu Thành Huy, Trần Đức Thanh (2013), "Đề xuất mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại các di sản thế giới ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, (9), tr. 161-167.
18. Hứa Tân Hưng (2021), *Nghiên cứu phát triển du lịch cộng đồng tại Sa Pa*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Lào Cai.
19. Hứa Tân Hưng (2021), *Phát triển du lịch cộng đồng ở miền núi phía Bắc Việt Nam - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Nguyễn Đức Hưng (2002), *Quan hệ lợi ích trong thực hiện tự chủ tài chính ở các bệnh viện quân y (qua thực tế bệnh viện quân y 103)*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Nguyễn Đức Hưng (2022), *Lợi ích và mối quan hệ lợi ích trong quản trị bệnh viện công*, Nxb Y học, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Tâm (2021), "Du lịch Lào Cai tìm hướng phục hồi tăng trưởng và phát triển bền vững", <https://tapchitaichinh.vn>.
23. Nguyễn Thị Thu Hường (2008), *Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã*

hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, Đề tài khoa học - công nghệ cấp Đại học quốc gia Hà Nội, mã số NCKH. QTCT.07.09, tại trang https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=55/00/20/&doc=55002062197718972615036425856527165388&bitsid=d67d97dc-93f2-4758-9040-f7c597cf77d6&uid=, [truy cập ngày 4/3/2022].

24. Hoàng Văn Khải (2019), *Giải quyết quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
25. Nguyễn Linh Khiếu (1999), *Lợi ích - động lực phát triển xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Nguyễn Linh Khiếu (2006), *Lợi ích và mối quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
27. Lênin, V.I. (1981), *Toàn tập, Tập 29*, Nxb Tiên bộ, Hà Nội.
28. Thùy Linh (2024), *Phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai*, <https://laocai.gov.vn>
29. Phạm Hồng Long và Nguyễn Thị Thanh Kiều (2019), "Du lịch cộng đồng - Mô hình, vai trò và giải pháp phát triển tại Việt Nam", *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, (11), tr. 33-39.
30. Mác, C. (1962), *Hệ tư tưởng Đức*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
31. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập, tập 18*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (1995), *Toàn tập, tập 19*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Mác, C. và Ăngghen, Ph. (2002), *Toàn tập, Tập 21*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Vũ Nam (2022), *Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa gắn với phát triển bền vững tại các điểm du lịch cộng đồng*, Đề tài nghiên cứu khoa học du lịch, Tổng cục Du lịch, Hà Nội.
37. Đỗ Thị Nga (2024), *Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực thương mại điện tử ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

38. Đỗ Thị Nga (2023), "Quan hệ lợi ích trong thương mại điện tử và vai trò Nhà nước", *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, (6), tr. 40-50.
39. Ngô Tuấn Nghĩa (2011), *Bảo đảm quan hệ lợi ích trên lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
40. Nguyễn Nguyễn và cộng sự (2020), "Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng của hộ gia đình tại Quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang", .
41. Thái Thảo Ngọc (2016), "Lợi ích và các định hướng sự phát triển du lịch cộng đồng tại Quảng Nam", *Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM*, Số 2(80).
42. Lâm Thị Phụng (2020), *Phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn theo hướng sinh thái*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Lâm Thị Phụng (2024), *Lợi ích của nông dân trong phát triển nông nghiệp sinh thái ở các huyện ngoại thành, thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
44. Quốc hội Việt Nam (2017), *Luật Du lịch Việt Nam*, Hà Nội.
45. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
46. Lê Thị Tố Uyên, Lý Mỹ Tiên và Mãi, Huỳnh Tấn (2019), "Các nhân tố tác động đến sự phát triển du lịch tại quần đảo Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang theo định hướng phát triển du lịch cộng đồng", *Tạp chí Du lịch*, (5).
47. Ricardo, D. (2002), *Những nguyên lý của kinh tế chính trị học và thuế khóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang (2019 - 2024), *Báo cáo tổng kết năm từ 2019 - 2024*, Hà Giang.
49. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hoà Bình (2019 - 2024), *Báo cáo tổng kết năm 2019 - 2024*, Hoà Bình.
50. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2021), *Báo cáo tổng kết năm 2021*, Lào Cai.
51. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2022), *Báo cáo tổng kết năm 2022*, Lào Cai.

52. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2023), *Báo cáo tổng kết năm 2023*, Lào Cai.
53. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2024), *Báo cáo tổng kết năm 2024*, Lào Cai.
54. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La (2024), *Báo cáo số 17/BC-SVHTT&DL ngày 14/01/2024 về tiềm năng, thực trạng và định hướng phát triển du lịch cộng đồng gắn với phát triển nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La*, Sơn La.
55. Lục Văn Toán (2020), *Lào Cai: Xây dựng NTM gắn với phát triển du lịch cộng đồng*, <http://nongthonmoilaocai.vn>.
56. Tổng cục Du lịch (2024), *Báo cáo tổng kết các mô hình thí điểm chia sẻ lợi ích trong du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát triển bền vững tại Sa Pa, Bến Tre*, Hà Nội.
57. Trần Minh Tuấn (2023), "Quản lý du lịch cộng đồng theo tiếp cận AHP", *Tạp chí Du lịch*, số 10, tr. 45-52.
58. Đào Duy Tùng, Phạm Thành Ngoạn, Vũ Hữu Tùng, Lê Xuân, Bảy, Nguyễn Duy (1982), *Bàn về các lợi ích kinh tế*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
59. Đào Duy Tùng (1995), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Đào Duy Tùng, Nguyễn Thanh, Trương Trí Thông (2019), "Nghiên cứu phát triển du lịch homestay vùng ven biển huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang", *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 55(4).
61. Bùi Thị Tiến (2021), "Khoảng cách lợi ích trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Hà Nội", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (10).
62. Bùi Thị Tiến (2022), *Quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
63. Hoàng Thị Thịnh (2022), "Khung lý thuyết điều phối lợi ích trong năng lượng tái tạo", *Tạp chí Khoa học xã hội*, (3).

64. Hoàng Thị Thịnh (2024), *Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
65. Trương Văn Thủy (2021), "Quan hệ lợi ích trong chuỗi giá trị cà phê Đắk Lắk", *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, (2).
66. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (2022), *Báo cáo tổng kết mô hình du lịch cộng đồng gắn với giảm nghèo tại tỉnh Đắk Nông*, Đắk Nông.
67. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (2024), *Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 5/9/2024 phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với việc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030*.
68. Chư Thánh Văn và cộng sự (2014), "Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn di sản", *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (6).
69. WWW Cổng Thông tin điện tử tỉnh Sơn La.

Tiếng Anh

70. Aang, Afandi et al (2014), "Analysis of Sustainable Tourism Livelihoods in Batu (East Java, Indonesia): SLFT Approach (Sustainable Livelihood Framework for Tourism)", *Journal of Economics and Sustainable Development*, Vol.5, No.10.
71. Adams, J. S. (1965), "Inequity in social exchange", in *Advances in Experimental Social Psychology*, vol. 2, pp. 267-299.
72. Alexander, S. E. (2000), "Resident attitudes towards conservation and black howler monkeys in Belize: The Community Baboon Sanctuary", *Environmental Conservation* Vol. 27 (4), pp. 341-350.
73. APEC (2000), *Towards Knowledge-based Economies in APEC*, Economic Committee, APEC Secretariat, Singapore.
74. ASEAN Secretariat (2016), *ASEAN Community Based Tourism Standard*, Public Outreach and Civil Society Division.
75. Ashley, Caroline And Garland, Elizabeth (1994), *Promoting Community-Based Tourism Development: Why, What And How?*, Research Discussion Paper Number 4.

76. Atkinson, J. W., & Eccles, J. S. (1954), *Theory of Achievement Motivation*, New York: Wiley.
77. Becker, G. S. (1993), *Human Capital*, 3rd ed., Chicago: University of Chicago Press.
78. Binns, Tony và Nel, Etienne (2002), "Tourism as a local development strategy in South Africa", *Geographical Journal*, Số 168, Tập 3, tr. 235-247.
79. Black, R. et al. (2021), "Conflict management in ecotourism in sub-Saharan Africa", *Ecotourism Management Review*, vol. 32, pp. 201-219.
80. Buchanan, J. M., & Tullock, G. (1962), *The Calculus of Consent*, Ann Arbor: University of Michigan Press.
81. Butler, R.W. (1980), "The Concept of a Tourist Area Cycle of Evolution: Implications for Management of Resources Change on a remote island over half a century View project", *Canadian Geographer* Vol. 24 (1), pp. 5-12.
82. Cáceres, S. et al. (2017), "Benefit distribution and social conflict in extractive zones of Peru", *Environmental Science and Policy*, vol. 77, pp. 113-120.
83. Carter, M. and Wicks, S. (2021), "Regulatory transparency in Canada's private health system", *Health Policy Journal*, vol. 124, pp. 223-231.
84. Chutamas, P. (2024), "Community participation and benefit-sharing in Thai tourism", *Asian Journal of Tourism Studies*, vol. 28, no. 1, pp. 45-61.
85. Coser, L.A. (1956), *The functions of social conflict*, Glencoe, New York.
86. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985), *Intrinsic Motivation and Self-Determination in Human Behavior*, New York: Plenum.
87. Equations (2008), *Community-based rural tourism in developing countries: Some insights & lessons from the Endogenous Tourism project in India*. In Making a difference. Dossier on community engagement on nature based tourism in India.
88. Giampiccoli, A. and Kalis, J. (2012), "Community-based tourism and local culture: the case of the Mpondo", *Revista de Turismo y Patrimonio Cultural*, 10(1).
89. Giampiccoli, A. and Nauright, J.P (2010), "Problems and Prospects for

- Community-based Tourism in the New South Africa: The 2010 FIFA World Cup and Beyond", *African Historical Review* 42(1): 42-62.
90. Goodwin, H., Santilli, R. (2009), "Community-Based Tourism: a success?", *ICRT Occasional Paper* Vol. 11 (1), pp. 1-37.
 91. Hall, Colin Michael (1996), [1991] *Introduction to tourism in Australia: impacts, planning and development*, Longman Cheshire, Melbourne, Australia.
 92. Jamal, T. B., Getz, D. (1995), Collaboration theory and community tourism planning, *Annals of Tourism Research* 22: 186-204.
 93. Jinsheng, Z., Siriphon, A. (2019), "Community-based Tourism Stakeholder Conflicts and the Co-Creation Approach", *Journal of Mekong Societies* Vol. 15 (2), pp. 37-54.
 94. Kahneman, D., & Tversky, A. (1979), "Prospect theory: An analysis of decision under risk", *Econometrica*, vol. 47, no. 2, pp. 263-292.
 95. Kim, S., Kang Y. (2020), "Why do residents in an overtourism destination develop anti-tourist attitudes? An exploration of residents' experience through the lens of the community-based tourism", *Asia Pacific Journal of Tourism Research* Vol. 25 (8), pp. 858-876.
 96. Mtapuri, O., Giampiccoli, A., Spershott, C. (2015), "Community-based tourism research in academic journals: A numerical Community-based tourism research in academic journals: A numerical analysis", *African Journal for Physical Health Education, Recreation and Dance* Vol. 21 (2), pp. 688-705.
 97. Muhanna, E. (2007), "The contribution of sustainable tourism development in poverty alleviation of local communities in South Africa", *Journal of Human Resources in Hospitality & Tourism* Vol. 6 (1), pp. 37-67.
 98. Murphy, P. (1985), *Tourism: A Community Approach*. Routledge.
 99. Ndlovu, N. and Rogerson, C.M.p (2003), "Rural local economic development through community-based tourism: the Mehlooding hiking and horse trail, Eastern cape, South Africa", *Africa Insight*, 33: 124-129.
 100. Okazaki, E. (2008), "A Community-Based Tourism Model: Its Conception

- and Use a Community-Based Tourism Model", *Journal of Sustainable Tourism* Vol. 16 (5), pp. 511-529.
101. Oliveira, J. et al. (2020), "Participatory conservation and equitable development in Brazil", *Sustainability Science*, vol. 15, pp. 887-901.
 102. Pachamama (2019), *Community-Based Tourism*, Truy cập ngày 12/6/2024, từ liên kết: <http://www.pachamama.org/community-based-tourism>.
 103. Pérez, F. J., Barrera, O. D., Peláez, A. V. and Lorío, G. (2010), *Turismo Rural Comunitario Como Alternativa de educación de la Pobreza Rural en Centroamérica*, Edicio Nitlapan Campus de la UCA Managua, Nicaragua.
 104. Rogerson, C. (2004) "Tourism, Small Firm Development and Empowerment", In: Rhodri, T. (ed.), *Small Firms in Tourism International Perspectives* (pp. 13-34). St. Louis: Elsevier Science.
 105. Scheyvens, R. (2002), *Tourism for Development Empowering Community*, Harlow: Prentice Hall.
 106. Sebele, L.S. (2010), "Community-based tourism ventures, benefits and challenges: Khama Rhino Sanctuary Trust, Central District, Botswana", *Tourism Management* Vol. 31 (1), pp. 136-146.
 107. Shen, H., Li, X., Luo, J.M., Chau, K.Y. (2017), "One country, two strata: Implications of social and cultural conflicts of Chinese outbound tourism to Hong Kong", *Journal of Destination Marketing and Management* Vol. 6 (3), pp. 166-169.
 108. Singh, L. K. (2008), *Ecology, Environment and Tourism*, ESHA Books: Delhi.
 109. Smith, Adam (1997), *Của cải của các dân tộc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.123, 41, 270, 460, 5.
 110. Spenceley, Anna và Rozga, Zachary (2007), 'IFC Tourism Training Network', International Finance Corporation, New York, NY.
 111. Stephen Wearing and Matthew McDonald (2002), "The development of community-based tourism: Re-thinking the relationship between tour operators and development agents as intermediaries in rural and isolated area communities", *Journal of Sustainable Tourism*, vol. 10, no. 3, pp. 191-206.

112. Storey, D. (2004) "A sense of place: rural development, tourism and place promotion in the republic of Ireland". In Holloway, L. and Kneafsey, M. (eds.), *Geographies of rural cultures and societies* (pp. 197-213). Aldershot: Ashgate.
113. Telfer, D. J. and Sharpley, R.p (2008), *Tourism and Development in the Developing World*, London: Routledge.
114. Tsaur, S.H., Yen, C.H., Teng, H.Y. (2018), "Tourist-resident conflict: A scale development and empirical study", *Journal of Destination Marketing and Management* (10), pp. 152-163.
115. Wang, L., & Yotsumoto, Y. (2019), "Conflict in tourism development in rural China", *Tourism Management* (70), pp. 188-200.
116. WWF (2001), *Guidelines for community-based ecotourism development*, WWF International Gland, Switzerland.
117. Xu, K., Zhang, J., Tian, F. (2017), "Community leadership in rural tourism development: A tale of two ancient Chinese villages", *Sustainability (Switzerland)* Vol. 9 (12), pp. 1-22.
118. Xue, L., Kerstetter, D. (2018), "Discourse and Power Relations in Community Tourism", *Journal of Travel Research* Vol. 57 (6), pp. 757-768.
119. Yang, J., Ryan, C., Zhang, L. (2013), "Social conflict in communities impacted by tourism", *Tourism Management*(35), pp. 82-93.
120. Ye, B.H., Zhang, H.Q., Yuen, P.P. (2013), "Cultural conflicts or cultural cushion?", *Annals of Tourism Research*(43), pp. 321-349.

PHỤ LỤC

Nhóm đối tượng	Câu hỏi khảo sát	Thang đo (1-5)
Cán bộ chính quyền	1. Anh/chị đánh giá mức độ hài lòng về cơ chế phân phối lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	2. Anh/chị có được tham gia vào các quyết định liên quan đến hoạt động du lịch không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	3. Mức độ công khai, minh bạch thông tin tài chính trong hoạt động du lịch tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	4. Mức độ hài hòa trong mối quan hệ giữa các bên liên quan (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng - du khách)?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	5. Đánh giá của anh/chị về khả năng giải quyết mâu thuẫn lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	6. Tỷ lệ doanh thu hoặc lợi ích mà anh/chị hoặc đơn vị mình nhận được từ hoạt động du lịch?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	7. Anh/chị có biết đến kênh phản hồi chính thức từ chính quyền hoặc doanh nghiệp không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	8. Mức độ hài lòng tổng thể của anh/chị với hoạt động du lịch cộng đồng tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
Doanh nghiệp du lịch	1. Anh/chị đánh giá mức độ hài lòng về cơ chế phân phối lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	2. Anh/chị có được tham gia vào các quyết định liên quan đến hoạt động du lịch không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	3. Mức độ công khai, minh bạch thông tin tài chính trong hoạt động du lịch tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng

	4. Mức độ hài hòa trong mối quan hệ giữa các bên liên quan (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng - du khách)?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	5. Đánh giá của anh/chị về khả năng giải quyết mâu thuẫn lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	6. Tỷ lệ doanh thu hoặc lợi ích mà anh/chị hoặc đơn vị mình nhận được từ hoạt động du lịch?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	7. Anh/chị có biết đến kênh phản hồi chính thức từ chính quyền hoặc doanh nghiệp không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	8. Mức độ hài lòng tổng thể của anh/chị với hoạt động du lịch cộng đồng tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
Cộng đồng địa phương	1. Anh/chị đánh giá mức độ hài lòng về cơ chế phân phối lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	2. Anh/chị có được tham gia vào các quyết định liên quan đến hoạt động du lịch không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	3. Mức độ công khai, minh bạch thông tin tài chính trong hoạt động du lịch tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	4. Mức độ hài hòa trong mối quan hệ giữa các bên liên quan (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng - du khách)?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	5. Đánh giá của anh/chị về khả năng giải quyết mâu thuẫn lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	6. Tỷ lệ doanh thu hoặc lợi ích mà anh/chị hoặc đơn vị mình nhận được từ hoạt động du lịch?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	7. Anh/chị có biết đến kênh phản hồi chính thức từ chính quyền hoặc doanh nghiệp không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	8. Mức độ hài lòng tổng thể của anh/chị với hoạt động	Rất không hài

	du lịch cộng đồng tại địa phương?	lòng → Rất hài lòng
Khách du lịch	1. Anh/chị đánh giá mức độ hài lòng về cơ chế phân phối lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	2. Anh/chị có được tham gia vào các quyết định liên quan đến hoạt động du lịch không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	3. Mức độ công khai, minh bạch thông tin tài chính trong hoạt động du lịch tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	4. Mức độ hài hòa trong mối quan hệ giữa các bên liên quan (chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng - du khách)?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	5. Đánh giá của anh/chị về khả năng giải quyết mâu thuẫn lợi ích tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	6. Tỷ lệ doanh thu hoặc lợi ích mà anh/chị hoặc đơn vị mình nhận được từ hoạt động du lịch?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	7. Anh/chị có biết đến kênh phản hồi chính thức từ chính quyền hoặc doanh nghiệp không?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng
	8. Mức độ hài lòng tổng thể của anh/chị với hoạt động du lịch cộng đồng tại địa phương?	Rất không hài lòng → Rất hài lòng

PHỤ LỤC 2

CÁC CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

1. Đối tượng: Cán bộ chính quyền địa phương (xã, huyện, Sở Du lịch)

Chủ đề: Thể chế - Điều phối - Giám sát

1. Theo ông/bà, đâu là rào cản lớn nhất trong việc bảo đảm công bằng lợi ích giữa các chủ thể trong du lịch cộng đồng hiện nay?
2. Cơ chế chia sẻ thông tin và phản hồi giữa chính quyền và người dân/doanh nghiệp đã vận hành như thế nào? Có gặp khó khăn gì không?
3. Chính quyền địa phương có thực sự đóng vai trò “trọng tài lợi ích” giữa các bên hay chưa? Vì sao?
4. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch du lịch cộng đồng hiện nay có sự tham gia thực chất từ phía cộng đồng không?
5. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả phối hợp giữa chính quyền cấp xã với doanh nghiệp và cộng đồng trong quản lý điểm du lịch?

2. Đối tượng: Doanh nghiệp du lịch hoạt động tại địa phương

Chủ đề: Đầu tư - Trách nhiệm xã hội - Phân phối lợi nhuận

1. Động cơ chính của doanh nghiệp khi đầu tư vào du lịch cộng đồng tại Lào Cai là gì?
2. Doanh nghiệp có chia sẻ lợi nhuận hoặc hỗ trợ cộng đồng bản địa bằng cách nào? Có gặp khó khăn hoặc vướng mắc gì không?
3. Doanh nghiệp có tham vấn cộng đồng trước khi xây dựng sản phẩm hoặc tổ chức hoạt động tại điểm du lịch không?
4. Theo ông/bà, việc thiết lập mối quan hệ lâu dài với cộng đồng có tác động thế nào đến hình ảnh và phát triển bền vững của doanh nghiệp?
5. Mức độ tin cậy và hợp tác giữa doanh nghiệp và chính quyền hiện nay ra sao? Có những kênh chính thức nào?

3. Đối tượng: Cộng đồng dân cư tại các điểm du lịch cộng đồng

Chủ đề: Tham gia - Quyền lợi - Xung đột

1. Gia đình ông/bà có tham gia hoạt động du lịch cộng đồng không? Nếu có thì tham gia ở khâu nào?
2. Ông/bà có được chia sẻ thông tin về giá tour, lợi nhuận hoặc chi phí từ các hoạt động du lịch không?
3. Có khi nào ông/bà cảm thấy lợi ích của mình bị xâm phạm trong quá trình tổ chức du lịch? Nếu có, ông/bà xử lý ra sao?
4. Ông/bà mong muốn chính quyền hoặc doanh nghiệp hỗ trợ gì thêm để cải thiện điều kiện tham gia và hưởng lợi từ du lịch?
5. Theo ông/bà, đâu là cách tốt nhất để giải quyết bất đồng giữa người dân với doanh nghiệp hoặc chính quyền trong hoạt động du lịch?

4. Đối tượng: Khách du lịch (nội địa và quốc tế)

Chủ đề: Trải nghiệm - HÀi lòng - Phản hồi

1. Ông/bà có cảm thấy trải nghiệm du lịch cộng đồng tại đây là “bản sắc” và “chân thực” không? Vì sao?
2. Khi gặp sự cố hoặc cần trợ giúp tại điểm đến, ông/bà có dễ dàng liên hệ với chính quyền địa phương hoặc trung tâm hỗ trợ không?
3. Ông/bà đánh giá như thế nào về thái độ, chất lượng dịch vụ do cộng đồng cung cấp?
4. Nếu có bất cập, ông/bà thường phản ánh qua đâu: trực tiếp, mạng xã hội, ứng dụng du lịch, hay không phản ánh?
5. Ông/bà có sẵn sàng quay lại điểm đến này? Điều gì khiến ông/bà suy nghĩ lại?

Bảng: Chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai (2019-2024)

Chỉ tiêu đo lường	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch (%)	10.0	12.0	14.0	20.0	25.0	28.0
Tỷ lệ hộ tiếp cận hỗ trợ từ chính quyền hoặc chương trình	9.0	10.0	11.0	14.0	15.0	18.0
Tỷ lệ khách hài lòng với giá trị trải nghiệm so với chi phí	70.0	75.0	77.0	83.0	88.0	90.0
Số lượng tranh chấp/xung đột lợi ích phát sinh mỗi năm	7.0	6.0	5.0	5.0	5.0	4.0
Tỷ lệ người được tham vấn về cơ chế phân phối lợi ích	8.0	10.0	12.0	18.0	20.0	25.0
Tỷ lệ khách du lịch phản ánh được tiếp nhận và phản hồi	13.0	30.0	35.0	50.0	65.0	70.0
Tỷ lệ quyết định quan trọng có sự tham gia cộng đồng	15.0	18.0	25.0	30.0	35.0	40.0
Số sản phẩm du lịch do cộng đồng tổ chức	25.0	28.0	35.0	50.0	60.0	75.0
Mức độ hài lòng của cộng đồng về quyền tham gia (thang điểm 1-5)	3.0	3.3	3.5	3.8	4.0	4.2
Số hoạt động giao lưu do cộng đồng và khách cùng tổ chức	10.0	12.0	18.0	22.0	28.0	35.0

PHỤ LỤC

Hệ thống bảng chỉ tiêu đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Lào Cai (2019-2024)

PL1 ChínhQuyền CôngDong

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ hộ dân được tham vấn chính sách (%)	15.0	18.0	22.0	28.0	30.0	35.0
Số cuộc đối thoại công khai giữa chính quyền và dân	10.0	12.0	15.0	18.0	20.0	24.0
Mức độ đồng thuận cộng đồng (1-5)	3.1	3.3	3.5	3.8	4.0	4.2

PL2 ChínhQuyền DoanhNghiep

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Số dự án có ký thỏa thuận chia sẻ lợi ích	3	4	6	9	11	13
Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng với thủ tục hành chính (%)	45	50	55	63	68	70

PL3 ChínhQuyền KháchDuLich

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ khách biết kênh phản ánh chính thức (%)	20	25	35	45	60	70
Tỷ lệ phản ánh được phản hồi đúng hạn (%)	30	35	40	50	65	75

PL4 Doanh Nghiệp Công Đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ doanh thu chia lại cho cộng đồng (%)	5.0	8.0	10.0	15.0	18.0	20.0
Số hợp đồng hợp tác có giám sát cộng đồng	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0	8.0
Mức độ hài lòng của cộng đồng (1-5)	2.8	3.0	3.2	3.6	3.9	4.1

PL5 Doanh Nghiệp Khách Du Lịch

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ khách hài lòng dịch vụ doanh nghiệp (%)	60	65	70	78	85	88
Tỷ lệ khiếu nại chất lượng dịch vụ (%)	12	10	9	7	5	4
Tỷ lệ khách quay lại sử dụng dịch vụ (%)	20	23	28	33	38	42

PL6 Công Đồng Khách Du Lịch

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tỷ lệ khách sử dụng dịch vụ do cộng đồng cung cấp (%)	40.0	45.0	55.0	65.0	75.0	80.0
Mức độ đánh giá tích cực (1-5)	3.2	3.4	3.6	3.9	4.2	4.4
Số lượt tương tác văn hóa giữa khách và cộng đồng	10.0	12.0	15.0	20.0	26.0	30.0